



**SABECO**

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN  
BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN**



**NIỀM TỰ HÀO VIỆT NAM**

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2021**



# MỤC LỤC

## 01 Giới thiệu về SABECO

|   |    |
|---|----|
| Thông tin chung                                       | 07 |
| Thông tin cổ phiếu và Cơ cấu cổ đông                  | 10 |
| Tâm nhìn – Sứ mệnh – Giá trị cốt lõi                  | 12 |
| Thông điệp từ Chủ tịch Hội đồng quản trị              | 14 |
| Thông điệp từ Tổng Giám đốc                           | 16 |
| Chỉ số tài chính nổi bật năm 2021                     | 18 |
| Giải thưởng năm 2021                                  | 19 |
| Quá trình hình thành và phát triển                    | 22 |
| Hành trình năm 2021                                   | 24 |
| Thương hiệu và Danh mục sản phẩm                      | 32 |
| Địa bàn kinh doanh                                    | 34 |
| Cơ cấu tổ chức  | 36 |
| Danh sách công ty con, công ty liên doanh và liên kết | 38 |
| Giới thiệu Ban Lãnh đạo                               | 44 |
| Định hướng phát triển                                 | 56 |
| Các rủi ro chính                                      | 58 |

## 02 Báo cáo hoạt động

|  |    |
|--|----|
| Báo cáo của Hội đồng quản trị                    | 62 |
| Báo cáo của Thành viên Hội đồng quản trị độc lập | 72 |
| Báo cáo của Ban Điều hành                        | 76 |
| Định hướng hoạt động năm 2022                    | 86 |

## 04 Báo cáo Phát triển bền vững

|  |     |
|--|-----|
| Tổng quan về Báo cáo phát triển bền vững | 120 |
| Chỉ tiêu phát triển bền vững             | 122 |
| Chiến lược phát triển bền vững           | 124 |
| Sự gắn kết với các bên liên quan         | 129 |
| Bảo vệ môi trường                        | 133 |
| Phát triển nguồn lực nhân sự             | 138 |
| Trách nhiệm xã hội                       | 144 |

## 03 Quản trị Công ty

|                          |     |
|--------------------------|-----|
| Báo cáo quản trị công ty | 92  |
| Quản trị rủi ro          | 108 |
| Quan hệ cổ đông          | 114 |

## 05 Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán

|                                      |     |
|--------------------------------------|-----|
| Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán | 152 |
|--------------------------------------|-----|

## DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

|                            |   |
|----------------------------|---|
| <b>3 tại chỗ</b>           | Mô hình duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh trong dịch Covid-19 (Sản xuất, ăn uống và nghỉ ngơi tại chỗ)  |
| <b>4Cs</b>                 | Cam kết phát triển bền vững của SABECO, bao gồm 4 yếu tố: Consumption (Tiêu thụ), Conservation (Bảo tồn), Country (Đất nước) và Culture (Văn hóa) |
| <b>5K</b>                  | Biện pháp phòng dịch Covid-19, bao gồm Khẩu trang, Khử khuẩn, Khoảng cách, Không tụ tập và Khai báo y tế  |
| <b>BCP</b>                 | Kế hoạch duy trì kinh doanh   |
| <b>BCTC</b>                | Báo cáo tài chính   |
| <b>BIOMASS</b>             | Sinh khối   |
| <b>Brew Masters</b>        | Chuyên gia sản xuất bia   |
| <b>CP</b>                  | Cổ phần   |
| <b>CSR</b>                 | Hoạt động trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp   |
| <b>ĐHĐCĐ</b>               | Đại hội đồng cổ đông  |
| <b>GDP</b>                 | Tổng sản phẩm quốc nội  |
| <b>HĐQT</b>                | Hội đồng quản trị   |
| <b>HĐTV</b>                | Hội đồng thành viên   |
| <b>HOSE</b>                | Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh  |
| <b>IFRS</b>                | Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế   |
| <b>KH</b>                  | Kế hoạch  |
| <b>KTNB</b>                | Kiểm toán nội bộ  |
| <b>MTV</b>                 | Một thành viên  |
| <b>Q</b>                   | Quý   |
| <b>QCVN</b>                | Quy chuẩn kỹ thuật  |
| <b>QHČĐ</b>                | Quan hệ cổ đông   |
| <b>ROA</b>                 | Tỷ suất sinh lời trên tổng tài sản  |
| <b>ROE</b>                 | Tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu  |
| <b>SABECO/Tổng Công ty</b> | Tổng Công ty cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Sài Gòn  |
| <b>SATRACO</b>             | Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Bia Sài Gòn  |
| <b>SSC</b>                 | Ủy ban Chứng khoán Nhà nước   |
| <b>TNHH</b>                | Trách nhiệm hữu hạn   |
| <b>UBKT</b>                | Ủy ban Kiểm toán  |
| <b>VAS</b>                 | Chuẩn mực Kế toán Việt Nam  |
| <b>VBA</b>                 | Hiệp hội Bia – Rượu – Nước giải khát Việt Nam   |

## THÔNG TIN CHUNG

|                                     |  |
|-------------------------------------|--|
| <b>Tên Công ty</b>                  | TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA – RƯỢU – NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN   |
| <b>Tên tiếng Anh</b>                | SAIGON BEER – ALCOHOL – BEVERAGE CORPORATION   |
| <b>Tên viết tắt</b>                 | SABECO   |
| <b>Vốn điều lệ</b>                  | 6.412.811.860.000 đồng   |
| <b>Người đại diện pháp luật</b>     | Ông Koh Poh Tiong - Chủ tịch Hội đồng quản trị<br>Ông Neo Gim Siong Bennett - Tổng Giám đốc                          |
| <b>Trụ sở đăng ký</b>               | 187 Nguyễn Chí Thanh, Phường 12, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam   |
| <b>Trụ sở chính</b>                 | Tầng 5, Tòa nhà Vincom Center, 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam                   |
| <b>Điện thoại</b>                   | (+84) 28 3829 4081<br>(+84) 28 3829 4083 - 3829 6342   |
| <b>Fax</b>                          | (+84) 028 3829 6856  |
| <b>Email</b>                        | sabeco@sabeco.com.vn   |
| <b>Website</b>                      | <a href="https://www.sabeco.com.vn">https://www.sabeco.com.vn</a>  |
| <b>Giấy phép đăng ký kinh doanh</b> | 0300583659 được cấp bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh ngày 17/04/2008, điều chỉnh lần thứ 10 ngày 18/05/2020 |
| <b>Ngành nghề kinh doanh chính</b>  | Sản xuất và buôn bán Bia, Rượu và Nước giải khát   |



# GIỚI THIỆU VỀ SABECO

## THÔNG TIN CỔ PHIẾU VÀ CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

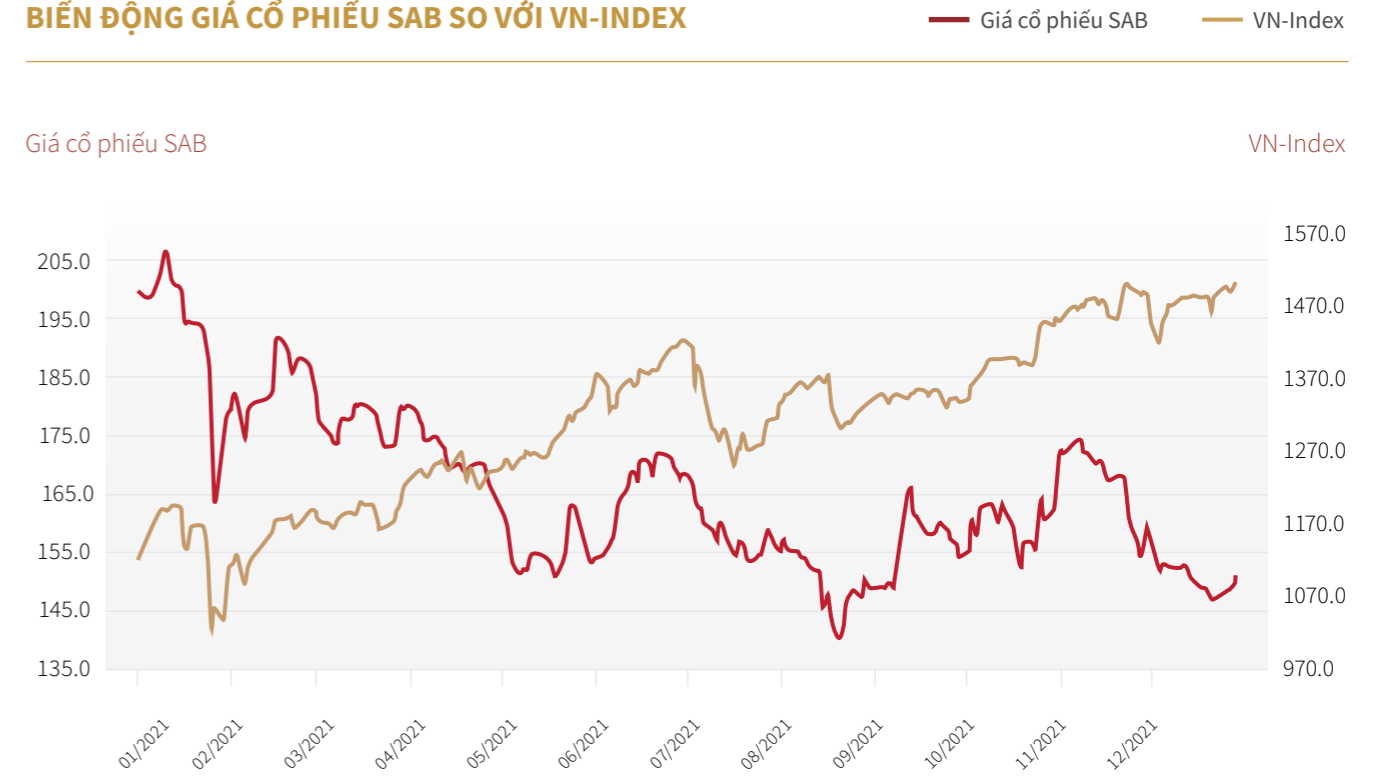
|  |  |   |
|--|--|---|
| <b>Mã chứng khoán</b><br>SAB                 | <b>Loại cổ phiếu</b><br>Cổ phiếu phổ thông               | <b>Sàn giao dịch</b><br>Sở Giao dịch<br>Chứng khoán TP. HCM |
| <b>Vốn điều lệ</b><br>6.412.811.860.000 đồng | <b>Tổng số cổ phiếu lưu hành</b><br>641.281.186 cổ phiếu | <b>Cổ phiếu quỹ</b><br>Không có                             |
|  | <b>Mệnh giá</b><br>10.000 đồng/cổ phiếu                  | <b>Ngày đầu giao dịch</b><br>06/12/2016                     |
|  | <b>Thay đổi vốn điều lệ</b><br>Không có                  | <b>Giao dịch cổ phiếu quỹ</b><br>Không có                   |

### CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

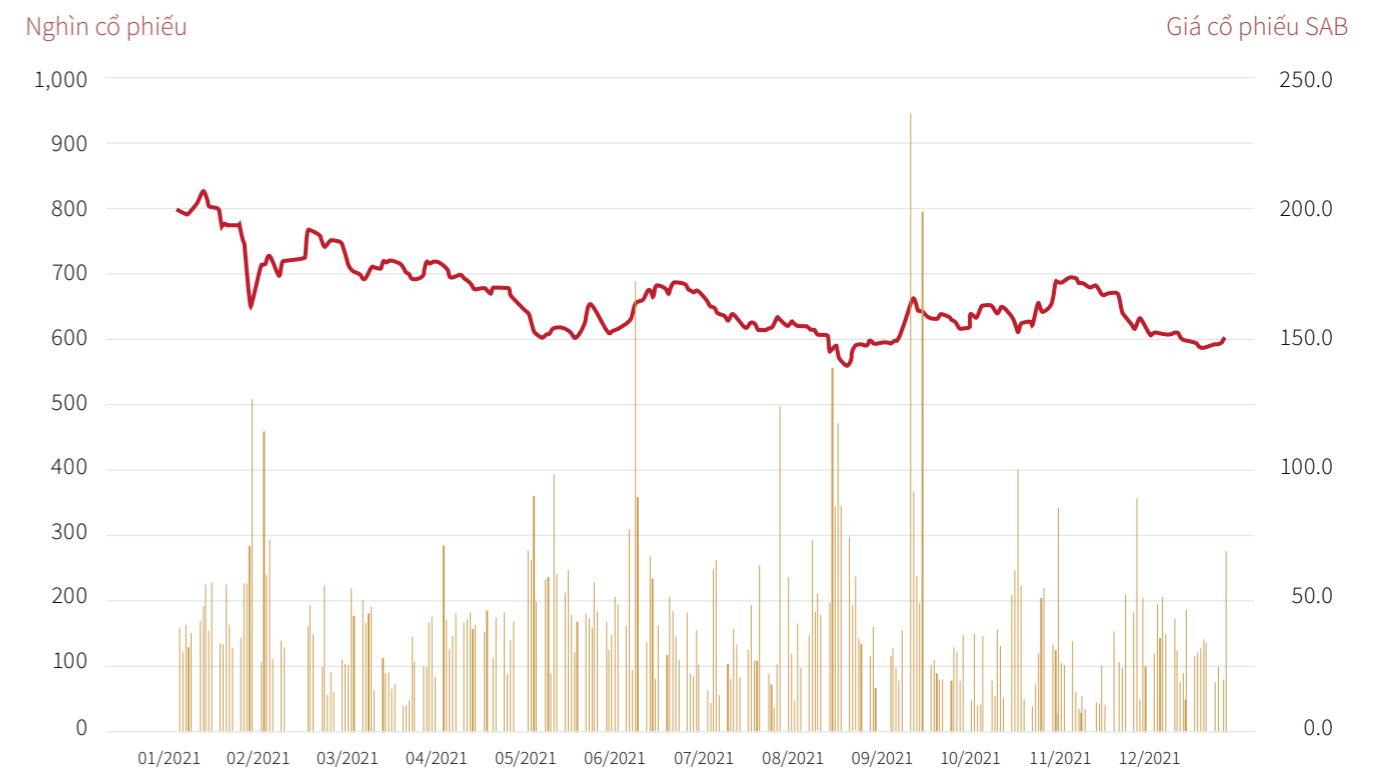
Tại ngày 10/01/2022

|  | Số lượng cổ phần   | Tỷ lệ sở hữu   | Số lượng cổ đông |
|--|--------------------|----------------|------------------|
| <b>Cổ đông lớn</b>                               | <b>574.519.134</b> | <b>89,59%</b>  | <b>2</b>         |
| • Công ty TNHH Vietnam Beverage                  | 343.642.587        | 53,59%         | 1                |
| • Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước | 230.876.547        | 36,00%         | 1                |
| <b>Cổ đông khác</b>                              | <b>66.762.052</b>  | <b>10,41%</b>  | <b>4.199</b>     |
| • <b>Trong nước</b>                              | 9.421.872          | 1,47%          | 3.402            |
| ▷ Cá nhân  | 4.975.142          | 0,78%          | 3.340            |
| ▷ Tổ chức  | 4.446.730          | 0,69%          | 62               |
| • <b>Nước ngoài</b>                              | 57.340.180         | 8,94%          | 797              |
| ▷ Cá nhân  | 872.530            | 0,14%          | 627              |
| ▷ Tổ chức  | 56.467.650         | 8,81%          | 170              |
| <b>Tổng</b>                                      | <b>641.281.186</b> | <b>100,00%</b> | <b>4.201</b>     |

### BIẾN ĐỘNG GIÁ CỔ PHIẾU SAB SO VỚI VN-INDEX



### BIẾN ĐỘNG GIÁ CỔ PHIẾU SAB VÀ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH KHỚP LỆNH



# TẦM NHÌN – SỨ MỆNH – GIÁ TRỊ CỐT LÕI

## Tầm nhìn 2025

Phát triển SABECO thành Tập đoàn công nghiệp đồ uống hàng đầu của Việt Nam, có vị thế trong khu vực và quốc tế.



## Sứ mệnh

- Góp phần phát triển ngành Đồ uống Việt Nam ngang tầm thế giới.
- Đề cao văn hóa ẩm thực của người Việt Nam.
- Nâng cao chất lượng cuộc sống thông qua việc cung cấp các sản phẩm đồ uống chất lượng cao, an toàn và bổ dưỡng.
- Mang lại lợi ích thiết thực cho cổ đông, khách hàng, đối tác, người lao động và xã hội.
- Thỏa mãn và đáp ứng nhu cầu đồ uống theo chuẩn mực an toàn vệ sinh thực phẩm quốc tế “An toàn vệ sinh thực phẩm và bảo vệ môi trường”.
- Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ đối với Nhà nước trên cơ sở minh bạch trong kinh doanh.
- Tham gia tích cực các hoạt động cộng đồng.
- Đảm bảo phát triển theo hướng hội nhập quốc tế.

## Giá trị cốt lõi



Thương hiệu truyền thống



Trách nhiệm xã hội



Cải tiến không ngừng



Gắn bó



Hợp tác cùng phát triển

## THÔNG điệp TỪ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### Kính gửi Quý Cổ đông,

Đại dịch Covid-19 tiếp tục gây ra những thiệt hại nặng nề cho thế giới trong năm 2021. Vì thế, năm 2021 vừa qua tiếp tục là một năm đầy thách thức đối với SABECO nói riêng và Việt Nam nói chung do chịu ảnh hưởng nghiêm trọng từ các đợt phong tỏa và các biện pháp giãn cách xã hội nghiêm ngặt được thực thi trên toàn quốc nhằm hạn chế sự lây lan nhanh chóng của biến thể Omicron, qua đó tác động tiêu cực đến tình hình kinh doanh của Tổng Công ty cũng như tổng sản phẩm quốc nội (GDP) của Việt Nam. Tuy nhiên, SABECO đã nhanh nhạy thích ứng và điều chỉnh các hoạt động kinh doanh của mình nhằm đảm bảo duy trì hoạt động xuyên suốt, ưu tiên bảo vệ sức khỏe và sự an toàn cho nhân viên, đảm bảo việc làm, cung cấp khả năng tiếp cận vắc-xin, giúp đỡ các đối tác và nhà cung cấp gặp khó khăn, cũng như hỗ trợ cộng đồng thông qua một chuỗi các hoạt động trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp (CSR).

Trong hai năm qua, đại dịch đã dạy cho chúng ta một bài học quan trọng về việc đoàn kết để cùng nhau trở nên mạnh mẽ hơn. Do đó, chúng ta, ONE SABECO, đã hợp sức đồng lòng hỗ trợ người lao động và cộng đồng địa phương nơi chúng ta sinh sống và làm việc, với mục đích giúp đỡ lẫn nhau và cùng nhau vượt qua thử thách to lớn này.

Tương tự như nhiều quốc gia khác trên thế giới, Việt Nam đang từng bước nới lỏng các hạn chế, mở cửa lại biên giới cho khách du lịch quốc tế, chuyển sang trạng thái sống chung với Covid-19 và xem như đây là một loại bệnh đặc hữu. Tuy nhiên, theo Tổ chức Y tế Thế giới (WHO), các ca nhiễm Covid-19 trên toàn cầu hiện đang gia tăng trở lại và đại dịch vẫn chưa đến hồi kết thúc. Vì vậy, chúng ta cần tiếp tục đề cao cảnh giác và chuẩn bị kỹ lưỡng cho mọi trường hợp. Mặc dù vẫn còn đó những bất ổn trong năm 2022, tôi luôn tin tưởng vào khả năng của Chính phủ Việt Nam và có niềm tin mạnh mẽ rằng ở một phương diện khác SABECO sẽ vươn lên bằng các hoạt động sản xuất kinh doanh hiệu quả và bền bỉ hơn, cũng như đạt được thành tích tốt hơn so với năm 2021.

Sau tất cả, tôi muốn nhân cơ hội này ghi nhận và đánh giá cao lòng dũng cảm cùng sự nỗ lực bền bỉ của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Điều hành và toàn thể nhân viên SABECO trong suốt một năm qua. Thay mặt Hội đồng quản trị, tôi cũng xin gửi lời cảm ơn chân thành và sâu sắc đến Quý Cổ đông, Quý Khách hàng, Quý Đối tác và đặc biệt là đội ngũ các y bác sĩ và nhân viên tuyến đầu, sự hy sinh và nỗ lực không ngừng nghỉ của họ là nguồn cảm hứng cho tất cả chúng ta. Chúng ta hãy cùng nhau thúc đẩy tinh thần ONE SABECO hơn nữa bằng sự tận tâm, đoàn kết, bền bỉ để cùng nhau vững mạnh hơn và cùng nhau vươn xa hơn.

Trân trọng,



**Koh Poh Tiong**  
Chủ tịch Hội đồng quản trị





## THÔNGIỆP TỪ TỔNG GIÁM ĐỐC

**Kính gửi Quý Cổ đông,**

Nhìn lại năm 2021 vừa qua, làn sóng bùng phát đại dịch Covid-19 lần thứ 4 bắt đầu từ tháng 5 và kéo theo đó là các đợt giãn cách xã hội kéo dài từ tháng 7 đã thực sự gây ra những thiệt hại nặng nề cho Việt Nam, ngành bia nói chung và hoạt động kinh doanh của SABECO nói riêng. Trong giai đoạn giãn cách xã hội, các kênh tiêu thụ tại chỗ bị yêu cầu đóng cửa trong khi bia được xem là hàng hóa không thiết yếu và do đó không được phép giao nhận, dẫn đến sự cạnh tranh ngày càng gay gắt trong cuộc chiến giành thị phần.

Tuy nhiên, nhờ vào những nỗ lực chung của một tập thể SABECO đoàn kết, chúng tôi đã giảm thiểu được phần nào tác động của đại dịch và đạt doanh thu 26.374 tỷ đồng, tương đương mức giảm 6% so với cùng kỳ năm trước.

Trong năm 2021, dù phải đối mặt với nhiều khó khăn thách thức, chúng tôi luôn quan tâm đến nhân viên, đối tác kinh doanh, khách hàng và cộng đồng địa phương. Cụ thể, chúng tôi đã đảm bảo việc làm và duy trì mức lương cho nhân viên, triển khai các chương trình hỗ trợ nhà phân phối, cũng như thực hiện một chuỗi các chiến dịch vì cộng đồng như “Tiếp sức Việt Nam”, “Góp triệu ngôi sao” và “Tết chung một nhà”.

Trong năm vừa qua, chúng tôi tiếp tục nâng cao giá trị thương hiệu của mình thông qua việc đầu tư lắp đặt các biển quảng cáo và biển hiệu ngoài trời, quảng cáo trong nhà, mạng xã hội, quảng cáo truyền hình và các hoạt động tài trợ. SABECO hiện đang là đối tác đồng hành của các đội tuyển bóng đá quốc gia Việt Nam, đồng thời là nhà tài trợ kim cương cho SEA Games 2022 được tổ chức tại Việt Nam, qua đó củng cố vị thế của Bia Saigon là Niềm tự hào của Việt Nam. Chúng tôi cũng đã triển khai chiến dịch “Đi lên cùng nhau” nhân ngày Quốc khánh Việt Nam bằng việc cho ra mắt lon bia Việt Nam với nhãn hiệu đẹp mắt và bộ sưu tập thời trang từ các nhà thiết kế trong nước. Nhân dịp Tết 2022, chúng tôi đã cho ra mắt bộ sưu tập phiên bản giới hạn gồm 63 lon bia được thiết kế đặc biệt, mang những hình ảnh đặc trưng về cảnh sắc và văn hóa của 63 tỉnh thành tại Việt Nam. Tôi rất vui mừng thông báo rằng sức khỏe thương hiệu của SABECO đã được cải thiện rõ rệt trong năm qua.

Thông qua việc đào tạo, triển khai nghiêm ngặt và áp dụng công nghệ, chúng tôi đã cải thiện việc thực thi bán hàng và năng lực của đội ngũ bán hàng, mở rộng các kênh thương mại hiện đại và thương mại điện tử, đồng thời triển khai hàng loạt các chương trình khuyến mãi dành cho người tiêu dùng trên toàn quốc.

Trong năm 2021, chúng tôi tự hào khi nhìn thấy các thương hiệu Bia Saigon và 333 đã đạt thành công vang dội khi giành được nhiều huy chương Vàng và Bạc tại các giải thưởng bia quốc tế danh giá như Giải thưởng Bia Quốc tế Úc 2021 và Monde Selection 2021. Những thành tích này thể hiện danh tiếng và chất lượng vượt trội của thương hiệu và sản phẩm bia Việt Nam trên đấu trường quốc tế. Các nhà máy bia của chúng tôi tiếp tục hoạt động tốt, gia tăng hiệu quả tiêu thụ năng lượng và tiết kiệm chi phí nguyên vật liệu đầu vào, ngày một nâng cao tiêu chuẩn chất lượng và hiệu suất.

Lần thứ hai trong vòng hai năm qua, chúng tôi đã tổ chức giải thưởng nội bộ “Nhà máy bia tốt nhất” và “Công ty thương mại tốt nhất” nhằm ghi nhận thành tích hoạt động xuất sắc và thúc đẩy quá trình liên tục cải tiến của các công ty trong hệ thống.

Hướng tới việc tập trung hóa, đơn giản hóa và tiêu chuẩn hóa, dự án chuyển đổi số SABECO 4.0 được triển khai đúng tiến độ với việc áp dụng Hệ thống tự động hóa lực lượng bán hàng, Hệ thống quản lý phân phối, Hệ thống quản lý vận tải cùng với các giải pháp Trí tuệ doanh nghiệp khác.

Bước sang giai đoạn bình thường mới, năm 2022 được dự đoán sẽ tiếp tục là một năm khó khăn. Với sự lãnh đạo sáng suốt của Hội đồng quản trị, những nỗ lực không ngừng nghỉ và tinh thần đoàn kết của Ban Điều hành cùng toàn thể cán bộ công nhân viên, tôi có niềm tin mạnh mẽ rằng SABECO sẽ sớm đạt được những kết quả khả quan trong thời gian tới. Như Henry Ford đã từng nói: “Đến với nhau là một sự khởi đầu, giữ được nhau là sự tiến triển, làm việc cùng nhau là sự thành công.”

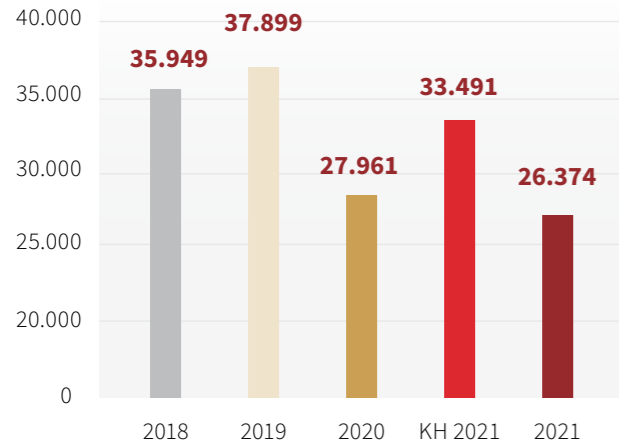
Trân trọng,

**Neo Gim Siong Bennett**  
Tổng Giám đốc

## CHỈ SỐ TÀI CHÍNH NỔI BẬT NĂM 2021

### Doanh thu thuần

(Tỷ đồng)

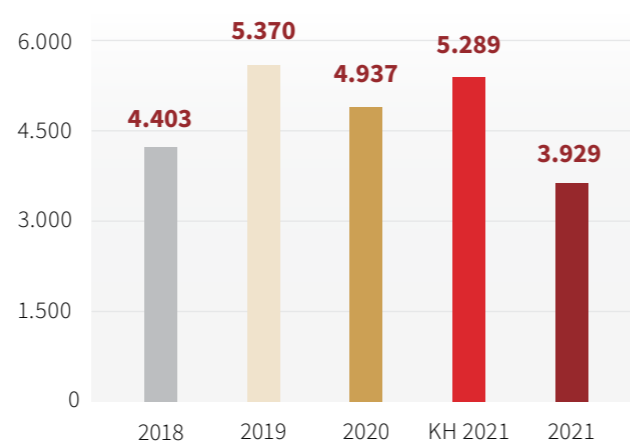


▼ 21,3%  
Vs KH 2021

▼ 5,7%  
Vs 2020

### Lợi nhuận sau thuế

(Tỷ đồng)

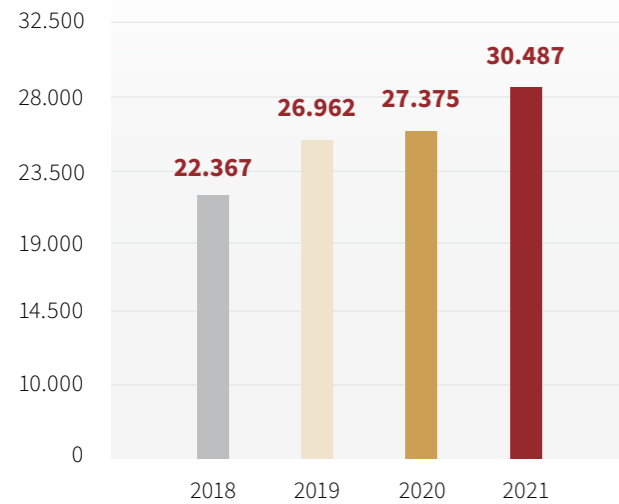


▼ 25,7%  
Vs KH 2021

▼ 20,4%  
Vs 2020

### Tổng tài sản

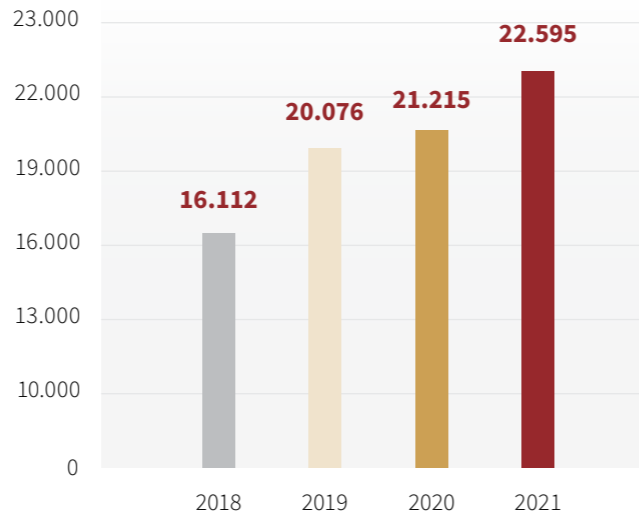
(Tỷ đồng)



▲ 11,4%  
Vs 2020

### Vốn chủ sở hữu

(Tỷ đồng)



▲ 6,5%  
Vs 2020

## GIẢI THƯỞNG NĂM 2021

### GIẢI THƯỞNG DOANH NGHIỆP



#### TOP 50 CÔNG TY KINH DOANH HIỆU QUẢ NHẤT VIỆT NAM

Tạp chí Nhịp cầu đầu tư &  
Công ty Chứng khoán Thiên Việt

#### TOP 50 CÔNG TY NIÊM YẾT TỐT NHẤT VIỆT NAM NĂM 2021

Forbes Việt Nam

#### DOANH NGHIỆP XUẤT SẮC

Giải thưởng Kinh doanh xuất sắc  
Châu Á (APEA) 2021

## GIẢI THƯỞNG SẢN PHẨM

**BIA SAIGON GOLD**

Giải thưởng  
Bia Quốc tế Úc 2021

Bia Lager Phong cách Úc  
Hiệp hội Nông nghiệp Hoàng gia Victoria

**BIA SAIGON CHILL**

Giải thưởng  
Bia Quốc tế Úc 2021

Bia Lager Quốc tế  
Hiệp hội Nông nghiệp Hoàng gia Victoria

**BIA SAIGON EXPORT**

Monde Selection  
2021

Bia, Nước & Nước giải khát  
The International Quality Institute



Giải thưởng  
Bia Quốc tế Úc 2021

Bia Lager Phong cách Úc  
Hiệp hội Nông nghiệp Hoàng gia Victoria



Giải thưởng  
Bia Quốc tế 2021

Bia Lager dung tích nhỏ - Hạng 2 (4,5%-4,9%)  
Brewing Technology Services Ltd, Anh

**BIA LẠC VIỆT**

Asia Beer  
Championship 2021

Bia Lager Quốc tế  
Asia Brewers Network, Singapore



Giải thưởng  
Bia Quốc tế Úc 2021

Bia Lager Phong cách Úc  
Hiệp hội Nông nghiệp Hoàng gia Victoria

**333**

Monde Selection  
2021

Bia, Nước & Nước giải khát  
The International Quality Institute

**BIA SAIGON SPECIAL**

Monde Selection  
2021

Bia, Nước & Nước giải khát  
The International Quality Institute



Giải thưởng  
Bia Quốc tế Úc 2021

Bia Lager Quốc tế  
Hiệp hội Nông nghiệp Hoàng gia Victoria

**BIA SAIGON LAGER**

Monde Selection  
2021

Bia, Nước & Nước giải khát  
The International Quality Institute



Giải thưởng  
Bia Quốc tế Úc 2021

Bia Lager Quốc tế  
Hiệp hội Nông nghiệp Hoàng gia Victoria



## QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

1875



Tiền thân của Bia Sài Gòn là một xưởng bia nhỏ do ông Victor Larue, một người Pháp lập ra tại Sài Gòn.

Năm 1910, xưởng phát triển thành một nhà máy hoàn chỉnh, sản xuất bia, nước ngọt và nước đá. Tháng 09/1927, nhà máy được chính thức sát nhập vào hệ thống hãng BGI của Pháp.

1977



Nhà máy Bia Sài Gòn chính thức được thành lập.

Ngày 17/05/1977, Bộ trưởng Bộ Lương thực và Thực phẩm ra quyết định số 845/LTTP giao công ty Rượu Miền Nam tiếp nhận và quản lý toàn bộ nhà máy của hãng BGI. Kể từ ngày 01/06/1977, Nhà máy được đổi tên thành Nhà máy Bia Sài Gòn.

1985



Bia lon Saigon Export chính thức ra mắt.

Tháng 10/1985, Nhà máy Bia Sài Gòn lắp đặt hệ thống chiết lon đầu tiên ở Việt Nam và cho ra mắt bia lon Saigon Export với thương hiệu Saigon Premium Export cùng dung tích 330ml.

1989



Bia lon 333 Export chính thức ra mắt.

Tháng 10/1989, bia lon 333 Export được sản xuất với dung tích 330ml.



1992



Bia chai Saigon Lager chính thức ra mắt.

Tháng 02/1992, Nhà máy Bia Sài Gòn hoàn thành lắp đặt, đưa vào sản xuất dây chuyền chiết bia mới với công suất 30.000 chai/giờ và bắt đầu dùng két nhựa thay thế két gỗ. Đồng thời, Nhà máy đưa ra thị trường bia chai 450ml thay cho loại 500ml với kiểu dáng đẹp hơn và chịu áp lực tốt hơn.



1993



Nhà máy Bia Sài Gòn trở thành Công ty Bia Sài Gòn

Nhà máy Bia Sài Gòn trở thành Công ty Bia Sài Gòn sau khi sáp nhập lần lượt các Nhà máy Nước đá Sài Gòn, Nhà máy Cơ khí Rượu Bia và Nhà máy nước khoáng Đa Kai.

1996



Bia chai Saigon Export chính thức ra mắt.

Tháng 06/1996, bia chai Saigon Export được sản xuất với mục tiêu ban đầu là xuất khẩu nhưng do nhu cầu trong nước nên sản phẩm này đã được bán trong nước với dung tích 355ml.



2000



Bia chai Saigon Special chính thức ra mắt.

Tháng 07/2000, bia chai Saigon Special được sản xuất với chai bia thủy tinh màu xanh lá cây đặc trưng cùng dung tích 330ml, nhằm phục vụ cho nhóm khách hàng có thu nhập cao.



2003



Tổng công ty Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn được thành lập.

Tổng công ty Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn được thành lập, trên cơ sở Công ty Bia Sài Gòn và tiếp nhận các thành viên gồm Công ty Rượu Bình Tây, Công ty Nước giải khát Chương Dương, Nhà máy Thủy tinh Phú Thọ và Công ty Thương mại Dịch vụ Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn.

2008



Chuyển đổi mô hình hoạt động thông qua quá trình cổ phần hóa, Tổng công ty cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn được thành lập

Chính thức khánh thành Nhà máy Bia Sài Gòn - Củ Chi, được đánh giá là hiện đại bậc nhất Đông Nam Á.

SABECO được trao tặng danh hiệu Anh hùng Lao động thời kỳ Đổi Mới.

2010



SABECO đạt mức tiêu thụ 1 tỷ lít bia/năm.

2016



Niêm yết cổ phiếu trên HOSE.

2017



Bia lon Saigon Gold chính thức ra mắt.

SABECO cho ra mắt sản phẩm bia lon Saigon Gold dung tích 330ml - 5% độ cồn, đây là sản phẩm cao cấp nhất của SABECO và được sản xuất với số lượng giới hạn.



Bộ Công Thương thoái vốn thành công 53,59% cổ phần của SABECO cho Công ty TNHH Việt Nam Beverage và tiếp tục nắm giữ 36% cổ phần.

2018



Thay đổi cấu trúc quản lý của SABECO.

Thành lập Ban Kiểm toán để thay thế Ban Kiểm soát.

2019



Tái ra mắt thương hiệu Bia Saigon và 333

Tháng 08/2019, SABECO tái ra mắt thương hiệu Bia Saigon bao gồm Bia Saigon Special, Bia Saigon Lager và Bia Saigon Export.

Tháng 12/2019, SABECO tiếp tục tái ra mắt sản phẩm bia lon 333.



2020



Kỷ niệm 145 năm thành lập của SABECO

SABECO kỷ niệm 145 năm thành lập bằng một chuỗi các hoạt động trong năm, bao gồm tổ chức chương trình Chạy tiếp sức "Lên cùng Việt Nam", ra mắt hai sản phẩm mới là Bia Lạc Việt và Bia Saigon Chill, và ra mắt thiết kế mới của Bia Saigon Gold.



2021



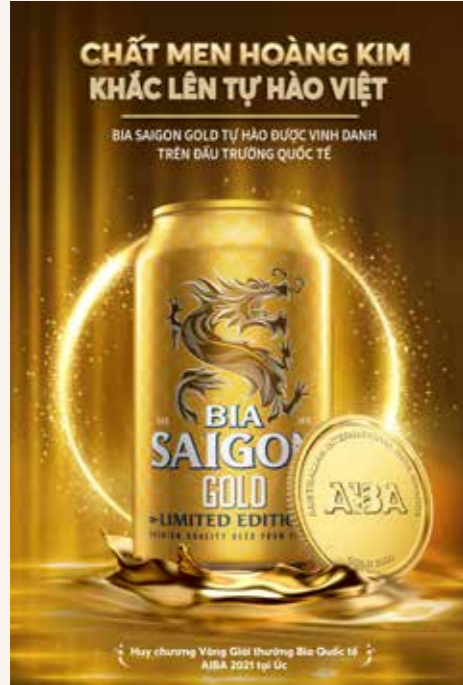
"Đi lên cùng nhau"

SABECO ưu tiên bảo vệ sức khỏe và an toàn cho người lao động, đảm bảo việc làm, triển khai chương trình tiêm chủng và hỗ trợ cộng đồng thông qua một chuỗi các hoạt động, bao gồm chương trình "Tiếp sức Việt Nam", "Góp triệu ngôi sao" và "Tết chung một nhà", cũng như ra mắt bộ sưu tập "Bản sắc Việt" và phiên bản lon giới hạn của Bia Saigon Lager.



## HÀNH TRÌNH 2021

★ 05/2021



### BIA SAIGON VÀ DẤU ẤN TẠI GIẢI THƯỞNG BIA QUỐC TẾ ÚC 2021

Giải thưởng Bia Quốc tế Úc (AIBA) là cuộc thi thường niên lớn nhất trên thế giới dành cho cả dòng bia tươi và bia đóng chai, được tổ chức bởi Hiệp hội Nông nghiệp Hoàng gia Victoria, nhằm tôn vinh những nhà sản xuất bia tốt nhất. AIBA 2021 ghi nhận sự tham gia của hơn 2.000 ứng viên sáng giá đến từ 400 nhà sản xuất bia tại 21 quốc gia trên toàn thế giới.

Trong khuôn khổ cuộc thi, thương hiệu Bia Saigon với các sản phẩm Bia Saigon Gold, Bia Saigon Chill, Bia Saigon Special, Bia Saigon Export, Bia Saigon Lager và Bia Lạc Việt đều đạt được huy chương tại các hạng mục khác nhau. Nổi bật là Bia Saigon Gold lần đầu tiên dự thi đã xuất sắc vượt qua nhiều đối thủ nặng ký khác để nhận Huy chương Vàng hạng mục Bia Lager Phong cách Úc. Bên cạnh đó, sản phẩm Bia Saigon Lager tiếp tục khẳng định chất lượng tuyệt hảo khi giành được Huy chương Bạc hạng mục Bia Lager Quốc tế. Tuy chỉ mới ra mắt vào tháng 10/2020 nhưng Bia Saigon Chill cũng đã nhanh chóng khẳng định hương vị và chất lượng của mình bằng Huy chương Bạc hạng mục Bia Lager Quốc tế.

Những thành tích tuyệt vời này chính là minh chứng cho những cam kết của SABECO và thương hiệu Bia Saigon nhằm mang đến cho người tiêu dùng những sản phẩm bia chất lượng tốt nhất và mang niềm tự hào về cho Việt Nam.

★ 06/2021

### NHÀ TÀI TRỢ ĐỒNG HÀNH CỦA ĐỘI TUYỂN BÓNG ĐÁ VIỆT NAM

Vào ngày 18/06/2021, sau khi hoàn tất việc ký thỏa thuận hợp tác với Liên đoàn Bóng đá Việt Nam (VFF) và Công ty Cổ phần Phát triển Thể thao VTVCab (VTVCab Sport), thương hiệu Bia Saigon đã chính thức trở thành đối tác đồng hành và là nhà tài trợ độc quyền trong ngành bia của các đội tuyển bóng đá Quốc gia Việt Nam, bao gồm đội tuyển bóng đá nam quốc gia, đội tuyển bóng đá nữ quốc gia và đội tuyển bóng đá U22, U23 và Olympic, trong các hoạt động thi đấu trong nước và quốc tế từ 06/2021 đến 06/2022.

Trong những năm gần đây, đội tuyển bóng đá quốc gia Việt Nam đã đạt được những thành tích vang dội, trở thành một biểu tượng cho sự vươn lên của Việt Nam trên trường quốc tế. Do đó, SABECO và Bia Saigon rất tự hào khi được đồng hành và hỗ trợ đội tuyển quốc gia trên hành trình chinh phục những thành công lớn hơn. Bên cạnh đó, hỗ trợ hoạt động thể thao còn là một phần trọng yếu trong cam kết phát triển bền vững 4Cs thuộc yếu tố “Đất nước” (Country) của SABECO, thể hiện giá trị doanh nghiệp luôn tôn vinh tinh thần đoàn kết, ý chí quyết tâm và sự nỗ lực để mang lại niềm tự hào cho Việt Nam.



★ 08/2021

### CHƯƠNG TRÌNH “TIẾP SỨC VIỆT NAM”

Với cam kết luôn hành động vì sự phát triển bền vững, vào ngày 19/08/2021, SABECO đã phối hợp cùng với Trung ương Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam chính thức triển khai chương trình “Tiếp sức Việt Nam” tại 8 tỉnh, thành phố với mục tiêu tiếp sức cho các lực lượng tuyến đầu của đất nước vì những nỗ lực không ngừng nghỉ của họ cũng như thể hiện sự quan tâm đối với cộng đồng trong cuộc chiến chống lại Covid-19. Bên cạnh đó, chương trình cũng gửi tặng các túi quà nhằm san sẻ khó khăn đến 50.000 hộ gia đình tại các khu cách li, đây là hành động hưởng ứng lời kêu gọi của Thủ tướng Chính phủ về “Triệu Túi An Sinh”. Tổng giá trị thiết bị y tế, vật phẩm và nhu yếu phẩm đóng góp cho công tác xã hội và phòng chống dịch lên đến 10 tỷ đồng.

Thông qua những đóng góp nhỏ bé này, SABECO mong muốn truyền tải thông điệp “Vững vàng cùng nhau, Mạnh mẽ cùng nhau”, khích lệ tinh thần cộng đồng cũng như chung tay với Chính phủ và người dân Việt Nam cùng nhau vượt qua đại dịch và sớm đưa cuộc sống trở về bình thường.



Tổng giá trị thiết bị y tế, vật phẩm và nhu yếu phẩm đóng góp cho công tác xã hội và phòng chống dịch lên đến 10 tỷ đồng.





### CHƯƠNG TRÌNH “GÓP TRIỆU NGÔI SAO”

Tiếp nối những nỗ lực của SABECO trong việc lan toả thông điệp tích cực về sự đoàn kết và “Đi lên cùng nhau” trong đại dịch, SABECO và nhãn hàng Bia Saigon đã cùng với Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tổ chức lễ phát động trực tuyến chương trình “Góp triệu ngôi sao” vào ngày 28/08/2021. Theo đó, những người tham gia chương trình được thỏa sức thể hiện sự sáng tạo của mình để tạo nên hình ảnh ngôi sao và chia sẻ chúng trên mạng xã hội kèm theo những lời nhắn nhủ tích cực với mục đích động viên và khích lệ đội ngũ tuyến đầu và những người đang gặp khó khăn trên khắp cả nước, đồng thời nhắn mạnh thông điệp rằng người Việt Nam sẽ không ai bị bỏ lại phía sau. Với mỗi bài đăng hợp lệ, SABECO và nhãn hàng Bia Saigon sẽ đóng góp 10.000 đồng vào quỹ của chương trình. Toàn bộ khoản đóng góp trị giá 3 tỷ đồng đã được trao tặng cho 600 hộ kinh doanh nhỏ lẻ trong ngành thực phẩm và đồ uống bị ảnh hưởng nặng nề bởi dịch Covid-19 trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh dựa theo tiêu chí lựa chọn của ban tổ chức.

Ngay sau khi được phát động, chương trình đã thu hút lượng lớn sự quan tâm và tham gia của nhiều cộng đồng, trong đó có cả những nghệ sĩ nổi tiếng, và đạt được lượng tương tác cao trên mạng xã hội. “Góp triệu ngôi sao” vinh dự được đứng thứ 2 trong Top 10 chiến dịch vì cộng đồng được quan tâm nhất mạng xã hội tháng 09/2021 (theo YouNet Media).

Toàn bộ khoản đóng góp trị giá 3 tỷ đồng đã được trao tặng cho 600 hộ kinh doanh nhỏ lẻ trong ngành thực phẩm và đồ uống bị ảnh hưởng nặng nề bởi dịch Covid-19 trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh



### CHIẾN DỊCH CHÀO MỪNG NGÀY QUỐC KHÁNH “ĐI LÊN CÙNG NHAU”



Bên cạnh các hoạt động xã hội, SABECO đã phát động chiến dịch “Đi lên cùng nhau” nhằm tạo ra một hoạt động ý nghĩa để kỷ niệm ngày Quốc Khánh Việt Nam, cũng như khơi dậy tinh thần đoàn kết của tất cả thế hệ người Việt Nam trong giai đoạn chưa từng có tiền lệ này.

#### Phiên bản giới hạn Bia Saigon Lager lon: Bia Saigon x Cậu Bé Thỏ

Mở đầu chiến dịch, thương hiệu Bia Saigon đã cho ra mắt phiên bản giới hạn của Bia Saigon Lager lon, hợp tác cùng với Cậu Bé Thỏ, một nghệ sĩ trẻ đầy tài năng và được cộng đồng quốc tế biết đến qua các cuộc triển lãm nghệ thuật về văn hóa Việt Nam. Với phiên bản giới hạn lần này, trọng tâm là hình ảnh “Ngôi sao Việt Nam” được lấy cảm hứng từ nghệ thuật tranh dân gian Đông Hồ, kết hợp với những hình ảnh quen thuộc, gắn gũi với đời sống của người dân Việt Nam, như bức tranh cô gái thổi sáo nổi tiếng ở vùng Bắc Bộ, con số 63 tượng trưng cho các tỉnh, thành phố, hay hình ảnh của trống đồng, phin cà phê, hoa sen và quạt giấy. Việc đan xen hình ảnh của những di sản văn hóa này trong ngôi sao năm cánh đã khắc họa được sự đoàn kết dân tộc, cùng nhau đi qua những thay đổi của đất nước và tiếp tục khơi dậy tinh thần “Đi lên cùng nhau”.

#### Bộ sưu tập thời trang phiên bản giới hạn: Bia Saigon x Icon Denim

Cùng với thông điệp thương hiệu “Đi lên cùng nhau”, Bia Saigon đã kết hợp với Icon Denim, một thương hiệu thời trang năng động dành cho giới trẻ Việt Nam, cho ra mắt bộ sưu tập thời trang phiên bản giới hạn được lấy cảm hứng từ hình ảnh “Ngôi sao Việt Nam”, bao gồm áo thun, áo khoác, mũ lưỡi trai và túi vải. Việc hợp tác giữa hai thương hiệu nội địa này đã tạo ra cộng hưởng tích cực, qua đó khuyến khích cùng nhau phát triển, lan tỏa tinh thần lạc quan, luôn hướng về những điều tốt đẹp và làm những điều ý nghĩa cho cộng đồng.



## ★ 12/2021

### BỘ SƯU TẬP TẾT 63 LON “BẢN SẮC VIỆT”

Với mong muốn ghi nhận sự đoàn kết và nỗ lực bền bỉ vượt qua mọi thách thức để “Đi lên cùng nhau” của đất nước Việt Nam, cũng như chào đón một năm mới 2022 thật nhiều niềm vui, hy vọng, thịnh vượng và đem mọi người lại gần nhau hơn, vào ngày 02/12/2021, SABECO đã tổ chức chương trình họp báo giới thiệu bộ sưu tập lớn nhất mang tên “Bản Sắc Việt” gồm 63 lon bia phiên bản giới hạn với hình ảnh đặc trưng của 63 tỉnh thành Việt Nam.

Ý tưởng thiết kế bộ sưu tập này được lấy cảm hứng từ nghệ thuật khắc gỗ của tranh dân gian Đông Hồ, qua đó tăng thêm sự mộc mạc, gần gũi nhưng vẫn sống động cho hình ảnh. Mỗi lon bia trong bộ sưu tập được in cảnh sắc, văn hóa hoặc phong tục của một tỉnh, thành phố, cùng với đó là một câu thơ ngắn gọn nhắc nét truyền thống địa phương. Với 5 màu sắc chủ đạo bao gồm đỏ, cam, xanh lá, xanh dương và vàng đồng, bên cạnh việc khéo léo tái hiện nét đặc trưng của từng vùng miền, bộ sưu tập còn thể hiện được tinh thần gắn kết dân tộc của 63 tỉnh, thành phố trên cả nước.

Bộ sưu tập lớn nhất từ trước đến nay xác lập kỷ lục Việt Nam do Tổ chức Kỷ lục Việt Nam công nhận.



### HỢP TÁC CHIẾN LƯỢC VỚI TỔNG CỤC DU LỊCH VIỆT NAM

SABECO đã ký kết hợp tác chiến lược ba năm với Tổng Cục Du lịch Việt Nam – Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Trong khuôn khổ hợp tác, SABECO sẽ phối hợp với Tổng Cục Du lịch Việt Nam tổ chức các hoạt động dài hạn nhằm tôn vinh các giá trị văn hóa, thể thao và du lịch, qua đó thúc đẩy sự phát triển của nền văn hóa và du lịch của Việt Nam.

### NHÀ TÀI TRỢ KIM CƯƠNG CỦA SEA GAMES 31

Vào ngày 03/12/2021, Ban tổ chức SEA Games 31 đã tổ chức lễ ký kết và công bố nhà tài trợ kim cương đối với thương hiệu Bia Saigon của SABECO. Theo đó, Bia Saigon sẽ cùng đồng hành và hỗ trợ đoàn thể thao Việt Nam tại sự kiện và các chuỗi hoạt động khác trong khuôn khổ của chương trình.

Là một thương hiệu luôn tiên phong trong việc hỗ trợ các hoạt động thể thao của Việt Nam ở cả đấu trường trong nước và quốc tế, cũng như quảng bá tinh thần thể thao nước nhà, có thể kể đến như nhà tài trợ cho đoàn thể thao Việt Nam tại SEA Games 30 được tổ chức tại Philippines, tài trợ giải bóng đá AFF Suzuki Cup 2018 và trở thành nhà tài trợ chính thức trên tay áo đấu của câu lạc bộ Leicester City kể từ mùa giải 2018, SABECO và Bia Saigon rất vinh dự khi tiếp tục được sát cánh và tiếp thêm sức mạnh cho các vận động viên chinh phục những thành tích cao hơn và cùng nhau mang lại vinh quang cho đất nước.



## CHƯƠNG TRÌNH “TẾT CHUNG MỘT NHÀ”



Với mong muốn lan tỏa tinh thần đoàn kết dân tộc, trong đó nhấn mạnh vào sự gắn kết gia đình, vào ngày 21/12/2021, Bia Saigon đã hợp tác cùng với Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tổ chức chương trình “Tết chung một nhà” nhằm hỗ trợ 270 vé máy bay, 1.530 vé xe khách và 200 vé tàu cho 2.000 công nhân lao động và sinh viên tại Hà Nội, Bắc Ninh, Bắc Giang, TP. Hồ Chí Minh, Bình Dương và Đồng Nai, tạo cơ hội cho họ được trở về nhà và đoàn tụ cùng gia đình trong dịp Tết Nguyên Đán. Bên cạnh đó, những phần quà Tết cũng sẽ được trao tặng đến 800 sinh viên, người lao động gặp khó khăn cũng như đoàn viên thanh niên và tình nguyện viên tuyến đầu tại Hòa Bình, Hà Nội, Quảng Ninh và TP. Hồ Chí Minh, những người muốn ở lại địa phương của mình để đón Tết.

Ngoài ra, chương trình “Tết chung một nhà” cũng là lời tri ân về sự cống hiến và hy sinh thầm lặng dành tặng cho đội ngũ tuyến đầu và lực lượng lao động nòng cốt của đất nước trong cuộc chiến chống lại đại dịch.



## “Tết Chung Một Nhà”

|  |             |        |
|--|-------------|--------|
| 270  | 1.530       | 200    |
| Vé máy bay   | Vé xe khách | Vé tàu |
| 2.000 Công nhân lao động và sinh viên tại Hà Nội, Bắc Ninh, Bắc Giang, TP. Hồ Chí Minh, Bình Dương và Đồng Nai |             |        |



## THƯƠNG HIỆU VÀ DANH MỤC SẢN PHẨM

### ★ BIA

#### BIA SAIGON



Bia Saigon Gold

Bia Saigon Chill

Bia Saigon Special



Bia Saigon Export



Bia Saigon Lager

## 333

#### BIA LẠC VIỆT



333

Bia Lạc Việt

### ★ RƯỢU



Rượu nếp Bình Tây

Rượu Nàng Hương



Rượu nhẹ có ga Feel



Rượu đế Bình Tây



John Saigon

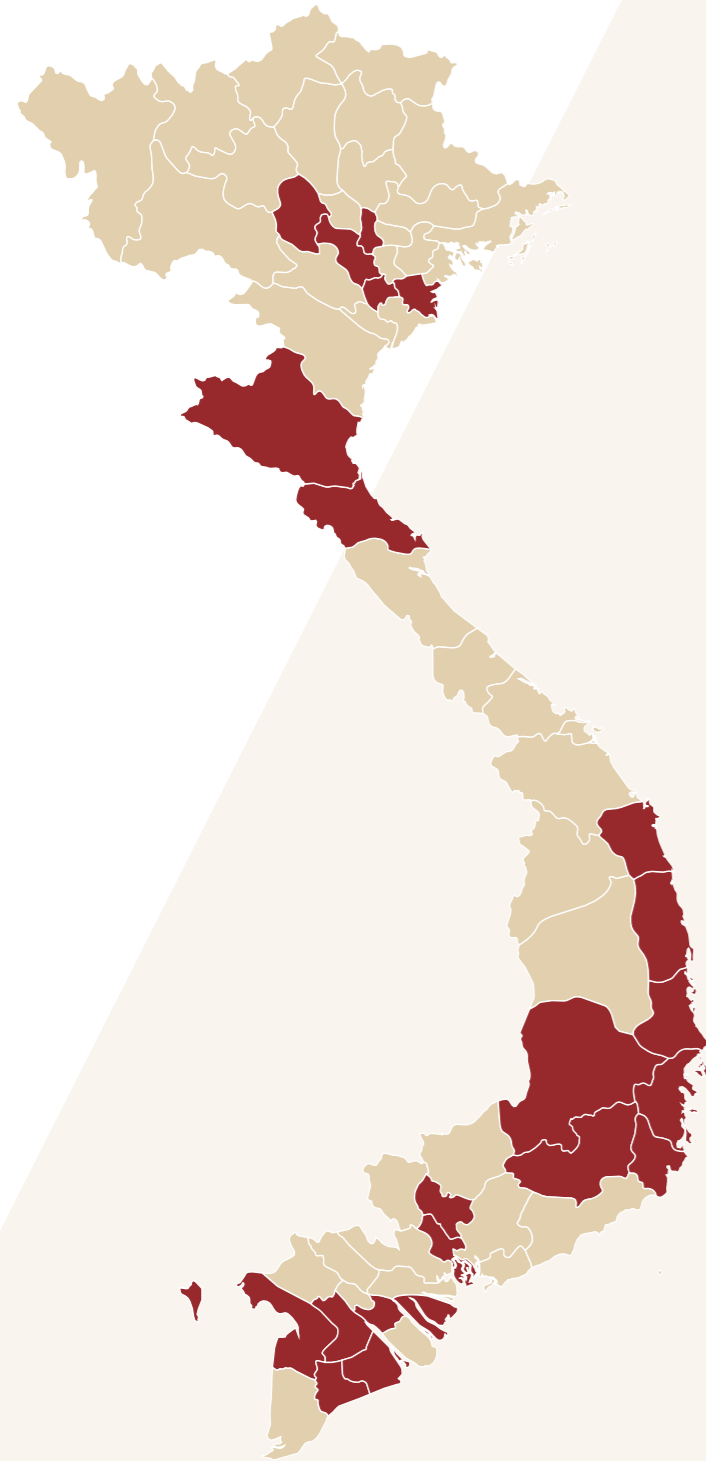


Caravelle Red Rhum

### ★ NƯỚC GIẢI KHÁT

Sả Xị  
Chương DươngSả Xị Zero  
Chương DươngNước Yến Nha đam  
Nam PhươngSoda  
Chương DươngNước uống đóng chai  
Chương Dương

## ĐỊA BÀN KINH DOANH



### HỆ THỐNG NHÀ MÁY

26  
Nhà máy

### Tổng công suất sản xuất

2,2  
tỷ lít/năm

### HỆ THỐNG PHÂN PHỐI

01 công ty  
Thương mại mẹ

10 công ty  
Thương mại khu vực

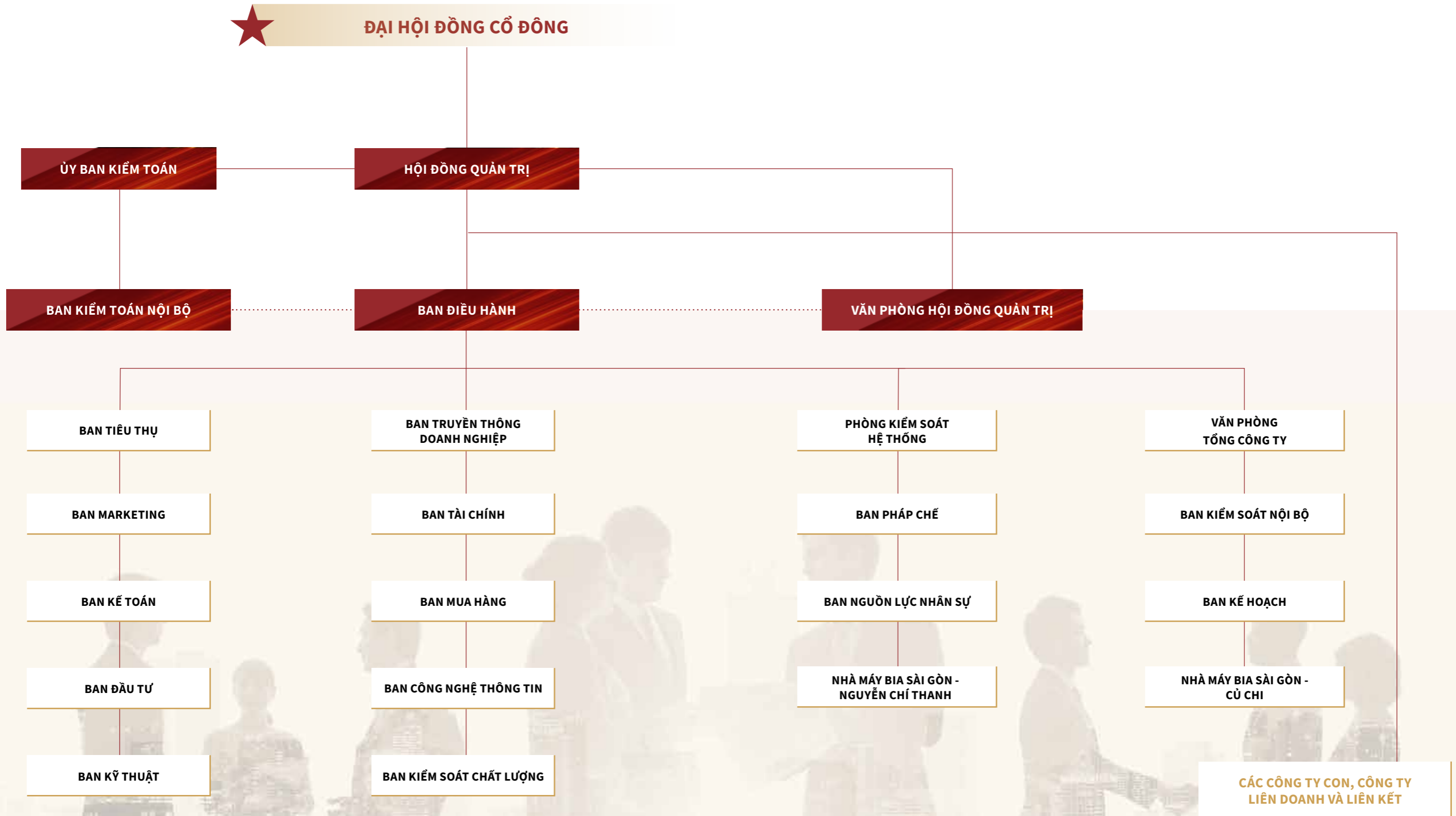
63 tỉnh thành  
Việt Nam

30 quốc gia  
trên thế giới

| STT | Tên công ty   | Địa điểm        |
|-----|---|-----------------|
| 1   | Công ty cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Bắc     | Hà Nội          |
| 2   | Công ty cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Bắc Trung Bộ | Nghệ An         |
| 3   | Công ty cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Trung tâm    | TP. Hồ Chí Minh |
| 4   | Công ty cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Trung   | Đà Nẵng         |
| 5   | Công ty cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Tây Nguyên   | Đắk Lắk         |
| 6   | Công ty cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Nam Trung Bộ | Khánh Hòa       |
| 7   | Công ty cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Đông    | Bình Dương      |
| 8   | Công ty cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Tiền    | Vĩnh Long       |
| 9   | Công ty cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Hậu     | Cần Thơ         |
| 10  | Công ty cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Đông Bắc     | Quảng Ninh      |



# CƠ CẤU TỔ CHỨC



# DANH SÁCH CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN DOANH VÀ LIÊN KẾT

## DANH SÁCH CÔNG TY CON

26  
công ty con

18  
công ty liên doanh và liên kết

| STT | Tên công ty   | Lĩnh vực hoạt động  | Địa chỉ  | Vốn thực góp (VNĐ) | Tỷ lệ biểu quyết | Tỷ lệ sở hữu |
|-----|---|---|--|--------------------|------------------|--------------|
| 1   | Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Bia Sài Gòn  | Kinh doanh bia, rượu, nước giải khát  | Số 12, Đường Đông Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh                               | 700.000.000.000    | 100,00%          | 100,00%      |
| 2   | Công ty TNHH Một thành viên Cơ khí SA BE CO         | Chế tạo máy móc dùng cho sản xuất thực phẩm, lắp đặt và bảo trì hệ thống máy móc thiết bị   | Số 215 Đào Duy Từ, Phường 06, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh                                       | 59.365.663.690     | 100,00%          | 100,00%      |
| 3   | Công ty TNHH Một thành viên Bia Sài Gòn - Hà Tĩnh   | Sản xuất và kinh doanh bia, mạch nha ủ lên men, nước khoáng, nước tinh khiết đóng chai  | Km 12, Đường tránh TP. Hà Tĩnh, Xã Tân Lâm Hương, Huyện Thạch Hà, Tỉnh Hà Tĩnh               | 120.000.000.000    | 100,00%          | 100,00%      |
| 4   | Công ty TNHH Một thành viên Bia Sài Gòn             | Bán buôn bia, rượu, nước giải khát  | Số 187 Nguyễn Chí Thanh, Phường 12, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh                                  | 10.000.000         | 100,00%          | 100,00%      |
| 5   | Công ty TNHH Một thành viên Tập đoàn Bia Sài Gòn    | Bán buôn bia, rượu, nước giải khát  | Số 187 Nguyễn Chí Thanh, Phường 12, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh                                  | 10.000.000         | 100,00%          | 100,00%      |
| 6   | Công ty cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Bắc Trung Bộ | Kinh doanh bia, rượu và nước giải khát, cung cấp dịch vụ vận chuyển hàng hóa và cho thuê kho bãi  | Khu Công Nghiệp Nhỏ Đông Vĩnh, Phường Đông Vĩnh, TP. Vinh, Tỉnh Nghệ An                      | 40.000.000.000     | 95,07%           | 95,07%       |
| 7   | Công ty cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Trung Tâm    | Bán buôn bia, đồ uống có cồn, bán buôn đồ uống không cồn, bán buôn hóa chất khác, cồn, mua bán bao bì, kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô. | Tầng 5, 6 - Tòa nhà Lion Tower, 29 Nguyễn Khắc Nhu, Phường Cô Giang, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh | 90.000.000.000     | 94,45%           | 94,45%       |
| 8   | Công ty cổ phần Rượu Bình Tây                       | Sản xuất và kinh doanh rượu   | Số 621 Phạm Văn Chí, Phường 7, Quận 6, TP. Hồ Chí Minh                                       | 140.000.000.000    | 93,47%           | 93,32%       |
| 9   | Công ty cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Trung   | Kinh doanh bia, rượu và nước giải khát, kinh doanh kho bãi và kinh doanh dịch vụ vận tải hàng hóa bằng ô tô                                   | Số 07 Đường số 1, Khu Công nghiệp An Đồn, Phường An Hải Bắc, Quận Sơn Trà, TP. Đà Nẵng       | 60.000.000.000     | 91,24%           | 91,24%       |
| 10  | Công ty cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Đông    | Kinh doanh bia, rượu và nước giải khát, cung cấp dịch vụ vận chuyển hàng hóa đường bộ và đường thủy   | 46/19 Đường D1, Khu phố Bình Phú, Phường Bình Chuẩn, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương        | 40.210.000.000     | 90,68%           | 90,68%       |
| 11  | Công ty cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Đông Bắc     | Kinh doanh bia, rượu và nước giải khát, cung cấp dịch vụ kho bãi và dịch vụ vận chuyển hàng hóa   | Số 2A Khu Công nghiệp Cái Lân, Phường Bãi Cháy, TP. Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh                 | 40.000.000.000     | 90,45%           | 90,45%       |
| 12  | Công ty cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Nam Trung Bộ | Kinh doanh bia, rượu và nước giải khát, cung cấp dịch vụ kho bãi và dịch vụ vận chuyển  | Quốc lộ 1, Xã Diên Phú, Huyện Diên Khánh, Tỉnh Khánh Hòa                                     | 60.000.000.000     | 90,14%           | 90,14%       |
| 13  | Công ty cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Bắc     | Kinh doanh bia, rượu và nước giải khát, cung cấp dịch vụ vận chuyển hàng hóa và cho thuê kho bãi  | Lô CN - 01-05 Cụm Công Nghiệp Ninh Hiệp, Xã Ninh Hiệp, Huyện Gia Lâm, TP. Hà Nội             | 40.000.000.000     | 90,00%           | 90,00%       |

| STT | Tên công ty   | Lĩnh vực hoạt động   | Địa chỉ   | Vốn thực góp (VNĐ) | Tỷ lệ biểu quyết | Tỷ lệ sở hữu |
|-----|---|--|---|--------------------|------------------|--------------|
| 14  | <b>Công ty cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Tây Nguyên</b>                | Kinh doanh bia, rượu và nước giải khát, cung cấp dịch vụ kho bãi và dịch vụ vận chuyển                               | Số 190 Nguyễn Văn Linh, Xã Ea Tu, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk                   | 39.761.600.000     | 90,00%           | 90,00%       |
| 15  | <b>Công ty cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Tiền</b>                 | Kinh doanh bia, rượu và nước giải khát, dịch vụ cho thuê kho bãi, cung cấp dịch vụ vận chuyển hàng hóa bằng đường bộ | Ấp Tân Vĩnh Thuận, Xã Tân Ngãi, TP. Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long                       | 40.000.000.000     | 90,00%           | 90,00%       |
| 16  | <b>Công ty cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Hậu</b>                  | Kinh doanh bia, rượu và nước giải khát, cung cấp dịch vụ vận chuyển hàng hóa bằng đường bộ và đường thủy             | 15-25, 26 Đường Võ Nguyên Giáp, Phường Phú Thứ, Quận Cái Răng, TP. Cần Thơ          | 40.290.000.000     | 90,00%           | 90,00%       |
| 17  | <b>Công ty cổ phần Bao Bì Bia Sài Gòn</b>                               | Sản xuất và kinh doanh nắp khoén thiếc và bao bì kim loại, bao bì phục vụ ngành đồ uống thực phẩm                    | Số 621 Phạm Văn Chí, Phường 7, Quận 6, TP. Hồ Chí Minh                              | 71.770.160.000     | 76,81%           | 76,81%       |
| 18  | <b>Công ty CP Bia Sài Gòn-Sông Lam</b>                                  | Sản xuất và kinh doanh bia và nước giải khát, xuất nhập khẩu các nguyên vật liệu liên quan                           | Khối 1, Xã Hưng Đạo, Huyện Hưng Nguyên, Tỉnh Nghệ An                                | 450.000.000.000    | 68,78%           | 68,78%       |
| 19  | <b>Công ty cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi</b>                         | Sản xuất và kinh doanh bia   | Khu Công Nghiệp Quảng Phú, TP. Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi                          | 450.000.000.000    | 66,56%           | 66,56%       |
| 20  | <b>Công ty cổ phần Nước giải khát Chương Dương</b>                      | Sản xuất, kinh doanh nước giải khát, đồ hộp và phụ liệu  | Số 606 Võ Văn Kiệt, Phường Cầu Kho, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh                         | 85.000.000.000     | 62,06%           | 62,06%       |
| 21  | <b>Công ty cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân</b>                    | Sản xuất và kinh doanh bia, rượu và nước giải khát có ga   | Khu 6, Thị trấn Thanh Ba, Huyện Thanh Ba, Tỉnh Phú Thọ                              | 30.000.000.000     | 56,24%           | 55,90%       |
| 22  | <b>Công ty CP Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh</b>                               | Sản xuất và kinh doanh bia, rượu và nước giải khát   | Số 54 Phan Đăng Lưu, Phường Trường Thi, TP. Vinh, Tỉnh Nghệ An                      | 105.000.000.000    | 54,73%           | 54,73%       |
| 23  | <b>Công ty cổ phần Bia Sài Gòn - Lâm Đồng</b>                           | Sản xuất bia, rượu và nước giải khát   | Lô CN5, Khu Công nghiệp Lộc Sơn, Phường Lộc Sơn, TP. Bảo Lộc, Tỉnh Lâm Đồng         | 200.000.000.000    | 52,91%           | 52,91%       |
| 24  | <b>Công ty cổ phần Bia Sài Gòn- Hà Nội</b>                              | Sản xuất và kinh doanh bia và nước giải khát, xuất nhập khẩu các nguyên vật liệu liên quan                           | A2 - CN8, Cụm công nghiệp Từ Liêm, Phường Phương Canh, Quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội | 180.000.000.000    | 52,11%           | 52,11%       |
| 25  | <b>Công ty cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây</b>                           | Sản xuất và kinh doanh bia   | Khu Công nghiệp Trà Nóc, Phường Trà Nóc, Quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ                | 145.000.000.000    | 51,00%           | 51,00%       |
| 26  | <b>Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Một thành viên Bia Sài Gòn Sóc Trăng</b> | Sản xuất và kinh doanh bia, mạch nha ủ lên men, nước khoáng, nước tinh khiết đóng chai                               | Lô S, KCN An Nghiệp, Xã An Hiệp, Huyện Châu Thành, Tỉnh Sóc Trăng                   | 200.000.000.000    | 100,00%          | 51,00%       |

## DANH SÁCH CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT

| STT | Tên công ty   | Lĩnh vực hoạt động  | Địa chỉ   | Vốn thực góp (VNĐ) | Tỷ lệ biểu quyết | Tỷ lệ sở hữu |
|-----|---|---|---|--------------------|------------------|--------------|
| 1   | Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Sản xuất rượu và cồn Việt Nam                   | Sản xuất và kinh doanh rượu và các sản phẩm nước uống có cồn                        | Số 621 Phạm Văn Chí, Phường 7, Quận 6, TP. Hồ Chí Minh  | 65.461.973.000     | 45,00%           | 45,00%       |
| 2   | Công ty cổ phần Kinh doanh lương thực - thực phẩm Trường Sa                 | Sản xuất sản phẩm nông nghiệp và thực phẩm  | Số 6A, đường Trường Sa, Phường 17, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh                           | 17.700.000.000     | 38,98%           | 38,62%       |
| 3   | Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Bao bì San Miguel Yamamura Phú Thọ              | Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bao bì đóng gói bằng kim loại                   | Số 1 Lê Văn Khương, Phường Hiệp Thành, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh                               | 51.882.792.000     | 35,00%           | 35,00%       |
| 4   | Công ty cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung                                    | Sản xuất và kinh doanh bia, rượu, cồn, nước giải khát và phụ tùng thay thế          | Số 1 Nguyễn Văn Linh, Phường Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk                          | 298.466.480.000    | 32,41%           | 32,40%       |
| 5   | Công ty cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ                                       | Sản xuất bia, rượu và nước giải khát  | Khu Công Nghiệp Trung Hà, Xã Dân Quyền, Huyện Tam Nông, Tỉnh Phú Thọ                          | 125.000.000.000    | 33,85%           | 30,84%       |
| 6   | Công ty Liên doanh TNHH Crown Sài Gòn                                       | Sản xuất lon nhôm   | Xa lộ Hà Nội, Phường Hiệp Phú, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh  | 256.369.900.000    | 30,00%           | 30,00%       |
| 7   | Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Thủy Tinh Malaya - Việt Nam                     | Sản xuất các sản phẩm thủy tinh   | Phòng 11.1, Tầng 11, Tòa nhà REE, số 9, Đường Đoàn Văn Bơ, Phường 12, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh | 322.209.160.000    | 30,00%           | 30,00%       |
| 8   | Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Tân Thành                                    | Xây dựng và kinh doanh bất động sản   | Số 66 Tân Thành, Phường 12, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh   | 250.000.000.000    | 29,00%           | 29,00%       |
| 9   | Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư - thiết kế và chuyển giao công nghệ Thành Nam | Tư vấn xây dựng và thiết kế   | Số 50A Bùi Thị Xuân, Phường Bến Thành, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh                                | 1.400.000.000      | 28,57%           | 28,57%       |
| 10  | Công ty cổ phần Bia - Nước giải khát Sài Gòn - Tây Đô                       | Sản xuất và kinh doanh rượu, bia, nước giải khát, sữa đậu nành và nước ép trái cây  | Lô 22, Khu Công Nghiệp Trà Nóc 1, Phường Trà Nóc, Quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ                 | 200.000.000.000    | 34,92%           | 27,62%       |
| 11  | Công ty cổ phần Cơ khí và xây lắp Công nghiệp                               | Sản xuất, lắp đặt các sản phẩm máy móc cầu đường và xây dựng công nghiệp            | Số 929-931 Quốc lộ 1A, Phường Thới An, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh                               | 35.999.480.000     | 26,00%           | 26,00%       |
| 12  | Công ty cổ phần Bia Sài Gòn - Khánh Hòa                                     | Sản xuất và kinh doanh bia, rượu, cồn, nước giải khát và phụ tùng thay thế          | Cụm công nghiệp Diên Phú, Xã Diên Phú, Huyện Diên Khánh, Tỉnh Khánh Hòa                       | 100.000.000.000    | 26,00%           | 26,00%       |
| 13  | Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Trung tâm Mê Linh                               | Cho thuê và quản lý cao ốc văn phòng  | Số 2 Ngô Đức Kế, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh                                     | 221.066.150.400    | 25,00%           | 25,00%       |
| 14  | Công ty cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây                               | Sản xuất, gia công và kinh doanh thực phẩm, nước giải khát, bia và nước uống có cồn | Số 8 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh                      | 875.245.360.000    | 22,18%           | 21,80%       |
| 15  | Công ty cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long                                     | Sản xuất bia, rượu và nước giải khát  | Ấp Tân Vĩnh Thuận, Xã Tân Ngãi, TP. Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long                                 | 150.000.000.000    | 20,00%           | 20,00%       |
| 16  | Công ty cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang                                    | Sản xuất và kinh doanh bia, rượu, cồn, nước giải khát và phụ tùng thay thế          | Đường D1, D2 - Khu Công Nghiệp Thạnh Lộc, Xã Thạnh Lộc, Huyện Châu Thành, Tỉnh Kiên Giang     | 115.000.000.000    | 20,00%           | 20,00%       |
| 17  | Công ty cổ phần Bia Sài Gòn - Bến Tre                                       | Sản xuất bia, rượu và nước giải khát  | Ấp Phước Hậu, Xã An Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre                                     | 100.000.000.000    | 20,00%           | 20,00%       |
| 18  | Công ty cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu                                      | Sản xuất bia, rượu và nước giải khát  | Lô B5, Khu Công Nghiệp Trà Kha, Phường 8, TP. Bạc Liêu, Tỉnh Bạc Liêu                         | 120.120.000.000    | 20,00%           | 10,20%       |

## GIỚI THIỆU BAN LÃNH ĐẠO



### Ông Koh Poh Tiong

Chủ tịch Hội đồng quản trị

**Năm sinh:** 1946  
**Quốc tịch:** Singaporean  
**Ngày bổ nhiệm lần đầu:** 23/04/2018  
**Ngày tái bổ nhiệm:** 21/07/2018

#### Trình độ chuyên môn

- Cử nhân Khoa học, Đại học Singapore, Singapore

#### Kinh nghiệm làm việc

##### Chức vụ đang đảm nhiệm bao gồm:

- Thành viên HĐQT, Asia Breweries Limited
- Chủ tịch/Chủ tịch Ủy ban Tiến cử/Thành viên Ủy ban Kiểm toán và Quản trị rủi ro/Thành viên Ủy ban Lương thưởng/Thành viên Ủy ban Phát triển dự án, Bukit Sembawang Estates Limited
- Thành viên HĐQT/Chủ tịch Ủy ban Lương thưởng/Thành viên Ủy ban Kiểm toán/Thành viên Ủy ban Tiến cử/Thành viên Ủy ban Quản trị rủi ro/Thành viên Ủy ban Bền vững thị trường và Chiến lược, Delfi Limited
- Thành viên HĐQT và Cố vấn/Chủ tịch Ủy ban Điều hành/Chủ tịch Ủy ban Bền vững và Quản trị rủi ro, Fraser and Neave Limited
- Thành viên HĐQT độc lập/Thành viên Ủy ban Tiến cử và Lương thưởng, Great Eastern Life Assurance (Malaysia) Berhad

- Thành viên HĐQT độc lập/ Chủ tịch Ủy ban Tiến cử và Lương thưởng, Great Eastern General Insurance (Malaysia) Berhad
- Chủ tịch/Chủ tịch Quý ban Bền vững và Quản trị rủi ro, BeerCo Limited
- Cố vấn cấp cao của HĐQT, Raffles Medical Group Ltd
- Chủ tịch, Times Publishing Limited

##### Chức vụ từng đảm nhiệm bao gồm:

- Thành viên HĐQT độc lập/Thành viên Ủy ban Kiểm toán và Rủi ro/Thành viên Ủy ban Tiến cử và Lương thưởng, Raffles Medical Group Limited
- Thành viên HĐQT/Thành viên Ủy ban Kiểm toán/Chủ tịch Nhóm công tác chiến lược/Thành viên Nhóm công tác đánh giá đầu tư, The Great Eastern Life Assurance Company Limited
- Thành viên HĐQT/Thành viên Ủy ban Điều hành/Chủ tịch Ủy ban Tiến cử/Thành viên Ủy ban Lương thưởng và Nhân sự, SATS Ltd
- Thành viên HĐQT/Thành viên Ủy ban Lương thưởng, United Engineers Ltd
- Chủ tịch, National Kidney Foundation
- Chủ tịch, Yunnan Yulinquan Liquor Co., Ltd
- Chủ tịch, Singapore Kindness Movement



### Ông Pramoad Phornprapha

Thành viên Hội đồng quản trị độc lập

Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán

**Năm sinh:** 1966  
**Quốc tịch:** Thái Lan  
**Ngày bổ nhiệm lần đầu:** 21/07/2018

#### Trình độ chuyên môn

- Cử nhân Khoa học chuyên ngành Kỹ sư điện (loại Xuất sắc), Đại học Northwestern, Mỹ
- Thạc sĩ Quản trị kinh doanh chuyên ngành Marketing (loại Xuất sắc), J.L. Kellogg Graduate School of Management, Đại học Northwestern, Mỹ
- Thạc sĩ Quản trị công (loại Xuất sắc), J.F. Kennedy School of Government, Đại học Harvard, Mỹ

#### Kinh nghiệm làm việc

##### Chức vụ đang đảm nhiệm bao gồm:

- Thành viên HĐQT độc lập/Chủ tịch Ủy ban Tiến cử và Lương thưởng/Thành viên Ủy ban Quản trị doanh nghiệp, Amarin Printing and Publishing Public Company Limited
- Thành viên HĐQT độc lập/Thành viên Ủy ban Quản trị doanh nghiệp/Thành viên Ủy ban Tiến cử và Lương thưởng/Thành viên Ủy ban Bền vững và Quản trị rủi ro, Sermsuk Public Company Limited
- Ủy ban Kiểm toán/Thành viên HĐQT độc lập, Univanich Palm Oil Public Company Limited

- Chủ tịch, Talaypu Natural Products Co., Ltd
- Thành viên HĐQT/Giám đốc điều hành, Claris Co., Ltd
- Thành viên HĐQT, Claris EA Co., Ltd
- Thành viên HĐQT, Danpundao Co., Ltd
- Thành viên HĐQT độc lập, Food and Beverage United Co., Ltd
- Giám đốc điều hành, myDNA Co., Ltd
- Thành viên HĐQT, EcoFuture Co., Ltd
- Thành viên HĐQT, PLandscape Co., Ltd
- Thành viên HĐQT, Plim369 Co., Ltd
- Thành viên HĐQT, Plimboonluck Co., Ltd
- Thành viên HĐQT, Pornmit Co., Ltd
- Thành viên HĐQT, The Conservatory Company Limited
- Giám đốc điều hành, Wanwarin and Associate Co., Ltd

##### Chức vụ từng đảm nhiệm bao gồm:

- Thành viên HĐQT độc lập/Thành viên Ủy ban Kiểm toán, Thai Summit Harness Public Company Limited
- Cộng sự/Giám đốc điều hành, The Boston Consulting Group
- Thành viên HĐQT, Progress Watch Company Limited



### Ông Nguyễn Tiến Vy

Thành viên Hội đồng quản trị độc lập  
Thành viên Ủy ban Kiểm toán

**Năm sinh:** 1955  
**Quốc tịch:** Việt Nam  
**Ngày bổ nhiệm lần đầu:** 21/07/2018

#### Trình độ chuyên môn

- Thạc sĩ Luật

#### Kinh nghiệm làm việc

##### Chức vụ đang đảm nhiệm bao gồm:

- Thành viên độc lập HĐQT, Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam – CTCP
- Luật sư, Đoàn Luật sư TP. Hà Nội
- Ủy viên Thường vụ, Hiệp hội Bia – Rượu – Nước giải khát Việt Nam

##### Chức vụ từng đảm nhiệm bao gồm:

- Chủ tịch, Diễn đàn Uống có trách nhiệm Việt Nam
- Cố vấn HĐQT, Tổng công ty Thiết bị điện Việt Nam
- Thành viên HĐQT, Tổng công ty Thiết bị điện Việt Nam
- Thành viên Ban Đối mới và Phát triển doanh nghiệp, Bộ Công thương
- Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Bộ Công nghiệp
- Chánh Văn phòng, Bộ Công nghiệp
- Chánh Văn phòng, Bộ Công thương
- Vụ trưởng, Vụ Kế hoạch, Bộ Công thương



### Bà Trần Kim Nga

Thành viên Hội đồng quản trị

**Năm sinh:** 1961  
**Quốc tịch:** Việt Nam  
**Ngày bổ nhiệm lần đầu:** 09/05/2018  
**Ngày tái bổ nhiệm:** 21/07/2018

#### Trình độ chuyên môn

- Cử nhân Ngoại ngữ
- Cử nhân Quản trị kinh doanh – Thương mại

#### Kinh nghiệm làm việc

##### Chức vụ đang đảm nhiệm bao gồm:

- Thành viên HĐQT/Người đại diện pháp luật, Công ty TNHH B-S MART
- Thành viên HĐQT/Giám đốc đối ngoại, Công ty TNHH MM Mega Market (Việt Nam)
- Thành viên HĐQT, SAS-CTAMAD
- Thành viên HĐQT, Victory Link Co., Ltd
- Giám đốc, Lina Investment Company Limited
- Chủ tịch, Phu Thai Food Vietnam Limited
- Chủ tịch, Phu Thai Central Vietnam One Member Limited
- Chủ tịch, Phu Thai Food North Limited
- Tổng Giám đốc/Người đại diện theo pháp luật, Công ty TNHH Vietnam Beverage
- Tổng Giám đốc/Người đại diện theo pháp luật, Vietnam F&B Alliance Investment Joint Stock Company
- Trưởng đại diện, BJC Resident Representative Office tại TP. Hồ Chí Minh
- Tổng Giám đốc/Người đại diện theo pháp luật, Công ty TNHH Lon nước giải khát TBC Ball Việt Nam
- Giám đốc, Vietnam Logistic and Supply Chain Company Limited

##### Chức vụ từng đảm nhiệm bao gồm:

- Giám đốc phát triển kinh doanh, BJC Resident tại Hà Nội



### Ông Michael Chye Hin Fah

Thành viên Hội đồng quản trị  
Thành viên Ủy ban Kiểm toán

**Năm sinh:** 1959  
**Quốc tịch:** Singapore  
**Ngày bổ nhiệm lần đầu:** 21/07/2018

#### Trình độ chuyên môn

- Cử nhân Kinh doanh (loại Xuất sắc) chuyên ngành Kế toán và Tài chính, Đại học Massey, New Zealand
- Thạc sĩ Kinh doanh chuyên ngành Kế toán và Tài chính, Đại học Massey, New Zealand
- Thành viên của Institute of Singapore Chartered Accountants
- Thành viên, Institute of Chartered Secretaries and Administrators
- Thành viên, Singapore Institute of Directors
- Thành viên, Chartered Secretaries Institute of Singapore

#### Kinh nghiệm làm việc

##### Chức vụ đang đảm nhiệm bao gồm:

- Thành viên dự khuyết, Fraser and Neave, Limited
- Thành viên HĐQT, Công ty cổ phần Sữa Việt Nam
- Thành viên HĐQT, Alliance Asia Investment Private Limited
- Thành viên HĐQT, Alliance Strategic Investments Pte. Ltd.
- Thành viên HĐQT, Asia Breweries Limited
- Thành viên HĐQT, ASM International Limited
- Thành viên HĐQT, Beer Chang International Limited
- Thành viên HĐQT, BeerCo Limited (Hong Kong)
- Thành viên HĐQT/Tổng Giám đốc, BeerCo Limited (Singapore)
- Thành viên HĐQT, BevCo Limited (Hong Kong)
- Thành viên HĐQT, BevCo Limited
- Thành viên HĐQT, Chang Beer Company Limited
- Thành viên HĐQT, Chang Beer UK Limited
- Thành viên HĐQT, Chang Corporation Co., Ltd.

- Thành viên HĐQT, Chang Holding Co., Ltd.
- Thành viên HĐQT, Chang International Co., Ltd.
- Thành viên HĐQT, DECCO 235
- Thành viên HĐQT, F&N Retail Connection Co., Ltd.
- Thành viên HĐQT, Grand Royal Group International Company Limited
- Thành viên HĐQT, Havi Food Distribution (Thailand) Co., Ltd.
- Thành viên HĐQT, Havi Logistics (Thailand) Limited
- Thành viên HĐQT, Heritas Capital Management Pte. Ltd.
- Thành viên HĐQT, IMC Pan Asia Alliance Corporation
- Thành viên HĐQT, InterBev (Singapore) Limited
- Thành viên HĐQT, InterBev (Singapore) 2019 Limited
- Thành viên HĐQT, International Beverage Holdings Limited
- Thành viên HĐQT, International Beverage Holdings (Singapore) Pte. Limited
- Thành viên HĐQT, International Beverage Holdings (UK) Limited
- Thành viên HĐQT, International Beverage Trading (Hong Kong) Limited
- Thành viên HĐQT, International Breweries Limited
- Thành viên HĐQT, InterF&B Pte. Ltd.
- Thành viên HĐQT, Inver House Distillers Limited
- Thành viên HĐQT, Inver House Distillers (ROI) Limited
- Thành viên HĐQT, Marketing Magic Pte. Ltd.
- Thành viên HĐQT, Max Asia Food and Beverage (Thailand) Co., Ltd
- Thành viên HĐQT, Myanmar Supply Chain and Marketing Services Company Limited
- Thành viên HĐQT, Prudence Holdings Limited
- Thành viên HĐQT, SEA Logistics & Technology Pte. Ltd.
- Thành viên HĐQT, Siam Breweries Limited
- Thành viên HĐQT, So Water Company Limited
- Thành viên HĐQT, South East Asia Logistics Pte Ltd
- Thành viên HĐQT, Super Brands Company Pte. Ltd.
- Thành viên HĐQT, Super Beer Brands Limited
- Thành viên HĐQT, Thai Breweries Limited
- Người đại diện pháp luật/Tổng Giám đốc, Vietnam Beverage Company Limited
- Người đại diện pháp luật, Chủ tịch HĐQT, Vietnam F&B Alliance Investment Joint Stock Company
- Thành viên HĐQT, Vietnam Logistics and Supply Chain Company Limited
- Thành viên HĐQT, Wellwater Limited

##### Chức vụ từng đảm nhiệm bao gồm:

- Thành viên HĐQT, Sermsuk Beverage Co., Ltd
- Thành viên HĐQT, Sermsuk Holdings Co., Ltd
- Thành viên HĐQT, Sermsuk Public Company Limited
- Thành viên HĐQT, Wrangyer Beverage (2008) Company Limited
- Thành viên HĐQT, CAC Co., Ltd
- Phó Chủ tịch điều hành của Kế toán và Tài chính Tập đoàn/ Phó nhóm Giám đốc Tài chính của Tập đoàn/ Giám đốc Tài chính – Kinh doanh Quốc tế, Thai Beverage Public Company Limited
- Thành viên HĐQT, International Beverage Trading Limited



### Ông Lê Thanh Tuấn

Thành viên Hội đồng quản trị

**Năm sinh:** 1979  
**Quốc tịch:** Việt Nam  
**Ngày bổ nhiệm lần đầu:** 28/04/2021

#### Trình độ chuyên môn

- Thạc Sĩ Tài chính, Đại học Sydney, Úc

#### Kinh nghiệm làm việc

##### Chức vụ đang đảm nhiệm bao gồm:

- Người đại diện vốn của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước tại SABECO
- Trưởng Ban Đầu tư 4, Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước
- Chủ tịch, Công ty cổ phần Thương mại, Du lịch và Dịch vụ tổng hợp Điện Biên
- Chủ tịch, Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam

##### Chức vụ từng đảm nhiệm bao gồm:

- Chủ tịch, Công ty cổ phần Điện máy
- Phó Trưởng ban Đầu tư 4, Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước
- Phó Trưởng ban Đầu tư 3, Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước
- Chuyên viên Ban Đầu tư 3, Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước
- Chuyên viên Vụ Châu Á – Thái Bình Dương, Bộ Công Thương



### Bà Ngô Minh Châu

Thành viên Hội đồng quản trị

**Năm sinh:** 1988  
**Quốc tịch:** Việt Nam  
**Ngày bổ nhiệm lần đầu:** 28/04/2021

#### Trình độ chuyên môn

- Thạc Sĩ Tài chính – Đầu tư, Đại học Edinburg, Anh
- CFA Charterholder, CFA Institute

#### Kinh nghiệm làm việc

##### Chức vụ đang đảm nhiệm bao gồm:

- Người đại diện vốn của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước tại SABECO
- Chuyên viên Ban Đầu tư 3, Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước
- Thành viên Ban Kiểm soát, Công ty cổ phần Thuốc ung thư Benovas

##### Chức vụ từng đảm nhiệm bao gồm:

- Chuyên viên Ban Đầu tư 3, Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước



### Ông Nguyễn Tiến Dũng

Thành viên Hội đồng quản trị

**Năm sinh:** 1973  
**Quốc tịch:** Việt Nam  
**Ngày bổ nhiệm lần đầu:** 21/07/2018  
**Ngày miễn nhiệm:** 28/04/2021

#### Trình độ chuyên môn

- Cử nhân Tài chính – Tín dụng
- Bằng Kế toán trưởng
- Thạc sĩ Tài chính - Ngân hàng

#### Kinh nghiệm làm việc

##### Chức vụ từng đảm nhiệm bao gồm:

- Chủ tịch, Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Bia Sài Gòn
- Chủ tịch, Công ty CP Bia Sài Gòn – Nghệ Tĩnh
- Chủ tịch, Công ty CP Bia Sài Gòn – Sông Lam
- Chủ tịch, Công ty cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn – Đồng Xuân
- Người đại diện quản lý vốn, Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước
- Kế toán trưởng, Tổng Công ty cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Sài Gòn
- Giám đốc, Công ty cổ phần Rượu Bình Tây



### Ông Lương Thanh Hải

Thành viên Hội đồng quản trị

**Năm sinh:** 1964  
**Quốc tịch:** Việt Nam  
**Ngày bổ nhiệm lần đầu:** 21/07/2018  
**Ngày miễn nhiệm:** 28/04/2021

#### Trình độ chuyên môn

- Tiến sĩ Kinh tế

#### Kinh nghiệm làm việc

##### Chức vụ từng đảm nhiệm bao gồm:

- Người đại diện quản lý vốn, Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước
- Chủ tịch, Công ty cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Tây Nguyên
- Chủ tịch, Công ty cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Nam Trung Bộ
- Chủ tịch, Công ty cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Trung Tâm
- Phó Tổng Giám đốc, Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Bia Sài Gòn
- Giám đốc điều hành, Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Bia Sài Gòn
- Giám đốc, Công ty cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Trung tâm
- Trưởng phòng Bán hàng và Điều Vận, Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Bia Sài Gòn
- Trưởng Bộ phận Bán hàng, Tổng Công ty cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Sài Gòn



## Ông Neo Gim Siong Bennett

Tổng Giám đốc

**Năm sinh:** 1969

**Quốc tịch:** Singapore

**Ngày bổ nhiệm:** 01/08/2018

### Trình độ chuyên môn

- Cử nhân Kỹ thuật chuyên ngành Cơ khí và Sản xuất, Đại học Nanyang Technological, Singapore
- Heineken International Senior Management Course, Insead Business School (Fontainebleau – Pháp)
- SEM Singapore Executive Program, Đại học Tsinghua, Bắc Kinh, Trung Quốc

### Kinh nghiệm làm việc

#### Chức vụ đang đảm nhiệm bao gồm:

- Chủ tịch, Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Bia Sài Gòn
- Chủ tịch, Công ty CP Bia Sài Gòn – Sông Lam
- Chủ tịch, Công ty cổ phần Nước giải khát Chương Dương
- Chủ tịch, Công ty cổ phần Bia Sài Gòn – Miền Tây
- Chủ tịch, Công ty TNHH Một thành viên Bia Sài Gòn
- Chủ tịch, Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Trung tâm Mê Linh
- Chủ tịch, Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Thủy tinh Malaya – Việt Nam
- Thành viên HĐQT, Ebenezer NDT Service Pte Ltd
- Thành viên HĐQT, Koi Marine Engineering Services Pte Ltd
- Thành viên HĐQT, Eliezer Pte. Ltd.
- Thành viên HĐQT, BNeo Consultants Pte. Ltd.
- Thành viên HĐQT, Staccato Music China Pte. Ltd.
- Thành viên HĐQT, Climb Asia Pte. Ltd.

#### Chức vụ từng đảm nhiệm bao gồm:

- Thành viên, National Kidney Foundation (Singapore)
- Chủ tịch, Công ty cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Hậu
- CEO – Thực phẩm, Fraser and Neave Limited
- CEO, YCH Group
- CEO – Hàng hải, EMAS Offshore Services Pte Ltd
- Giám đốc vùng, Asia Pacific Breweries Ltd
- Tổng Giám đốc, ExxonMobil Unique (Việt Nam) Co., Ltd



## Ông Koo Liang Kwee Alan

Phó Tổng Giám đốc phụ trách Kế toán, Tài chính và Hỗ trợ

**Năm sinh:** 1970

**Quốc tịch:** Singapore

**Ngày bổ nhiệm:** 01/10/2021

### Trình độ chuyên môn

- Thạc sỹ Quản trị kinh doanh, Macquarie Graduate School of Business, Úc
- Cử nhân Kế toán, Đại học Nanyang Technological, Singapore
- Thành viên, Singapore Institute of Directors
- Heineken International Management Executive Course, Insead Business School
- Leadership Excellence in Action Program (Heineken Asia Pacific), Insead Business School
- Afton Chemical Leadership Development Course
- Novartis HBS Finance Excellence Program, Harvard Business School
- Non-Practising CPA, Institute of Singapore Chartered Accountants

### Kinh nghiệm làm việc

#### Chức vụ đang đảm nhiệm bao gồm:

- Chủ tịch, Công ty TNHH Một thành viên Tập đoàn Bia Sài Gòn
- Chủ tịch, Công ty cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Tiền
- Chủ tịch, Công ty cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
- Chủ tịch, Công ty cổ phần Bia Sài Gòn - Lâm Đồng

#### Chức vụ từng đảm nhiệm bao gồm:

- Phó Chủ tịch cấp cao (Tài chính Tập đoàn)/Thành viên HĐQT, Yeo Hiap Seng Subsidiaries
- Giám đốc Tài chính Tập đoàn/Thành viên HĐQT của 2 công ty liên doanh và 3 công ty con Malaysia, Delfi Limited
- Giám đốc Tài chính (Trung Quốc)/Thành viên HĐQT/ Người đại diện pháp luật của 2 công ty thương mại, Heineken Asia Pacific Pte Ltd
- Giám đốc Tài chính (Việt Nam)/Thành viên HĐQT của 3 nhà máy, Heineken Asia Pacific Pte Ltd
- Giám đốc Tài chính (Châu Á Thái Bình Dương), Afton Chemical Asia Pte Ltd
- Kiểm soát viên Tài chính (Cụm Bắc Trung Quốc), Asia Pacific Breweries Limited
- Kiểm soát viên Tài chính (Châu Á Thái Bình Dương), Novartis Consumer Health Group
- Giám đốc khu vực Phân tích và Kế hoạch kinh doanh, Novartis Consumer Health Group



### Bà Venus Teoh Kim Wei

Phó Tổng Giám đốc phụ trách Marketing

**Năm sinh:** 1974  
**Quốc tịch:** Malaysia  
**Ngày bổ nhiệm:** 01/04/2021

#### Trình độ chuyên môn

- Cử nhân Kinh doanh chuyên ngành Tài chính và Marketing, Đại học Southern Queensland, Úc
- Senior Leadership Program, Insead Business School (Pháp)

#### Kinh nghiệm làm việc

##### Chức vụ đang đảm nhiệm bao gồm:

- Chủ tịch, Công ty cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Hậu

##### Chức vụ từng đảm nhiệm bao gồm:

- Giám đốc Thương hiệu Quốc tế (Tiger Beer), The Heineken Company
- Giám đốc Marketing, Asia Pacific Breweries (Singapore) Pte Ltd
- Trưởng bộ phận Thương hiệu Toàn cầu, Đối mới và Thương hiệu phổ thông (Châu Á Thái Bình Dương), The Heineken Company
- Giám đốc Marketing khu vực (Châu Á Thái Bình Dương), The Heineken Company
- Quản lý Marketing cấp cao, Asia Pacific Breweries Limited
- Giám đốc Phát triển Thương hiệu Tiger, Asia Pacific Breweries Limited
- Giám đốc Phát triển kênh bán hàng, Asia Pacific Breweries Limited
- Giám đốc Sản phẩm và Marketing, Philip Lighting
- Giám đốc Marketing thương mại, Sara Lee Household and Body Care (Malaysia)
- Chuyên viên phân tích danh mục, Sara Lee Household and Body Care (UK)
- Chuyên viên quản lý khách hàng, Sara Lee Household and Body Care (Malaysia)



### Ông Ng Kuan Ngee Melvyn

Phó Tổng Giám đốc phụ trách Bán hàng

**Năm sinh:** 1969  
**Quốc tịch:** Singapore  
**Ngày bổ nhiệm:** 09/05/2018

#### Trình độ chuyên môn

- Cử nhân Kinh doanh chuyên ngành Marketing, Đại học Monash, Úc

#### Kinh nghiệm làm việc

##### Chức vụ đang đảm nhiệm bao gồm:

- Chủ tịch, Công ty cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Trung tâm
- Chủ tịch, Công ty cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Tây Nguyên
- Chủ tịch, Công ty cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Đông Bắc
- Chủ tịch, Công ty TNHH Một thành viên Bia Sài Gòn - Hà Tĩnh

##### Chức vụ từng đảm nhiệm bao gồm:

- Giám đốc kinh doanh khu vực Châu Á, Warsteiner International KG (Singapore)
- Tổng Giám đốc, Heineken Asia Pacific Brewery (Guangzhou)
- Giám đốc Thương mại, Hainan Asia Pacific Brewery
- Giám đốc Marketing, Riche Monde (Moet-Hennessy) Pte Ltd



### Ông Lâm Du An

Phó Tổng Giám đốc phụ trách Kỹ thuật - Sản xuất

**Năm sinh:** 1967  
**Quốc tịch:** Việt Nam  
**Ngày bổ nhiệm:** 18/10/2017

#### Trình độ chuyên môn

- Kỹ sư cơ khí, Đại học Bách Khoa

#### Kinh nghiệm làm việc

##### Chức vụ đang đảm nhiệm bao gồm:

- Giám đốc, Nhà máy Bia Sài Gòn - Nguyễn Chí Thanh
- Chủ tịch, Công ty cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội
- Chủ tịch, Công ty TNHH Một thành viên Cơ khí Sa Be Co
- Chủ tịch, Công ty cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
- Thành viên HĐQT, Công ty cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long
- Chủ tịch, Công ty CP Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh

##### Chức vụ từng đảm nhiệm bao gồm:

- Giám đốc, Công ty cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long
- Trưởng ban Dự án xây dựng Nhà máy Bia Sài Gòn - Bạc Liêu
- Trưởng ban Dự án xây dựng Nhà máy Bia Sài Gòn - Vĩnh Long



### Ông Trần Nguyên Trung

Kế toán trưởng

**Năm sinh:** 1967  
**Quốc tịch:** Việt Nam  
**Ngày bổ nhiệm:** 01/09/2018

#### Trình độ chuyên môn

- Cử nhân Kinh tế

#### Kinh nghiệm làm việc

##### Chức vụ đang đảm nhiệm bao gồm:

- Chủ tịch HĐQT, Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Một thành viên Bia Sài Gòn Sóc Trăng
- Thành viên HĐQT, Công ty cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu
- Thành viên HĐQT, Công ty cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây
- Thành viên HĐQT, Công ty cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
- Thành viên Ban Kiểm soát, Công ty cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Trung tâm
- Kế toán trưởng, Công ty TNHH Một thành viên Bia Sài Gòn
- Kế toán trưởng, Công ty TNHH Một thành viên Tập đoàn Bia Sài Gòn

##### Chức vụ từng đảm nhiệm bao gồm:

- Phó Trưởng ban Kế toán - Thống kê, Tổng Công ty cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn
- Trưởng Ban Kiểm soát, Công ty cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Trung Tâm
- Trưởng Ban Kiểm soát, Công ty cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang
- Trưởng Ban Kiểm soát, Công ty cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi



## Ông Nguyễn Hoàng Giang

Tổng Giám đốc - SATRACO

**Năm sinh:** 1966  
**Quốc tịch:** Việt Nam  
**Ngày bổ nhiệm:** 06/08/2018

### Trình độ chuyên môn

- Kỹ sư hàng hải, Đại học Hàng hải Việt Nam, Hải Phòng, Việt Nam
- Chương trình thạc sĩ đầu tư (loại Xuất sắc), In-service Training College and Harvard Institute for Int'l Development, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Khóa học về Quản lý cảng và vận tải biển (loại Xuất sắc), Shipping Transport College/Int'l Maritime Transport Academy Rotterdam Holland
- Vận hành và Dịch vụ khách hàng, P&O Nedlloyd Singapore Office
- Khóa bồi dưỡng Quản lý vận chuyển và cảng, Hàng hải Việt Nam/Học viện vận tải hàng hải
- Hệ thống hồ sơ và doanh thu, P&O Nedlloyd Singapore Office
- Chương trình Hoạt động tài chính và dịch vụ khách hàng, P&O Nedlloyd Singapore Office
- Các khóa đào tạo kỹ năng mềm về thương thảo, quản lý dự án và lãnh đạo
- Quản lý dự án, IKEA ASEA training
- Chuỗi cung ứng, IKEA training
- Kỹ năng lãnh đạo, IKEA global training
- Quản lý hàng tồn kho, IKEA global training
- Kỹ năng bán hàng, Dale Carnegie
- Kỹ năng lãnh đạo, Dale Carnegie

### Kinh nghiệm làm việc

#### Chức vụ đang đảm nhiệm bao gồm:

- Chủ tịch, Công ty cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Bắc Trung Bộ
- Chủ tịch, Công ty cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Đông
- Chủ tịch, Công ty cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Trung
- Chủ tịch, Công ty cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ
- Thành viên HĐQT, Công ty cổ phần Bia Sài Gòn - Khánh Hòa

#### Chức vụ từng đảm nhiệm bao gồm:

- Tổng Giám đốc, Công ty Cổ phần VINAFCO
- Phụ trách Logistic khu vực Đông Nam Á, IKEA Trading Đông Nam Á
- Giám đốc Vận hành và Dịch vụ khách hàng toàn quốc, Toll Việt Nam



## Ông Teo Hong Keng

Phó Tổng Giám đốc phụ trách Kế toán, Tài chính và Hỗ trợ

**Năm sinh:** 1972  
**Quốc tịch:** Singapore  
**Ngày bổ nhiệm:** 09/05/2018  
**Ngày miễn nhiệm:** 01/10/2021

### Trình độ chuyên môn

- Cử nhân Kế toán, Đại học Nanyang Technological, Singapore
- Heineken International Senior Management Course 2015, Insead Business School (Fontainebleau - Pháp)
- Thành viên, Institute of Singapore Chartered Accountants

### Kinh nghiệm làm việc

#### Chức vụ từng đảm nhiệm bao gồm:

- Thành viên HĐQT, Công ty cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang
- Chủ tịch, Công ty cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
- Chủ tịch, Công ty cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Tiền
- Chủ tịch, Công ty cổ phần Bia Sài Gòn - Lâm Đồng
- Chủ tịch, Công ty TNHH Một thành viên Tập đoàn Bia Sài Gòn
- Giám đốc Tài chính (Kuala Lumpur), Heineken Malaysia Sdn Bhd
- Giám đốc Tài chính (Singapore), Asia Pacific Breweries (Singapore) Pte Ltd
- Trưởng ban Tài chính (Phnom Penh), Cambodia Brewery Limited



## Ông Hoàng Đạo Hiệp

Phó Tổng Giám đốc phụ trách Marketing

**Năm sinh:** 1973  
**Quốc tịch:** Việt Nam  
**Ngày bổ nhiệm:** 01/10/2018  
**Ngày miễn nhiệm:** 28/02/2021

### Trình độ chuyên môn

- Cử nhân Nghệ thuật chuyên ngành Thiết kế Nội - Ngoại thất, Đại học Mỹ thuật Công nghiệp Hà Nội
- Chứng chỉ của chương trình Đào tạo Tổ chức Phong độ Đỉnh cao của Saatchi & Saatchi Worldwide
- Chứng chỉ của chương trình Tăng cường Phát triển Lãnh đạo của Carlsberg Group

### Kinh nghiệm làm việc





#### Chức vụ từng đảm nhiệm bao gồm:





- Chủ tịch, Công ty cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Đông
- Giám đốc điều hành, Công ty LD TNHH Saatchi & Saatchi Vietnam
- Giám đốc điều hành, Công ty TNHH Truyền thông MSL Group Vietnam
- Giám đốc Marketing, Công ty Liên doanh Lao Brewery (LBC)
- Giám đốc Marketing, Công ty TNHH Carlsberg Indochina

## ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

SABECO tiếp tục đẩy mạnh hoạt động kinh doanh hướng tới sự phát triển hiệu quả và bền vững để khẳng định vị trí dẫn đầu thị trường.

### CÁC VẤN ĐỀ CHÍNH

|                                |  |
|--------------------------------|--|
| <p>★</p> <p>Bán hàng</p>       |  <ul style="list-style-type: none"> <li>Tập trung giữ vững vị thế trong nước, đẩy mạnh xuất khẩu và xâm nhập vào các thị trường mới.</li> <li>Đa dạng hóa các kênh phân phối, nâng cao năng lực và hiệu quả vận hành của hệ thống phân phối.</li> </ul> |
| <p>★</p> <p>Thương hiệu</p>    |  <ul style="list-style-type: none"> <li>Rà soát việc định vị thương hiệu.</li> <li>Phát triển kiến trúc thương hiệu.</li> <li>Tiến hành đo lường sức khỏe thương hiệu.</li> </ul>   |
| <p>★</p> <p>Sản xuất</p>       |  <ul style="list-style-type: none"> <li>Đảm bảo và nâng cao chất lượng sản phẩm.</li> <li>Gia tăng hiệu quả hoạt động của các nhà máy.</li> <li>Gia tăng năng lực quản trị sản xuất và hợp lý hóa vùng sản xuất - tiêu thụ.</li> </ul>                |
| <p>★</p> <p>Chuỗi cung ứng</p> |  <ul style="list-style-type: none"> <li>Hợp lý hóa kho bãi và vận chuyển.</li> <li>Tối ưu hóa kế hoạch điều vận.</li> <li>Cải thiện dịch vụ vận chuyển.</li> </ul>  |

|   |   |
|---|---|
| <p>★</p> <p>Chi phí</p>                             |  <ul style="list-style-type: none"> <li>Đơn giản hóa bộ máy tổ chức.</li> <li>Kiểm soát chặt chẽ chi phí.</li> <li>Chia sẻ dịch vụ trên toàn hệ thống và thực hiện việc mua chung với các công ty trong hệ thống.</li> </ul>   |
| <p>★</p> <p>Nhân sự</p>                             |  <ul style="list-style-type: none"> <li>Củng cố sự gắn kết với nhân viên và đưa con người trở thành yếu tố cạnh tranh cốt lõi.</li> <li>Tăng cường đối thoại cởi mở và minh bạch.</li> <li>Xây dựng chính sách quản lý và đánh giá hiệu quả công việc.</li> <li>Gia tăng hiệu quả công việc của nhân viên thông qua các chương trình đào tạo hàng năm.</li> <li>Thực hiện cấu trúc lương trả theo năng lực.</li> </ul> |
| <p>★</p> <p>Công nghệ thông tin</p>                 |  <ul style="list-style-type: none"> <li>Chuyển đổi cách thức làm việc bằng việc ứng dụng công nghệ thông tin - SABECO 4.0.</li> </ul>  |
| <p>★</p> <p>Hoạt động của HĐQT và Ban Điều hành</p> |  <ul style="list-style-type: none"> <li>Quốc tế hóa hoạt động điều hành bằng việc áp dụng mô hình quản trị theo thông lệ quốc tế, trong đó HĐQT giữ vai trò định hướng chiến lược và Ban Điều hành phụ trách hoạt động sản xuất kinh doanh và điều hành.</li> </ul>  |

## CÁC RỦI RO CHÍNH



### RỦI RO NGUYÊN VẬT LIỆU

Đại dịch Covid-19 kéo dài đã dẫn đến sự gián đoạn chưa từng có của chuỗi cung ứng toàn cầu. Tình trạng thiếu hụt lao động, hàng hóa bị mắc kẹt tại các bến cảng và cước phí vận tải cao đã khiến cho giá nguyên vật liệu gia tăng đáng kể từ đầu năm 2021, điển hình như giá nhôm tăng cao và chưa có dấu hiệu hạ nhiệt trong năm 2022. Ngoài ra, vào tháng 05/2021, các tỉnh thành khu vực phía Nam Việt Nam đã phải hứng chịu làn sóng dịch Covid-19 lần thứ 4 tàn khốc và rơi vào tình trạng phong tỏa nghiêm ngặt trong suốt hơn 3 tháng, khiến cho việc vận chuyển nguyên vật liệu càng thêm khó khăn.

Để hạn chế những tác động nêu trên, SABECO đã tiến hành mua trước nhiều loại nguyên vật liệu chính vào thời điểm phù hợp để tránh bị ảnh hưởng từ biến động giá cả. Bên cạnh đó, Tổng Công ty tiếp tục duy trì nguồn cung ứng từ nhiều nhà cung cấp khác nhau để giảm thiểu rủi ro thiếu hụt đầu vào, chủ động trong việc điều phối giữa các khu vực, đồng thời thay đổi phương thức giao hàng nhằm đảm bảo đủ nguồn cung cho sản xuất.



### RỦI RO SẢN XUẤT

Trong năm 2021, các doanh nghiệp sản xuất bia ở Việt Nam tiếp tục đối mặt với nhiều thách thức to lớn liên quan đến việc gián đoạn sản xuất và rủi ro sức khỏe của người lao động do sự bùng phát nghiêm trọng của dịch bệnh Covid-19. Tuy nhiên, SABECO cùng các nhà máy trong hệ thống đã quyết tâm triển khai kế hoạch BCP cũng như “3 tại chỗ” kịp thời nhằm đảm bảo an toàn cho người lao động và duy trì sản xuất. Đến tháng 10/2021, hệ thống sản xuất của SABECO đã được khôi phục với 100% công suất, tiếp tục cung cấp những sản phẩm bia chất lượng cao ra thị trường.



### RỦI RO MÔI TRƯỜNG

Nhìn chung, SABECO cũng như các doanh nghiệp khác đang phải đối mặt với rủi ro biến đổi khí hậu, nước biển dâng và xâm nhập mặn. Là một trong những doanh nghiệp đi đầu về công tác bảo vệ môi trường và phát triển bền vững, Tổng Công ty đã thực hiện nhiều giải pháp đối phó với các kịch bản biến đổi khí hậu khác nhau bao gồm:

- Đầu tư hệ thống xử lý nước RO.
- Chuyển đổi lò hơi đốt nguyên liệu hóa thạch (than, dầu...) sang lò hơi BIOMASS sử dụng nguyên liệu đốt từ thực vật (vỏ trấu, mùn cưa, lá cây...) nhằm tiết kiệm chi phí và giảm thiểu phát thải khí nhà kính.
- Đưa hệ thống điện mặt trời vào vận hành tại tám nhà máy bia, qua đó góp phần tiết kiệm năng lượng và bảo vệ môi trường.



### RỦI RO TỶ GIÁ

Biến động tỷ giá có khả năng ảnh hưởng trực tiếp đến chi phí nhập khẩu nguyên vật liệu sản xuất và lợi nhuận của SABECO. Tuy nhiên, với triển vọng kinh tế vĩ mô tăng trưởng khả quan và chính sách ổn định tỷ giá đồng nội tệ được Ngân hàng Nhà nước duy trì, rủi ro tỷ giá đối với SABECO hiện nay là không đáng lo ngại.



### RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Đại dịch Covid-19 tác động mạnh đến các kênh tiêu thụ, đặc biệt là kênh tại chỗ như nhà hàng và quán bar. Tuy nhiên, thách thức này cũng mở ra nhiều cơ hội cho sự phát triển của các kênh thương mại điện tử, nơi người tiêu dùng đang ngày càng quen thuộc và hình thành thói quen mua sắm mới. Đây được cho là vùng đất mới để các doanh nghiệp bia khai thác nhằm mở rộng hướng kênh tiêu thụ, giảm phụ thuộc vào kênh truyền thống vốn đang bị ảnh hưởng bởi tâm lý hạn chế ăn uống bên ngoài để phòng dịch của người dân. Do đó, trong những năm gần đây, SABECO đã tập trung gia tăng sự hiện diện của mình và tính sẵn có của sản phẩm tại các trang thương mại điện tử hàng đầu nhằm hạn chế những tổn thất từ kênh tiêu thụ tại chỗ cũng như tiếp cận tới nhiều người tiêu dùng hơn nữa.

Một trong những thách thức lớn nhất liên quan đến thị trường chính là sự cạnh tranh của các hãng bia, rượu nước ngoài có thương hiệu với tiềm lực tài chính mạnh và dày dặn kinh nghiệm. Các công ty này đang tiếp tục đầu tư mạnh vào các hoạt động tiếp thị và bán hàng nhằm gia tăng thị phần, đó là chưa kể đến sự cạnh tranh từ các công ty đối thủ trong nước. Do đó, phân khúc phổ thông vốn là một trong những thế mạnh của Tổng Công ty hiện nay đang phải đối mặt với sự cạnh tranh khốc liệt.

Ngoài ra, người tiêu dùng cũng ngày càng quan tâm đến sức khỏe, do đó họ có xu hướng sử dụng nhiều hơn các sản phẩm nước uống không cồn có lợi cho sức khỏe. Những điều này có thể dẫn đến sự thay đổi về tương quan cạnh tranh trong thị trường bia. Mặc dù đang ở vị thế dẫn đầu thị trường Việt Nam, SABECO vẫn chuẩn bị các phương án để đối phó với rủi ro thị trường này thông qua việc cải tiến chất lượng sản phẩm, đẩy mạnh công tác nghiên cứu và phát triển sản phẩm để đa dạng hóa sản phẩm và gia tăng hơn nữa sức mạnh thương hiệu Bia Saigon.



### RỦI RO CHÍNH SÁCH

SABECO chịu ảnh hưởng trực tiếp từ việc thay đổi chủ trương, chính sách của Nhà nước trong quá trình vận hành và ứng phó với những điều kiện cụ thể của tình hình kinh tế, xã hội, cụ thể như sau:

- Trong năm 2021, dịch bệnh Covid-19 tiếp tục diễn biến phức tạp trên toàn thế giới. Chính phủ Việt Nam đã ban hành những chính sách quyết liệt nhằm hạn chế tối đa hậu quả của dịch bệnh đối với sức khỏe của người dân. Tại nhiều địa phương, các biện pháp giãn cách xã hội được áp dụng nghiêm ngặt, yêu cầu người dân hạn chế ra ngoài, cấm tụ tập đông người, ngừng mọi hoạt động vui chơi, lễ hội và yêu cầu đóng cửa các cơ sở dịch vụ không cần thiết như nhà hàng, karaoke và quán bar. Những điều này đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến doanh thu và lợi nhuận của các doanh nghiệp bia nói chung và SABECO nói riêng. Do đó, SABECO luôn phải chủ động chuẩn bị kế hoạch đối ứng cho các kịch bản khác nhau.
- Chính phủ Việt Nam cũng tiến hành sửa đổi và ban hành mới các văn bản pháp luật để hoàn thiện hơn nữa khung pháp lý đầu tư và kinh doanh. Những văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến hoạt động của SABECO chính thức có hiệu lực trong năm 2021 bao gồm:
  - » Luật Doanh nghiệp 2020 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2021 thay đổi nhiều quy định liên quan đến quản trị doanh nghiệp.
  - » Luật Chứng khoán 2019 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2021 bao hàm nhiều nội dung tác động đến các công ty đại chúng và hoạt động trên thị trường chứng khoán.
  - » Luật Đầu tư 2020 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2021, thay đổi nhiều quy định liên quan đến hoạt động đầu tư kinh doanh.

Vì vậy, SABECO tiếp tục thực hiện việc rà soát và điều chỉnh hệ thống quy chế nội bộ của mình nhằm đáp ứng tốt hơn với hệ thống pháp lý hiện hành, tạo tiền đề cho việc tập trung vào các mục tiêu cải thiện sản xuất và tiêu thụ, gia tăng doanh thu và lợi nhuận, giữ vững vị thế trên thị trường.



# BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG

# BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

## KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2021

### Tình hình chung

Năm 2021 là một năm đầy thử thách đối với nền kinh tế thế giới và cả Việt Nam.



### Tổng quan kinh tế thế giới

- Theo Thông cáo báo chí của Chính phủ Việt Nam, mặc dù đại dịch Covid-19 tiếp tục bùng phát mạnh trên phạm vi toàn cầu nhưng tình hình kinh tế thế giới năm 2021 diễn ra khá thuận lợi nhờ vào việc triển khai nhanh chóng chương trình tiêm chủng đã giúp giảm thiểu số ca lây nhiễm tại nhiều quốc gia trên thế giới. Tốc độ tăng trưởng của các nền kinh tế đã có sự thay đổi nhờ vào tốc độ triển khai tiêm chủng và các chính sách hỗ trợ giữa các quốc gia.
- Theo Ngân hàng Thế giới (WB), giá của nhiều mặt hàng đã tăng mạnh trong năm 2021 so với năm 2020. Giá dầu Brent, giá kim loại và một số mặt hàng nông sản đều tăng. Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) và Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD) cũng nhận định rằng lạm phát giá tiêu dùng trên thế giới đã tăng trong những tháng gần đây do ảnh hưởng của việc tăng giá cả hàng hóa, những trở ngại từ phía cung và nhu cầu cao của người tiêu dùng khi nền kinh tế mở cửa trở lại. Rủi ro lạm phát trong ngắn hạn gia tăng. Tác động từ chi phí vận tải và giá hàng hóa cao hơn sẽ gây ra sự gia tăng lạm phát có khả năng kéo dài đến năm 2022.
- Theo Ngân hàng Thế giới (WB), điều kiện tài chính toàn cầu khá khác biệt giữa các nền kinh tế phát triển và các nền kinh tế mới nổi và đang phát triển. Ở các nền kinh tế phát triển, điều kiện tài chính tương đối thuận lợi. Trong khi điều kiện tài chính ở các nền kinh tế mới nổi và đang phát triển đang được thắt chặt kể từ giữa tháng 06/2021. Việc không thể kiểm soát dịch bệnh và rủi ro của từng quốc gia tiếp tục tạo ra chênh lệch về lãi suất và chi phí đi vay, và làm suy yếu đồng nội tệ ở một số nền kinh tế mới nổi và đang phát triển.
- Thương mại toàn cầu tiếp tục hồi phục nhưng có xu hướng chững lại. Theo dự báo của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), khối lượng thương mại toàn cầu chỉ tăng 8% vào năm 2021 và có sự phân hóa giữa các khu vực.
- Hội nghị Liên Hiệp Quốc về Thương mại và Phát triển (UNCTAD) đồng quan điểm với WTO nhưng dự báo tăng trưởng thương mại hàng hóa và dịch vụ ở mức 9,5% vào năm 2021 do dòng chảy thương mại hàng hóa tăng mạnh vào cuối năm 2020, dẫn đến các mô hình dự báo cao hơn của UNCTAD.

- Theo Ngân hàng Thế giới, điều kiện tài chính toàn cầu khá khác biệt giữa các nền kinh tế phát triển và các nền kinh tế mới nổi và đang phát triển. Ở các nền kinh tế phát triển, điều kiện tài chính tương đối thuận lợi. Trong khi điều kiện tài chính ở các nền kinh tế mới nổi và đang phát triển đang được thắt chặt kể từ giữa tháng 06/2021. Việc không thể kiểm soát dịch bệnh và rủi ro của từng quốc gia tiếp tục tạo ra chênh lệch về lãi suất và chi phí đi vay, và làm suy yếu đồng nội tệ ở một số nền kinh tế mới nổi và đang phát triển.
- Các biện pháp phong tỏa để đối phó với đại dịch Covid-19 đã làm chậm lại các dự án đầu tư hiện có. Cuộc khủng hoảng đã tác động tiêu cực đến hầu hết các loại hình đầu tư, đặc biệt là đầu tư trực tiếp vào các dự án công nghiệp và cơ sở hạ tầng. Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) giảm mạnh ở các nền kinh tế tiên tiến nhưng giảm vừa phải ở các nền kinh tế đang phát triển do dòng vốn đầu tư vào châu Á tăng lên. Ở Đông Nam Á, FDI có khả năng tăng, tùy thuộc vào khả năng của các quốc gia trong khu vực trong việc ngăn chặn những làn sóng bùng phát mới của đại dịch vào năm 2021.

Theo báo cáo của IMF, tăng trưởng kinh tế thế giới đang đối mặt với 4 rủi ro và yếu tố phi kinh tế sau:



## 01

Việc phân phối vắc xin ở các thị trường mới nổi và đang phát triển làm cho tỷ lệ tiêm chủng chậm hơn dự kiến. Sự thận trọng trong chi tiêu mua sắm đi kèm với những lo lắng về việc làm và thu nhập.

## 02

Chính sách tài khóa yếu của Mỹ khiến tăng trưởng của Mỹ thấp, làm ảnh hưởng đến các đối tác thương mại của quốc gia.

## 03

Việc thắt chặt đột ngột của các điều kiện tài chính, các thị trường mới nổi và đang phát triển phải đối mặt với tác động kép của các điều kiện tài chính bên ngoài thắt chặt hơn và khủng hoảng sức khỏe, gia tăng sự rạn nứt trong quá trình phục hồi toàn cầu.

## 04

Bất ổn xã hội, căng thẳng địa chính trị, các cuộc tấn công vào cơ sở hạ tầng quan trọng, thiên tai ngày càng gia tăng về mặt tần suất và biến đổi khí hậu.

### Tổng quan kinh tế Việt Nam và thị trường Bia

2021 là một năm đặc biệt với nhiều cơ hội và không ít thách thức với thị trường nói chung và ngành bia nói riêng.



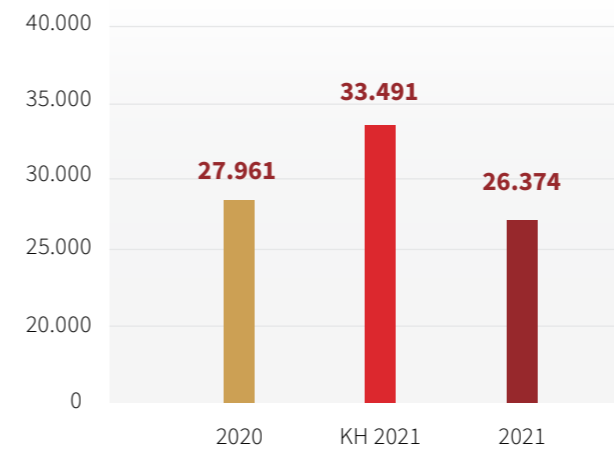
- Theo Ngân hàng Thế giới, nhờ có nền tảng vững chắc, nền kinh tế Việt Nam đã thể hiện được sức bật vượt trội trong những thời điểm khủng hoảng, gần đây là đại dịch Covid-19.
- Theo số liệu của Tổng cục Thống kê Việt Nam (GSO), tốc độ tăng trưởng kinh tế Q3 2021 giảm 6,02% so với cùng kỳ năm trước, đây là mức giảm thấp nhất từ trước đến nay của Việt Nam do đại dịch Covid-19 đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến mọi lĩnh vực của nền kinh tế, nhiều vùng kinh tế trọng điểm đã phải thực hiện các biện pháp giãn cách xã hội kéo dài để ngăn chặn dịch. Tốc độ tăng trưởng kinh tế năm 2021 là 2,58%.
- Việt Nam đang chứng kiến những thay đổi nhanh chóng về mặt dân số và cơ cấu xã hội. Dân số Việt Nam dự kiến sẽ tăng lên 110 triệu người vào năm 2050. Mặc dù bị ảnh hưởng mạnh mẽ bởi làn sóng Covid-19 nhưng cơ cấu dân số của Việt Nam vẫn có dấu hiệu tăng trưởng. Theo dữ liệu mới nhất năm 2021 của GSO, dân số Việt Nam là 98,6 triệu người, tăng từ 97,34 triệu người vào năm 2020, và dự kiến sẽ tăng hơn 99,3 triệu người vào năm 2022.
- Nền kinh tế Việt Nam thuộc nhóm phát triển nhanh với GDP và thu nhập bình quân đầu người ngày càng tăng, tốc độ đô thị hóa nhanh. Dân số cũng đang trên đà tăng và thuộc hàng trẻ nhất trong khu vực. Những yếu tố này sẽ thúc đẩy nhu cầu tiêu thụ và hỗ trợ tăng trưởng trong tương lai cho ngành bia Việt Nam.
- Theo báo cáo được trình bày tại phiên họp của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, hiện Việt Nam đứng đầu Đông Nam Á, xếp thứ 3 châu Á sau Trung Quốc và Nhật Bản về sản lượng tiêu thụ bia hàng năm. Vị trí này cho thấy sức hấp dẫn của thị trường gần 98 triệu dân trong năm 2021 theo báo cáo của Tổng cục Thống kê Việt Nam, thu hút sự tham gia đầu tư của nhiều hãng bia hàng đầu thế giới.
- Trong khi Covid-19 gây ra thiệt hại ngắn hạn, thì Luật phòng chống tác hại rượu bia lại có phạm vi ảnh hưởng lâu dài. Nghị định 100 của Chính phủ ban hành ngày 30/12/2019 quy định các hình thức xử phạt nặng đối với hành vi sử dụng rượu, bia khi tham gia điều khiển phương tiện giao thông. Ngoài ra, Nghị định 24 của Chính phủ ban hành ngày 24/02/2020 đưa ra các quy định khắt khe hơn trước về quảng cáo rượu bia, cụ thể liên quan đến (1) quản lý việc quảng cáo rượu có độ cồn dưới 15% và bia, (2) hạn chế sử dụng hình ảnh diễn viên uống rượu bia trong các tác phẩm điện ảnh, sân khấu, truyền hình và (3) thực hiện biện pháp ngăn ngừa người chưa đủ 18 tuổi tiếp cận, truy cập thông tin và mua rượu bia.

### Kết quả thực hiện các chỉ tiêu của hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021

Trong năm 2021, HĐQT đã chỉ đạo hoạt động theo Luật, Điều lệ, và các quy định khác có liên quan và mang lại kết quả kinh doanh khả quan cho Tổng Công ty cụ thể như sau:

#### Doanh thu thuần

(Tỷ đồng)

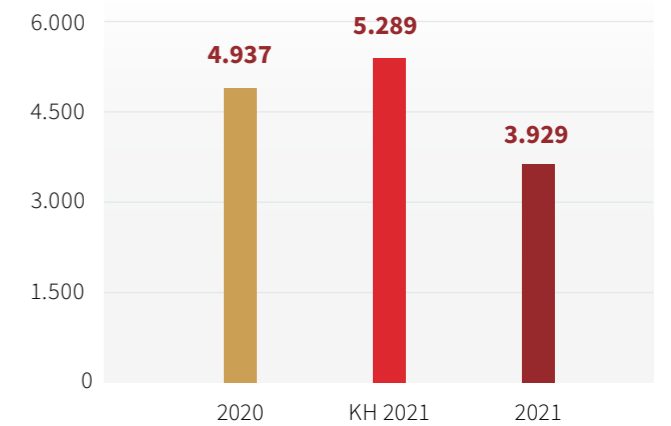


▼ 21,3%  
Vs KH 2021

▼ 5,7%  
Vs 2020

#### Lợi nhuận sau thuế

(Tỷ đồng)



▼ 25,7%  
Vs KH 2021

▼ 20,4%  
Vs 2020



#### Lợi nhuận và cổ tức

Việc tuân thủ các quy định nhằm đảm bảo các lĩnh vực hoạt động kinh doanh đem lại mức lợi nhuận tương đối tốt và tăng trưởng cổ tức bền vững. Theo đó, Tổng Công ty chi trả cổ tức cho cổ đông với tỷ lệ 35%/mệnh giá theo kết quả kinh doanh đã đạt được so với kế hoạch đã được thông qua tại ĐHĐCĐ thường niên 2021.

## Hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2021

Do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, HĐQT đã tổ chức năm (05) phiên họp trực tiếp và trực tuyến trong năm 2021 để triển khai các kế hoạch chiến lược cũng như giám sát hoạt động kinh doanh của toàn hệ thống SABECO.

Ngoài các phiên họp thường kỳ, HĐQT cũng đã thông qua các Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản để chỉ đạo kịp thời, hiệu quả các vấn đề phát sinh trong hoạt động kinh doanh thuộc thẩm quyền của HĐQT.

### Thù lao Hội đồng quản trị

Thù lao HĐQT đã được ĐHCĐ thường niên 2021 thông qua. Các thành viên HĐQT nhận các khoản thù lao theo quy định và chính sách của Tổng Công ty.

### Đánh giá kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và các Ủy ban trực thuộc Hội đồng quản trị

Do quy mô hoạt động của SABECO ngày càng được mở rộng, hoạt động kinh doanh thường xuyên phải được điều chỉnh để phù hợp với tình hình thị trường và những biến động của môi trường kinh tế. Do đó, các thành viên HĐQT đã làm việc với tinh thần trách nhiệm cao nhất, phát huy năng lực lãnh đạo vì sự phát triển bền vững của SABECO và lợi ích cổ đông.

### Hoạt động của các Ủy ban trực thuộc Hội đồng quản trị

- UBKT đã thực hiện việc soát xét BCTC, kiểm soát nội bộ toàn bộ hệ thống SABECO, xem xét các giao dịch của bên liên quan có thể dẫn đến xung đột lợi ích, giám sát việc tuân thủ và phòng chống gian lận, giám sát và đánh giá hiệu quả kiểm toán nội bộ theo Tiêu chuẩn quốc tế về Kiểm toán nội bộ chuyên nghiệp, thông qua các kế hoạch kiểm toán và đánh giá dịch vụ kiểm toán độc lập.
- Thực hiện theo các quy định của pháp luật và Điều lệ, Ông Nguyễn Tiến Vy - Thành viên HĐQT độc lập, phụ trách các hoạt động về nhân sự, lương thưởng nhằm hỗ trợ các vấn đề của HĐQT liên quan đến nguồn nhân lực và thù lao. Đối với hoạt động này, trước khi trình HĐQT xem xét và phê duyệt, thành viên HĐQT phụ trách các hoạt động về nhân sự, lương thưởng đã nghiên cứu, đánh giá, và kiến nghị với Tổng Công ty không chỉ giới hạn ở các vấn đề về nhân sự mà còn xem xét các vấn đề liên quan đến bộ máy tổ chức quản lý công ty, bổ nhiệm các nhân sự điều hành cấp cao của SABECO và các công ty trong hệ thống của SABECO.



05 phiên họp trực tiếp và trực tuyến

### Giao dịch giữa SABECO với các Bên có quyền lợi liên quan

Tất cả giao dịch với các bên có quyền lợi liên quan phát sinh đều được xem xét và phê duyệt nghiêm ngặt theo phân quyền mà trận đã được quy định trong Điều lệ của SABECO. UBKT chịu trách nhiệm xem xét và thảo luận với Kiểm toán độc lập và Ban Điều hành về các giao dịch với các bên có quyền lợi liên quan phức tạp và bất thường nếu cần thiết và bắt buộc.

Thành viên HĐQT và Ban Điều hành được yêu cầu công khai cho HĐQT biết về các lợi ích đáng kể trong bất kỳ một giao dịch hay vấn đề gì ảnh hưởng trực tiếp tới Tổng Công ty, cho dù là trực tiếp, gián tiếp hay thay mặt cho bên thứ ba. HĐQT đảm bảo các giao dịch với các bên có quyền lợi liên quan được thực hiện với các điều kiện thương mại thông thường và không gây tổn hại đến lợi ích của Tổng Công ty.

Ngoài các giao dịch trong hệ thống của SABECO, giao dịch giữa SABECO và các bên có quyền lợi liên quan khác bao gồm:

|                            |   |
|----------------------------|---|
| <b>Tên Công ty</b>         | Công ty TNHH Trung Tâm Mê Linh                |
| <b>Loại hình giao dịch</b> | Cung cấp dịch vụ tư vấn                       |
| <b>Phê duyệt của HĐQT</b>  | Nghị quyết số 61/2021/NQ-HĐQT ngày 18/05/2021 |

### Công tác tự đánh giá của Hội đồng quản trị

Căn cứ theo quy định của Luật Chứng khoán, công tác tự đánh giá của HĐQT được thực hiện bằng hình thức lấy ý kiến các Thành viên HĐQT theo bảy (07) tiêu chí như: (1) Thành phần và cơ cấu HĐQT, (2) Kế hoạch chiến lược và kết quả hoạt động của HĐQT, (3) Quản trị rủi ro và kiểm soát nội bộ, (4) Quản lý thông tin công ty, (5) Quy trình tổ chức họp HĐQT, (6) Hiệu suất làm việc và kế hoạch kế nhiệm của lãnh đạo cấp cao, (7) Chính sách phát triển dành cho HĐQT. Hình thức đánh giá bằng cách sử dụng bảng câu hỏi với thang điểm đánh giá 5 mức độ.

Kết quả là, trong năm 2021, điểm đánh giá hoạt động của HĐQT trong mức “đạt kỳ vọng”. HĐQT đã hoạt động phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ, đem lại kết quả khả quan cho Tổng Công ty. Các chỉ đạo thuộc thẩm quyền của HĐQT về quản trị, giám sát chiến lược, quản trị rủi ro, nhân sự và lương thưởng đã được thực thi một cách chuyên nghiệp. Bên cạnh đó, HĐQT còn đảm bảo việc đối thoại đầy đủ với các cổ đông, nhà đầu tư, cơ quan quản lý và công chúng thông qua chính sách công bố thông tin minh bạch và hiệu quả. Các ý kiến đề xuất nâng cao hiệu quả hoạt động của HĐQT được ghi nhận và triển khai trong năm 2021.



### Giám sát và đánh giá các hoạt động của Ban Điều hành

Căn cứ Điều lệ và Quy chế Quản trị Công ty, HĐQT đã giao Ban Điều hành Tổng Công ty thực hiện các Nghị quyết của HĐQT nhằm hoàn thành các chỉ tiêu Kế hoạch sản xuất kinh doanh.

HĐQT luôn tuân thủ các mục tiêu và định hướng phát triển được ĐHĐCĐ thông qua nhằm đưa ra quyết định và giải pháp thực hiện các nhiệm vụ/ hoạt động kinh doanh cụ thể.

Kết quả chỉ đạo, giám sát các mặt hoạt động của Tổng Công ty thể hiện qua các lĩnh vực như sau:

### Cơ cấu bộ máy tổ chức

- Áp dụng cấu trúc thang bảng lương mới từ Công ty mẹ đến các Công ty con.
- Triển khai dự án chuyển đổi số SABECO 4.0 hướng đến mục tiêu tối ưu hóa, chuẩn hóa và tự động hóa cách làm việc của tất cả các đơn vị trên toàn quốc nhằm khẳng định vị thế dẫn đầu thị trường của SABECO tại thị trường Bia Việt Nam.
- Triển khai Sổ tay phân quyền (MOA) nhằm hỗ trợ sự phối hợp và liên kết giữa các cấp khác nhau cũng như giữa Công ty mẹ và các Công ty con.

### Hoạt động bán hàng – marketing

- Đánh giá danh mục đầu tư các sản phẩm và theo dõi thị phần.
- Thỏa mãn yêu cầu và nhu cầu của khách hàng trong từng phân khúc thị trường.
- Giám sát và hướng dẫn các chương trình hỗ trợ bán hàng để tăng hiệu quả và đảm bảo tính thống nhất trong toàn bộ hệ thống nhằm đạt được kế hoạch bán hàng đã đề ra.
- Tập trung vào các nhà phân phối và kênh phân phối chính để đáp ứng nhu cầu thị trường, xem xét các chiến lược định giá và khả năng cạnh tranh của thị trường.
- Tập trung/ Cùng cố các phân khúc thị trường trọng điểm, các dòng sản phẩm phổ thông và cận cao cấp, để tạo đà phát triển các phân khúc sản phẩm cao cấp hơn.
- Tăng độ phủ và hình ảnh sản phẩm tại các điểm bán (thông qua dự án Tia chớp và dự án hàng trưng bày).
- Mở rộng kênh thương mại hiện đại và kênh thương mại điện tử.
- Cải thiện việc thực thi bán hàng và năng lực của đội ngũ bán hàng, thông qua Hệ thống tự động hóa lực lượng bán hàng (SFA) và Hệ thống quản lý phân phối (DMS).

- Tài trợ cho Leicester City, một trong những đội bóng danh giá của Vương Quốc Anh nhằm quảng bá hình ảnh Bia Saigon trên cả phương tiện truyền thông trong nước và quốc tế.
- Trở thành nhà tài trợ đồng hành của Đội tuyển bóng đá quốc gia Việt Nam.



- Đóng góp nhiều vật dụng thiết yếu cho các khu vực cách ly trên cả nước và hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ trong ngành thực phẩm và đồ uống đang gặp khó khăn vượt qua đại dịch Covid-19.

- Triển khai chiến dịch toàn quốc “Đi lên cùng nhau” để chào mừng ngày Quốc Khánh với việc ra mắt phiên bản lon giới hạn, hợp tác với “Cậu bé thỏ”, một nghệ sĩ gốc Sài Gòn và “Icon Denim”, một thương hiệu thời trang nổi tiếng trong nước; các chương trình CSR “Tiếp sức Việt Nam” và “Góp triệu ngôi sao”.
- Đạt giải thưởng Top 50 Công ty niêm yết tốt nhất Việt Nam lần thứ 5 liên tiếp vào năm 2021.
- Giới thiệu Bộ sưu tập lon bia 63 tinh thành “Bản Sắc Việt” cho dịp Tết 2022
- Trở thành nhà tài trợ chính cho SEA Game 31.



- Ký kết hợp tác chiến lược 3 năm với Tổng cục Du lịch Việt Nam (VNAT) để tổ chức các hoạt động quảng bá các giá trị văn hóa, thể thao và du lịch của Việt Nam.



#### Hoạt động sản xuất và chuỗi cung ứng

- Đảm bảo tiêu chuẩn về chất lượng sản phẩm bằng hình thức cải tiến quy trình thu mua nguyên liệu và quy trình sản xuất.
- Thường xuyên theo dõi tình hình biến động thị trường đối với các mặt hàng nguyên vật liệu phục vụ sản xuất để kịp thời xây dựng kế hoạch mua hàng với giá cả và chất lượng phù hợp nhằm tối ưu hóa chi phí sản xuất.
- Nâng cao hiệu quả và khả năng cho chuỗi cung ứng trong hệ thống SABECO.
- Thực hiện tốt công tác quản lý chất lượng, máy móc thiết bị, nâng cao trình độ năng lực kinh nghiệm cho đội ngũ cán bộ công nhân viên tại các nhà máy trong hệ thống đảm bảo mục tiêu chất lượng và vệ sinh an toàn thực phẩm.
- Quản lý hoạt động thí nghiệm, phân tích bia tại các phòng kiểm nghiệm chất lượng trong hệ thống SABECO, xây dựng, biên soạn tài liệu, duy trì và cải tiến hệ thống quản lý phòng thử nghiệm ISO 17025:2005.
- Đầu tư vào các hoạt động nghiên cứu, phát triển sản phẩm mới và áp dụng công nghệ tiên tiến để đa dạng hóa danh mục sản phẩm, nâng cao chất lượng sản phẩm và giảm chi phí sản xuất. Các quy trình hoạt động của Nhà máy luôn đảm bảo các vấn đề sức khỏe, môi trường phát triển bền vững.
- Quy hoạch kho, xây dựng bản đồ vận tải, tập trung quản trị vận tải vượt trội; đa dạng hóa các phương thức vận tải, đảm bảo cung cấp đủ hàng vào các dịp cao điểm.
- Đạt được các thành tích nổi bật trên đấu trường quốc tế như Huy chương Vàng của giải thưởng Bia Quốc tế Úc dành cho Bia Saigon Gold, Huy chương Bạc của giải thưởng Bia Quốc tế Úc dành cho Bia Saigon Chill, Huy chương Bạc của giải thưởng Bia Quốc tế Úc dành cho Bia Saigon Lager, cùng với nhiều giải thưởng quan trọng khác.
- Triển khai Hệ thống quản lý vận tải (TMS) và Hệ thống quản lý kho hàng (WMS) là những phần quan trọng của Dự án SABECO 4.0.

#### Hoạt động đầu tư phát triển

- Đảm bảo tuân thủ pháp luật và các quy định của SABECO trong quá trình thực hiện các dự án đầu tư.
- Đầu tư vào các dự án mở rộng năng lực sản xuất nhằm đáp ứng nhu cầu kinh doanh.

#### Công tác nhân sự

- Sắp xếp, điều chỉnh, kiện toàn các bộ phận chuyên môn nhằm tinh gọn bộ máy và phù hợp với yêu cầu sản xuất kinh doanh thông qua việc rà soát chức năng nhiệm vụ của các bộ phận thuộc Tổng Công ty, công ty con, chuẩn hóa các bản mô tả công việc nhằm đánh giá đúng năng lực nhân viên.
- Áp dụng cấu trúc lương mới với hệ thống đánh giá các chỉ số đo lường hiệu quả công việc (KPI) cho các Công ty thương mại.
- Ban hành Bộ Quy tắc Đạo đức Kinh doanh.
- Kiện toàn cơ cấu bộ máy tổ chức bằng việc kết hợp giữa kinh nghiệm quản lý quốc tế phong phú, hiểu biết sâu về địa phương và mạng lưới, có chuyên môn cao.

#### Hoạt động của các công ty con, công ty liên kết

- Tại thời điểm 31/12/2021, SABECO có 26 công ty con với tỷ lệ sở hữu trên 50% vốn, 18 công ty liên doanh.
- Các công ty con, công ty liên kết, liên doanh của SABECO hoạt động trong lĩnh vực chính (sản xuất, tiêu thụ bia) và ngành nghề phụ trợ trực tiếp (bao bì, vận tải, cơ khí) nhìn chung đều đạt kết quả kinh doanh khả quan mặc dù bị tác động bởi dịch Covid-19, qua đó đóng góp vào kết quả hoạt động chung và gia tăng hiệu lợi nhuận, hiệu quả sử dụng vốn của SABECO.



# BÁO CÁO CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP

## THÀNH PHẦN, CƠ CẤU ỦY BAN KIỂM TOÁN



Ủy ban Kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị SABECO gồm có 3 thành viên, trong đó:

**Ông Pramoad Phornprapha**

**Thành viên HĐQT độc lập, Chủ tịch UBKT**

**Ông Nguyễn Tiến Vy**

**Thành viên HĐQT độc lập, Thành viên UBKT**

**Ông Michael Chye Hin Fah**

**Thành viên HĐQT, Thành viên UBKT**

## THÙ LAO, CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG VÀ CÁC LỢI ÍCH KHÁC CỦA ỦY BAN KIỂM TOÁN

UBKT nhận thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ và quy chế của Tổng Công ty.

## CUỘC HỌP CỦA ỦY BAN KIỂM TOÁN

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021, UBKT đã tổ chức 05 cuộc họp với sự tham dự của các thành viên như sau:

| STT | Thành viên Ủy ban Kiểm toán | Chức vụ    | Số buổi họp tham dự | Tỷ lệ tham dự họp | Tỷ lệ biểu quyết | Lý do không tham dự họp   |
|-----|-----------------------------|------------|---------------------|-------------------|------------------|---------------------------|
| 1   | Ông Pramoad Phornprapha     | Chủ tịch   | 4/5                 | 80%               | 80%              | Vắng mặt vì lí do cá nhân |
| 2   | Ông Nguyễn Tiến Vy          | Thành viên | 5/5                 | 100%              | 100%             |                           |
| 3   | Ông Michael Chye Hin Fah    | Thành viên | 5/5                 | 100%              | 100%             |                           |

## HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT ĐỐI VỚI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH

- Giám sát trực tiếp hoạt động của HĐQT và Ban Điều hành thông qua các cuộc họp, thảo luận và trao đổi với HĐQT và Ban Điều hành cũng như tiếp xúc trao đổi với Kiểm toán nội bộ và Kiểm toán độc lập.
- Tổ chức các cuộc họp thường xuyên với Kiểm toán nội bộ và Ban Điều hành để trao đổi về các vấn đề của SABECO.
- Giám sát hoạt động của Ban Điều hành thông qua việc chấp hành các Nghị quyết của HĐQT (nếu có).

## SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA ỦY BAN KIỂM TOÁN ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN ĐIỀU HÀNH VÀ CỔ ĐÔNG

- UBKT luôn phối hợp tốt với các thành viên HĐQT, Ban Điều hành trong phạm vi công việc của mình.
- UBKT báo cáo định kỳ kết quả giám sát lên HĐQT.
- UBKT nhận được sự hỗ trợ từ HĐQT và Ban Điều hành để hoàn thành nhiệm vụ của mình cho năm 2021.
- UBKT giám sát báo cáo tài chính định kỳ và kết quả hoạt động tài chính.



## KẾT QUẢ GIÁM SÁT CỦA ỦY BAN KIỂM TOÁN



### Báo cáo tài chính

UBKT đã thực hiện giám sát BCTC quý, bán niên và cả năm trước khi Ban Điều hành báo cáo trình HĐQT để HĐQT thông qua và trình cổ đông tại ĐHĐCĐ hoặc công bố ra bên ngoài theo quy định của pháp luật, có ý kiến về tính trung thực, đầy đủ, đúng hạn và tính phù hợp của BCTC với chế độ và chuẩn mực kế toán và các quy định pháp luật hiện hành. Đối với năm 2021, kết quả giám sát cho thấy:

- BCTC quý, năm được lập và công bố phù hợp với chuẩn mực kế toán và các quy định của pháp luật hiện hành.
- Tuy pháp luật không yêu cầu, BCTC Q1 2021 và Q3 2021 vẫn được soát xét bởi đơn vị Kiểm toán độc lập nhằm nâng cao độ tin cậy của BCTC trước khi công bố.
- Trong năm không có thay đổi lớn nào của chế độ kế toán, chuẩn mực kế toán, chính sách thuế có tác động trọng yếu tới tình hình tài chính và BCTC.
- Không có sai số trọng yếu nào liên quan đến ước tính kế toán (như các khoản dự phòng, định giá lợi thế thương mại,...).
- UBKT đã xem xét ý kiến của đơn vị kiểm toán độc lập trong thư quản lý về việc cải thiện hệ thống kiểm soát nội bộ của SABECO và đánh giá là không có ảnh hưởng trọng yếu nào đến việc lập và công bố BCTC. Bên cạnh đó, UBKT cũng đã thống nhất với Ban Điều hành và các bên có quyền lợi liên quan về giải pháp cải thiện các vấn đề trong thư quản lý.

### Giao dịch với các bên liên quan

UBKT xem xét và đánh giá các giao dịch với các bên liên quan SABECO thực hiện mà các giao dịch này có thể dẫn đến xung đột về lợi ích. Các giao dịch này được thực hiện dựa trên nguyên tắc giao dịch độc lập, hợp lý, theo các điều khoản thương mại thông thường và vì lợi ích cao nhất của Tổng Công ty với các thủ tục phê duyệt phù hợp như công bố thông tin đầy đủ và chính xác.

### Tuân thủ và chống gian lận

UBKT thực hiện giám sát tính hiệu quả các hoạt động kiểm soát nội bộ của SABECO nhằm phòng chống gian lận và đảm bảo tuân thủ điều lệ, quy chế nội bộ của Tổng Công ty cũng như pháp luật hiện hành. UBKT chú trọng giám sát tính hiệu quả của kiểm toán nội bộ cũng như giám sát hệ thống quản lý rủi ro. UBKT rà soát hệ thống kiểm soát nội bộ hàng quý của SABECO dựa vào báo cáo kiểm toán của Ban Kiểm toán nội bộ. Báo cáo bao gồm các khuyến nghị đề xuất cải thiện một số hoạt động kiểm soát nội bộ để hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty đầy đủ hơn, phù hợp và đạt hiệu quả cao. Ngoài ra, UBKT còn hỗ trợ SABECO trong việc thiết lập kênh tiếp nhận các báo cáo sai phạm, đánh giá các khoản đầu tư trước khi SABECO thoái vốn và góp ý để xây dựng chính sách quản trị rủi ro.

### Hoạt động kiểm toán nội bộ

UBKT giám sát các hoạt động kiểm toán nội bộ của Tổng Công ty bao gồm phê duyệt kế hoạch kiểm toán năm, đánh giá hiệu suất hoạt động của Ban Kiểm toán nội bộ, giám sát tính độc lập của Ban Kiểm toán nội bộ, đảm bảo Ban Kiểm toán nội bộ báo cáo trực tiếp với UBKT và đưa ra các khuyến nghị để Ban Kiểm toán nội bộ cải thiện hiệu suất hoạt động phù hợp với Chuẩn mực Quốc tế về Thực hành Chuyên môn Kiểm toán nội bộ và kế hoạch kiểm toán đã được phê duyệt. UBKT nhận thấy các cuộc kiểm toán nội bộ đều đạt được mục tiêu và hoàn thành theo đúng kế hoạch kiểm toán.

### Dịch vụ Kiểm toán độc lập

UBKT đánh giá đề xuất và việc thực hiện kế hoạch kiểm toán năm 2021 của Công ty kiểm toán độc lập là phù hợp với yêu cầu của Tổng Công ty về phạm vi, đối tượng, phương pháp và tiến độ thực hiện các cuộc kiểm toán cũng như đảm bảo đáp ứng các yêu cầu khác như chất lượng dịch vụ kiểm toán, tính độc lập và bảo đảm không xung đột lợi ích của kiểm toán độc lập.

Đối với việc thực hiện kế hoạch kiểm toán năm 2021, Công ty kiểm toán KPMG đã hoàn thành tốt nhiệm vụ, đáp ứng kỳ vọng của UBKT, đảm bảo độ tin cậy và tính trung thực của báo cáo tài chính mà Tổng Công ty đã công bố cho cổ đông và các bên có lợi liên quan.

Việc lựa chọn đơn vị Kiểm toán độc lập cho năm tài chính 2022, HĐQT sẽ trình ĐHĐCĐ biểu quyết lựa chọn.

# BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

## ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2020

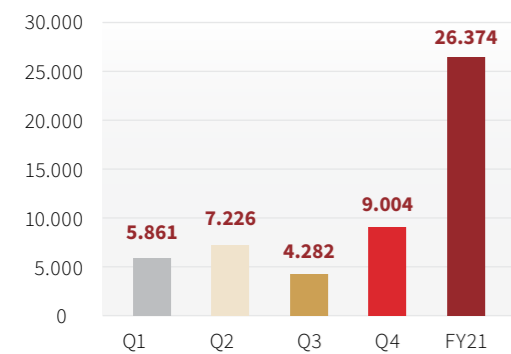
Năm 2021 tiếp tục là một năm cực kỳ thách thức đối với SABECO nói riêng và ngành bia Việt Nam nói chung do những tác động bất lợi từ làn sóng thứ 3 và thứ 4 của đại dịch Covid-19 cùng với các biện pháp giãn cách xã hội nghiêm ngặt được áp dụng tại TP. Hồ Chí Minh và các tỉnh phía Nam. Sản lượng tiêu thụ bia tại cả hai kênh tiêu thụ mang về và tại chỗ đều sụt giảm đáng kể do các nhà hàng ăn uống bị đóng cửa trong khi việc vận chuyển các mặt hàng không thiết yếu, bao gồm các sản phẩm bia thì bị cấm theo Chỉ thị 16. Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty bắt đầu phục hồi vào Q4 2021 sau khi Việt Nam nới lỏng các hạn chế về giãn cách xã hội.

### Tình hình bán hàng

Tình hình bán hàng của SABECO đã tăng trưởng tốt trước khi bắt đầu suy giảm kể từ tháng 05/2021 do sự bùng phát mạnh mẽ của dịch bệnh Covid-19 và những quy định nghiêm ngặt về giãn cách xã hội được áp dụng tại TP. Hồ Chí Minh và các tỉnh miền Nam. Tuy nhiên, SABECO đã nỗ lực giảm thiểu những tổn thất từ việc suy giảm doanh thu và giành được thị phần bất chấp mọi thách thức, nhờ vào (1) hệ thống phân phối rộng khắp cả nước, đặc biệt ở những nơi chịu ít tác động của dịch bệnh như là miền Bắc và khu vực nông thôn, (2) phát triển các kênh thương mại hiện đại và thương mại điện tử, (3) triển khai các chương trình tiếp thị và khuyến mại hiệu quả, và cuối cùng là (4) xu hướng chuyển dịch sang các phân khúc thấp hơn của người tiêu dùng đã củng cố thêm thể mạnh của SABECO trong phân khúc phổ thông.

### Doanh thu thuần

(Tỷ đồng)



### Doanh thu thuần

Doanh thu thuần đạt 26.374 tỷ đồng, giảm 5,7% so với cùng kỳ do sản lượng tiêu thụ giảm mặc dù đã được bù đắp bởi việc tăng giá bán đối với hầu hết các sản phẩm.

### Lợi nhuận gộp

Lợi nhuận gộp đạt 7.609 tỷ đồng, giảm 10,5% so với cùng kỳ chủ yếu do doanh thu giảm và chi phí nguyên vật liệu tăng cũng như tác động của việc trích lập dự phòng bao bì và chi phí cố định phải gánh cho việc doanh số giảm trong giai đoạn phong tỏa.

### Chi phí hoạt động

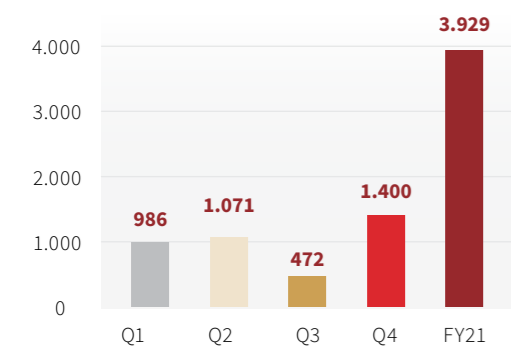
Chi phí quản lý doanh nghiệp là 598 tỷ đồng, giảm 14,9% so với cùng kỳ nhờ vào việc kiểm soát tốt chi phí. Trong khi đó, chi phí bán hàng là 3.500 tỷ đồng, tăng 22,4% so với cùng kỳ chủ yếu là do việc tăng chi phí quảng cáo và tiếp thị để phục vụ cho các hoạt động tài trợ bóng đá và hàng loạt các chương trình khuyến mại dành cho người tiêu dùng cũng như chi phí cho nhân viên bán hàng/tiếp thị cao hơn để đầu tư phát triển điểm bán.

### Lợi nhuận sau thuế

Lợi nhuận sau thuế đạt 3.929 tỷ đồng, giảm 20,4% so với cùng kỳ do lợi nhuận gộp giảm và chi phí quảng cáo và tiếp thị tăng.

### Lợi nhuận sau thuế

(Tỷ đồng)



### Chỉ tiêu tài chính hợp nhất

| Chỉ số tài chính                             | Đơn vị | 2020   | 2021   |
|--|--------|--------|--------|
| <b>Chỉ tiêu tăng trưởng</b>                  |        |        |        |
| Doanh thu thuần                              |        | -26,2% | -5,7%  |
| Lợi nhuận gộp                                |        | -11,0% | -10,5% |
| Lợi nhuận ròng                               | %      | -8,1%  | -20,4% |
| Tổng tài sản                                 |        | 1,5%   | 11,4%  |
| Vốn chủ sở hữu                               |        | 5,7%   | 6,5%   |
| <b>Khả năng thanh toán</b>                   |        |        |        |
| Thanh toán hiện tại                          |        | 3,77   | 3,15   |
| Thanh toán nhanh                             | Lần    | 3,45   | 2,90   |
| Thanh toán tiền mặt                          |        | 3,34   | 2,84   |
| <b>Khả năng hoạt động</b>                    |        |        |        |
| Số vòng quay hàng tồn kho                    |        | 10,53  | 11,44  |
| Số vòng quay khoản phải thu                  |        | 246,37 | 309,74 |
| Số vòng quay khoản phải trả                  | Lần    | 9,54   | 9,26   |
| Số vòng quay tổng tài sản                    |        | 1,03   | 0,91   |
| <b>Chỉ tiêu hiệu quả</b>                     |        |        |        |
| Biên lợi nhuận gộp                           |        | 30,4%  | 28,8%  |
| Biên lợi nhuận ròng                          |        | 17,7%  | 14,9%  |
| ROE  |        | 23,9%  | 17,9%  |
| ROA  | %      | 18,2%  | 13,6%  |
| Giá vốn hàng bán/Doanh thu thuần             |        | 69,6%  | 71,2%  |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp/Doanh thu thuần |        | 2,5%   | 2,3%   |
| Chi phí bán hàng/Doanh thu thuần             |        | 10,2%  | 13,3%  |
| <b>Chỉ tiêu rủi ro</b>                       |        |        |        |
| Nợ trên vốn chủ                              | Lần    | 0,32   | 0,32   |
| Khả năng thanh toán lãi vay                  |        | 106,42 | 112,13 |

**Tài sản**

30.487 tỷ đồng

▲ 11.4% vs 2020

Tổng tài sản là 30.487 tỷ đồng, tăng 11,4% so với cùng kỳ.

Tài sản ngắn hạn tăng 17,2% so với cùng kỳ chủ yếu đến từ việc tăng khoản mục tiền và các khoản tương đương tiền, tiền gửi có kỳ hạn và hàng tồn kho.

Tài sản dài hạn giảm 3,2% so với cùng kỳ chủ yếu đến từ việc thoái vốn của OCB và DIG, và lợi nhuận từ các khoản đầu tư liên doanh, liên kết giảm.

**Nợ phải trả**

7.892 tỷ đồng

▲ 28.1% vs 2020

Nợ phải trả là 7.892 tỷ đồng, tăng 28,1% so với cùng kỳ chủ yếu đến từ khoản phải trả cổ tức năm 2021, khoản phải trả cho bao bì và dự án mở rộng Nhà máy Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi và chi phí marketing và hỗ trợ bán hàng tăng.

**Vốn chủ sở hữu**

22.595 tỷ đồng

▲ 6.5% vs 2020

Vốn chủ sở hữu là 22.595 tỷ đồng, tăng 6,5% so với cùng kỳ là nhờ vào lợi nhuận lũy kế trong kỳ.

**Đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh và liên kết**

Tại ngày 31/12/2021, SABECO có 5 công ty con với tỷ lệ sở hữu 100%, 21 công ty con với tỷ lệ sở hữu trên 50% và 18 công ty liên doanh và liên kết

Các công ty con, công ty liên doanh và liên kết của SABECO hoạt động trong lĩnh vực chính (sản xuất và kinh doanh bia) và các lĩnh vực liên quan khác (bao bì và cơ khí) nhìn chung đều đạt kết quả kinh doanh khả quan trong năm 2021 đầy thách thức và khó khăn.

Trong năm 2021, Công ty cổ phần Nước giải khát Chương Dương đã hoàn thành việc xây dựng nhà máy mới tại Nhơn Trạch, ra mắt sản phẩm Sà Xị không đường mới mang tên Sà Xị Zero nhằm hướng đến những người tiêu dùng quan tâm sức khỏe, và tổ chức lễ động thổ dự án nhà kho xây theo yêu cầu tại Khu công nghiệp Mỹ Phước 3 với tổng vốn đầu tư hơn 320 tỷ đồng. Trong khi đó, Công ty cổ phần Rượu Bình Tây cũng cho ra mắt dòng sản phẩm rượu nhẹ có ga Feel Cocktail với 3 hương vị khác nhau để bắt kịp xu hướng đồ uống chuẩn bị sẵn đang thịnh hành, cũng như làm mới thương hiệu Rượu Nàng Hương với bao bì cao cấp hơn.

Ngoài ra, SABECO cũng thực hiện với thoái vốn tại 2 công ty (OCB và DIG) nhằm mang lại lợi nhuận tốt hơn cho SABECO.



## DẤU ẤN NĂM 2021

**Bán hàng** Trong năm 2021, SABECO tiếp tục tập trung vào việc tăng cường phân phối sản phẩm và gia tăng độ phủ hình ảnh tại các điểm tiêu thụ thông qua các chiến dịch ra quân thần tốc và dự án hàng trưng bày, cùng với việc triển khai hàng loạt các chương trình khuyến mại hấp dẫn cho thương hiệu Bia Saigon và 333.

Do sự bùng phát của dịch bệnh Covid-19 và các quy định về giãn cách xã hội do chính phủ ban hành đã dẫn đến việc hầu như không có doanh số bán hàng tại các kênh tiêu thụ tại chỗ, SABECO đã tập trung phát triển các kênh tiêu thụ mang về hơn so với các kênh tiêu thụ tại chỗ, cũng như gia tăng việc thâm nhập vào các kênh thương mại hiện đại và các nền tảng thương mại điện tử nhằm nâng cao thị phần và tiếp cận với nhiều người tiêu dùng hơn. Ngoài ra, với mục đích cung cấp các dịch vụ tiện lợi và nâng cao trải nghiệm của khách hàng trong giai đoạn giãn cách xã hội, dịch vụ giao bia tận nhà cũng đã được triển khai trên toàn quốc.

Bên cạnh đó, cải thiện việc thực thi bán hàng và năng lực của đội ngũ bán hàng cũng là một trong những mục tiêu chiến lược của SABECO trong năm 2021. Bằng việc triển khai từng bước các giải pháp kỹ thuật số như Hệ thống quản lý kênh phân phối (DMS) và Hệ thống tự động hóa lực lượng bán hàng (SFA) cho các công ty thương mại, quy trình bán hàng đã được tối ưu hóa và tiêu chuẩn hóa, qua đó nâng cao năng lực cạnh tranh và năng suất của đội ngũ bán hàng. Ngoài ra, Tổng Công ty cũng đã tổ chức nhiều chương trình đào tạo bán hàng trong năm nhằm chuyên nghiệp hóa lực lượng bán hàng, hướng tới việc phục vụ tốt hơn cho các nhà phân phối và người tiêu dùng.



## Đầu tư thương hiệu

Trong bối cảnh sự cạnh tranh ngày càng trở nên khốc liệt, SABECO đã tập trung đầu tư vào các hoạt động quảng bá hình ảnh để tăng cường nhận diện và giá trị thương hiệu.

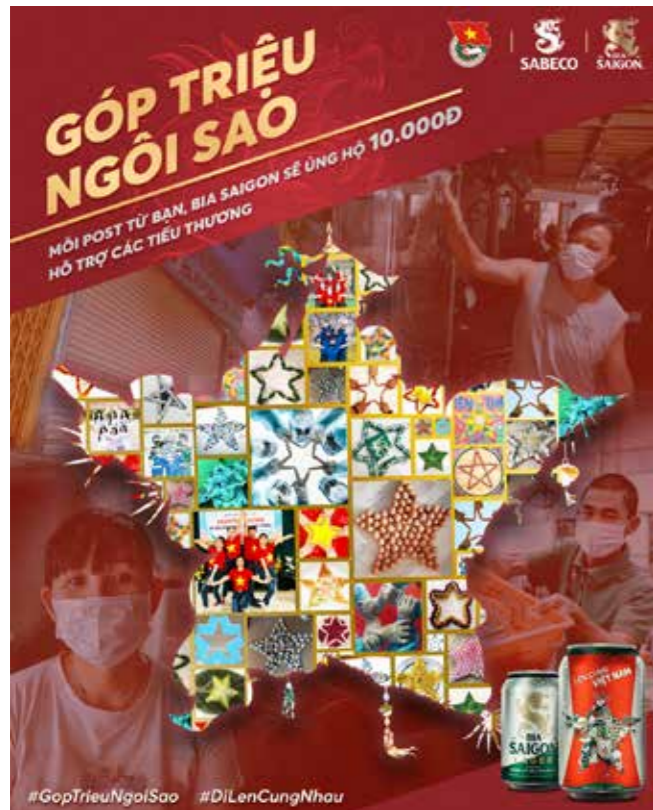
Bên cạnh việc lắp đặt hàng loạt các biển quảng cáo tại những thành phố trọng điểm, cải thiện và gia tăng biển hiệu tại các điểm tiêu thụ, SABECO thông qua thương hiệu Bia Saigon Chill còn là nhà tài trợ vàng cho đại nhạc hội Rap Việt All-Star 2021 rất được giới trẻ mong đợi.

Ngoài ra, thương hiệu Bia Saigon còn hỗ trợ các hoạt động thể thao của nước nhà thông qua việc tài trợ cho đoàn thể thao Việt Nam tại SEA Games 31 sắp tới, đồng thời còn là đối tác chính và nhà tài trợ độc quyền trong ngành bia cho đội tuyển bóng đá quốc gia Việt Nam giai đoạn 2021-2022, qua đó củng cố Bia Saigon là niềm tự hào Việt Nam.

Là một phần trong nỗ lực lan tỏa thông điệp tích cực về sự đoàn kết trong đại dịch, SABECO đã thực hiện chiến dịch chào mừng ngày Quốc Khánh mang tên “Đi lên cùng nhau” bằng cách cho ra mắt phiên bản lon giới hạn của Bia Saigon Lager do Cựu Bé Thơ thiết kế, một nghệ sĩ mới nổi tại Sài Gòn, và hợp tác với Icon Denim, một thương hiệu thời trang nổi tiếng trong nước, để cho ra mắt bộ sưu tập thời trang độc đáo.

Để chào mừng năm mới 2022, SABECO đã triển khai toàn diện các chiến dịch Tết cho cả hai thương hiệu Bia Saigon và 333. Điểm nhấn trong chiến dịch lần này chính là sự ra mắt của bộ sưu tập lớn nhất gồm 63 lon Bia Saigon Lager phiên bản giới hạn, mang hình ảnh đặc trưng của từng vùng miền. Ngoài ra, SABECO cũng giới thiệu tới công chúng sản phẩm Bia Saigon Gold phiên bản giới hạn đặc biệt với hình dáng và màu sắc của một thỏi vàng lấp lánh, tượng trưng cho sự giàu có và thịnh vượng. Màn ra mắt ấn tượng với những chiếc xe chở đầy “vàng” diễu hành khắp TP. Hồ Chí Minh đã tạo được tiếng vang và thu hút sự chú ý lớn. Với hương vị bia hảo hạng, thiết kế ấn tượng cùng thông điệp ý nghĩa, Bia Saigon Gold tiếp tục là một món quà Tết quý giá, qua đó khẳng định vị thế của mình trên thị trường bia Việt Nam.





## Sản xuất

Các sản phẩm bia của SABECO đã đạt được nhiều giải thưởng danh giá từ các cuộc thi quốc tế khác nhau trong năm 2021

Cùng với dự án SABECO 4.0, phần mềm Quản lý Sản xuất đã được triển khai, hoàn thiện và đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2019-2020, và được ứng dụng thành công cho các nhà máy, qua đó nâng cao công tác quản lý chất lượng và hiệu quả sản xuất của SABECO. Bên cạnh đó, Tổng Công ty đã đưa vào sử dụng hệ thống năng lượng mặt trời tại 8 nhà máy, hướng tới hiệu quả chi phí và giảm thiểu lượng phát thải khí nhà kính, cũng như hỗ trợ các công ty con trong việc thực hiện các dự án mở rộng quy mô công suất nhà máy.

Khối Sản xuất còn thành lập Tổ Hỗ trợ Kỹ thuật SABECO gồm các thành viên là những chuyên gia giỏi đến từ các nhà máy khác nhau để nghiên cứu và ứng dụng các giải pháp tiên tiến vào quy trình sản xuất, đồng thời hỗ trợ các nhà máy nâng cao hiệu quả và chất lượng sản xuất.

Các sản phẩm bia của SABECO đã đạt được nhiều giải thưởng danh giá từ các cuộc thi quốc tế khác nhau trong năm 2021, bao gồm Huy chương Vàng cho Bia Saigon Gold và Huy chương Bạc cho Bia Saigon Lager và Bia Saigon Chill tại Giải thưởng Bia Quốc tế Úc 2021, cũng như Huy chương Vàng cho Bia Saigon Special và Huy chương Bạc cho Bia Saigon Export, Bia Saigon Lager và 333 do Monde Selection trao tặng. Những thành tích này đã tái khẳng định cam kết của Tổng Công ty về chất lượng sản phẩm, nâng cao giá trị thương hiệu không chỉ ở thị trường trong nước mà còn vươn tầm quốc tế, qua đó mang lại niềm tự hào cho Việt Nam.



### Huy chương Vàng

Giải thưởng Bia Quốc tế Úc 2021



### Huy chương Bạc

Giải thưởng Bia Quốc tế Úc 2021



### Huy chương Vàng

Monde Selection 2021



### Huy chương Bạc

Monde Selection 2021

## Chuỗi cung ứng

Do tác động của các quy định về giãn cách xã hội, SATRACO đã phối hợp chặt chẽ với tất cả các nhà máy để thực hiện việc quản lý đồng bộ, nhằm không chỉ kiểm soát tình hình Covid-19 trong hệ thống mà còn đảm bảo chất lượng hàng hóa và sự ổn định nguồn hàng trên thị trường. Tình hình biến động thị trường ở tất cả các khu vực đều được theo dõi chặt chẽ thông qua các cuộc họp hàng tuần về bán hàng và vận hành, từ đó đánh giá và đưa ra các giải pháp phù hợp cho từng kịch bản khác nhau nhằm cân đối giữa nhu cầu sản xuất và cung ứng, cũng như tránh làm gián đoạn chuỗi cung ứng. Các nhà kho và nhà cung cấp vận chuyển cũng được giám sát nghiêm ngặt việc tuân thủ các quy định an toàn về phòng chống dịch bệnh Covid-19.

Ngoài ra, việc ứng dụng Hệ thống quản lý vận tải (TMS) kết hợp với Hệ thống quản lý kho hàng (WMS) giúp theo dõi tình trạng tồn kho theo thời gian thực, tối ưu hóa tuyến đường vận chuyển và số lượng kho hàng cần có, không ngừng cải thiện hiệu quả hoạt động và tiết giảm chi phí nhưng vẫn đảm bảo được hương vị bia tươi mới.

## Chi phí

Hướng tới việc không ngừng tối ưu hóa chi phí, SABECO tiếp tục thực hiện nhiều sáng kiến, bao gồm chủ động mua trước nguyên vật liệu và bao bì, tiết giảm việc tiêu thụ năng lượng và lãng phí nguyên vật liệu, cài đặt hệ thống năng lượng mặt trời, thực hiện việc mua chung nguyên vật liệu trong hệ thống, chi tiêu khôn ngoan cho những gì là “phải có” và hoãn lại những gì là “nếu có thì hay”, cũng như áp dụng các giải pháp chuyển đổi số.



## Con người



Với mục tiêu duy trì hoạt động kinh doanh những vẫn đảm bảo được an toàn và sức khỏe cho toàn thể cán bộ công nhân viên trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19, kế hoạch BCP đã được kích hoạt trên toàn hệ thống vào thời điểm thích hợp, dưới sự giám sát chặt chẽ của Ban Điều hành và các công ty thành viên. Đồng thời, Tổng Công ty còn cung cấp các vật dụng thiết yếu và những hướng dẫn chi tiết về việc phòng chống dịch bệnh Covid-19, cũng như nhanh chóng phối hợp với Trung tâm Kiểm soát Bệnh tật TP. Hồ Chí Minh (HCDC) và lực lượng y tế để triển khai công tác tiêm chủng cho tất cả nhân viên.

Tổng Công ty còn thực hiện chương trình SABECO Care nhằm tư vấn và chăm sóc sức khỏe dành riêng cho đội ngũ nhân viên tuyến đầu như là nhân viên bán hàng và tiếp thị do đặc thù công việc của họ phải thường xuyên di chuyển và tiếp xúc với nhiều khách hàng. Các nhà máy áp dụng mô hình “3 tại chỗ” cũng được trang bị đầy đủ các vật dụng và phương tiện cần thiết, và kiểm tra Covid-19 thường xuyên theo quy định của chính quyền địa phương.

# ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2022

## KINH TẾ VĨ MÔ VÀ THỊ TRƯỜNG BIA NĂM 2022

### Tổng quan

- Căn cứ Nghị quyết của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2022, mục tiêu năm 2022 tăng trưởng GDP là 6-6,5%, quy mô GDP bình quân đầu người khoảng 4.700-5.000USD/người, chỉ số giá tiêu dùng bình quân đạt 4%, bội chi ngân sách nhà nước tương đương khoảng 4% GDP.
- Tại cuộc họp của Quốc hội, Chính phủ cho rằng năm 2022 với nhiều nhân tố mới, cùng với xu thế chung trên thế giới, Việt Nam phải xác định “sống chung với dịch” để từng bước phục hồi, mặc dù mức độ phục hồi có thể không đồng đều; phải thực hiện chuyển đổi số nhanh hơn và mạnh hơn song song với mục tiêu khống chế dịch bệnh bùng phát; chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tự chủ cao, nâng cao khả năng thích ứng, chủ động ứng phó với biến đổi kể cả trong bối cảnh dịch bệnh kéo dài. Đồng thời, Chính phủ cũng đang xem xét điều chỉnh chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ phù hợp, khả thi, linh hoạt và thích ứng với bối cảnh dịch bệnh kéo dài; tập trung thực hiện 3 trọng tâm: (1) khôi phục và thúc đẩy sản xuất kinh doanh; (2) đẩy mạnh kinh doanh xuất khẩu; (3) đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công và huy động các nguồn lực xã hội, phát triển đồng bộ hệ thống cơ sở hạ tầng, nhất là hạ tầng chiến lược.
- Theo Ngân hàng Thế giới, Việt Nam vẫn là điểm đến hấp dẫn của các nhà đầu tư trong trung hạn. Các nền tảng cơ bản vững chắc của Việt Nam sẽ giúp các nhà đầu tư phòng ngừa trước những biến động ngắn hạn do đại dịch Covid-19 gây ra. Về nội tại, tiêu dùng trong nước và đầu tư công vẫn sẽ đóng vai trò quan trọng trong việc phục hồi tăng trưởng kinh tế vào năm 2022.
- Với việc sửa đổi Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư, Luật Chứng khoán và các Nghị định có liên quan nhằm nâng cao tính minh bạch của môi trường đầu tư, đặc biệt là đối với các nhà đầu tư nước ngoài, Việt Nam mong muốn có thể gia tăng quy mô thị trường chứng khoán tương đương với GDP quốc gia năm 2021. Vốn hóa thị trường lớn hơn sẽ giúp cho Việt Nam chuyển đổi từ thị trường cận biên sang thị trường mới nổi.



Ngành bia Việt Nam đang chịu ảnh hưởng nặng nề từ hai vấn đề chưa từng có tiền lệ là đại dịch Covid-19 và những quy định khắt khe của Chính phủ.

### Thị trường Bia năm 2022

- Cuối năm 2021, đầu năm 2022, điểm sáng phục hồi hoạt động kinh tế - xã hội nói chung và ngành sản xuất kinh doanh bia nói riêng là triển khai kích cầu hoạt động du lịch, nhà hàng. Các dịch vụ ăn uống được phép hoạt động trở lại nhưng phải tuân thủ các quy định nghiêm ngặt về phòng chống đại dịch.
- Ngành sản xuất kinh doanh bia vẫn gặp những thách thức do giá nguyên vật liệu đầu vào và bao bì tăng, khan hiếm hàng hóa, tắc nghẽn giao thông và cước phí vận tải tăng cao (do tình hình dịch bệnh, thiên tai, các quy định phong tỏa) đã đẩy giá cả hàng hóa lên cao trong bối cảnh đại dịch.
- Thị trường Bia tiếp tục đối mặt với khó khăn do Nghị định 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ có hiệu lực từ ngày 01/01/2020 và Nghị định số 24/2020/NĐ-CP ngày 24/02/2020, đặt ra các quy định khắt khe hơn đối với tiếp thị và quảng cáo bia, cũng như áp dụng các hình thức xử phạt nặng hơn đối với hành vi sử dụng rượu, bia khi tham gia điều khiển phương tiện giao thông với bất kỳ nồng độ cồn nào trong máu hoặc hơi thở.
- Xu hướng tiêu thụ các dòng bia cận cao cấp sẽ tiếp tục đà tăng trưởng. Tuy nhiên, xu hướng chuyển dịch sang các phân khúc thấp hơn của người tiêu dùng do thu nhập bị ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19 kéo dài có thể ảnh hưởng đến doanh thu năm 2022.
- Sự cạnh tranh tiếp tục diễn ra gay gắt giữa các công ty sản xuất bia nhằm giành thị phần cao hơn.
- Đồ uống có cồn tại Việt Nam phải chịu 3 loại thuế: thuế nhập khẩu (từ 5-80% tùy loại FTA), thuế giá trị gia tăng (10%) và thuế tiêu thụ đặc biệt (tăng mạnh từ mức 50% lên 65% năm 2018).



## KẾ HOẠCH NĂM 2022

Bên cạnh những thách thức khó khăn đến từ sự bùng phát của dịch bệnh Covid-19 và Nghị định 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 liên quan đến cấm lái xe khi đã uống rượu bia có hiệu lực, điểm sáng tạo nên động lực tăng trưởng kinh tế trong năm 2022 là duy trì sự bình ổn trong mảng sản xuất, kinh doanh khai thác thị trường nội địa với sức mua của hàng chục triệu dân do Chính phủ Việt Nam kiểm soát tốt dịch bệnh cùng với tỷ lệ tiêm chủng cao.



### ĐHQT định hướng các nhiệm vụ quan trọng như sau:

- Triển khai thực hiện các nghị quyết của ĐHQĐD bao gồm kế hoạch kinh doanh năm 2022.
- Tập trung nguồn lực xây dựng thương hiệu và các hoạt động phát triển thị trường, bao gồm xây dựng chiến lược thương hiệu, sản phẩm và phân phối, tiêu thụ phù hợp với xu hướng tiêu dùng, song song với việc cấu trúc toàn diện hệ thống phân phối theo hướng chuyên nghiệp, gia tăng hiệu quả và hỗ trợ hiệu quả cho việc kiểm soát theo kênh và phân khúc sản phẩm.
- Giữ vững thị trường trong nước, vươn tầm thị trường quốc tế.
- Đẩy mạnh công tác nghiên cứu, phát triển nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm và cho ra đời các dòng sản phẩm mới.
- Áp dụng 4.0 trong công tác quản trị và kinh doanh cho toàn hệ thống SABECO.
- Nâng cao hiệu quả chuỗi cung ứng trên toàn hệ thống SABECO.
- Tích hợp Phương pháp quản lý nguồn lực nhân sự; áp dụng hệ thống đánh giá hiệu quả công việc của nhân viên.
- Tập trung cải cách để tăng hiệu quả đầu tư, giảm chi phí hoạt động, nhằm tăng năng suất.
- Tập trung phát triển kênh thương mại hiện đại, kênh bán hàng trực tuyến, cũng như kênh tiêu thụ mang đi theo xu hướng toàn cầu.
- Xây dựng hệ thống sử dụng năng lượng mặt trời nhằm cải thiện việc cung cấp điện theo hướng tiết kiệm chi phí và mang tính hiệu quả cao.
- Cam kết phát triển bền vững xoay quanh bốn mục tiêu chính: Consumption (Tiêu thụ), Conservation (Bảo tồn), Country (Đất nước) và Culture (Văn hóa), bao gồm các hoạt động xã hội, hỗ trợ cộng đồng và bảo vệ môi trường.
- Tiếp tục phát huy các thế mạnh của các chuyên gia trong nước và quốc tế để bảo tồn các giá trị của SABECO và các thương hiệu của các dòng sản phẩm Bia Sài Gòn, đồng thời nỗ lực thích nghi/ thích ứng với thị trường và môi trường kinh doanh đang phát triển.
- Nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp bằng việc áp dụng Bộ nguyên tắc quản trị công ty theo thông lệ tốt nhất mới được ban hành gần đây cũng như các tiêu chuẩn quốc tế nhằm khai thác hiệu quả các giá trị nội tại và sức mạnh của SABECO, qua đó xây dựng mối quan hệ bền vững và sự tín nhiệm của cổ đông và nhà đầu tư.



# QUẢN TRỊ CÔNG TY

# BÁO CÁO QUẢN TRỊ CÔNG TY

## TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



### ★ NGUYÊN TẮC 1 Thiết lập rõ vai trò, trách nhiệm và cam kết của Hội đồng quản trị

Cơ cấu quản trị của SABECO gồm có ĐHĐCĐ, HĐQT, UBKT trực thuộc HĐQT và Tổng Giám đốc. HĐQT giám sát hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty theo các nghị quyết của ĐHĐCĐ và các quy định pháp luật có liên quan. HĐQT phải đưa ra các xét đoán kinh doanh tốt nhất và hành động có thiện chí vì lợi ích cao nhất của Tổng Công ty.

Biến động nhân sự của HĐQT trong năm 2021:

| STT | Họ và tên                | Chức vụ            | Ngày bổ nhiệm | Ngày miễn nhiệm |
|-----|--------------------------|--------------------|---------------|-----------------|
| 1   | Ông Koh Poh Tiong        | Chủ tịch           | 23/04/2018    |                 |
| 2   | Ông Pramoat Phornprapha  | Thành viên độc lập | 21/07/2018    |                 |
| 3   | Ông Nguyễn Tiến Vy       | Thành viên độc lập | 21/07/2018    |                 |
| 4   | Bà Trần Kim Nga          | Thành viên         | 09/05/2018    |                 |
| 5   | Ông Michael Chye Hin Fah | Thành viên         | 21/07/2018    |                 |
| 6   | Ông Lê Thanh Tuấn        | Thành viên         | 28/04/2021    |                 |
| 7   | Bà Ngô Minh Châu         | Thành viên         | 28/04/2021    |                 |
| 8   | Ông Nguyễn Tiến Dũng     | Thành viên         | 21/07/2018    | 28/04/2021      |
| 9   | Ông Lương Thanh Hải      | Thành viên         | 21/07/2018    | 28/04/2021      |

HĐQT đảm nhận trách nhiệm tối đa trong quản lý hoạt động kinh doanh của SABECO và giám sát hoạt động vì lợi ích cao nhất của Tổng Công ty. Điều này bao gồm việc quản lý các công ty con theo kế hoạch kinh doanh cốt lõi của Tổng Công ty nhằm đảm bảo việc tuân thủ các nghị quyết của ĐHĐCĐ và tuân thủ quy định pháp luật cũng như các mục tiêu kinh doanh của Tổng Công ty. HĐQT cũng chịu trách nhiệm về việc xác định tầm nhìn và chiến lược kinh doanh của SABECO, giám sát việc thực hiện nhiệm vụ của Ban Điều hành theo các chính sách của Tổng Công ty, BCTC và thông tin chung cho cổ đông và nhà đầu tư một cách chính xác và đầy đủ.

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021, HĐQT và UBKT đã tổ chức 5 cuộc họp theo hình thức trực tuyến do tình hình phức tạp của Covid - 19.



**05 cuộc họp**  
Theo hình thức trực tuyến

| STT                      | Họ và tên                | Chức vụ            | Số buổi họp tham dự | Tỷ lệ tham dự họp | Lý do không tham dự họp |
|--------------------------|--------------------------|--------------------|---------------------|-------------------|-------------------------|
| <b>HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b> |                          |                    |                     |                   |                         |
| 1                        | Ông Koh Poh Tiong        | Chủ tịch           | 5/5                 | 100%              |                         |
| 2                        | Ông Pramoat Phornprapha  | Thành viên độc lập | 4/5                 | 80%               | Lý do cá nhân           |
| 3                        | Ông Nguyễn Tiến Vy       | Thành viên độc lập | 5/5                 | 100%              |                         |
| 4                        | Bà Trần Kim Nga          | Thành viên         | 5/5                 | 100%              |                         |
| 5                        | Ông Michael Chye Hin Fah | Thành viên         | 5/5                 | 100%              |                         |
| 6                        | Ông Lê Thanh Tuấn        | Thành viên         | 2/3                 | 67%               | Lý do cá nhân           |
| 7                        | Bà Ngô Minh Châu         | Thành viên         | 3/3                 | 100%              |                         |
| 8                        | Ông Nguyễn Tiến Dũng     | Thành viên         | 2/2                 | 100%              |                         |
| 9                        | Ông Lương Thanh Hải      | Thành viên         | 2/2                 | 100%              |                         |
| <b>ỦY BAN KIỂM TOÁN</b>  |                          |                    |                     |                   |                         |
| 1                        | Ông Pramoat Phornprapha  | Chủ tịch           | 4/5                 | 80%               | Lý do cá nhân           |
| 2                        | Ông Nguyễn Tiến Vy       | Thành viên         | 5/5                 | 100%              |                         |
| 3                        | Ông Michael Chye Hin Fah | Thành viên         | 5/5                 | 100%              |                         |

Ngoài các cuộc họp trực tuyến nêu trên, HĐQT đã thảo luận và biểu quyết bằng hình thức lấy phiếu ý kiến về một số vấn đề kinh doanh trong năm. Tại ngày 31/12/2021, HĐQT đã ban hành 99 Nghị quyết.



**Tại ngày 31/12/2021,**  
**HĐQT đã ban hành**

**99 Nghị quyết**

Các Nghị quyết của HĐQT:

| STT | Nghị quyết      | Ngày ban hành | Nội dung của Nghị quyết  |
|-----|-----------------|---------------|--|
| 1   | 01/2021/NQ-HĐQT | 26/01/2021    | Thông qua việc tạm ứng cổ tức bằng tiền mặt năm 2020   |
| 2   | 02/2021/NQ-HĐQT | 26/01/2021    | Thông qua công tác tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021   |
| 3   | 03/2021/NQ-HĐQT | 26/01/2021    | Thông qua kế hoạch ngân sách 2021  |
| 4   | 04/2021/NQ-HĐQT | 26/01/2021    | Thông qua kế hoạch kiểm toán nội bộ điều chỉnh năm 2021 và ngân sách 2021 liên quan đến dịch vụ biệt phái viên của Ban Kiểm toán nội bộ    |
| 5   | 05/2021/NQ-HĐQT | 26/01/2021    | Thông qua Sổ tay phân quyền cho hệ thống SABECO  |
| 6   | 06/2021/NQ-HĐQT | 26/01/2021    | Thông qua kế hoạch thoái vốn đầu tư tại Ngân hàng TMCP Phương Đông   |
| 7   | 07/2021/NQ-HĐQT | 26/01/2021    | Thông qua việc kê khai xung đột lợi ích của toàn bộ nhân viên SABECO và các công ty con  |
| 8   | 08/2021/NQ-HĐQT | 26/01/2021    | Thông qua chủ trương đầu tư dự án tại thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa  |
| 9   | 09/2021/NQ-HĐQT | 26/01/2021    | Thông qua chủ trương đầu tư dự án của Công ty Cổ phần Nước giải khát Chương Dương  |
| 10  | 10/2021/NQ-HĐQT | 02/02/2021    | Thông qua việc bổ sung thêm 01 đại diện theo pháp luật tại Công ty TNHH Đầu tư TM Tân Thành  |
| 11  | 11/2021/NQ-HĐQT | 03/02/2021    | Thông qua các nội dung xin ý kiến để biểu quyết tại ĐHĐCĐ bất thường 2021 của Tổng Công ty cổ phần Đầu tư phát triển xây dựng              |
| 12  | 12/2021/NQ-HĐQT | 03/02/2021    | Thông qua đề xuất của Ban Điều hành SABECO về nội dung xin ý kiến của Người đại diện quản lý vốn tại Công ty cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre |
| 13  | 13/2021/NQ-HĐQT | 23/02/2021    | Thông qua đề xuất liên quan đến vấn đề nhân sự tại CTCP bao bì Bia Sài Gòn, CTCP Bia Sài Gòn – Hà Nội                                      |
| 14  | 14/2021/NQ-HĐQT | 25/02/2021    | Thông qua Chính sách Tuân thủ cấm vận  |
| 15  | 15/2021/NQ-HĐQT | 26/02/2021    | Thông qua miễn nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc phụ trách Marketing   |
| 16  | 16/2021/NQ-HĐQT | 15/03/2021    | Thông qua điều chỉnh giá mua, bán đối với sản phẩm bia nội địa của SABECO  |

| STT | Nghị quyết      | Ngày ban hành | Nội dung của Nghị quyết   |
|-----|-----------------|---------------|---|
| 17  | 17/2021/NQ-HĐQT | 18/03/2021    | Thông qua các nội dung xin ý kiến để biểu quyết tại ĐHĐCĐ thường niên 2021 của Công ty cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn – Đồng Xuân  |
| 18  | 18/2021/NQ-HĐQT | 18/03/2021    | Thông qua các nội dung xin ý kiến để biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng thành viên của Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Thủy tinh Malaya – Việt Nam                                |
| 19  | 19/2021/NQ-HĐQT | 18/03/2021    | Thông qua các nội dung xin ý kiến để biểu quyết tại ĐHĐCĐ thường niên 2021 của Công ty CP Bia Sài Gòn – Sông Lam  |
| 20  | 20/2021/NQ-HĐQT | 18/03/2021    | Thông qua các nội dung xin ý kiến để biểu quyết tại ĐHĐCĐ thường niên 2021 của Công ty CP Bia Sài Gòn – Nghệ Tĩnh   |
| 21  | 21/2021/NQ-HĐQT | 18/03/2021    | Thông qua các nội dung xin ý kiến để biểu quyết tại ĐHĐCĐ thường niên 2021 của Công ty cổ phần Rượu Bình Tây  |
| 22  | 22/2021/NQ-HĐQT | 19/03/2021    | Thông qua đề xuất liên quan đến vấn đề nhân sự tại Công ty CP Bia Sài Gòn – Nghệ Tĩnh, Công ty CP Bia Sài Gòn – Sông Lam  |
| 23  | 23/2021/NQ-HĐQT | 19/03/2021    | Thông qua điều chỉnh giá mua, bán đối với sản phẩm bia xuất khẩu của SABECO   |
| 24  | 24/2021/NQ-HĐQT | 24/03/2021    | Thông qua tài liệu ĐHĐCĐ thường niên 2021 của SABECO của SABECO<br>Thông qua việc bầu bà Trần Kim Nga – Thành viên HĐQT làm chủ tọa ĐHĐCĐ thường niên 2021 của SABECO       |
| 25  | 25/2021/NQ-HĐQT | 24/03/2021    | Thông qua mức thù lao mới đối với Thành viên HĐQT, Chủ tịch và thành viên của các Ủy ban trực thuộc HĐQT SABECO   |
| 26  | 26/2021/NQ-HĐQT | 25/03/2021    | Thông qua đề xuất liên quan đến vấn đề nhân sự tại các Công ty thương mại, Công ty TNHH Một thành viên Bia Sài Gòn – Hà Tĩnh, Công ty cổ phần Cơ khí và xây lắp Công nghiệp |
| 27  | 27/2021/NQ-HĐQT | 25/03/2021    | Thông qua các nội dung xin ý kiến để biểu quyết tại ĐHĐCĐ thường niên 2021 của Công ty cổ phần Bia Sài Gòn Hà Nội   |
| 28  | 28/2021/NQ-HĐQT | 26/03/2021    | Thông qua các nội dung xin ý kiến để biểu quyết tại ĐHĐCĐ thường niên 2021 của Công ty cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Tây Nguyên  |
| 29  | 29/2021/NQ-HĐQT | 29/03/2021    | Thông qua đề xuất liên quan đến việc hướng dẫn quản lý mức phụ cấp thuê nhà ở cho chuyên gia nước ngoài   |

| STT | Nghị quyết      | Ngày ban hành | Nội dung của Nghị quyết  |
|-----|-----------------|---------------|--|
| 30  | 30/2021/NQ-HĐQT | 31/03/2021    | Thông qua việc bổ nhiệm bà Venus Teoh Kim Wei giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc phụ trách Marketing                                    |
| 31  | 31/2021/NQ-HĐQT | 31/03/2021    | Thông qua chi phí thuê nhà ở cho thành viên Ban Điều hành người nước ngoài   |
| 32  | 32/2021/NQ-HĐQT | 02/04/2021    | Thông qua đề xuất liên quan đến vấn đề nhân sự tại các Công ty thương mại, Công ty cổ phần Bia – Nước giải khát Sài Gòn – Tây Đô   |
| 33  | 33/2021/NQ-HĐQT | 05/04/2021    | Thông qua các nội dung xin ý kiến để biểu quyết tại ĐHĐCĐ thường niên 2021 của Công ty cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Đông Bắc     |
| 34  | 34/2021/NQ-HĐQT | 05/04/2021    | Thông qua các nội dung xin ý kiến để biểu quyết tại ĐHĐCĐ thường niên 2021 của Công ty cổ phần Bao bì Bia Sài Gòn                  |
| 35  | 35/2021/NQ-HĐQT | 05/04/2021    | Thông qua các nội dung xin ý kiến để biểu quyết tại ĐHĐCĐ thường niên 2021 của Công ty cổ phần Bia Sài Gòn – Bạc Liêu              |
| 36  | 36/2021/NQ-HĐQT | 05/04/2021    | Thông qua các nội dung xin ý kiến để biểu quyết tại ĐHĐCĐ thường niên 2021 của Công ty cổ phần Bia Sài Gòn – Quảng Ngãi            |
| 37  | 37/2021/NQ-HĐQT | 06/04/2021    | Thông qua các nội dung xin ý kiến để biểu quyết tại ĐHĐCĐ thường niên 2021 của Công ty cổ phần Bia Sài Gòn – Vĩnh Long             |
| 38  | 38/2021/NQ-HĐQT | 09/04/2021    | Thông qua các nội dung xin ý kiến để biểu quyết tại ĐHĐCĐ thường niên 2021 của Công ty cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Đông    |
| 39  | 39/2021/NQ-HĐQT | 09/04/2021    | Thông qua các nội dung xin ý kiến để biểu quyết tại ĐHĐCĐ thường niên 2021 của Công ty cổ phần Bia Sài Gòn – Miền Trung            |
| 40  | 40/2021/NQ-HĐQT | 12/04/2021    | Thông qua các nội dung xin ý kiến để biểu quyết tại ĐHĐCĐ thường niên 2021 của Công ty cổ phần Nước giải khát Chương Dương         |
| 41  | 41/2021/NQ-HĐQT | 12/04/2021    | Thông qua các nội dung xin ý kiến để biểu quyết tại ĐHĐCĐ thường niên 2021 của Công ty cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Hậu     |
| 42  | 42/2021/NQ-HĐQT | 12/04/2021    | Thông qua các nội dung xin ý kiến để biểu quyết tại ĐHĐCĐ thường niên 2021 của Công ty cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Nam Trung Bộ |
| 43  | 43/2021/NQ-HĐQT | 12/04/2021    | Thông qua các nội dung xin ý kiến để biểu quyết tại ĐHĐCĐ thường niên 2021 của Công ty cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Tiền    |
| 44  | 44/2021/NQ-HĐQT | 12/04/2021    | Thông qua các nội dung xin ý kiến để biểu quyết tại ĐHĐCĐ thường niên 2021 của Công ty cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Trung tâm    |

| STT | Nghị quyết       | Ngày ban hành | Nội dung của Nghị quyết  |
|-----|------------------|---------------|--|
| 45  | 45/2021/NQ-HĐQT  | 13/04/2021    | Thông qua các nội dung xin ý kiến để biểu quyết tại ĐHĐCĐ thường niên 2021 của Công ty cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Trung     |
| 46  | 46/2021/NQ-HĐQT  | 14/04/2021    | Thông qua các nội dung xin ý kiến để biểu quyết tại ĐHĐCĐ thường niên 2021 của Công ty cổ phần Bia Sài Gòn – Lâm Đồng                |
| 47  | 47/2021/NQ-HĐQT  | 14/04/2021    | Thông qua các nội dung xin ý kiến để biểu quyết tại ĐHĐCĐ thường niên 2021 của Công ty cổ phần Bia Sài Gòn – Miền Tây                |
| 48  | 48/2021/NQ-HĐQT  | 16/04/2021    | Thông qua các nội dung xin ý kiến để biểu quyết tại ĐHĐCĐ thường niên 2021 của Công ty cổ phần Bia Sài Gòn – Phú Thọ                 |
| 49  | 49/2021/NQ-HĐQT  | 16/04/2021    | Thông qua các nội dung xin ý kiến để biểu quyết tại ĐHĐCĐ thường niên 2021 của Công ty cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre                 |
| 50  | 50/2021/NQ-HĐQT  | 16/04/2021    | Thông qua các nội dung xin ý kiến để biểu quyết tại ĐHĐCĐ thường niên 2021 của Công ty cổ phần Bia – Nước giải khát Sài Gòn – Tây Đô |
| 51  | 51/2021/NQ-HĐQT  | 19/04/2021    | Thông qua các nội dung xin ý kiến để biểu quyết tại ĐHĐCĐ thường niên 2021 của Công ty cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Bắc Trung Bộ   |
| 52  | 52/2021/NQ-HĐQT  | 19/04/2021    | Thông qua các nội dung xin ý kiến để biểu quyết tại ĐHĐCĐ thường niên 2021 của Công ty cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Bắc       |
| 53  | 53/2021/NQ-HĐQT  | 20/04/2021    | Thông qua các nội dung xin ý kiến để biểu quyết tại ĐHĐCĐ thường niên 2021 của Công ty cổ phần Bia Sài Gòn – Kiên Giang              |
| 54  | 54/2021/NQ-HĐQT  | 20/04/2021    | Thông qua việc bổ sung Chương trình họp ĐHĐCĐ thường niên và Tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên SABECO                                   |
| 55  | 54A/2021/NQ-HĐQT | 23/04/2021    | Thông qua tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên SABECO 2021   |
| 56  | 55/2021/NQ-HĐQT  | 27/04/2021    | Thông qua các nội dung xin ý kiến để biểu quyết tại ĐHĐCĐ thường niên 2021 của Công ty cổ phần PVI                                   |
| 57  | 57/2021/NQ-HĐQT  | 29/04/2021    | Thông qua đề xuất liên quan đến vấn đề nhân sự tại Công ty cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Tây Nguyên                                 |
| 58  | 58/2021/NQ-HĐQT  | 11/05/2021    | Thông qua các nội dung xin ý kiến để biểu quyết tại ĐHĐCĐ thường niên 2021 của Công ty cổ phần Du lịch Sài Gòn Đông Hà               |
| 59  | 59/2021/NQ-HĐQT  | 12/05/2021    | Thông qua Bộ quy tắc đạo đức kinh doanh  |

| STT | Nghị quyết      | Ngày ban hành | Nội dung của Nghị quyết   |
|-----|-----------------|---------------|---|
| 60  | 60/2021/NQ-HĐQT | 12/05/2021    | Thông qua các nội dung xin ý kiến để biểu quyết tại ĐHCĐ thường niên 2021 của Công ty cổ phần Bia Sài Gòn Khánh Hòa   |
| 61  | 61/2021/NQ-HĐQT | 18/05/2021    | Thông qua đề xuất liên quan đến hợp đồng tư vấn với Công ty TNHH Trung tâm Mê Linh  |
| 62  | 62/2021/NQ-HĐQT | 09/06/2021    | Thông qua đề xuất liên quan đến dự án đầu tư tại Công ty cổ phần Nước giải khát Chương Dương  |
| 63  | 63/2021/NQ-HĐQT | 10/06/2021    | Thông qua đề xuất liên quan đến nhân sự và Điều lệ Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn sản xuất Rượu và Cồn Việt Nam  |
| 64  | 64/2021/NQ-HĐQT | 21/06/2021    | Thông qua đề xuất liên quan đến vấn đề nhân sự được cử làm người đại diện quản lý vốn của Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Bia Sài Gòn  |
| 65  | 65/2021/NQ-HĐQT | 21/06/2021    | Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập BCTC và các nội dung khác theo yêu cầu cho năm tài chính 2021, quý 1/2022 và các giai đoạn liên quan đối với SABECO và các công ty trong hệ thống SABECO |
| 66  | 66/2021/NQ-HĐQT | 24/06/2021    | Thông qua đề xuất phê duyệt quyết toán vốn dự án hoàn thành – dự án “Đầu tư nhà máy Bia Sài Gòn – Hà Tĩnh”  |
| 67  | 67/2021/NQ-HĐQT | 24/06/2021    | Thông qua đề xuất của Ban Điều hành SABECO về nội dung xin ý kiến của Người đại diện quản lý vốn tại Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Tân Thành   |
| 68  | 68/2021/NQ-HĐQT | 24/06/2021    | Thông qua đề xuất của Ban Điều hành SABECO về nội dung xin ý kiến của Người đại diện quản lý vốn tại Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Tân Thành   |
| 69  | 69/2021/NQ-HĐQT | 30/06/2021    | Thông qua ngân sách mua và kế hoạch thực hiện cung cấp Vắc-xin phòng chống COVID-19 cho toàn hệ thống SABECO  |
| 70  | 70/2021/NQ-HĐQT | 14/07/2021    | Thông qua đề xuất của Ban Điều hành SABECO về tái cấu trúc ngân hàng/ngân quỹ của SABECO và hệ thống công ty con  |
| 71  | 71/2021/NQ-HĐQT | 28/07/2021    | Thông qua đề xuất điều chỉnh giá mua, bán đối với sản phẩm bia nội địa của SABECO   |
| 72  | 72/2021/NQ-HĐQT | 28/07/2021    | Thông qua đề xuất của Ban Điều hành SABECO về các vấn đề của Công ty Trách Nhiệm Hữu hạn Sản xuất rượu và cồn Việt Nam  |
| 73  | 73/2021/NQ-HĐQT | 28/07/2021    | Thông qua đề xuất bổ nhiệm ông Koo Liang Kwee giữ chức vụ Cố vấn tài chính – kế toán cấp cao  |
| 74  | 74/2021/NQ-HĐQT | 29/07/2021    | Thông qua chủ trương tiến hành thực hiện dự án tái tung sản phẩm Bia Saigon Special   |

| STT | Nghị quyết       | Ngày ban hành | Nội dung của Nghị quyết   |
|-----|------------------|---------------|---|
| 75  | 75/2021/NQ-HĐQT  | 10/08/2021    | Thông qua đề xuất thanh lý lô giấy Duplex coated tồn kho của Công ty cổ phần Bao bì Bia Sài Gòn   |
| 76  | 76/2021/NQ-HĐQT  | 20/08/2021    | Thông qua giá mua, bán đối với sản phẩm Bia xuất khẩu   |
| 77  | 77/2021/NQ-HĐQT  | 24/08/2021    | Thông qua đề xuất gia hạn và tái ký hợp đồng hạn mức tín dụng ngắn hạn tại ngân hàng của Công ty cổ phần Bia Sài Gòn – Kiên Giang   |
| 78  | 78/2021/NQ-HĐQT  | 26/08/2021    | Thông qua Báo cáo tài chính bán niên đã được kiểm toán năm 2021 của SABECO  |
| 79  | 78A/2021/NQ-HĐQT | 15/09/2021    | Thông qua đề xuất liên quan đến vấn đề nhân sự tại Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Bia Sài Gòn, Công ty cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn – Đồng Xuân, Công ty CP Bia Sài Gòn-Sông Lam, Công ty CP Bia Sài Gòn-Nghệ Tĩnh   |
| 80  | 79/2021/NQ-HĐQT  | 16/09/2021    | Thông qua đề xuất sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty TNHH Một thành viên Tập đoàn Bia Sài Gòn   |
| 81  | 80/2021/NQ-HĐQT  | 17/09/2021    | Thông qua kế hoạch thoái vốn đầu tư tại TCT CP Đầu tư phát triển xây dựng   |
| 82  | 81/2021/NQ-HĐQT  | 17/09/2021    | Thông qua đề xuất miễn nhiệm chức vụ Phó Tổng giám đốc phụ trách Kế toán, Tài chính và các phòng, ban hỗ trợ khác đối với ông Teo Hong Keng và bổ nhiệm ông Koo Liang Kwee giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc phụ trách Kế toán, Tài chính và các phòng, ban hỗ trợ khác |
| 83  | 82/2021/NQ-HĐQT  | 04/10/2021    | Thông qua đề xuất sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Bia Sài Gòn   |
| 84  | 83/2021/NQ-HĐQT  | 08/10/2021    | Thông qua điều chỉnh của hợp đồng liên doanh và những sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Trung tâm Mê Linh  |
| 85  | 84/2021/NQ-HĐQT  | 11/10/2021    | Thông qua đề xuất liên quan đến vấn đề nhân sự tại Công ty cổ phần Bia Sài Gòn – Quảng Ngãi   |
| 86  | 85/2021/NQ-HĐQT  | 11/10/2021    | Thông qua dự thảo Quy chế hoạt động Ủy ban Kiểm toán của SABECO   |
| 87  | 86/2021/NQ-HĐQT  | 20/10/2021    | Thông qua giá mua, bán đối với sản phẩm Bia Saigon Gold   |
| 88  | 87/2021/NQ-HĐQT  | 10/11/2021    | Thông qua hình thức tổ chức ĐHCĐ bất thường và dự thảo quy chế tổ chức Đại hội trực tuyến của Công ty CP Bia Sài Gòn-Nghệ Tĩnh  |
| 89  | 88/2021/NQ-HĐQT  | 11/11/2021    | Thông qua đề xuất liên quan đến vấn đề nhân sự tại Công ty cổ phần Cơ khí và xây lắp Công Nghiệp  |

| STT | Nghị quyết      | Ngày ban hành | Nội dung của Nghị quyết   |
|-----|-----------------|---------------|---|
| 90  | 89/2021/NQ-HĐQT | 11/11/2021    | Thông qua các nội dung xin ý kiến để biểu quyết tại ĐHĐCĐ thường niên 2021 của Công ty cổ phần Cơ khí và xây lắp Công Nghiệp  |
| 91  | 90/2021/NQ-HĐQT | 15/11/2021    | Thông qua đề xuất liên quan đến gia hạn hợp đồng hợp tác liên doanh tại Công ty Liên doanh TNHH Crown Sài Gòn   |
| 92  | 91/2021/NQ-HĐQT | 19/11/2021    | Thông qua đề xuất điều chỉnh và bổ sung ngành nghề kinh doanh và cập nhật trong Điều lệ Công ty cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Trung Tâm                            |
| 93  | 92/2021/NQ-HĐQT | 25/11/2021    | Thông qua các nội dung xin ý kiến để biểu quyết tại ĐHĐCĐ bất thường 2021 của Công ty cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn – Đồng Xuân   |
| 94  | 93/2021/NQ-HĐQT | 25/11/2021    | Thông qua các nội dung xin ý kiến để biểu quyết Phiếu ý kiến HĐQT của Công ty cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây   |
| 95  | 94/2021/NQ-HĐQT | 29/11/2021    | Thông qua các nội dung xin ý kiến để biểu quyết Phiếu ý kiến HĐQT của Công ty cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây   |
| 96  | 95/2021/NQ-HĐQT | 09/12/2021    | Thông qua hình thức tổ chức ĐHĐCĐ bất thường và dự thảo quy chế tổ chức Đại hội trực tuyến của Công ty CP Bia Sài Gòn-Sông Lam                                      |
| 97  | 96/2021/NQ-HĐQT | 09/12/2021    | Thông qua các nội dung xin ý kiến để biểu quyết tại ĐHĐCĐ thường niên 2021 của Công ty cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây  |
| 98  | 97/2021/NQ-HĐQT | 20/12/2021    | Thông qua việc tạm ứng cổ tức bằng tiền mặt năm 2021  |
| 99  | 98/2021/NQ-HĐQT | 27/12/2021    | Thông qua đề xuất liên quan đến vấn đề nhân sự tại các Công ty thương mại, Công ty TNHH Một thành viên Tập đoàn Bia Sài Gòn, Công ty cổ phần Bia Sài Gòn – Lâm Đồng |

## ★ NGUYÊN TẮC 2 Thiết lập một Hội đồng quản trị có năng lực và chuyên nghiệp

HĐQT có các quan điểm, chuyên môn, kỹ năng, năng lực đa dạng và rộng lớn nhằm đóng vai trò chèo lái và giám sát Tổng Công ty hiệu quả. HĐQT hiện tại bao gồm bốn người Việt Nam, hai người Singapore và một người Thái Lan. HĐQT tìm cách duy trì sự cân bằng chuyên môn, kỹ năng và các thuộc tính phù hợp giữa các thành viên, bao gồm các năng lực cốt lõi liên quan đến kế toán, tài chính, luật, thương mại, kiến thức chuyên môn và kế hoạch chiến lược.

Tất cả các thành viên HĐQT đều là thành viên không điều hành, có trình độ chuyên môn cần thiết để tham gia một cách hiệu quả vào việc đảm bảo các mục tiêu kinh doanh, các nhận định khách quan, độc lập về hoạt động của công ty và thực hiện cơ chế kiểm soát và cân bằng phù hợp.

Tại SABECO, các quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị công ty theo quy định pháp luật do Văn phòng HĐQT, một đơn vị độc lập trực thuộc HĐQT, đảm nhiệm. Tuy nhiên, SABECO nhận thức rằng, để thực hiện chính xác theo quy định pháp luật và nhằm quản trị công ty theo thông lệ tốt nhất, SABECO sẽ phải nhanh chóng tìm kiếm ứng viên đáp ứng đầy đủ các tiêu chí liên quan để bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty theo quy định hiện hành.

## ★ NGUYÊN TẮC 3 Bảo đảm vai trò lãnh đạo hiệu quả và tính độc lập của HĐQT

HĐQT nỗ lực đưa ra quyết định độc lập và khách quan về tất cả các vấn đề của công ty. Các thành viên HĐQT không làm tư vấn hay cố vấn được trả phí bởi Tổng Công ty.

Hai thành viên HĐQT là thành viên độc lập, gồm có Ông Pramoad Phornprapha và Ông Nguyễn Tiến Vy, tham gia HĐQT dưới 5 năm và có đầy đủ trình độ chuyên môn và năng lực cần thiết để tham gia vào vị trí này.

Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc là những cá nhân khác nhau nhằm bảo đảm sự kiểm tra và cân bằng phù hợp về quyền lực, tăng trách nhiệm giải trình và năng lực của HĐQT để ra quyết định độc lập.

## ★ NGUYÊN TẮC 4 Thiết lập các Ủy ban trực thuộc HĐQT

HĐQT thành lập các Ủy ban chuyên trách trực thuộc HĐQT để hỗ trợ HĐQT thực hiện các chức năng và tránh mọi xung đột lợi ích. Lương và đánh giá được kết quả công việc của UBKT. Trong năm 2021, Quy chế hoạt động UBKT nội bộ đã được sửa đổi cập nhật những thay đổi của các luật và các quy định.

HĐQT đã thành lập UBKT, gồm 3 thành viên đều là thành viên HĐQT không điều hành và 2 trong 3 thành viên bao gồm Chủ tịch UBKT là thành viên độc lập. Tất cả thành viên của UBKT đều có kiến thức đầy đủ về KTNB, kế toán theo chuẩn mực IFRS và VAS, tuân thủ, BCTC và kiểm soát. Ngoài ra, Ông Nguyễn Tiến Vy, thành viên HĐQT độc lập, được phân công phụ trách các hoạt động về nhân sự và lương thưởng nhằm mục đích giám sát việc bổ nhiệm các nhân sự điều hành cấp cao trong hệ thống của SABECO và các vấn đề nhân sự quan trọng khác.

Vai trò và trách nhiệm của UBKT được quy định trong quy chế hoạt động riêng, do HĐQT phê chuẩn. Thẩm quyền, cơ cấu và quy trình hoạt động của UBKT được quy định cụ thể trong quy chế hoạt động của UBKT, là chuẩn mực thực tiễn để có thể đo Các Ủy ban khác của HĐQT sẽ tiếp tục được thành lập trong tương lai gần.

## ★ NGUYÊN TẮC 5 Bảo đảm hoạt động hiệu quả của HĐQT

Việc xác định mức và cơ cấu thù lao của các thành viên HĐQT và Ban Điều hành được dựa trên kết quả hoạt động kinh doanh của SABECO, mức độ hoàn thành nhiệm vụ, trách nhiệm và kết quả làm việc của từng cá nhân trên cơ sở tuân thủ đúng pháp luật. Thù lao của thành viên HĐQT và Ban Điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng Công ty và được thể hiện thành mục riêng trong BCTC kiểm toán năm.

Chi tiết thù lao của HĐQT và Ban Điều hành của SABECO cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 được phân chia theo tỷ lệ phần trăm với các hạng mục sau: (1) lương; (2) thù lao; và (3) tiền thưởng được trả dựa trên kết quả hoạt động của Tổng Công ty, được trình bày trong bảng dưới đây:

| Họ và tên                 | Chức vụ            | Lương | Thù lao | Thưởng | Tổng |
|---------------------------|--------------------|-------|---------|--------|------|
| <b>HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b>  |                    |       |         |        |      |
| Ông Koh Poh Tiong         | Chủ tịch           | -     | -       | -      | -    |
| Ông Pramoad Phornprapha   | Thành viên độc lập | -     | 100%    | -      | 100% |
| Ông Nguyễn Tiến Vy        | Thành viên độc lập | -     | 100%    | -      | 100% |
| Bà Trần Kim Nga           | Thành viên         | -     | 100%    | -      | 100% |
| Ông Michael Chye Hin Fah  | Thành viên         | -     | 100%    | -      | 100% |
| Ông Lê Thanh Tuấn         | Thành viên         | -     | 100%    | -      | 100% |
| Bà Ngô Minh Châu          | Thành viên         | -     | 100%    | -      | 100% |
| Ông Nguyễn Tiến Dũng      | Thành viên         | 100%  | -       | -      | 100% |
| Ông Lương Thanh Hải       | Thành viên         | 78%   | 22%     | -      | 100% |
| <b>BAN ĐIỀU HÀNH</b>      |                    |       |         |        |      |
| Ông Neo Gim Siong Bennett | Tổng Giám đốc      | 88%   | -       | 12%    | 100% |
| Ông Koo Liang Kwee        | Phó Tổng Giám đốc  | 88%   | -       | 12%    | 100% |
| Bà Venus Teoh Kim Wei     | Phó Tổng Giám đốc  | 88%   | -       | 12%    | 100% |
| Ông Ng Kuan Ngee Melvyn   | Phó Tổng Giám đốc  | 88%   | -       | 12%    | 100% |
| Ông Lâm Du An             | Phó Tổng Giám đốc  | 88%   | -       | 12%    | 100% |
| Ông Trần Nguyên Trung     | Kế toán trưởng     | 88%   | -       | 12%    | 100% |
| Ông Teo Hong Keng         | Phó Tổng Giám đốc  | 100%  | -       | -      | 100% |
| Ông Hoàng Đạo Hiệp        | Phó Tổng Giám đốc  | 100%  | -       | -      | 100% |

(\*) Ông Koh Poh Tiong - Chủ tịch HĐQT từ chối nhận thù lao 2021.

## ★ NGUYÊN TẮC 6 Thiết lập và duy trì văn hóa đạo đức công ty



Bộ quy tắc Đạo đức kinh doanh, văn bản quy định chính thức các giá trị văn hóa, là một công cụ quan trọng để văn hóa doanh nghiệp và đạo đức kinh doanh được thấm nhuần trên toàn Tổng Công ty. HĐQT có trách nhiệm chính tạo ra và thiết kế Bộ quy tắc

Đạo đức kinh doanh phù hợp với nhu cầu của Tổng Công ty và văn hóa mà Tổng Công ty đang hoạt động. Hiện nay, tại SABECO, HĐQT đã thông qua Bộ quy tắc Đạo đức kinh doanh, truyền thông tới toàn thể nhân viên và đưa vào sử dụng từ năm 2021.

## MÔI TRƯỜNG KIỂM SOÁT

### ★ NGUYÊN TẮC 7 Thiết lập khung quản lý rủi ro và môi trường kiểm soát vững mạnh

HĐQT có trách nhiệm trong việc đảm bảo một hệ thống quản lý rủi ro và kiểm soát nội bộ nhằm bảo vệ các khoản đầu tư của các cổ đông và tài sản của Tổng Công ty.

Ngoài ra, UBKT đã báo cáo lên HĐQT và ĐHCĐ về các khuyến nghị liên quan đến việc lựa chọn Công ty kiểm toán, phí kiểm toán và các điều khoản dịch vụ do Công ty kiểm toán cung cấp.

HĐQT đã thành lập Ban KTNB nhằm đảm bảo sự khách quan và tư vấn độc lập với mục đích gia tăng giá trị và cải thiện hoạt động của Tổng Công ty. Quyền hạn, thành phần, lương thưởng, ngân sách hoạt động hàng năm, quy trình làm việc và các vấn đề liên quan khác của Ban KTNB cần được quy định trong quy chế hoạt động KTNB do UBKT phê duyệt. Giám đốc Ban KTNB, được xếp ngang hàng với các lãnh đạo điều hành nhưng không thuộc Ban Điều hành, báo cáo trực tiếp lên UBKT. Việc bổ nhiệm Giám đốc KTNB cần phải được UBKT phê duyệt. UBKT và Ban KTNB cũng tổ chức các buổi họp riêng hằng năm nhằm thảo luận các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh của SABECO.

Tại ĐHCĐ thường niên 2021, cổ đông SABECO thông qua đề nghị của HĐQT, qua đó lựa chọn Công ty TNHH KPMG Việt Nam chịu trách nhiệm kiểm toán BCTC cho năm tài chính 2021 và các kỳ kế toán khác. Ngoài ra, các công ty con và một số công ty liên doanh liên kết của SABECO cũng đã chỉ định KPMG Việt Nam cung cấp dịch vụ kiểm toán.

## CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ MINH BẠCH

### ★ NGUYÊN TẮC 8 Tăng cường hoạt động công bố thông tin

SABECO bảo đảm việc truyền thông đầy đủ với cổ đông, nhà đầu tư, cơ quan quản lý và công chúng bằng việc thực hiện một chính sách công bố thông tin minh bạch và hiệu quả.

Các thông tin được công bố theo đúng quy định đối với công ty niêm yết. SABECO thực hiện việc công bố thông tin song ngữ bằng tiếng Việt và tiếng Anh và công bố ngoài thời gian giao dịch chứng khoán. Hệ thống công bố thông tin của Tổng Công ty bảo đảm việc tiếp cận thông tin một cách công bằng giữa các cổ đông, nhà đầu tư và các bên có liên quan khác và không cho phép lạm dụng thông tin nội bộ hoặc giao dịch nội gián.

Các BCTC quý được công bố trong vòng 30 ngày kể từ ngày kết thúc mỗi quý, BCTC soát xét bán niên được công bố trong vòng 60 ngày kể từ ngày kết thúc Q2 và BCTC năm được công bố trong vòng 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính. SABECO luôn tuân thủ các yêu cầu về thời hạn công bố trong năm 2021.



| Nội dung công bố thông tin                      | Thời hạn công bố theo luật định | Ngày công bố thực tế |
|---|---------------------------------|----------------------|
| Báo cáo tài chính Q1 2021                       | 30/04/2021                      | 29/04/2021           |
| Báo cáo tài chính Q2 2021                       | 30/07/2021                      | 29/07/2021           |
| Báo cáo tài chính soát xét 6 tháng đầu năm 2021 | 29/08/2021                      | 27/08/2021           |
| Báo cáo tài chính Q3 2021                       | 30/10/2021                      | 27/10/2021           |
| Báo cáo tài chính Q4 2021                       | 30/01/2022                      | 26/01/2022           |
| Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2021            | 31/03/2022                      | 30/03/2022           |
| Báo cáo thường niên                             | 20/04/2022                      | 19/04/2022           |

Sau khi công bố BCTC quý, Ban Điều hành SABECO thường tổ chức cuộc gặp gỡ với các nhà đầu tư và các nhà phân tích tài chính để giải đáp những thắc mắc từ phía nhà đầu tư. Trong năm 2021, 4 cuộc gặp đã được thực hiện hoàn toàn bằng hình thức trực tuyến.

## CÁC QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG

### ★ NGUYÊN TẮC 9 Thiết lập khuôn khổ để thực hiện hiệu quả quyền của cổ đông

#### Quyền Của Cổ Đông

SABECO công nhận và coi trọng quyền của các cổ đông, là những chủ sở hữu của Tổng Công ty.

Tổng Công ty đảm bảo đối xử công bằng đối với từng cổ đông thông qua việc công bố thông tin chính xác, minh bạch và kịp thời. SABECO cũng chú trọng đến tính đầy đủ của việc công bố thông tin để các cổ đông có thể đưa ra những quyết định sáng suốt tại cuộc họp cổ đông, bao gồm việc bỏ phiếu và bày tỏ ý kiến về những thay đổi của Tổng Công ty, các kiến nghị và bầu cử thành viên HĐQT.

#### Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên

Trong năm 2021, áp dụng những thay đổi trong Luật Doanh nghiệp 2020 về việc tổ chức ĐHĐCĐ, SABECO gửi thư mời đến các cổ đông ít nhất 21 ngày trước ngày diễn ra Đại hội thay vì 10 ngày như các năm trước. Tổng Công ty cũng công bố các thông tin liên quan trên trang web của HOSE và SABECO để các cổ đông có thời gian nghiên cứu kỹ lưỡng các thông tin này.

Tại ĐHĐCĐ thường niên 2021, các thành viên HĐQT người nước ngoài tham dự qua hình thức trực tuyến bởi quy định hạn chế đi lại trong khi đó các thành viên HĐQT người Việt và Ban Điều hành sẵn sàng giải đáp các thắc mắc của cổ đông tại cuộc họp này. Kiểm toán độc lập là Công ty TNHH KPMG Việt Nam cũng có

mặt để giải quyết các yêu cầu của cổ đông về việc tiến hành kiểm toán và nội dung báo cáo kiểm toán độc lập. Trong cuộc họp, các cổ đông đặt câu hỏi, bày tỏ ý kiến cũng như đưa ra khuyến nghị một cách bình đẳng.

Biên bản họp ĐHĐCĐ phải được ghi chép chính xác và đầy đủ một cách kịp thời theo quy định của pháp luật và được công bố kèm theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ cho UBCKNN, HOSE và công bố trên website của SABECO trong vòng 24 giờ sau khi họp ĐHĐCĐ đồng thời gửi đến các cổ đông qua đường bưu điện trong vòng 15 ngày kể từ ngày kết thúc Đại hội, đảm bảo tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật hiện hành.

#### Chi trả cổ tức

SABECO thực hiện nghiêm túc việc chi trả toàn bộ cổ tức đã công bố trong vòng 6 tháng kể từ ngày tổ chức ĐHĐCĐ thường niên.

Trong năm 2021, căn cứ vào Nghị quyết của ĐHĐCĐ về kế hoạch cổ tức 2021 và tình hình hoạt động của Tổng Công ty, HĐQT SABECO đã quyết định tạm ứng cổ tức 2021 bằng tiền mặt: lần 1 với tỷ lệ 20% vào tháng 01/2022 và lần 2 với tỷ lệ 15% vào tháng 03/2022.

| Năm  | Hình thức chi trả | Tỷ lệ chi trả |
|------|-------------------|---------------|
| 2014 | Bằng tiền mặt     | 25%           |
| 2015 | Bằng tiền mặt     | 30%           |
| 2016 | Bằng tiền mặt     | 30%           |
| 2017 | Bằng tiền mặt     | 35%           |
| 2018 | Bằng tiền mặt     | 50%           |
| 2019 | Bằng tiền mặt     | 35%           |
| 2020 | Bằng tiền mặt     | 35%           |
| 2021 | Bằng tiền mặt     | 35%           |



### Đối xử bình đẳng đối với tất cả các cổ đông

Việc bỏ phiếu của cổ đông sẽ dựa trên cơ sở “một cổ phiếu phổ thông, một quyền biểu quyết”. Tất cả các quyền liên quan đến từng loại cổ phần được công bố công khai.

Tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên như thư mời, tài liệu, nghị quyết và biên bản, được cung cấp bằng hai thứ tiếng: tiếng Việt và tiếng Anh nhằm tạo điều kiện cho tất cả các cổ đông trong đó có người nước ngoài.

### Giao dịch giữa SABECO với các bên có quyền lợi liên quan

Tất cả giao dịch với các bên có quyền lợi liên quan phát sinh đều được xem xét và phê duyệt nghiêm ngặt theo phân quyền mà trận đã được quy định trong Điều lệ của SABECO. UBKT chịu trách nhiệm xem xét và thảo luận với Kiểm toán độc lập và Ban Điều hành về các giao dịch với các bên có quyền lợi liên quan phức tạp và bất thường nếu cần thiết và bắt buộc.

Thành viên HĐQT và Ban Điều hành được yêu cầu công khai cho HĐQT biết về các lợi ích đáng kể trong bất kỳ một giao dịch hay vấn đề gì ảnh hưởng trực tiếp tới Tổng Công ty, cho dù là trực tiếp, gián tiếp hay thay mặt cho bên thứ ba. HĐQT đảm bảo các giao dịch với các bên có quyền lợi liên quan được thực hiện

với các điều kiện thương mại thông thường và không gây tổn hại đến lợi ích của công ty.

Ngoài các giao dịch trong hệ thống của SABECO, các giao dịch giữa SABECO và các bên có quyền lợi liên quan khác được HĐQT thông qua như sau:

- **Tên Công ty:** Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Trung tâm Mê Linh
- **Loại hình giao dịch:** Cung cấp dịch vụ tư vấn
- **Phê duyệt của HĐQT:** Nghị quyết số 61/2021/NQ-HĐQT ngày 18/05/2021

### Giao dịch cổ phiếu SABECO

Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ  
Không có

Giao dịch cổ phiếu của người liên quan  
Không có

| Họ và tên                 | Chức vụ                 | Số lượng cổ phiếu sở hữu cá nhân | Tỷ lệ sở hữu |
|---------------------------|-------------------------|----------------------------------|--------------|
| <b>HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b>  |                         |                                  |              |
| Ông Koh Poh Tiong         | Chủ tịch HĐQT           | -                                | 0%           |
| Ông Pramoad Phornprapha   | Thành viên HĐQT độc lập | -                                | 0%           |
| Ông Nguyễn Tiến Vy        | Thành viên HĐQT độc lập | -                                | 0%           |
| Ông Michael Chye Hin Fah  | Thành viên HĐQT         | -                                | 0%           |
| Bà Trần Kim Nga           | Thành viên HĐQT         | -                                | 0%           |
| Ông Lê Thanh Tuấn         | Thành viên HĐQT         | -                                | 0%           |
| Bà Ngô Minh Châu          | Thành viên HĐQT         | -                                | 0%           |
| Ông Nguyễn Tiến Dũng      | Thành viên HĐQT         | 100                              | 0%           |
| Ông Lương Thanh Hải       | Thành viên HĐQT         | -                                | 0%           |
| <b>BAN ĐIỀU HÀNH</b>      |                         |                                  |              |
| Ông Neo Gim Siong Bennett | Tổng Giám đốc           | -                                | 0%           |
| Ông Koo Liang Kwee        | Phó Tổng Giám đốc       | -                                | 0%           |
| Bà Venus Teoh Kim Wei     | Phó Tổng Giám đốc       | -                                | 0%           |
| Ông Ng Kuan Ngee Melvyn   | Phó Tổng Giám đốc       | -                                | 0%           |
| Ông Lâm Du An             | Phó Tổng Giám đốc       | -                                | 0%           |
| Ông Trần Nguyên Trung     | Kế toán trưởng          | 1.700                            | 0,0003%      |
| Ông Teo Hong Keng         | Phó Tổng Giám đốc       | -                                | 0%           |
| Ông Hoàng Đạo Hiệp        | Phó Tổng Giám đốc       | -                                | 0%           |

### ★ NGUYÊN TẮC 10 Tăng cường sự tham gia hiệu quả của các bên liên quan

HĐQT luôn xem xét và tôn trọng lợi ích của tất cả các bên có liên quan, chịu ảnh hưởng từ các hoạt động của Tổng Công ty trong quá trình ra quyết định. HĐQT đảm bảo rằng Tổng Công ty tôn trọng lợi ích và quyền lợi hợp pháp của các bên có liên quan theo quy định của pháp luật hoặc các cam kết trong hợp đồng. HĐQT đã đưa ra kế hoạch tương tác với các bên có liên quan khác nhau và thể hiện cam kết của Tổng Công ty đối với sự gắn kết với các bên có liên quan trong Bộ Quy tắc Đạo đức Kinh doanh. Để thực hiện điều đó, SABECO áp dụng một quy trình truyền thông minh bạch và dễ dàng tiếp cận, cho phép Tổng Công ty: (i) tiếp nhận và đăng ký những thông tin từ các bên có liên quan bên ngoài; (ii) đánh giá các vấn đề được nêu ra và xác định cách thức phản hồi; (iii) cung cấp các văn bản liên quan (nếu cần thiết).

# QUẢN TRỊ RỦI RO

## MỤC ĐÍCH QUẢN TRỊ RỦI RO



Thông qua việc nhận diện và đánh giá các rủi ro, các biện pháp kiểm soát được đề ra nhằm quản lý hiệu quả các cơ hội tiềm năng cũng như phòng ngừa và hạn chế các thiệt hại xảy ra ở mức thấp nhất, cụ thể như sau:

- Xây dựng chuẩn mực để kiểm soát và thực hiện kế hoạch một cách nhất quán.
- Góp phần phân bổ và sử dụng hiệu quả nguồn lực của SABECO.
- Giảm thiểu sai sót trong tất cả các hoạt động của SABECO.
- Giảm thiểu những hư tổn phát sinh trong trường hợp không ngăn ngừa được rủi ro.
- Hỗ trợ trong việc ra quyết định, lập kế hoạch và sắp xếp thứ tự ưu tiên công việc dựa trên cơ sở hiểu biết hoạt động kinh doanh, cơ hội và thách thức trong kinh doanh.
- Bảo vệ sở hữu trí tuệ đối với hình ảnh, nhãn hiệu, tên thương mại, thiết kế công nghiệp và bản quyền cũng như gia tăng lợi ích từ việc khai thác tài sản sở hữu trí tuệ.
- Tối đa hóa hiệu quả hoạt động và tận dụng tốt các cơ hội và lợi thế.

## ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC QUẢN TRỊ RỦI RO

### Phương pháp

- Tổ chức bộ máy quản lý theo các chức năng liên quan để thực hiện các công việc một cách phù hợp và chuyên nghiệp.
- Tăng cường sự phối hợp và kiểm tra chéo để hạn chế rủi ro khi đưa ra quyết định và thực hiện công việc.
- Thiết lập hệ thống các quy chế và quy định nội bộ để làm cơ sở thực hiện các hoạt động cũng như xem xét, sửa đổi và cập nhật cho phù hợp với những thay đổi bên trong và bên ngoài.
- Triển khai sổ tay phân quyền để đảm bảo hệ thống hóa trong quy trình quản lý của SABECO.
- Nâng cao năng lực của người thực hiện thông qua các quy trình, hướng dẫn và chương trình đào tạo theo kế hoạch hàng năm.
- Ứng dụng công nghệ để nâng cao hiệu quả và cải thiện năng suất.
- Tổ chức các chương trình đánh giá, kiểm soát nội bộ và KTNB để rà soát sự tuân thủ cũng như sự hiệu quả của hệ thống.
- Tổ chức áp dụng các tiêu chuẩn quản lý ISO 9000, ISO 14000, ISO 22000, ISO 17025 và ISO 50000 trong hệ thống SABECO.
- Áp dụng Kế hoạch duy trì kinh doanh trong tình hình dịch bệnh Covid-19 cũng như thực hiện diễn tập phòng cháy chữa cháy và diễn tập xử lý sự cố môi trường để cải thiện việc dự báo rủi ro và ứng phó với các trường hợp khẩn cấp.

## Nhận diện và phân tích rủi ro

Hiện nay, các rủi ro được nhận diện thông qua:

- Hệ thống dữ liệu báo cáo định kỳ và sự hỗ trợ của công cụ thông tin như là phần mềm kế toán.
- Các hoạt động phân tích của hệ thống quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm và môi trường của SABECO. Trong năm 2021, SABECO tham gia đánh giá hệ thống quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm và môi trường tại tất cả các nhà máy.
- Thực hiện công tác KTNB để đánh giá sự tuân thủ các quy định, quy chế và quy trình hiện hành.

## Sự tham gia vào quá trình quản trị rủi ro

Hiện nay, sự tham gia của các đơn vị vào quá trình kiểm soát rủi ro được phân công dựa trên chức năng và nhiệm vụ của từng đơn vị. Tất cả đơn vị tham gia vào quy trình này với các vai trò khác nhau và được chia thành ba nhóm như sau:



### Vai trò thực hiện



Các đơn vị/cá nhân trực tiếp thực hiện công việc sẽ kiểm soát các rủi ro liên quan đến công việc nhằm đảm bảo kết quả đầu ra mong muốn.



### Vai trò kiểm tra



Các đơn vị/cá nhân được phân công nhiệm vụ kiểm tra và kiểm soát sẽ thực hiện việc kiểm tra nhằm đảm bảo công việc như hoạch định.



### Vai trò phối hợp và hoạch định



Các đơn vị/cá nhân được phân công phối hợp và tham gia vào việc ra quyết định và thực hiện công việc theo như chức năng.

**Các rủi ro thường gặp**

Các yếu tố tham gia vào quá trình kiểm soát rủi ro:



Một số rủi ro cụ thể như sau:

|                                |  |  |
|--------------------------------|--|--|
| ★<br>Rủi ro về thị trường      |  | Nhu cầu thị trường giảm sút do ảnh hưởng của tình hình dịch bệnh Covid-19, định vị thương hiệu, cạnh tranh khốc liệt, bán hàng lấn tuyến lấn vùng và nguy cơ mất thị phần.                               |
| ★<br>Rủi ro về sản xuất        |  | Sản phẩm lỗi, sự cố thiết bị, tai nạn lao động, kế hoạch sản xuất không hợp lý, sự cố về an toàn thực phẩm và môi trường, và sự gián đoạn nguồn cung cấp nguyên vật liệu đầu vào và bao bì toàn cầu.     |
| ★<br>Rủi ro về tài chính       |  | Chậm thu các khoản phải thu, chi phí cao và các vi phạm về thuế.   |
| ★<br>Rủi ro về quản lý dữ liệu |  | Thông tin không chính xác và chậm trễ và rò rỉ thông tin cho các đối thủ.  |
| ★<br>Rủi ro về quản trị nội bộ |  | Quản trị nội bộ thông qua việc đồng bộ chính sách và sự đồng nhất theo ngành dọc chưa được hoàn thiện, dẫn đến nhiều rủi ro trong hoạt động bán hàng, quản lý chi phí, dòng tiền, vận chuyển và kho bãi. |

★  
Rủi ro về pháp luật và sự tuân thủ



Tranh chấp hợp đồng, vi phạm các quy định của pháp luật về quản trị công ty (công bố thông tin, giao dịch với các bên có quyền lợi liên quan, bổ nhiệm người có liên quan), thiếu tuân thủ trong thực hiện công việc, thiếu hiểu biết về pháp luật, tranh chấp bản quyền và thương hiệu, vi phạm về công bố hợp quy và các quy định về quảng cáo và khuyến mãi.

Ngoài ra, các quy định pháp luật hiện nay đã áp dụng các yêu cầu cao hơn đối với lĩnh vực sản xuất và kinh doanh thực phẩm, bao gồm các quy định liên quan đến kinh doanh bia và các đồ uống có cồn. Luật phòng chống tác hại của rượu, bia đã được thông qua nhằm nâng cao hiệu quả quản lý các sản phẩm có cồn của Nhà nước và giảm thiểu tác hại của bia, rượu lên sức khỏe. Do đó, SABECO đã phải rà soát các quy định nội bộ để đáp ứng các quy định của pháp luật cũng như nâng cao hiểu biết về luật pháp cho tất cả nhân viên nhằm hạn chế việc vi phạm pháp luật.

★  
Các rủi ro khác



Sự mất cân đối giữa sản xuất và tiêu thụ theo vùng, công việc bị ngừng trệ do thiếu sự phối hợp và hoạt động kém hiệu quả.

**Đánh giá chung về công tác quản trị rủi ro**

- Ban Điều hành được đào tạo nâng cao nhận thức về trách nhiệm quản trị rủi ro. Năng lực quản trị rủi ro cần được đào tạo thêm.
- Công nghệ thông tin được áp dụng trong một số lĩnh vực nhằm nâng cao hiệu quả công việc và kiểm soát.
- Việc nhận diện rủi ro chưa được thực hiện một cách toàn diện và có hệ thống.
- Ban KTNB trực thuộc UBKT hiện đang phụ trách công tác KTNB của SABECO về mặt quản trị công ty, tuân thủ, quản trị rủi ro và quy trình kiểm soát nội bộ cũng như là các vấn đề trọng yếu phát sinh liên quan đến công tác soát xét kiểm toán cũng như các phản hồi và hành động của Ban Điều hành.

## CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA VÀ HẠN CHẾ RỦI RO

Quản trị rủi ro cần được coi là một trong những ưu tiên hàng đầu cần được cải thiện hơn trong những năm tiếp theo. SABECO đã và đang triển khai một số các biện pháp nhằm phòng ngừa và hạn chế rủi ro như sau:

### Nguyên tắc



Công tác quản trị rủi ro cần được thực hiện xuyên suốt và nhất quán trong toàn bộ hệ thống



Các biện pháp kiểm soát rủi ro cần được thiết lập trên nguyên tắc phòng ngừa và gắn liền với chuỗi giá trị của Tổng Công ty.



Ban Điều hành là người chỉ đạo trực tiếp và bổ nhiệm nhân sự phụ trách công tác quản trị rủi ro trong từng lĩnh vực.



Hệ thống quản trị rủi ro cần được thiết lập trên cơ sở sử dụng công nghệ thông tin và quy trình làm việc hiệu quả.

### Giải pháp chính

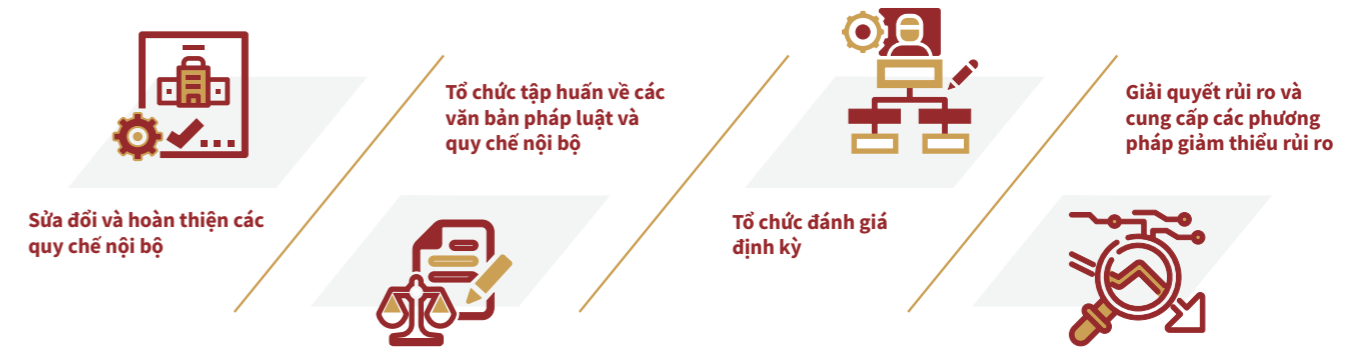
Bổ nhiệm nhân sự phụ trách quản trị và đánh giá rủi ro cũng như kiểm tra và giám sát công tác quản trị rủi ro trong toàn bộ hệ thống.

Hoàn thiện hệ thống văn bản quản trị nội bộ, bao gồm chính sách quản trị rủi ro, phổ biến và tập huấn cho những người có liên quan để thực hiện.

Xây dựng hệ thống quản trị rủi ro toàn diện với các kế hoạch đánh giá thường xuyên và định kỳ, thiết lập hệ thống quản lý thông tin và cấp quyền truy cập cho nhân sự liên quan để rà soát các thông tin hoạt động nhằm phát hiện và ngăn chặn kịp thời các rủi ro tiềm ẩn, là cơ sở để:

- Tổ chức hệ thống nhận diện và phân tích rủi ro.
- Xây dựng chuẩn mực và phương pháp thống nhất về quản trị rủi ro.
- Tổ chức nhận diện, phân tích, phân loại rủi ro và xây dựng ma trận rủi ro để đưa ra các biện pháp quản lý phù hợp.
- Xây dựng và triển khai các biện pháp kiểm soát rủi ro.
- Xây dựng kế hoạch và tổ chức các chương trình đánh giá và kiểm soát nội bộ.

## KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2022



## QUAN HỆ CỔ ĐÔNG



Trong năm 2021, dù cho phải đối mặt với những đợt giãn cách xã hội kéo dài và những khó khăn về mặt đối thoại, SABECO tiếp tục tập trung củng cố và mở rộng chức năng QHCD nhằm đảm bảo lợi ích cho cổ đông và đáp ứng nhu cầu gắn kết ngày càng cao từ các nhà đầu tư trong nước và quốc tế.



### ĐẢM BẢO TÍNH MINH BẠCH, BÌNH ĐẲNG VÀ QUYỀN LỢI CỦA CỔ ĐÔNG

Nhận thức được tầm quan trọng của việc tiếp cận thông tin đối với các nhà đầu tư, Phòng QHCD của SABECO đã thực hiện việc công bố thông tin trong năm 2021 một cách chính xác và kịp thời. Các báo cáo định kỳ cũng như các thông tin bất thường được đăng tải trên website của Tổng Công ty và công bố trên HOSE và SSC theo đúng quy định hiện hành. Ngoài ra, việc công bố thông tin được thực hiện dưới dạng song ngữ bằng tiếng Việt và tiếng Anh, qua đó tạo điều kiện cho cả cổ đông, nhà đầu tư trong nước và ngoài nước có thể dễ dàng tiếp cận thông tin.

Ngoài ra, website và Báo cáo thường niên mới nhất của SABECO cũng đã được cải tiến nhiều về nội dung, thiết kế và hình thức để phù hợp với nhân diện thương hiệu và các thông lệ tốt nhất của thị trường, qua đó cung cấp cho các nhà đầu tư nguồn dữ liệu đáng tin cậy và bức tranh toàn cảnh về hoạt động kinh doanh hiện tại của Tổng Công ty.

Việc tổ chức và chuẩn bị tài liệu cho ĐHĐCĐ thường niên 2021 tiếp tục được cải thiện và chuẩn hóa. Đại hội được diễn ra tại khu vực trung tâm TP. Hồ Chí Minh với việc bố trí khu vực kiểm tra y tế và chỗ ngồi hợp lý nhằm tạo điều kiện cho cổ đông tham dự nhưng vẫn giảm thiểu được tác động của Covid-19. Hơn nữa, tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên 2021 cũng được đăng tải trên website của SABECO 21 ngày trước ngày họp theo quy định của pháp luật để đảm bảo rằng các cổ đông có đủ thời gian để nghiên cứu tất cả các nội dung trong chương trình họp, từ đó nâng cao chất lượng thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp.

### TĂNG CƯỜNG MỐI QUAN HỆ VỚI NHÀ ĐẦU TƯ THÔNG QUA SỰ ĐỐI THOẠI VÀ PHỐI HỢP

Năm 2021, Phòng QHCD của SABECO đã chủ động đối thoại với nhà đầu tư và các bên quan tâm bằng việc tiếp nhận và giải đáp kịp thời các thắc mắc của cổ đông và nhà đầu tư thông qua nhiều kênh như điện thoại, email và các cuộc họp nhà đầu tư. Nhiều sáng kiến tương tác khác như thông cáo báo chí, báo cáo phân tích, tài liệu thuyết trình hàng quý đã được thực hiện như là một phần nỗ lực của Tổng Công ty trong việc đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của các nhà đầu tư.

Do các hạn chế về việc đi lại được thực thi dưới thời Covid-19, các cuộc gặp gỡ nhà đầu tư hàng quý của SABECO được tổ chức dưới dạng trực tuyến để tạo điều kiện cho các nhà đầu tư và nhà phân tích có thể tham gia, đồng thời cung cấp cho họ những thông tin chính thống và có giá trị về các hoạt động và chiến lược hiện tại của Tổng Công ty, cũng như tạo cơ hội để họ trao đổi trực tiếp với Ban Điều hành nhằm giải đáp các vấn đề được quan tâm. Bên cạnh đó, các phản hồi và nhận xét của những người tham dự cho mỗi cuộc gặp gỡ nhà đầu tư đều được thu thập để làm cơ sở cải thiện hơn nữa chất lượng của công tác tổ chức.



# BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

# TỔNG QUAN VỀ BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

## GIỚI THIỆU

Báo cáo phát triển bền vững được lập hàng năm với mục đích trình bày và công bố các thông tin chính thức về các mục tiêu, định hướng và hoạt động phát triển bền vững của SABECO. Thông qua đó, SABECO mong muốn thể hiện sự minh bạch trong việc công bố các nội dung liên quan đến phát triển bền vững, củng cố lòng tin của các bên liên quan và khẳng định vị thế dẫn đầu của mình.



## Mục tiêu



Báo cáo này khẳng định mối quan hệ chặt chẽ giữa các mục tiêu phát triển bền vững của SABECO với các bên liên quan, qua đó đưa ra những chiến lược và biện pháp cải tiến nhằm nâng cao giá trị cho Tổng Công ty và lợi ích của các bên liên quan thông qua các chỉ số được đo lường và đánh giá hàng năm.



## Cách thức xác định nội dung báo cáo



Báo cáo được phát triển dựa theo Sáng kiến Báo cáo Toàn cầu (GRI) và Hướng dẫn công bố thông tin về Môi trường và Xã hội của SSC và Tổ chức Tài chính Quốc tế (IFC).

Để xác định nội dung báo cáo, SABECO xem xét các hoạt động và ảnh hưởng của Tổng Công ty cũng như lợi ích và kỳ vọng của các bên có liên quan trong mối quan hệ tương quan với hoạt động kinh doanh hiện tại và chiến lược phát triển của Tổng Công ty.



## Phạm vi báo cáo



Báo cáo được trình bày độc lập trong Báo cáo thường niên của SABECO, bao gồm các kết quả và thành tích đạt được của Tổng Công ty trong chiến lược phát triển bền vững từ 01/01/2021 đến 31/12/2021 cũng như đề cập các định hướng và mục tiêu của SABECO trong giai đoạn tới. Báo cáo được thực hiện trong phạm vi toàn bộ hoạt động của SABECO và các công ty con, công ty liên doanh, liên kết.



## Tính tin cậy của báo cáo



SABECO tham khảo và áp dụng các chuẩn mực trong nước và quốc tế về việc trình bày và công bố thông tin. Một số thông tin và dữ liệu được đảm bảo tính tin cậy và chính xác thông qua các bên thứ ba:

- Báo cáo tài chính năm 2021 được kiểm toán bởi Công ty TNHH KPMG Việt Nam.
- Các chứng nhận về quản lý chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm được đánh giá và xác nhận bởi các tổ chức chứng nhận hàng đầu.



## Thông tin liên hệ



SABECO đang nỗ lực để đáp ứng kỳ vọng của các bên có liên quan về nhu cầu thông tin và tính minh bạch. Vì vậy, chúng tôi mong muốn nhận được sự đóng góp ý kiến chân thành từ Quý vị về các vấn đề phát triển bền vững của Tổng Công ty. Nếu Quý vị có bất kỳ ý kiến đóng góp nào, xin vui lòng liên hệ:

### Phòng Quan hệ cổ đông

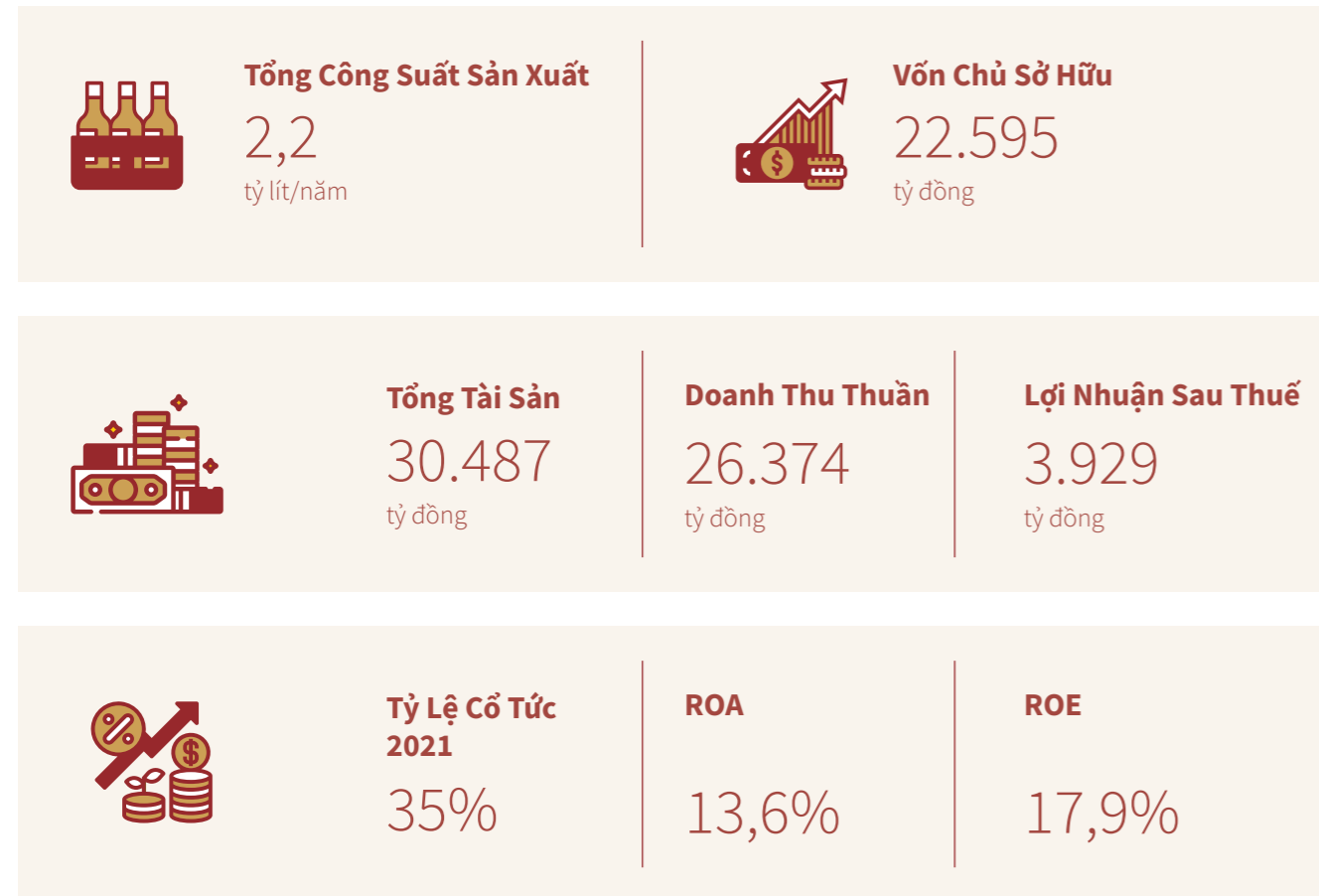
Điện thoại: (+84) 28 3829 4081 (Ext: 504)

Email: [ir@sabeco.com.vn](mailto:ir@sabeco.com.vn)

Địa chỉ: Tầng 5, Tòa nhà Vincom Center, 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

## CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

### CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH



### CHỈ TIÊU PHI TÀI CHÍNH



### GIẢI THƯỞNG 2021



**TOP 50 CÔNG TY**  
NIÊM YẾT TỐT NHẤT VIỆT NAM NĂM 2021  
Forbes Vietnam



**TOP 50 CÔNG TY**  
KINH DOANH HIỆU QUẢ NHẤT VIỆT NAM

Tạp chí Nhịp cầu đầu tư &  
Công ty Chứng khoán Thiên Việt



**DOANH NGHIỆP XUẤT SẮC**

Giải thưởng Kinh doanh  
xuất sắc Châu Á (APEA) 2021



**Giải thưởng Bia Quốc tế Úc (AIBA) 2021**  
Hiệp hội Nông nghiệp Hoàng gia Victoria

★ **01** Huy chương Vàng  
Bia Saigon Gold

★ **02** Huy chương Bạc  
Bia Saigon Chill và Bia Saigon Lager

★ **03** Huy chương Đồng  
Bia Saigon Special, Bia Saigon Export và Bia Lạc Việt



**Giải thưởng Bia Quốc tế 2021**  
Brewing Technology Services Ltd, Anh

★ **01** Huy chương Đồng  
Bia Saigon Export



**Monde Selection 2021**  
The International Quality Institute

★ **01** Huy chương Vàng  
Bia Saigon Special

★ **03** Huy chương Bạc  
Bia Saigon Export,  
Bia Saigon Lager và 333



**The Asia Beer Championship 2021**  
Asia Brewers Network, Singapore

★ **01** Huy chương Đồng  
Bia Lạc Việt

# CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG






## Tầm nhìn

Phát triển SABECO thành Tập đoàn công nghiệp đồ uống hàng đầu của Việt Nam, có vị thế trong khu vực và quốc tế.

### NGUYÊN TẮC CHÍNH

- Duy trì cân bằng các yếu tố về kinh tế, xã hội và môi trường, bao gồm các bên có quyền lợi liên quan nhằm hướng tới việc thực hiện tăng trưởng kinh tế bền vững.
- Giảm tác động đến chuỗi giá trị của Tổng Công ty khi đảm bảo tính nhất quán đối với sự phát triển của doanh nghiệp bằng cách bao quát toàn bộ các khía cạnh về xã hội, môi trường, an toàn và vệ sinh lao động.
- Cam kết thực hiện tốt việc kinh doanh của Tổng Công ty cũng như quản trị rủi ro trên tất cả các khía cạnh có ảnh hưởng đến vận hành doanh nghiệp cũng như tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành.
- Ủng hộ phát triển các sáng kiến và công nghệ để duy trì hoạt động kinh doanh bền vững, mang lại sự tăng trưởng và định hướng phát triển tương lai của Tổng Công ty.
- Cam kết và thực hiện phát triển bền vững một cách minh bạch.
- Nhận biết được tầm quan trọng của tài nguyên môi trường bằng cách khuyến khích sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên cùng với việc đổi mới và phát triển công nghệ để tăng tính hiệu quả và giảm các tác động ảnh hưởng đến môi trường.
- Chất lượng và an toàn của chuỗi thực phẩm được chú trọng quan tâm đến bằng cách cung cấp cho người tiêu dùng các sản phẩm lành mạnh tốt cho sức khỏe, cũng như thực hiện trách nhiệm đối với xã hội và môi trường.
- Nhận thức tính tuân thủ đối với chính sách phát triển bền vững qua chuỗi giá trị của Tổng Công ty.

SABECO xây dựng chiến lược phát triển bền vững dựa trên tác động của Tổng Công ty đối với ba nhóm đối tượng chính sau:

|                 |   |   |
|-----------------|---|---|
| ★<br>Môi trường |  | Phát triển hệ thống sản xuất xanh, sạch và tiết kiệm năng lượng, cũng như sử dụng nguồn nhiên liệu thân thiện với môi trường để bảo vệ và cải thiện môi trường. |
| ★<br>Con người  |  | Đầu tư cho nguồn lực nhân sự và tạo ra môi trường làm việc bền vững.  |
| ★<br>Xã hội     |  | Cam kết xây dựng mối quan hệ vững chắc với cộng đồng thông qua các hoạt động thiết thực và ý nghĩa, góp phần mang lại những giá trị tích cực cho xã hội.        |

### CAM KẾT PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG 4Cs

Với cam kết đầu tư phát triển kinh doanh song hành cùng phát triển bền vững, SABECO luôn nỗ lực không ngừng để tạo ra những thay đổi tích cực nhằm nâng tầm vị thế của thương hiệu Việt Nam, đồng thời thúc đẩy sự phát triển cho cộng đồng và cho Việt Nam. Theo đó, cam kết phát triển bền vững 4Cs của Tổng Công ty tập trung vào bốn lĩnh vực mục tiêu như sau:

|                                       |   |  |
|---------------------------------------|---|--|
| ★<br><b>Consumption</b><br>(Tiêu thụ) |  | SABECO cam kết phối hợp với các cơ quan nhà nước và các đối tác có liên quan thực hiện các hoạt động nhằm nâng cao nhận thức Uống có trách nhiệm ở người tiêu dùng, cam kết đưa đến tay người tiêu dùng những sản phẩm có chất lượng tốt nhất, tươi ngon nhất, phù hợp với thị hiếu và nhu cầu của người tiêu dùng, đồng thời đảm bảo tuân thủ quy định về môi trường và an toàn lao động.   |
| <b>Conservation</b><br>(Bảo tồn)      |  | SABECO chú trọng việc tiết kiệm chi phí và tiết giảm lượng nước sử dụng trong các hoạt động sản xuất kinh doanh, cũng như sử dụng nguyên liệu bền vững như năng lượng mặt trời và bao bì thân thiện với môi trường trong sản xuất kinh doanh.  |
| <b>Country</b><br>(Đất nước)          |  | SABECO khích lệ sự sáng tạo và nỗ lực không ngừng của giới trẻ Việt Nam, cổ vũ cho tinh thần đi lên mỗi ngày của Việt Nam thông qua các hoạt động nâng cao năng lực cạnh tranh cho những tài năng trẻ Việt Nam, cũng như tiếp tục phát triển mạnh mẽ thương hiệu và các sản phẩm của Tổng Công ty để tạo ra những giá trị tích cực, đóng góp cho sự phát triển và thịnh vượng chung của đất nước, qua đó đem lại niềm tự hào Việt Nam. |
| <b>Culture</b> (Văn hóa)              |  | SABECO hỗ trợ thực hiện các hoạt động nhằm gìn giữ và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của Việt Nam.  |

## CÁC HOẠT ĐỘNG 4Cs NỔI BẬT

## CONSUMPTION (Tiêu thụ)



## Giải thưởng Bia Quốc tế Úc 2021 (AIBA)

- Đạt được nhiều huy chương tại các hạng mục khác nhau, nổi bật là Huy chương Vàng của Bia Saigon Gold cho hạng mục Bia Lager Phong cách Úc.
- Khẳng định những nỗ lực của SABECO nhằm mang đến cho người tiêu dùng những sản phẩm bia chất lượng nhất.

## CONSERVATION (Bảo tồn)



## Năng lượng xanh

- Sử dụng nhiên liệu sinh khối BIOMASS.
- Đầu tư vào năng lượng mặt trời tại các nhà máy.

## Bao bì bền vững

## Xử lý nước thải

- 100% nước thải được xử lý trước khi xả ra môi trường.

## CULTURE (Văn hóa)



## Hợp tác chiến lược 3 năm với Tổng cục Du lịch - Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

- Giúp sức bảo tồn văn hoá, quảng bá nét đẹp đất nước, góp phần thúc đẩy phục hồi và phát triển của ngành Du lịch Việt Nam.



## Bộ sưu tập Tết 63 lon "Bản Sắc Việt"

- Ra mắt bộ sưu tập lớn nhất gồm 63 lon bia khắc họa nét đặc trưng của từng vùng miền.



## Tiền Phong Marathon 2021

- Tạo ra sân chơi lành mạnh cho giới trẻ.
- Quảng bá nét đẹp thiên nhiên, văn hóa và con người Pleiku, Gia Lai, qua đó hỗ trợ kích hoạt lại du lịch.

## COUNTRY (Đất nước)



## Nhà tài trợ đồng hành của đội tuyển bóng đá Việt Nam

- Hỗ trợ hoạt động thể thao của nước nhà.
- Tôn vinh tinh thần đoàn kết và những nỗ lực mang lại niềm tự hào cho Việt Nam.



## Chương trình "Tiếp sức Việt Nam"

- Chung tay cùng Chính phủ trong cuộc chiến đẩy lùi dịch bệnh Covid-19.
- Khích lệ tinh thần cộng đồng, cùng nhau vượt qua khó khăn.



## Chương trình "Góp triệu ngôi sao"

- Lan tỏa tinh thần "Đi lên cùng nhau".
- Hỗ trợ các hộ kinh doanh nhỏ lẻ trong ngành thực phẩm và đồ uống bị ảnh hưởng nặng nề bởi dịch bệnh Covid-19 trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh.



## Chương trình "Tết chung một nhà"

- Hỗ trợ những người công nhân, lao động và sinh viên đoàn tụ với gia đình trong dịp Tết Nguyên đán.
- Lan tỏa tinh thần đoàn kết dân tộc và sự đoàn viên



## Nhà tài trợ kim cương của SEA Game 31

- Đồng hành và hỗ trợ đoàn thể thao Việt Nam tại SEA Game 31.

**QUẢN TRỊ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG**

|   |   |
|---|---|
| <p>★<br/>Hội đồng quản trị</p>                      | <ul style="list-style-type: none"> <li>Đưa ra định hướng chiến lược chung và thông qua các mục tiêu chính và kế hoạch phát triển bền vững.</li> <li>Chịu trách nhiệm cao nhất về chiến lược phát triển bền vững của SABECO.</li> </ul>  |
| <p>★<br/>Ban Điều hành</p>                          | <ul style="list-style-type: none"> <li>Nghiên cứu, xây dựng và đề xuất các mục tiêu chính và kế hoạch phát triển bền vững trên cơ sở định hướng của HĐQT.</li> <li>Truyền thông các mục tiêu và kế hoạch chi tiết cho các đơn vị thành viên và các ban chức năng, phân công nhiệm vụ và giám sát việc thực hiện.</li> </ul>   |
| <p>★<br/>Quản trị rủi ro về phát triển bền vững</p> | <ul style="list-style-type: none"> <li>Tích hợp chiến lược hoạt động và các mục tiêu kinh doanh vào chiến lược phát triển bền vững</li> <li>Định kỳ xác định và phân tích các rủi ro trọng yếu trong ngắn hạn và dài hạn, bao gồm các rủi ro phát sinh từ việc thay đổi về môi trường, xã hội và đánh giá tần suất và mức độ của những tác động để cung cấp cho Ban Điều hành các khuyến nghị phù hợp và kịp thời.</li> </ul> |
| <p>★<br/>Các đơn vị thành viên và ban chức năng</p> | <ul style="list-style-type: none"> <li>Triển khai thực hiện kế hoạch phát triển bền vững theo định hướng của HĐQT và Ban Điều hành.</li> </ul>  |

**SỰ GẮN KẾT VỚI CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN**

SABECO đang tiếp tục xây dựng và phát triển mối quan hệ hợp tác và gắn kết với các bên có liên quan dựa trên sự tin tưởng, minh bạch và hỗ trợ lẫn nhau. Sự gắn kết chặt chẽ với các bên có liên quan sẽ là nền tảng vững chắc cho việc theo đuổi và duy trì sự phát triển bền vững của Tổng Công ty.



★ **KHÁCH HÀNG/NGƯỜI TIÊU DÙNG**

| Mối quan tâm chính                                   | Hành động của SABECO   | Kết quả năm 2021  | Kênh tương tác   |
|--|--|---|--|
| <b>Sản phẩm chất lượng và an toàn</b>                | <ul style="list-style-type: none"> <li>Áp dụng khoa học công nghệ tiên tiến để cải thiện chất lượng và mẫu mã của sản phẩm</li> <li>Tuân thủ các quy định và tiêu chuẩn về sản xuất</li> </ul>   | <ul style="list-style-type: none"> <li>Sự tươi ngon của sản phẩm trên thị trường được đảm bảo</li> </ul>  |  |
| <b>Chăm sóc khách hàng</b>                           | <ul style="list-style-type: none"> <li>Ra mắt phiên bản giới hạn cho các dòng sản phẩm</li> <li>Mở rộng hệ thống phân phối</li> <li>Thực hiện nhiều chương trình khuyến mãi hấp dẫn</li> <li>Thu thập phản hồi của người tiêu dùng</li> <li>Nghiên cứu nhu cầu thị trường</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>SABECO nhận được nhiều phản hồi tích cực từ người tiêu dùng</li> <li>Độ phủ và hình ảnh sản phẩm được gia tăng</li> <li>Nhận thức và giá trị thương hiệu được cải thiện</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>Hội nghị khách hàng thường niên</li> <li>Website và mạng xã hội của SABECO</li> <li>Điện thoại và email</li> <li>Đi thị trường</li> <li>Khảo sát</li> </ul> |
| <b>Chính sách bán hàng đối với các nhà phân phối</b> | <ul style="list-style-type: none"> <li>Áp dụng chính sách ưu đãi nhà phân phối</li> <li>Hỗ trợ các nhà phân phối trong giai đoạn Covid-19</li> </ul>   | <ul style="list-style-type: none"> <li>Các nhà phân phối được khuyến khích đầu tư vào kinh doanh với SABECO</li> <li>SABECO với các nhà phân phối cùng nhau vượt qua khó khăn</li> </ul>                                  |  |

## ★ CỔ ĐÔNG/NHÀ ĐẦU TƯ

| Mối quan tâm chính                               | Hành động của SABECO  | Kết quả năm 2021   | Kênh tương tác   |
|--|---|--|--|
| <b>Minh bạch thông tin</b>                       | <ul style="list-style-type: none"> <li>Tuân thủ các quy định về công bố thông tin</li> </ul>  | <ul style="list-style-type: none"> <li>Thông tin được công bố kịp thời và đầy đủ</li> </ul>  | <ul style="list-style-type: none"> <li>Cuộc gặp gỡ các nhà đầu tư hàng quý</li> <li>ĐHCĐ thường niên và bất thường</li> <li>Website của SABECO</li> <li>Hội nghị do các bên thứ ba tổ chức</li> <li>Điện thoại và email</li> <li>Khảo sát</li> </ul> |
| <b>Lợi ích của cổ đông và nhà đầu tư</b>         | <ul style="list-style-type: none"> <li>Duy trì mức cổ tức ổn định</li> <li>Đảm bảo sự công bằng giữa các cổ đông và nhà đầu tư</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>Tỷ lệ chi trả cổ tức 2021 được duy trì ở mức 35%</li> </ul>   |  |
| <b>Năng lực quản trị và giá trị doanh nghiệp</b> | <ul style="list-style-type: none"> <li>Tiếp tục tái cơ cấu và cải thiện quản trị công ty</li> <li>Cải thiện hiệu quả hoạt động</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>SABECO nhận được giải thưởng và sự vinh danh dành cho thương hiệu và sản phẩm của mình</li> <li>Vị thế dẫn đầu thị trường của Tổng Công ty được tái khẳng định</li> </ul> |  |

## ★ NHÀ CUNG CẤP/ĐỐI TÁC

| Mối quan tâm chính  | Hành động của SABECO   | Kết quả năm 2021  | Kênh tương tác   |
|---|--|---|--|
| <b>Quan hệ đối tác lâu dài, công bằng và cởi mở trong hợp tác</b> | <ul style="list-style-type: none"> <li>Tham vấn Ban Pháp chế về các điều khoản trong hợp đồng</li> <li>Bảo mật thông tin cho tất cả nhà cung cấp</li> <li>Lựa chọn nhà cung cấp dựa trên hồ sơ năng lực, kinh nghiệm và danh tiếng</li> <li>Giải quyết các xung đột trên tinh thần thiện chí và tôn trọng</li> <li>Duy trì và phát triển mối quan hệ hợp tác lâu dài giữa SABECO và các nhà cung cấp</li> <li>Chia sẻ thông tin nhằm đạt hiệu quả công việc tốt hơn</li> <li>Mua dự phòng nguyên vật liệu</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>SABECO là đối tác tin cậy của nhiều nhà cung cấp trên thị trường</li> <li>Mối quan hệ gắn kết, đôi bên cùng có lợi được duy trì và phát triển</li> <li>Nguồn nguyên vật liệu ổn định và chất lượng được đảm bảo</li> <li>Giá cả cạnh tranh và minh bạch</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>Mạng lưới nhà cung cấp trong hệ thống của SABECO</li> <li>Cuộc họp thương thảo</li> <li>Cuộc họp trực tuyến</li> <li>Điện thoại và email</li> </ul> |

## ★ NGƯỜI LAO ĐỘNG

| Mối quan tâm chính  | Hành động của SABECO  | Kết quả năm 2021   | Kênh tương tác  |
|---|---|--|---|
| <b>Chính sách lương thưởng, phúc lợi, đào tạo và thăng tiến</b> | <ul style="list-style-type: none"> <li>Đảm bảo công việc và lương cho nhân viên trong giai đoạn dịch bệnh Covid-19 bùng phát mạnh mẽ</li> <li>Áp dụng cấu trúc lương trả theo năng lực để đảm bảo sự cạnh tranh và công bằng</li> <li>Ghi nhận và đánh giá các đóng góp và thành tích của nhân viên</li> <li>Tổ chức các khóa đào tạo nhằm nâng cao nghiệp vụ của nhân viên</li> <li>Trao đổi nguyện vọng của nhân viên với Đảng ủy và Công đoàn</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>Nhân viên an tâm làm việc và được khích lệ tinh thần</li> <li>Nhân viên được hỗ trợ phát triển con đường nghề nghiệp</li> <li>Hiệu quả công việc tương xứng với lương thưởng</li> </ul>   | <ul style="list-style-type: none"> <li>Hội nghị gặp gỡ Town Hall một năm 2 lần</li> <li>Các khóa đào tạo hàng năm</li> <li>Website SABECO</li> <li>Bản tin nội bộ</li> <li>Cuộc họp với Đảng ủy và Công đoàn</li> </ul> |
| <b>Môi trường làm việc</b>                                      | <ul style="list-style-type: none"> <li>Đảm bảo môi trường làm việc chuyên nghiệp, cởi mở, an toàn và sạch đẹp</li> <li>Tổ chức định kỳ các buổi nói chuyện và thảo luận giữa Ban Điều hành và nhân viên</li> <li>Thực hiện kế hoạch BCP trong thời điểm bùng phát đại dịch Covid-19</li> </ul>  | <ul style="list-style-type: none"> <li>Không có tai nạn lao động nào xảy ra trong năm 2021</li> <li>Sự an toàn và sức khỏe của nhân viên được đảm bảo trong thời điểm bùng phát đại dịch Covid-19</li> <li>Sự giao tiếp và gắn kết giữa các nhân viên được cải thiện trong Tổng Công ty</li> </ul> |   |

## ★ BÁO CHÍ/TRUYỀN THÔNG

| Mối quan tâm chính                      | Hành động của SABECO  | Kết quả năm 2021   | Kênh tương tác   |
|---|---|--|--|
| <b>Thông tin và hình ảnh của SABECO</b> | <ul style="list-style-type: none"> <li>Ban hành và áp dụng quy chế phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí</li> <li>Tăng cường công tác truyền thông doanh nghiệp</li> <li>Xây dựng và duy trì mối quan hệ chặt chẽ với truyền thông, đặc biệt là các báo địa phương</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>Các thông tin về SABECO được đăng tải kịp thời, chính xác và minh bạch</li> <li>Các thông điệp rõ ràng từ phía SABECO được truyền tải</li> <li>Danh tiếng của Tổng Công ty được nâng cao</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>Thông cáo báo chí</li> <li>Hợp báo</li> <li>Website và mạng xã hội của SABECO</li> <li>Phòng vấn</li> </ul> |

★ **CƠ QUAN NHÀ NƯỚC/CHÍNH PHỦ**

| Mối quan tâm chính                                     | Hành động của SABECO   | Kết quả năm 2021   | Kênh tương tác  |
|--|--|--|---|
| <b>Tuân thủ pháp luật</b>                              | <ul style="list-style-type: none"> <li>Tuân thủ luật pháp và quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh của SABECO</li> <li>Cập nhật các văn bản pháp luật liên quan</li> </ul>   | <ul style="list-style-type: none"> <li>SABECO là một trong những doanh nghiệp có đóng góp nhiều nhất vào ngân sách Nhà nước</li> <li>Uy tín và giá trị thương hiệu của Tổng Công ty được đảm bảo</li> </ul>  | <ul style="list-style-type: none"> <li>Hội nghị và diễn đàn của các cơ quan Nhà nước và địa phương</li> <li>Các hoạt động do Hiệp hội Bia – Rượu – Nước giải khát Việt Nam (VBA) tổ chức</li> </ul> |
| <b>Ủng hộ các chính sách và hoạt động của Nhà nước</b> | <ul style="list-style-type: none"> <li>Tham gia các chương trình và hoạt động của các cơ quan chính quyền</li> <li>Hợp tác với Tổng cục Du lịch</li> <li>Đồng hành cùng đội tuyển bóng đá Việt Nam</li> <li>Hỗ trợ cải thiện nền kinh tế địa phương</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>SABECO góp phần tạo công ăn việc làm ổn định cho người dân địa phương, quảng bá nét đẹp của đất nước và mang lại niềm tự hào cho Việt Nam</li> <li>SABECO là một trong những doanh nghiệp thường xuyên tham gia các hoạt động của cơ quan Nhà nước</li> </ul> |   |

★ **CỘNG ĐỒNG**

| Mối quan tâm chính         | Hành động của SABECO   | Kết quả năm 2021   | Kênh tương tác   |
|----------------------------|--|--|--|
| <b>Đóng góp cho xã hội</b> | <ul style="list-style-type: none"> <li>Thực hiện nhiều hoạt động vì cộng đồng với quy mô lớn</li> <li>Chung tay cùng Chính phủ trong cuộc chiến chống lại đại dịch Covid-19</li> </ul>   | <ul style="list-style-type: none"> <li>Thương hiệu SABECO được củng cố trong cộng đồng địa phương</li> <li>Tinh thần “Đi lên cùng nhau” được truyền tải rõ ràng</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>Gặp mặt các lãnh đạo địa phương</li> <li>Các dự án phát triển bền vững</li> <li>Các chương trình vì cộng đồng</li> <li>Các kênh truyền thông và mạng xã hội trên toàn quốc và tại các địa phương</li> </ul> |
| <b>Bảo vệ môi trường</b>   | <ul style="list-style-type: none"> <li>Tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường</li> <li>Áp dụng nhiều sáng kiến tiết kiệm nguyên vật liệu, năng lượng và tài nguyên thiên nhiên</li> <li>Nâng cao ý thức bảo vệ môi trường của nhân viên</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>Các ảnh hưởng lên môi trường được giảm thiểu</li> </ul>   |  |

# BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

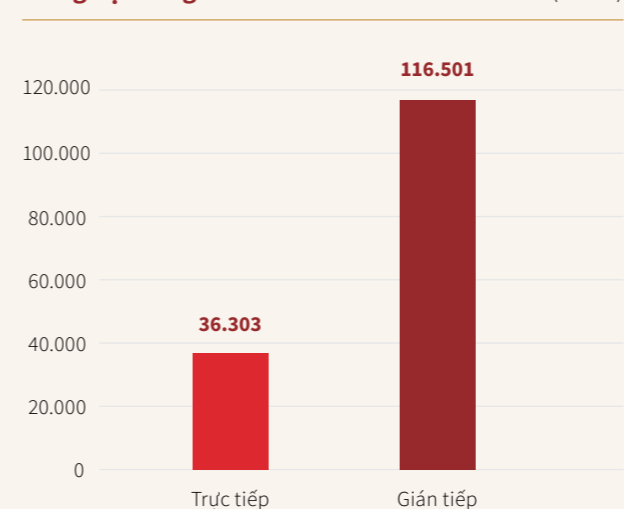
## BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

Là một doanh nghiệp cam kết đầu tư phát triển kinh doanh song hành cùng phát triển bền vững, SABECO luôn nhận thức được vai trò và trách nhiệm của mình trong việc bảo vệ môi trường, đặc biệt là trong bối cảnh biến đổi khí hậu đang là một trong những thách thức to lớn của toàn thế giới. Do đó, Tổng Công ty đã và đang chủ động thực hiện nhiều giải pháp xanh cũng như khuyến khích các bên liên quan cùng nhau giảm thiểu các tác động tiêu cực ngắn hạn và dài hạn đến môi trường thông qua những hướng dẫn sau.

- Đảm bảo việc tuân thủ quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.
- Khuyến khích liên tục cải thiện hệ thống quản lý môi trường đối với quy trình sản xuất để có thể ngăn ngừa và giảm thiểu các tác động tiêu cực đến môi trường và những tác động ảnh hưởng đến sự biến đổi khí hậu.
- Ban hành văn bản nội bộ hướng dẫn cách thức quản lý môi trường tốt, yêu cầu thực hiện các biện pháp giảm tác động biến đổi khí hậu và thực hành các thông lệ tốt cho tất cả các công ty trong hệ thống.
- Khuyến khích sử dụng tài nguyên thiên nhiên một cách tiết kiệm và hiệu quả để giữa cân bằng bền vững các yếu tố về môi trường và xã hội.
- Đặt các mục tiêu cụ thể và chi tiết đối với các biện pháp bảo vệ môi trường như giảm lượng nước tiêu thụ, giảm mức tiêu hao năng lượng, giảm lượng khí thải gây ô nhiễm môi trường cũng như giảm lượng nước thải và rác thải.
- Liên tục xem xét và điều chỉnh các hoạt động tác động đến môi trường của Tổng Công ty, đặc biệt là các vấn đề có thể ảnh hưởng đến môi trường tự nhiên và biến đổi khí hậu.
- Xây dựng và áp dụng chính sách bảo vệ môi trường và có hệ thống quản lý môi trường theo quy chuẩn quốc gia và tiêu chuẩn quốc tế.
- Thực hiện việc phát triển bao bì sản phẩm bền vững bằng cách tái sử dụng vỏ chai, tái chế thủy tinh và lon nhôm cũng như thiết kế bao bì sản phẩm thân thiện với môi trường, giảm thiểu việc sử dụng các nguyên liệu có nguồn gốc tự nhiên.



**Tổng phát thải khí nhà kính của các nhà máy trong hệ thống SABECO năm 2021** (tCO<sub>2</sub>e)



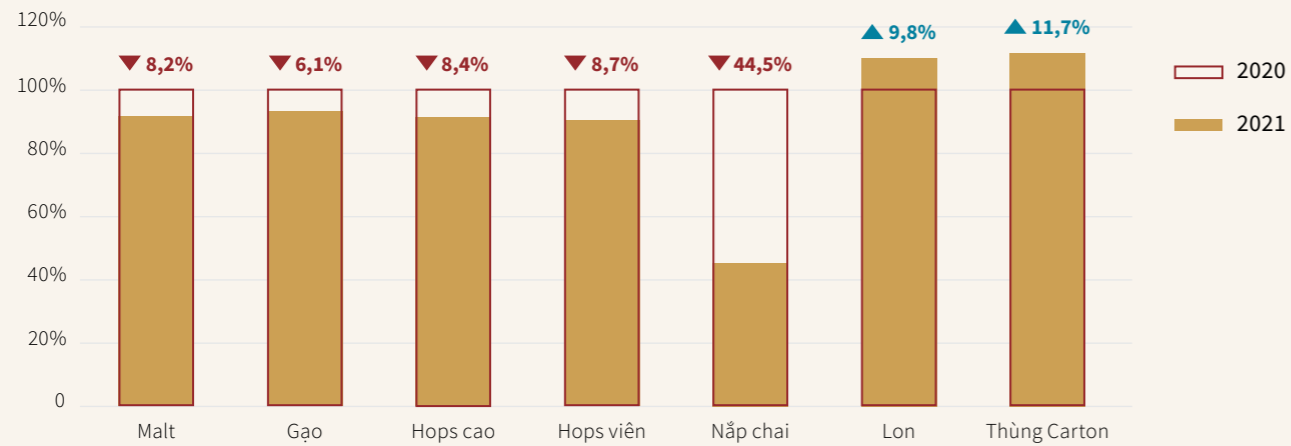
★ **Các sáng kiến giảm thiểu phát thải khí nhà kính**

- Chuyển đổi từ việc sử dụng xe nâng chạy bằng dầu DO sang sử dụng xe nâng chạy bằng khí hóa lỏng thân thiện với môi trường.
- Sử dụng lò hơi đốt bằng nguyên liệu BIOMASSs thay cho lò hơi đốt bằng nhiên liệu hóa thạch.
- Đầu tư hệ thống điện mặt trời áp mái tại các nhà máy trong hệ thống SABECO.
- Sử dụng các loại bao bì nhẹ hơn và có khả năng tái chế cao.

## QUẢN LÝ NGUYÊN VẬT LIỆU

Năm 2021, các nhà máy trong hệ thống tiếp tục kiểm soát tốt chất lượng và việc sử dụng nguyên vật liệu đầu vào, với nhu cầu thị trường đang chuyển dần từ tiêu thụ chai sang lon vì mục đích tiện lợi.

### Tiêu thụ nguyên vật liệu năm 2021 so với năm 2020



Các nhà máy đã linh hoạt thích ứng cũng như chuẩn bị các điều kiện cần thiết khác để sẵn sàng hoạt động trở lại và đáp ứng tốt nhu cầu của thị trường sau khi các quy định về giãn cách xã hội được nới lỏng. Ngoài ra, các nhà máy cũng đã triển khai đồng bộ các giải pháp cải tiến, tăng cường kiểm tra và kiểm soát chặt chẽ quá trình sản xuất nhằm giảm lượng tiêu thụ nguyên vật liệu trên đơn vị sản phẩm. Nhìn chung, các giải pháp cải tiến tại các nhà máy sản xuất trong toàn hệ thống được thực hiện trên các nguyên tắc sau:

- Các giải pháp có thể thực hiện ngay, phù hợp với hệ thống thiết bị, quy trình sẵn có của các nhà máy sẽ được ưu tiên thực hiện trước, sau đó sẽ lập kế hoạch để triển khai các cải tiến đòi hỏi đầu tư, nâng cấp.
- Các giải pháp tiết kiệm những nguyên vật liệu chính chiếm tỉ trọng lớn trong cơ cấu sẽ được ưu tiên thực hiện để mang lại hiệu quả nhanh và tốt nhất.

SABECO cũng ban hành các yêu cầu kỹ thuật khắt khe cho tất cả các nguyên vật liệu đầu vào. Trong đó, các nguyên vật liệu ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm và vệ sinh an toàn thực phẩm như malt đại mạch, hoa bia, vỏ lon, nắp lon, vỏ chai và nắp chai đều được mua trực tiếp từ nhà cung cấp nhằm kiểm soát chất lượng đầu vào trước khi phân phối lại cho các nhà máy. Các nguyên vật liệu phụ không ảnh hưởng đến chất lượng bia và vệ sinh an toàn thực phẩm thì do các nhà máy tự mua theo danh sách nhà cung cấp, nhãn hàng và yêu cầu kỹ thuật đã được SABECO ban hành. Các yêu cầu kỹ thuật về nguyên vật liệu cũng được ban hành dựa trên quy định hiện hành của pháp luật và tiêu chuẩn của Việt Nam, các thông lệ quốc tế và có sự tham khảo thông tin từ các tổ chức chuyên ngành trong lĩnh vực thực phẩm và đồ uống trên thế giới như European Brewery Convention (EBC), Mitteleuropäische Brautechnische Analysenkommision (MEBAK), American Society of Brewing Chemists (ASBC) và Deutsches Institut für Normung (DIN).

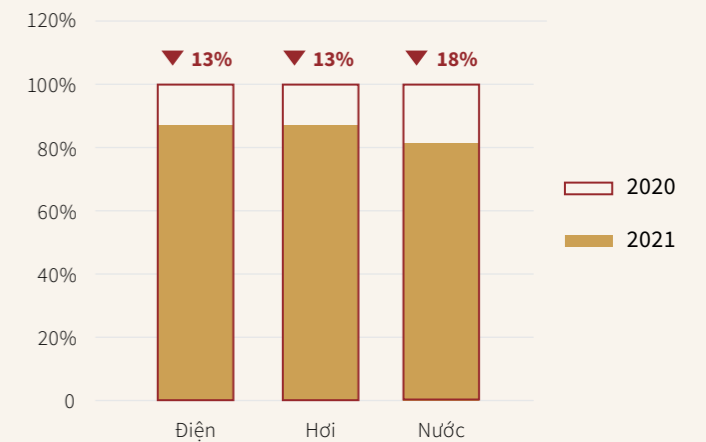
Các phòng thí nghiệm chuyên ngành được đầu tư với đầy đủ trang thiết bị hiện đại để phân tích tất cả các chỉ tiêu theo yêu cầu kỹ thuật của nguyên vật liệu đầu vào như thiết bị phân tích malt Skalar, HPLC, GC và thiết bị phân tích đạm Trumac. Tất cả các nguyên vật liệu đầu vào trước khi được đưa vào sử dụng phải có được chứng nhận “Đạt” của Ban Kiểm soát chất lượng. Chứng nhận “Đạt” này được đánh giá dựa trên các tiêu chí như đúng nhà cung cấp, đúng quốc gia sản xuất theo danh mục đã được phê duyệt, các chỉ tiêu liên quan đến yêu cầu kỹ thuật, vệ sinh an toàn thực phẩm và bảo vệ môi trường đáp ứng được các quy định liên quan.

Hơn nữa, SABECO thực hiện quản lý rủi ro liên quan đến chuỗi cung ứng của Tổng Công ty, bao gồm thực hiện đánh giá định kỳ các nhà phân phối tại nơi sản xuất của họ nhằm đảm bảo sự tuân thủ quy trình theo như cam kết giữa các bên có liên quan

## NĂNG LƯỢNG VÀ NƯỚC

Do ảnh hưởng của đợt giãn cách xã hội kéo dài, sản lượng năm 2021 thấp hơn so với năm 2020, tuy nhiên, các nhà máy vẫn cần phải tiêu thụ năng lượng và nước để duy trì bán thành phẩm. Nhờ vào nỗ lực nghiên cứu và áp dụng nhiều sáng kiến tiết kiệm của đội ngũ Kỹ thuật đã giúp cho mức tiêu thụ năng lượng và nước giảm so với năm 2020.

### Tiêu thụ năng lượng và nước năm 2021 so với năm 2020

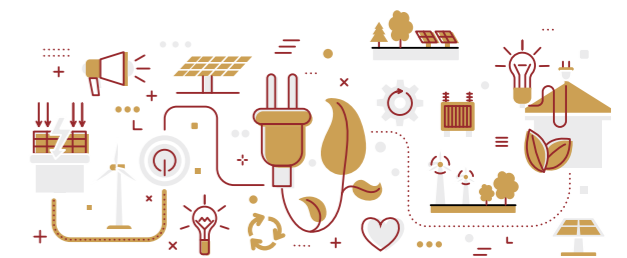


### ★ Các sáng kiến tiết kiệm năng lượng

- Bảo trì và nâng cấp máy móc, công nghệ và cơ sở hạ tầng nhằm tiết kiệm năng lượng.
- Điều chỉnh thời gian sục khí của các bể hiếu khí ở khu vực xử lý nước thải.
- Cài đặt hệ thống tự động dừng ở các máy đóng thùng carton (wrap around) khi không có tải.
- Đầu tư máy ép bùn khung bản áp lực cao nhằm tiết kiệm điện và chi phí vận chuyển và xử lý bùn thải.
- Tối ưu hóa quá trình vận hành hệ thống khí nén, tách riêng hệ thống khí nén rửa bụi để tiết kiệm điện.
- Đầu tư máy nén khí chạy biến tần.
- Giảm cường độ bay hơi tại nồi đun sôi.
- Bảo ôn các đường ống và thiết bị trao đổi nhiệt.
- Sử dụng lò hơi BIOMASS dùng nguyên liệu đốt từ thực vật (trấu, mùn cưa, vỏ hạt điều và lá cây)
- Đầu tư vào hệ thống năng lượng mặt trời

### ★ Các sáng kiến tiết kiệm nước

- Thu hồi và tái sử dụng nước.
- Thu hồi và sử dụng nước mưa.
- Cải tạo hệ thống làm mát bơm chân không.
- Áp dụng hệ thống CIP (Cleaning in place) cải tiến để giảm lượng nước sử dụng so với quy trình CIP ban đầu.
- Tái sử dụng nước thải và nước nóng dư thừa.
- Áp dụng chế độ vệ sinh thiết bị tiên tiến.
- Thu hồi toàn bộ nước ngưng đưa trở lại lò hơi.



## CÔNG NGHỆ TIÊN TIẾN



Xác định công nghệ và kỹ thuật là yếu tố nền tảng trong chiến lược cạnh tranh và phát triển của mình, SABECO không ngừng cải tiến và áp dụng công nghệ và thiết bị hiện đại trong quy trình sản xuất. Các nhà máy của SABECO đều được đầu tư máy móc thiết bị đồng bộ với công nghệ sản xuất hiện đại, nhập khẩu từ các hãng sản xuất thiết bị chuyên dùng cho ngành bia hàng đầu thế giới tại Châu Âu như Krones AG, KHS... và được tích hợp hệ thống quản lý sản xuất tự động hóa cao nhằm giúp giảm tiêu hao năng lượng. SABECO không ngừng cải tiến và áp dụng công nghệ và thiết bị hiện đại trong quy trình sản xuất. Từ năm 2017, các nhà máy được trang bị thêm thiết bị kiểm tra chai xì, kiểm tra code, kiểm tra nhãn và thiết bị stripping CO<sub>2</sub> giúp đảm bảo chất lượng bia tươi mới đến tay người tiêu dùng. Hệ thống lọc màng (loại không sử dụng bột trợ lọc) giúp giảm phát thải chất thải rắn ra môi trường, bảo vệ sức khỏe của người vận hành và giảm mức độ tiêu hao vật tư (điện, nước, hóa chất và môi chất) cũng được đầu tư.

## ĐẦU TƯ HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI VÀ CHẤT RẮN

Tất cả nhà máy đều đảm bảo nước thải đạt chất lượng theo tiêu chuẩn QCVN 4 0:2011 (loại A hoặc loại B) trước khi xả ra môi trường hoặc xả vào hệ thống thu gom nước thải của khu công nghiệp. Công tác quan trắc môi trường nước thải định kỳ của các đơn vị đều tuân thủ đúng tần suất như trong báo cáo Đánh giá tác động môi trường (ĐTM) được phê duyệt.

Ngoài ra, các nhà máy đều có silo chứa bả hèm và kho chứa bao bì phế liệu. Rác thải sinh hoạt được chứa đựng trong các thùng rác có nắp đậy và kho chứa chất thải trước khi đem đi xử lý. Đối với chất thải nguy hại, các nhà máy đều có hợp đồng với các đơn vị có chức năng vận chuyển và xử lý. Hệ thống thu gom và lên men bùn vi sinh từ hệ thống xử lý nước thải thu khí phát điện và làm phân vi sinh được đầu tư.

Tổng Công ty ban hành và áp dụng quy trình sản xuất khép kín và tự động hóa cao, được quản lý bởi đội ngũ kỹ thuật gồm các kỹ sư về công nghệ - thiết bị và các Brew Masters giàu kinh nghiệm nhằm đảm bảo chất lượng sản phẩm. Nhiều lượt cán bộ kỹ thuật đã tham gia các khóa học Brew Masters tại Đức và Mỹ, trong đó có 51 Brew Masters đã được đào tạo từ năm 2012. SABECO cũng đã mời nhiều tổ chức và chuyên gia uy tín để đào tạo chuyên sâu về kỹ thuật và cách vận hành nhà máy cho cán bộ quản lý nhằm nâng cao tay nghề. Ngoài ra, các cán bộ kỹ thuật còn tham gia các khóa đào tạo về nhân men, kỹ thuật phân tích hóa lý, vi sinh, cảm quan bia, công tác bảo trì bảo dưỡng máy móc thiết bị, hệ thống quản lý theo các tiêu chuẩn quốc tế ISO, tham dự các hội thảo về kỹ thuật công nghệ ngành bia và nước giải khát để tiếp cận, cập nhật liên tục các kỹ thuật tiên tiến trên thế giới.

## HỆ THỐNG QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG

Các nhà máy đều được phê duyệt báo cáo Đánh giá tác động môi trường (ĐTM)/Cam kết bảo vệ môi trường/Đề án bảo vệ môi trường, và có giấy chứng nhận hệ thống quản lý môi trường theo ISO 14001:2015.

26 nhà máy cũng đều đạt chứng nhận đạt chuẩn ISO 9001 (Hệ thống Quản lý chất lượng), ISO 14001 (Hệ thống Quản lý môi trường), ISO 22000 (Hệ thống Quản lý an toàn thực phẩm), và HACCP (Hệ thống phân tích mối nguy và kiểm soát điểm tới hạn trong quá trình sản xuất). Ngoài ra, các nhà máy có Phòng thí nghiệm được công nhận đạt tiêu chuẩn ISO 17025 giúp đảm bảo chất lượng bia sản xuất trên toàn hệ thống.

SABECO có định hướng nâng cao các tiêu chuẩn và hệ thống quản lý tiên tiến và thực hiện các công việc liên quan để các nhà máy đạt được chứng nhận ISO 50001 (Hệ thống quản lý năng lượng) vào năm 2022 - 2023.

Tổng Công ty đã ban hành một bộ tài liệu về môi trường gồm các thủ tục, phụ lục và hướng dẫn kiểm soát và điều hành các vấn đề liên quan đến môi trường, yêu cầu tất cả các đơn vị thành viên tuân thủ và tổ chức đánh giá định kỳ 6 tháng/lần để đảm bảo sự tuân thủ.

26 nhà máy đều đạt chứng nhận đạt chuẩn



ISO 9001

ISO 14001

ISO 22000

HACCP



## TẬP HUẤN VỀ AN TOÀN LAO ĐỘNG VÀ VỆ SINH AN TOÀN THỰC PHẨM

Tất cả nhân viên trong hệ thống được đào tạo về an toàn lao động và vệ sinh an toàn thực phẩm định kỳ theo luật định. Hàng năm, việc khám sức khỏe và bệnh nghề nghiệp cho người lao động được tổ chức. SABECO luôn chú trọng giảm thiểu rủi ro tại nơi làm việc, do đó không có tai nạn lao động hay hỏa hoạn nào xảy ra trong năm 2021.



# PHÁT TRIỂN NGUỒN LỰC NHÂN SỰ

Trong suốt mọi hoạt động của mình, SABECO luôn đặt yếu tố nhân viên làm trọng tâm bởi vì Tổng Công ty tin rằng con người đóng một vai trò quan trọng đối với sự phát triển bền vững của doanh nghiệp, cũng như luôn tôn trọng những giá trị đa dạng và sự cống hiến của toàn thể cán bộ công nhân viên đối với sự thành công của SABECO.

Với mục tiêu giữ vững vị thế dẫn đầu tại Việt Nam và vươn tầm ra thị trường quốc tế, SABECO luôn chú trọng xây dựng và củng cố đội ngũ lao động “WARM”, cùng với việc tạo ra một môi trường làm việc chuyên nghiệp, thúc đẩy, năng động và công bằng, qua đó gia tăng lợi thế cạnh tranh cho Tổng Công ty và tăng cường sự gắn kết với nhân viên.

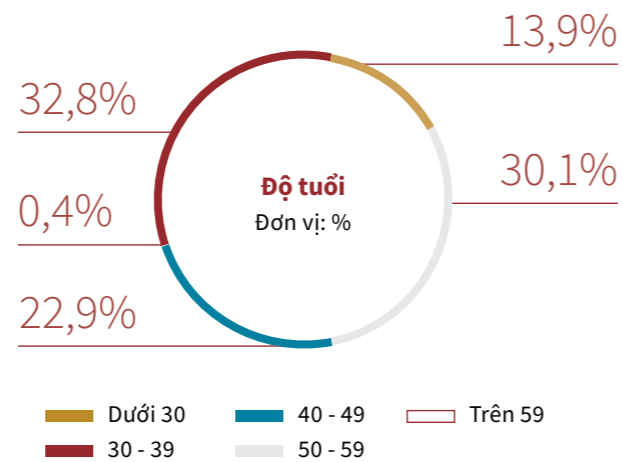
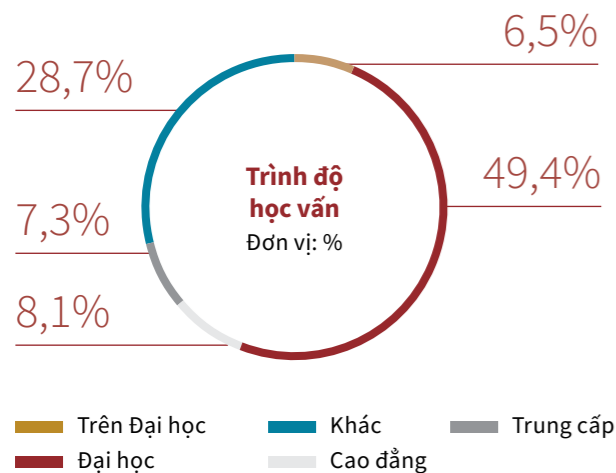
Sự chuyển đổi toàn diện đã mang lại cho SABECO, một doanh nghiệp có nền văn hóa lâu đời, cơ hội để tiếp cận và áp dụng những thông lệ quốc tế như là Giá trị toàn cầu (Global Values). Với mục đích kết nối tất cả nhân viên trong hệ thống cũng như thúc đẩy sự đoàn kết để tạo ra các giá trị chung, Giá trị toàn cầu (Global values) với 3 giá trị cốt lõi là Collaboration (Hợp tác) – Creating values (Tạo giá trị) – Caring for stakeholders (Chăm sóc đối tác) đã được áp dụng, từ đó giúp mang lại hiệu quả tốt nhất trong công việc, đồng thời tạo ra giá trị bền vững cho Tổng Công ty.



## TỔNG QUAN VỀ ĐỘI NGŪ LAO ĐỘNG

**Tổng số lao động**  
8.135

(theo BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2021, trong đó 804 nhân viên thuộc Tổng Công ty).



## TUYỂN DỤNG

SABECO luôn tìm kiếm những nhân viên tài năng, tận tụy và chăm chỉ, phù hợp với văn hóa của Tổng Công ty.

### Kế hoạch tuyển dụng

SABECO chuẩn bị kế hoạch tuyển dụng dựa trên kế hoạch kinh doanh hàng năm và nhu cầu nhân sự của từng phòng ban.

### Phương pháp tuyển dụng

Thi tuyển và phỏng vấn trực tiếp với Ban Nguồn lực nhân sự và trưởng đơn vị.

### Thông báo tuyển dụng

Thông tin chi tiết được đăng tải trên các kênh tuyển dụng.



Trong năm 2021, SABECO đã tuyển dụng thêm 73 nhân viên mới cho các bộ phận khác nhau. Tất cả nhân viên mới đều được tham gia chương trình “Đào tạo định hướng cho nhân viên mới” với mục đích giúp những nhân viên mới làm quen với quy trình làm việc của SABECO, đồng thời nắm vững và hiểu rõ quyền lợi và trách nhiệm của mình. Chương trình cũng cung cấp các thông tin tổng quan về các chính sách quan trọng cũng như văn hóa tổ chức của Tổng Công ty. Ngoài ra, các nhân viên mới cũng nhận được sự hướng dẫn tích cực và hỗ trợ kịp thời từ Ban Nguồn lực nhân sự trong suốt giai đoạn thử việc để họ có thể nhanh chóng thích nghi với môi trường làm việc mới và nỗ lực hết mình.

## LƯƠNG THƯỜNG VÀ PHÚC LỢI

SABECO đặt tầm quan trọng cao trong việc tạo ra văn hóa quản trị theo năng lực, do đó cấu trúc lương mới dựa trên vị trí công việc và thành tích cá nhân đã được áp dụng nhằm tạo động lực cho nhân viên phấn đấu làm việc tốt. Mức thưởng sẽ được tính dựa trên mức độ hoàn thành công việc, hiệu quả của Tổng Công ty và cá nhân nhân viên. Ngoài ra, SABECO cũng trả một số phụ cấp nhằm tạo điều kiện cho nhân viên đạt hiệu quả công việc tốt nhất.

Bên cạnh các chế độ phúc lợi cho người lao động theo đúng quy định của pháp luật như là bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm tai nạn 24 giờ, SABECO không ngừng nâng cao các chế độ phúc lợi cho nhân viên thông qua nhiều hoạt động như là tổ chức du lịch, tặng quà cho nhân viên vào dịp sinh nhật và ngày lễ Tết. Ngoài ra, SABECO cũng chăm lo đến những người thân của nhân viên bằng việc tặng quà cho con của nhân viên vào ngày Quốc tế thiếu nhi.

## ĐÀO TẠO

Trong năm 2021, SABECO đã thực hiện quy trình quản lý đào tạo xuyên suốt từ các ban chuyên môn đến hai nhà máy trực thuộc nhằm đảm bảo cơ chế và hệ thống quản lý thống nhất cũng như phát triển năng lực cho mọi cấp cán bộ công nhân viên. Tổng số giờ đào tạo trong năm là 418 giờ.



## AN TOÀN VÀ SỨC KHỎE CỦA NHÂN VIÊN

SABECO luôn hướng đến việc không ngừng cải thiện môi trường làm việc với mục đích đảm bảo an toàn lao động và sức khỏe nghề nghiệp của tất cả nhân viên và tạo điều kiện để nhân viên phát huy tối đa năng lực trong công việc.

- Kiểm tra sức khỏe định kỳ
- Kiểm tra phát hiện bệnh nghề nghiệp
- Đo lường môi trường làm việc
- Trang bị phương tiện bảo hộ cá nhân
- Đóng bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp và bảo hiểm y tế bắt buộc
- Phòng cháy chữa cháy



**ỨNG PHÓ VỚI DỊCH BỆNH COVID-19**

Với quyết tâm duy trì sản xuất kinh doanh, giữ vững chuỗi cung ứng nhưng vẫn đảm bảo việc làm ổn định và sức khỏe cho toàn thể nhân viên trong bối cảnh làn sóng Covid-19 lần thứ 4 bùng phát mạnh mẽ tại Việt Nam, SABECO đã kích hoạt kế hoạch BCP trên toàn hệ thống từ cuối tháng 05/2021, dưới sự giám sát chặt chẽ của Ban Điều hành Tổng Công ty và các công ty thành viên.



**Nhân sự bình thường** sẽ làm việc tại văn phòng chính hoặc từ xa (ở nhà) theo thời gian chỉ định.

**Nhân sự vận hành chính** cần phải xử lý công việc hàng ngày và không thể làm việc ở nhà sẽ làm việc tại văn phòng chính hoặc văn phòng phụ theo thời gian chỉ định.

Các nhóm làm việc trên nguyên tắc cách ly với nhau theo thông báo và hướng dẫn từ công ty.

**Hành động chính**

- Tổ chức các cuộc họp trực tuyến.
- Báo cáo các trường hợp thuộc diện F0, F1 và F2 ngay lập tức.
- Đưa ra các kịch bản khác nhau và lên kế hoạch dự phòng trong trường hợp có các quy định mới về giãn cách xã hội.
- Kịp thời cập nhật tình hình Covid-19 và giám sát chặt chẽ tình hình ở các đơn vị kinh doanh thông qua các cuộc họp BCP hàng ngày.
- Duy trì trao đổi và động viên nhân viên thông qua các bản tin nội bộ.
- Trang bị khẩu trang y tế, mắt kính phòng dịch và nước rửa tay cho nhân viên.
- Nghiêm túc áp dụng các biện pháp phòng chống dịch theo quy định và hướng dẫn 5K.
- Bố trí chỗ ở tạm thời tại nơi làm việc cho những nhân viên phải ở lại nơi làm việc 24/7 theo yêu cầu của chính quyền địa phương.

Các hình thức hỗ trợ cho nhân viên làm việc tại chỗ:



Ngay sau khi TP. Hồ Chí Minh nới lỏng các quy định giãn cách xã hội và nhân viên có thể quay trở lại văn phòng làm việc, SABECO vẫn tiếp tục áp dụng kế hoạch BCP và các biện pháp phòng ngừa khác theo quy định và hướng dẫn của Chính phủ nhằm giảm thiểu nguy cơ lây nhiễm bệnh cho cả nhân viên, khách hàng và đối tác.

### Điều kiện đối với nhân viên làm việc tại trụ sở chính

- Tiêm đủ 2 liều vắc xin, hoặc
- Tiêm ít nhất 1 liều vắc xin (đối với loại vắc xin tiêm 1 lần) và tối thiểu 14 ngày sau tiêm, hoặc
- Người lao động từng nhiễm Covid-19 đã hoàn thành thời gian cách ly và có giấy chứng nhận của cơ quan có thẩm quyền.

### Yêu cầu đối với người lao động

- Luôn nêu cao tinh thần cảnh giác, chủ động, linh hoạt tự bảo vệ, chăm sóc sức khỏe và sống an toàn.
- Đeo khẩu trang, rửa tay thường xuyên, giữ gìn vệ sinh cá nhân và nơi làm việc.
- Nghiêm túc thực hiện việc khai báo y tế.
- Giữ khoảng cách an toàn tại nơi làm việc.
- Ưu tiên tổ chức các cuộc họp trực tuyến, trong trường hợp phải họp trực tiếp thì phải đảm bảo tỷ lệ tiêm vaccine tối thiểu và số người tham dự họp tối đa theo quy định hiện hành.
- Lập tức thông báo khi phát hiện các trường hợp nghi nhiễm hoặc nhiễm Covid-19.
- Không có thái độ kỳ thị và phân biệt đối xử tại nơi làm việc đối với các trường hợp đã hoàn thành việc cách ly y tế hoặc phải đi công tác đến các khu vực có nguy cơ lây nhiễm bệnh hoặc đã điều trị khỏi Covid-19.

### Yêu cầu đối với khách liên hệ công tác

- Phải đăng ký với bộ phận lễ tân.
- Xuất trình “thẻ xanh Covid” và đảm bảo thời gian 14 ngày sau tiêm hoặc có kết quả xét nghiệm âm tính trong vòng 72 giờ.
- Yêu cầu tuân thủ 5K.
- Kiểm tra nhiệt độ, đeo khẩu trang và sát khuẩn tay.

Tổng Công ty cũng đưa ra các chính sách phúc lợi, hỗ trợ chi phí điều trị hoặc cách ly đối với những nhân viên bị nhiễm Covid-19 khi làm việc, chuẩn bị trang thiết bị và vật dụng cần thiết trong trường hợp “3 tại chỗ” được kích hoạt lại, cũng như tiếp tục trang bị khẩu trang, mắt kính phòng chống dịch và nước rửa tay cho nhân viên.

Thấu hiểu những khó khăn mà đội ngũ nhân viên tuyến đầu phải đối mặt do phải thường xuyên di chuyển và tiếp xúc với nhiều khách hàng, Tổng Công ty đã nhanh chóng triển khai chương trình SABECO Care, một chương trình tư vấn và chăm sóc sức khỏe dành riêng cho cho đội ngũ nhân viên bán hàng và tiếp thị trên toàn hệ thống. Đội ngũ nhân viên tuyến đầu tại các khu vực bị ảnh hưởng bởi Covid-19 đều được trang bị đầy đủ vật dụng thiết yếu trong qua trình thực hiện công việc hàng ngày, như là kính bảo hộ, khẩu trang y tế, găng tay, nước sát khuẩn và các hướng chi tiết về 5K, nhằm đảm bảo sự an toàn tốt nhất cho họ và gia đình của họ.

### Chương trình tiêm chủng

Trước những diễn biến khó lường của đại dịch Covid-19, SABECO là một trong những doanh nghiệp lớn đầu tiên tại Việt Nam đã chủ động làm việc với các đơn vị chức năng nhằm tìm kiếm nguồn cung ứng vaccine phòng chống Covid-19 cho người lao động, qua đó thể hiện vai trò trách nhiệm doanh nghiệp công dân của mình trong thời điểm đất nước cần sự chung tay giúp đỡ để đẩy lùi dịch bệnh. Bên cạnh đó, Tổng Công ty cũng đã phối hợp với Trung tâm Kiểm soát Bệnh tật TP. Hồ Chí Minh (HCDC) và đội ngũ y tế để nhanh chóng triển khai việc tiêm chủng cho toàn bộ hệ thống.

Tại ngày 08/02/2022



**Mũi 1**  
~91%  
nhân viên

**Mũi 2**  
~84%  
nhân viên

**Mũi 3**  
~23%  
nhân viên



### DỰ ÁN “LỚN LÊN CÙNG SABECO”



“Lớn lên cùng SABECO” là dự án thiện nguyện được lập ra với tình yêu thương dành cho các con em của SABECO. Với mục tiêu gây quỹ 600 triệu đồng hàng năm, dự án kêu gọi quyên góp từ nhiều nguồn để có thể hỗ trợ con em cán bộ công nhân viên trong hệ thống SABECO đang còn gặp nhiều khó khăn. Thông qua dự án này, SABECO mong muốn được đồng hành cùng các em trên con đường phát triển bản thân, để các em cảm nhận được rằng các em chính là một thành viên của SABECO ngay từ tấm bé.

Tiếp nối thành công của đợt trao tặng 92 suất học bổng lần đầu tiên vào năm 2020, dự án mở đợt xét học bổng lần thứ hai cho học kỳ II năm 2020-2021, dựa trên 3 tiêu chí (1) kết quả học tập của các em, (2) tổng thu nhập bình quân hàng tháng của gia đình và (3) người lao động hoặc vợ/chồng/con không may mắc bệnh hiểm nghèo hoặc tai nạn lao động.

### NHỮNG CON SỐ ẤN TƯỢNG NĂM 2021



184  
hồ sơ đăng ký



96  
suất học bổng



285 triệu đồng  
tổng giá trị học bổng

Nhân kỷ niệm ngày Gia đình Bia Sài Gòn và ngày Gia đình Việt Nam “Lớn lên cùng SABECO” đã phát động chương trình vẽ tranh gây quỹ và nhận được sự hưởng ứng từ các em nhỏ. Các bức tranh này sẽ được chương trình sử dụng cho mục đích gây quỹ nhằm giúp đỡ nhiều hơn các con em có hoàn cảnh khó khăn.





VIỆT NAM"  
 #TIEPSUCVIETNAM  
 CITYCARE

**ĐI LÊN  
 CÙNG NHAU**

## TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI

### LAN TỎA TINH THẦN THỂ THAO CÙNG TIỀN PHONG MARATHON 2021

SABECO tiếp tục khẳng định cam kết luôn chung tay mang lại những giá trị tích cực cho đất nước thông qua những hành động và đóng góp thiết thực, qua đó góp phần cổ vũ tinh thần rèn luyện thể thao vì sức khỏe cũng như nâng cao ý chí bền bỉ, kiên trì của thế hệ trẻ.

Hướng đến một Việt Nam năng động, tích cực và khuyến khích tinh thần thể thao trong cộng đồng, vào ngày 28/03/2021, SABECO đã đồng hành cùng với Liên đoàn Điền kinh Việt Nam, Báo Tiền Phong và Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai để tổ chức Giải Vô địch quốc gia Marathon và cự ly dài báo Tiền Phong lần thứ 62 năm 2021 (Tiền Phong Marathon).

Mang một thông điệp đầy ý nghĩa “Giấc mơ đại ngàn”, Tiền Phong Marathon 2021 được tổ chức tại thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai và thu hút sự tham gia của hơn 4.300 vận động viên chuyên nghiệp và không chuyên, đồng thời đây cũng là sự hưởng ứng lại lời kêu gọi của Thủ tướng Chính phủ về việc trồng 1 tỷ cây xanh đến hết năm 2025, vì một Việt Nam xanh.

Là một trong những nhà tài trợ kim cương của cuộc thi, SABECO tiếp tục khẳng định cam kết luôn chung tay mang lại những giá trị tích cực cho đất nước thông qua những hành động và đóng góp thiết thực, qua đó góp phần cổ vũ tinh thần rèn luyện thể thao vì sức khỏe cũng như nâng cao ý chí bền bỉ, kiên trì của thế hệ trẻ. Đồng thời, Tổng Công ty cũng mong muốn cùng chính quyền địa phương hỗ trợ kích hoạt lại du lịch sau thời gian dài bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 bằng việc quảng bá nét đẹp thiên nhiên, văn hóa và con người Pleiku, Gia Lai.



### CHƯƠNG TRÌNH “TIẾP SỨC VIỆT NAM”

Dù cho đã hơn hai năm đi qua, đại dịch Covid-19 vẫn đang ảnh hưởng nghiêm trọng đến mọi mặt của đời sống và kinh tế - xã hội, gây ra những áp lực nặng nề lên hệ thống y tế nước nhà cũng như gia tăng sự bất an, lo lắng trong cộng đồng.

Trước những diễn biến phức tạp và khó lường của dịch bệnh, sự chung tay giúp đỡ nhau vượt qua khó khăn là hành động thiết yếu nhất. Là một công ty có lịch sử lâu đời tại Việt Nam, song hành cùng những đổi thay của đất nước, hơn bao giờ hết, SABECO càng ý thức rõ vai trò và trách nhiệm của mình đối với xã hội và sẵn sàng tiếp thêm sức mạnh giúp đất nước và người dân Việt Nam vững vàng vượt qua đại dịch.

Từ ngày 19/08/2021 đến ngày 26/08/2021, SABECO và Trung ương Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam đã triển khai chương trình “Tiếp sức Việt Nam” với mục tiêu tiếp sức cho các lực lượng tuyến đầu của đất nước, những người đang nỗ lực không ngừng nghỉ để ngăn ngừa đại dịch, và san sẻ những khó khăn với các hộ gia đình tại các địa phương. Chương trình được triển khai tại TP. Hồ Chí Minh, Bình Dương, Đồng Nai, Cần Thơ và Khánh Hòa, cũng như mở rộng đến các tỉnh, thành lân cận như Tây Ninh, Bà Rịa - Vũng Tàu và Sóc Trăng.

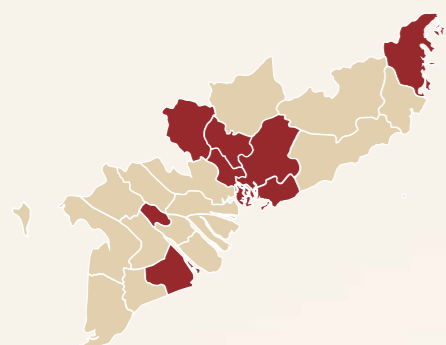
Bên cạnh đó, nhằm khởi động thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về chương trình “Triệu túi An sinh” gửi tặng các hộ gia đình khó khăn, trong đợt này, SABECO cũng đã trao tặng 5.000 túi quà với tổng giá trị 2 tỷ đồng đến 5.000 hộ gia đình ở 8 tỉnh, thành phố.

SABECO đã huy động sức mạnh và nguồn lực từ sự giúp đỡ của các công ty thành viên kết hợp cùng Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam, Trung tâm Tình nguyện Quốc gia và các Tỉnh, Thành Đoàn cùng thực hiện chương trình vì mục tiêu chung và sứ mệnh chung. SABECO cũng kêu gọi sự chung tay từ các đối tác, khách hàng và các công ty trong cùng hệ sinh thái, đóng góp từ nguồn hàng hóa, vận chuyển và tham gia các hoạt động phục vụ chương trình, với sự đồng hành của các hội viên, thanh niên tình nguyện tại các địa phương cũng như đội ngũ tình nguyện từ các công ty trong hệ thống của SABECO.



Những con số ấn tượng

Chương trình “Tiếp sức Việt Nam” một lần nữa thể hiện được sự nhân ái, sẻ chia, sự giúp sức kịp thời và lan tỏa tinh thần “Vững vàng cùng nhau, Mạnh mẽ cùng nhau” của SABECO, các tổ chức và các cá nhân khác, không những mang đến những món quà thiết thực, có ý nghĩa cho các lực lượng tuyến đầu và những người dân gặp khó khăn do Covid-19 mà còn chung tay cùng Chính phủ trong công cuộc đẩy lùi đại dịch.



08  
tỉnh, thành phố

200+  
bệnh viện được hỗ trợ

5.000  
hộ gia đình khó khăn  
được giúp đỡ

Tổng đóng góp

10  
tỷ đồng



07  
Máy thở chức năng cao  
MEK-ics MV2000 EVO

65.000  
khẩu trang y tế N95  
và đồ bảo hộ



35.500  
chai nước rửa tay sát khuẩn

20.000  
thùng nước uống  
đóng chai





## CHƯƠNG TRÌNH “GÓP TRIỆU NGÔI SAO”

Kể từ khi đại dịch Covid-19 bùng phát tại Việt Nam, không chỉ các doanh nghiệp lớn mà còn rất nhiều hộ kinh doanh nhỏ lẻ đã phải chịu những tổn thất nặng nề, đối mặt với nguy cơ phá sản hoặc đóng cửa, và rất cần sự chung tay giúp đỡ từ cộng đồng.

Điều này đã thôi thúc SABECO và nhãn hàng Bia Sài Gòn đồng hành cùng Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh phát động chương trình “Góp triệu ngôi sao” được diễn ra từ ngày 28/08/2021 đến ngày 15/09/2021, với mục tiêu góp phần tiếp sức cho các hộ kinh doanh nhỏ, ngành thực phẩm và đồ uống trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh sớm phục hồi và ổn định trở lại trong điều kiện bình thường mới, qua đó lan tỏa tinh thần “Đi lên cùng nhau” trong đại dịch.

Lấy cảm hứng từ hình ảnh ngôi sao đầy ý nghĩa trên lá cờ Việt Nam, mỗi người tham gia được khuyến khích thể hiện sự sáng tạo của mình trong các hoạt động thường ngày như nấu ăn, trang điểm, trang trí nhà cửa, vẽ tranh hay bất kỳ ảnh chụp có thể hiện hình ảnh ngôi sao và chia sẻ ngôi sao của họ trên mạng xã hội cùng với những thông điệp tích cực nhất nhằm động viên và cổ vũ tinh thần cho đội ngũ tuyến đầu, cũng như những người đang chịu ảnh hưởng bởi đại dịch trên khắp cả nước. Với mỗi ngôi sao cùng lời chia sẻ ý nghĩa được đăng tải trên mạng xã hội kèm hashtag #GopTrieuNgoiSao, #DiLenCungNhau và gắn thẻ fanpage chính thức của Bia Saigon sẽ được SABECO và nhãn hàng Bia Sài Gòn góp 10.000 đồng vào quỹ của chương trình.



Chiến dịch “Góp triệu ngôi sao” đã đạt được hơn 54.000 lượt tương tác và hơn 40.000 lượt thảo luận trên mạng xã hội cũng như thu hút hơn 32.000 người tham gia từ mọi tầng lớp, từ những họa sĩ, nghệ sĩ, những người có tầm ảnh hưởng, các cộng đồng mạng xã hội đến các sinh viên và đoàn viên thanh niên trên khắp cả nước. Rất nhiều thông điệp tích cực và lời động viên được thể hiện dưới nhiều hình thức khác nhau đã được gửi đến đội ngũ tuyến đầu để tri ân những nỗ lực không ngừng nghỉ của họ trong cuộc chiến chống dịch của đất nước. Ngoài ra, “Góp triệu ngôi sao” đã vinh dự được đứng thứ 2 trong Top 10 chiến dịch vì cộng đồng được quan tâm nhất mạng xã hội tháng 9/2021 theo YouNet Media, một công ty hàng đầu cung cấp giải pháp phân tích dữ liệu mạng xã hội tại Việt Nam.

Sau khi kết thúc chương trình, SABECO và nhãn hàng Bia Saigon đã đóng góp 3 tỷ đồng vào quỹ của chương trình. Căn cứ theo tiêu chí của chương trình, 600 cơ sở kinh doanh thực phẩm và đồ uống nhỏ lẻ, bị ảnh hưởng nặng nề nhất trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh đã được lựa chọn để trao tặng khoản hỗ trợ trị giá 5 triệu đồng/hộ bằng tiền mặt. Vào ngày 23/09/2021, đại diện Trung ương Đoàn và nhãn hàng Bia Saigon đã đến thăm và trao khoản hỗ trợ này đến cho 5 hộ kinh doanh, các hộ còn lại được nhận gói hỗ trợ qua hình thức chuyển khoản.



Tổng giá trị đóng góp

3  
tỷ đồng



Hỗ trợ cho

600  
hộ kinh doanh

### CHƯƠNG TRÌNH CỘNG ĐỒNG HỖ TRỢ NGƯỜI DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

Với cam kết đầu tư phát triển kinh doanh song hành cùng phát triển bền vững và chung tay cải thiện an sinh xã hội tại những địa phương mà SABECO có hoạt động kinh doanh, Tổng Công ty đã phối hợp với Tỉnh đoàn Khánh Hòa và các ban ngành địa phương khác tổ chức chương trình cộng đồng mang tên “Tuổi Trẻ Khánh Hòa, Vì Biển Đảo Quê Hương” để hỗ trợ các ngư dân tại xã Vạn Ninh, Khánh Hòa vào ngày 15/12/2021.

Tại chương trình, đại diện của SABECO và Công ty cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Nam Trung Bộ đã trao tặng các phần quà có tổng giá trị 600 triệu đồng, bao gồm 1.000 áo phao để hỗ trợ các ngư dân trẻ ra khơi bám biển và phục vụ hoạt động cứu nạn, ứng phó chống biến đổi khí hậu và 40 bộ thiết bị giám sát hành trình cho tàu cá của các ngư dân. Bên cạnh đó, 1.000 lá cờ Tổ quốc và 50 túi y tế và dụng cụ cấp cứu cũng được ban tổ chức trao tặng để động viên ngư dân ra khơi bám biển, tham gia bảo vệ chủ quyền biển đảo thiêng liêng của Việt Nam.

Thông qua chương trình này, SABECO mong muốn tái khẳng định cam kết phát triển bền vững 4Cs cũng như được chung tay cùng chính quyền địa phương cố vũ và động viên tinh thần những ngư dân ở tỉnh Khánh Hòa trong công tác bảo vệ chủ quyền biển đảo và giữ vững môi trường hòa bình, ổn định vì sự phát triển của đất nước.



### CHƯƠNG TRÌNH “TẾT CHUNG MỘT NHÀ”

Tết là thời điểm mà mọi người ở mọi miền đất nước đều hướng về nguồn cội và mong chờ được đoàn viên bên gia đình. Thế nhưng, sự bùng phát mạnh mẽ của đại dịch Covid-19 trong năm 2021 đã khiến đời sống của người dân Việt Nam phải đối mặt với nhiều khó khăn, đặc biệt là công nhân lao động, sinh viên và đội ngũ tuyến đầu chống dịch, và khiến nhiều người không thể trở về quê hương để tận hưởng ngày Tết cùng gia đình.

Với tinh thần “Tết đi lên cùng nhau”, SABECO đã phối hợp với Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh triển khai chương trình cộng đồng mang tên “Tết chung một nhà” với mong muốn tạo cơ hội cho những người lao động và sinh viên gặp khó khăn được trở về nhà trong dịp Tết Nguyên đán sau một năm đầy biến động, qua đó tôn vinh tinh thần đoàn kết và gắn kết gia đình. Bên cạnh đó, chương trình cũng nhằm tri ân những lực lượng y tế tuyến đầu và tình nguyện viên vì những hy sinh thầm lặng và những đóng góp to lớn của họ trong cuộc chiến chống lại dịch bệnh Covid-19.

Chương trình được bắt đầu từ ngày 24/01/2022 đến ngày 28/01/2022 với tổng giá trị đóng góp lên tới 7 tỷ đồng. Cụ thể, chương trình đã hỗ trợ 270 vé máy bay, 1.530 vé xe khách và 200 vé tàu cho 2.000 công nhân và sinh viên được chọn tại Hà Nội, Bắc Ninh, Bắc Giang, TP.HCM, Bình Dương và Đồng Nai, cũng như trao tặng các phần quà Tết cho 800 sinh viên, công nhân, đoàn viên thanh niên và tình nguyện viên tuyến đầu tại Hòa Bình, Hà Nội, Quảng Ninh và TP. Hồ Chí Minh, những người muốn ở lại địa phương của mình để đón Tết Nguyên đán.

Không chỉ mang giá trị vật chất, những tấm vé, món quà được trao còn là nguồn động viên tinh thần cho những người thụ hưởng để họ có thể chào đón năm mới 2022 với nhiều niềm vui, lạc quan và hy vọng, cũng như không ngừng phấn đấu làm việc vì sự hồi phục và phát triển của đất nước.



Tổng giá trị đóng góp

7 tỷ đồng

cho 2.000 công nhân và sinh viên



270 vé máy bay



1.530 vé xe khách



200 vé tàu



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
HỢP NHẤT KIỂM TOÁN**

## THÔNG TIN VỀ TỔNG CÔNG TY

**Giấy Chứng nhận Đăng ký  
Doanh nghiệp số**

0300583659 ngày 29 tháng 2 năm 2012

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Tổng Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0300583659 ngày 18 tháng 5 năm 2020. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

### Hội đồng Quản trị

|                                 |   |
|---------------------------------|---|
| <b>Ông Koh Poh Tiong</b>        | Chủ tịch                                  |
| <b>Ông Pramoad Phornprapha</b>  | Thành viên                                |
| <b>Ông Nguyễn Tiến Vy</b>       | Thành viên                                |
| <b>Ông Michael Chye Hin Fah</b> | Thành viên                                |
| <b>Bà Trần Kim Nga</b>          | Thành viên                                |
| <b>Ông Lê Thanh Tuấn</b>        | Thành viên (từ ngày 28 tháng 4 năm 2021)  |
| <b>Bà Ngô Minh Châu</b>         | Thành viên (từ ngày 28 tháng 4 năm 2021)  |
| <b>Ông Nguyễn Tiến Dũng</b>     | Thành viên (đến ngày 27 tháng 4 năm 2021) |
| <b>Ông Lương Thanh Hải</b>      | Thành viên (đến ngày 27 tháng 4 năm 2021) |

### Ban Tổng Giám đốc

|                                  |   |
|----------------------------------|---|
| <b>Ông Neo Gim Siong Bennett</b> | Tổng Giám đốc   |
| <b>Ông. Koo Liang Kwee</b>       | Phó Tổng Giám đốc<br>(từ ngày 1 tháng 10 năm 2021)                      |
| <b>Bà Venus Teoh Kim Wei</b>     | Phó Tổng Giám đốc<br>(từ ngày 1 tháng 4 năm 2021)                       |
| <b>Ông Teo Hong Keng</b>         | Phó Tổng Giám đốc<br>(đến ngày 30 tháng 9 năm 2021)                     |
| <b>Ông Ng Kuan Ngee Melvyn</b>   | Phó Tổng Giám đốc   |
| <b>Ông Lâm Du An</b>             | Phó Tổng Giám đốc Giám đốc<br>Nhà máy Bia Sài Gòn -<br>Nguyễn Chí Thanh |
| <b>Ông Hoàng Đạo Hiệp</b>        | Phó Tổng Giám đốc<br>(đến ngày 28 tháng 2 năm 2021)                     |

### Ủy ban Kiểm toán

|                                 |                           |
|---------------------------------|---------------------------|
| <b>Ông Pramoad Phornprapha</b>  | Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán |
| <b>Ông Nguyễn Tiến Vy</b>       | Thành viên                |
| <b>Ông Michael Chye Hin Fah</b> | Thành viên                |

### Người đại diện theo pháp luật

|                                  |               |
|----------------------------------|---------------|
| <b>Ông Koh Poh Tiong</b>         | Chủ tịch      |
| <b>Ông Neo Gim Siong Bennett</b> | Tổng Giám đốc |

### Trụ sở đăng ký

Số 187, Đường Nguyễn Chí Thanh  
Phường 12, Quận 5  
Thành phố Hồ Chí Minh  
Việt Nam

### Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn (“Tổng Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Tổng Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 5 đến trang 71 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cho rằng Tập đoàn sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



**Neo Gim Siong Bennett**  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2022

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi các Cổ đông Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn (“Tổng Công ty”) và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty phê duyệt phát hành ngày 25 tháng 3 năm 2022, được trình bày từ trang 5 đến trang 71.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### TRÁCH NHIỆM CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý KIẾN CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



**Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại  
Thành phố Hồ Chí Minh**  
Việt Nam  
Báo cáo kiểm toán số: 21-01-00317-22-4  
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2022

**Nelson Rodriguez Casihan**  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 2225-2018-007-1  
Phó Tổng Giám đốc

**Chang Hung Chun**  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 0863-2018-007-1

## Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu B 01 - DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

|  | Mã số      | Thuyết minh  | 31/12/2021 (VND)          | 1/1/2021 (VND)            |
|--|------------|--------------|---------------------------|---------------------------|
| <b>TÀI SẢN</b>   |            |              |                           |                           |
| <b>Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)</b>      | <b>100</b> |              | <b>22.877.033.322.264</b> | <b>19.513.381.452.440</b> |
| <b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>                        | <b>110</b> | <b>6</b>     | <b>3.606.454.403.209</b>  | <b>2.726.137.088.387</b>  |
| Tiền   | 111        |              | 685.368.712.799           | 844.203.088.387           |
| Các khoản tương đương tiền                                       | 112        |              | 2.921.085.690.410         | 1.881.934.000.000         |
| <b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>                                 | <b>120</b> |              | <b>16.991.239.000.000</b> | <b>14.547.419.432.877</b> |
| Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn                                  | 123        | 7(a)         | 16.991.239.000.000        | 14.547.419.432.877        |
| <b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>                               | <b>130</b> |              | <b>467.956.130.071</b>    | <b>590.846.416.109</b>    |
| Phải thu ngắn hạn của khách hàng                                 | 131        | 8            | 100.965.921.832           | 69.331.890.605            |
| Trả trước cho người bán ngắn hạn                                 | 132        |              | 29.859.261.503            | 164.204.071.490           |
| Phải thu ngắn hạn khác   | 136        | 9(a)         | 679.386.330.628           | 699.600.027.317           |
| Dự phòng phải thu khó đòi  | 137        | 10(a)        | (342.255.383.892)         | (342.289.573.303)         |
| <b>Hàng tồn kho</b>  | <b>140</b> | <b>11(a)</b> | <b>1.668.001.734.209</b>  | <b>1.446.832.994.933</b>  |
| Hàng tồn kho   | 141        |              | 1.755.711.816.417         | 1.525.038.920.678         |
| Dự phòng giảm giá hàng tồn kho                                   | 149        |              | (87.710.082.208)          | (78.205.925.745)          |
| <b>Tài sản ngắn hạn khác</b>                                     | <b>150</b> |              | <b>143.382.054.775</b>    | <b>202.145.520.134</b>    |
| Chi phí trả trước ngắn hạn                                       | 151        | 12(a)        | 88.941.911.437            | 143.821.768.836           |
| Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ                              | 152        |              | 25.339.672.708            | 22.192.035.247            |
| Thuế phải thu Nhà nước   | 153        | 20(b)        | 29.100.470.630            | 36.131.716.051            |
| <b>Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)</b> | <b>200</b> |              | <b>7.609.991.050.161</b>  | <b>7.861.591.322.918</b>  |
| <b>Các khoản phải thu dài hạn</b>                                | <b>210</b> |              | <b>12.640.850.386</b>     | <b>11.958.390.566</b>     |
| Phải thu dài hạn của khách hàng                                  | 211        |              | 5.973.013.018             | 5.988.013.018             |
| Phải thu về cho vay dài hạn                                      | 215        |              | 4.000.000.000             | 4.000.000.000             |
| Phải thu dài hạn khác  | 216        | 9(b)         | 41.960.830.291            | 41.278.370.471            |
| Dự phòng phải thu khó đòi  | 219        | 10(b)        | (39.292.992.923)          | (39.307.992.923)          |

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Mẫu B 01 - DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

|  | Mã số      | Thuyết minh | 31/12/2021 (VND)          | 1/1/2021 (VND)            |
|--|------------|-------------|---------------------------|---------------------------|
| <b>Tài sản cố định</b>   | <b>220</b> |             | <b>4.401.799.818.086</b>  | <b>4.874.503.649.521</b>  |
| Tài sản cố định hữu hình   | 221        | 13          | 3.301.127.455.616         | 3.753.389.023.744         |
| Nguyên giá   | 222        |             | 10.847.023.021.517        | 10.774.956.789.192        |
| Giá trị hao mòn lũy kế   | 223        |             | (7.545.895.565.901)       | (7.021.567.765.448)       |
| Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính                            | 224        | 14          | 167.492.355.505           | 178.134.173.132           |
| Nguyên giá   | 225        |             | 173.582.726.065           | 179.020.927.499           |
| Giá trị hao mòn lũy kế   | 226        |             | (6.090.370.560)           | (886.754.367)             |
| Tài sản cố định vô hình  | 227        | 15          | 933.180.006.965           | 942.980.452.645           |
| Nguyên giá   | 228        |             | 1.102.972.910.981         | 1.102.196.654.036         |
| Giá trị hao mòn lũy kế   | 229        |             | (169.792.904.016)         | (159.216.201.391)         |
| <b>Bất động sản đầu tư</b>   | <b>230</b> | <b>16</b>   | <b>41.270.248.842</b>     | <b>65.173.748.670</b>     |
| Nguyên giá   | 231        |             | 67.677.985.241            | 92.668.621.947            |
| Giá trị hao mòn lũy kế   | 232        |             | (26.407.736.399)          | (27.494.873.277)          |
| <b>Tài sản dở dang dài hạn</b>                                     | <b>240</b> |             | <b>551.470.893.844</b>    | <b>28.138.829.026</b>     |
| Xây dựng cơ bản dở dang  | 242        | 17          | 551.470.893.844           | 28.138.829.026            |
| <b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>                                    | <b>250</b> |             | <b>2.125.162.874.416</b>  | <b>2.351.285.997.476</b>  |
| Đầu tư vào các công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát | 252        | 7(c)        | 2.010.071.605.619         | 2.049.028.504.129         |
| Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác                                 | 253        | 7(c)        | 434.314.271.916           | 665.885.700.116           |
| Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn                                  | 254        | 7(c)        | (409.691.883.024)         | (444.497.086.674)         |
| Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn                                    | 255        | 7(b)        | 90.468.879.905            | 80.868.879.905            |
| <b>Tài sản dài hạn khác</b>  | <b>260</b> |             | <b>477.646.364.587</b>    | <b>530.530.707.659</b>    |
| Chi phí trả trước dài hạn  | 261        | 12(b)       | 263.131.483.984           | 330.639.468.718           |
| Tài sản thuế thu nhập hoãn lại                                     | 262        | 18          | 194.842.028.699           | 170.769.540.045           |
| Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn                        | 263        | 11(b)       | 19.672.851.904            | 29.121.698.896            |
| <b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>                              | <b>270</b> |             | <b>30.487.024.372.425</b> | <b>27.374.972.775.358</b> |

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

## Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 01 - DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

|                                      | Mã số      | Thuyết minh | 31/12/2021 (VND)         | 1/1/2021 (VND)           |
|--------------------------------------|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| <b>NGUỒN VỐN</b>                     |            |             |                          |                          |
| <b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b> | <b>300</b> |             | <b>7.892.238.669.264</b> | <b>6.159.696.384.430</b> |
| <b>Nợ ngắn hạn</b>                   | <b>310</b> |             | <b>7.258.020.535.153</b> | <b>5.173.043.219.872</b> |
| Phải trả người bán ngắn hạn          | 311        | 19(a)       | 2.400.247.668.451        | 1.652.906.614.848        |
| Người mua trả tiền trước ngắn hạn    | 312        |             | 63.252.571.190           | 64.714.811.339           |
| Thuế phải nộp Nhà nước               | 313        | 20(a)       | 1.416.974.562.127        | 1.257.298.332.033        |
| Phải trả người lao động              | 314        |             | 218.498.138.481          | 360.587.762.596          |
| Chi phí phải trả ngắn hạn            | 315        | 21          | 370.691.834.530          | 237.321.466.479          |
| Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn    | 318        |             | 517.454.548              | 781.818.369              |
| Phải trả ngắn hạn khác               | 319        | 22(a)       | 2.227.840.485.776        | 966.919.825.167          |
| Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn    | 320        | 23(a)       | 321.746.371.972          | 448.791.959.859          |
| Dự phòng phải trả ngắn hạn           | 321        |             | -                        | 199.849.423              |
| Quỹ khen thưởng, phúc lợi            | 322        | 24          | 238.251.448.078          | 183.520.779.759          |
| <b>Nợ dài hạn</b>                    | <b>330</b> |             | <b>634.218.134.111</b>   | <b>986.653.164.558</b>   |
| Phải trả người bán dài hạn           | 331        | 19(b)       | 123.520.604.800          | 167.227.272.000          |
| Phải trả dài hạn khác                | 337        | 22(b)       | 54.810.064.986           | 54.553.516.000           |
| Vay và nợ thuê tài chính dài hạn     | 338        | 23(b)       | 341.226.010.423          | 526.263.958.457          |
| Thuế thu nhập hoãn lại phải trả      | 341        | 18          | 33.303.325.207           | 36.606.382.644           |
| Dự phòng phải trả dài hạn            | 342        | 25          | 81.358.128.695           | 126.213.421.774          |
| Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | 343        |             | -                        | 75.788.613.683           |

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Mẫu B 01 - DN/HN

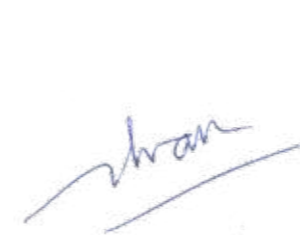
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

|   | Mã số      | Thuyết minh | 31/12/2021 (VND)          | 1/1/2021 (VND)            |
|---|------------|-------------|---------------------------|---------------------------|
| <b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>                             | <b>400</b> |             | <b>22.594.785.703.161</b> | <b>21.215.276.390.928</b> |
| <b>Vốn chủ sở hữu</b>   | <b>410</b> | <b>26</b>   | <b>22.594.785.703.161</b> | <b>21.215.276.390.928</b> |
| Vốn cổ phần   | 411        | 27          | 6.412.811.860.000         | 6.412.811.860.000         |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết                      | 411a       |             | 6.412.811.860.000         | 6.412.811.860.000         |
| Vốn khác của chủ sở hữu                                       | 414        |             | 3.208.666.226             | 3.208.666.226             |
| Chênh lệch tỷ giá quy đổi tiền tệ                             | 417        |             | 27.339.292.861            | 26.865.333.874            |
| Quỹ đầu tư phát triển   | 418        | 28          | 1.122.241.373.127         | 1.122.846.170.630         |
| Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối                             | 421        |             | 13.655.871.142.263        | 12.374.498.805.733        |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước | 421a       |             | 10.132.670.088.304        | 7.805.481.048.248         |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay                   | 421b       |             | 3.523.201.053.959         | 4.569.017.757.485         |
| Lợi ích cổ đông không kiểm soát                               | 429        |             | 1.373.313.368.684         | 1.275.045.554.465         |
| <b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>                       | <b>440</b> |             | <b>30.487.024.372.425</b> | <b>27.374.972.775.358</b> |

Ngày 25 tháng 3 năm 2022

Người lập:

Người duyệt:



**Hoàng Thanh Vân**  
Kế toán



**Trần Nguyên Trung**  
Kế toán trưởng



**Koo Liang Kwee**  
Phó Tổng Giám đốc



**Neo Gim Siong Bennett**  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

## Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu B 02 - DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 ngày 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

|   | Mã số     | Thuyết minh | 2021 (VND)                | 2020 (VND)                |
|---|-----------|-------------|---------------------------|---------------------------|
| <b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>   | <b>01</b> | <b>31</b>   | <b>26.578.007.393.513</b> | <b>28.135.622.624.299</b> |
| <b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>   | <b>02</b> | <b>31</b>   | <b>204.261.099.655</b>    | <b>174.298.787.288</b>    |
| <b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)</b>                 | <b>10</b> | <b>31</b>   | <b>26.373.746.293.858</b> | <b>27.961.323.837.011</b> |
| <b>Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp</b>   | <b>11</b> | <b>32</b>   | <b>18.765.181.482.365</b> | <b>19.460.229.052.562</b> |
| <b>Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)</b>   | <b>20</b> |             | <b>7.608.564.811.493</b>  | <b>8.501.094.784.449</b>  |
| Doanh thu hoạt động tài chính   | 21        | 33          | 1.119.597.121.857         | 974.401.634.870           |
| Chi phí tài chính   | 22        | 34          | 22.784.167.607            | 105.449.377.566           |
| <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>  | 23        |             | 48.739.800.374            | 63.681.326.473            |
| Phần lãi trong công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát                    | 24        | 7(c)        | 172.939.963.562           | 267.405.919.991           |
| Chi phí bán hàng  | 25        | 35          | 3.500.368.629.369         | 2.859.036.781.083         |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp  | 26        | 36          | 597.716.255.412           | 702.005.344.515           |
| <b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}</b> | <b>30</b> |             | <b>4.780.232.844.524</b>  | <b>6.076.410.836.146</b>  |
| Thu nhập khác   | 31        |             | 95.929.356.826            | 55.952.250.986            |
| Chi phí khác  | 32        |             | 19.267.951.607            | 20.544.761.167            |
| <b>Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)</b>                                   | <b>40</b> |             | <b>76.661.405.219</b>     | <b>35.407.489.819</b>     |
| <b>Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>                                    | <b>50</b> |             | <b>4.856.894.249.743</b>  | <b>6.111.818.325.965</b>  |
| <b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>  | <b>51</b> | <b>38</b>   | <b>954.964.248.596</b>    | <b>1.124.942.822.470</b>  |
| <b>(Lợi ích)/chi phí thuế TNDN hoãn lại</b>   | <b>52</b> | <b>38</b>   | <b>(27.375.546.091)</b>   | <b>50.029.533.241</b>     |
| <b>Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (mang sang trang sau)</b>        | <b>60</b> |             | <b>3.929.305.547.238</b>  | <b>4.936.845.970.254</b>  |

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Mẫu B 02 - DN/HN

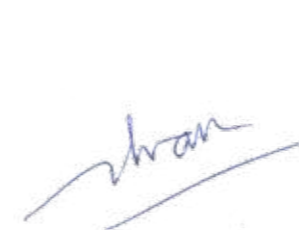
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 ngày 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

|   | Mã số     | Thuyết minh | 2021 (VND)               | 2020 (VND)               |
|---|-----------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| <b>Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (mang từ trang trước sang)</b> | <b>60</b> |             | <b>3.929.305.547.238</b> | <b>4.936.845.970.254</b> |
| <b>Trong đó:</b>  |           |             |                          |                          |
| Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ   | 61        |             | 4.723.496.860.190        |                          |
| Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát                                      | 62        |             | 252.053.205.934          | 213.349.110.064          |
| <b>Lãi trên cổ phiếu</b>  |           |             |                          | <b>(Điều chỉnh lại)</b>  |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu  | 70        | 39          | 5.502                    | 7.145                    |

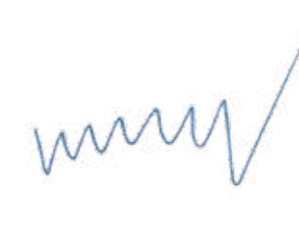
Ngày 25 tháng 3 năm 2022

Người lập:

Người duyệt:



**Hoàng Thanh Vân**  
Kế toán



**Trần Nguyên Trung**  
Kế toán trưởng



**Koo Liang Kwee**  
Phó Tổng Giám đốc



**Neo Gim Siong Bennett**  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

## Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 - DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

|  | Mã số     | Thuyết minh | 2021 (VND)               | 2020 (VND)               |
|--|-----------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| <b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>                                   |           |             |                          |                          |
| <b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>  | <b>01</b> |             | <b>4.856.894.249.743</b> | <b>6.111.818.325.965</b> |
| <b>Điều chỉnh cho các khoản</b>  |           |             |                          |                          |
| Khấu hao và phân bổ  | 02        |             | 557.477.760.126          | 593.451.595.931          |
| Các khoản dự phòng   | 03        |             | (63.136.957.901)         | (41.308.902.896)         |
| (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04        |             | (24.130.427.975)         | 10.993.808.785           |
| Lãi từ hoạt động đầu tư  | 05        |             | (1.072.403.100.336)      | (933.512.405.110)        |
| Phần lãi trong công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát               | 05        |             | (172.939.963.562)        | (267.405.919.991)        |
| Chi phí lãi vay  | 06        |             | 48.739.800.374           | 63.681.326.473           |
| Hoàn nhập quỹ phát triển khoa học và công nghệ                                   | 07        |             | (73.817.939.085)         | -                        |
| <b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>       | <b>08</b> |             | <b>4.056.683.421.384</b> | <b>5.537.717.829.157</b> |
| Biến động các khoản phải thu   | 09        |             | (52.721.845.531)         | 70.185.855.564           |
| Biến động hàng tồn kho   | 10        |             | (223.957.039.716)        | 573.632.990.375          |
| Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác                                 | 11        |             | 658.279.721.558          | (660.694.079.661)        |
| Biến động chi phí trả trước  | 12        |             | 145.399.315.693          | (44.422.006.927)         |
|  |           |             | <b>4.583.683.573.388</b> | <b>5.476.420.588.508</b> |
| Tiền lãi vay đã trả  | 14        |             | (35.346.961.903)         | (72.029.586.806)         |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp  | 15        |             | (919.005.428.188)        | (1.038.633.850.562)      |
| Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh   | 17        |             | (111.479.623.915)        | (237.145.573.484)        |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>                             | <b>20</b> |             | <b>3.517.851.559.382</b> | <b>4.128.611.577.656</b> |
| <b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>                                       |           |             |                          |                          |
| Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định                                       | 21        |             | (329.541.012.650)        | (367.442.290.535)        |
| Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định   | 22        |             | 3.485.470.000            | 1.440.687.000            |
| Tiền chi gửi tiền gửi có kỳ hạn  | 23        |             | (18.159.840.000.000)     | (16.247.323.041.096)     |
| Tiền thu hồi tiền gửi có kỳ hạn  | 24        |             | 15.706.420.432.877       | 14.066.130.358.492       |

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Mẫu B 03 - DN/HN

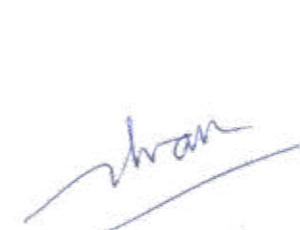
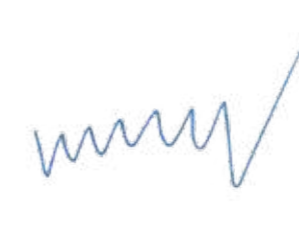
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

|  | Mã số     | Thuyết minh | 2021 (VND)                 | 2020 (VND)                 |
|--|-----------|-------------|----------------------------|----------------------------|
| Tiền thu từ thanh lý đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác                                      | 26        |             | 444.560.822.504            | -                          |
| Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức  | 27        |             | 1.111.565.947.946          | 1.023.969.279.237          |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>   | <b>30</b> |             | <b>(1.223.348.339.323)</b> | <b>(1.523.225.006.902)</b> |
| <b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>  |           |             |                            |                            |
| Tiền thu từ đi vay   | 33        |             | 2.984.178.514.935          | 3.061.076.110.807          |
| Tiền chi trả nợ gốc vay  | 34        |             | (3.301.893.636.020)        | (3.309.442.411.518)        |
| Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính   | 35        |             | -                          | (12.727.272.727)           |
| Tiền chi trả cổ tức  | 36        |             | (1.096.306.570.171)        | (3.734.027.010.258)        |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>  | <b>40</b> |             | <b>(1.414.021.691.256)</b> | <b>(3.995.120.583.696)</b> |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)</b>                                   | <b>50</b> |             | <b>880.481.528.803</b>     | <b>(1.389.734.012.942)</b> |
| <b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>  | <b>60</b> |             | <b>2.726.137.088.387</b>   | <b>4.115.884.646.637</b>   |
| <b>Ảnh hưởng thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ đối với tiền và các khoản tương đương tiền</b> | <b>61</b> |             | <b>(164.213.981)</b>       | <b>(13.545.308)</b>        |
| <b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)</b>                       | <b>70</b> | <b>6</b>    | <b>3.606.454.403.209</b>   | <b>2.726.137.088.387</b>   |

Ngày 25 tháng 3 năm 2022

Người lập:

Người duyệt:



**Hoàng Thanh Vân**  
Kế toán

**Trần Nguyên Trung**  
Kế toán trưởng

**Koo Liang Kwee**  
Phó Tổng Giám đốc

**Neo Gim Siong Bennett**  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

## Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu B 09 - DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

### 1. ĐƠN VỊ BÁO CÁO

#### (a) Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn (“Tổng Công ty”) được thành lập dưới hình thức Tổng Công ty Nhà nước theo Quyết định số 74/2003/QĐ-BCN do Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương) ban hành ngày 6 tháng 5 năm 2003 trên cơ sở tổ chức lại Công ty Bia Sài Gòn và chuyển các đơn vị bao gồm Công ty Rượu Bình Tây, Công ty Nước Giải khát Chương Dương và Công ty Thủy tinh Phú Thọ thành các đơn vị thành viên của Tổng Công ty. Vào ngày 11 tháng 5 năm 2004, Bộ trưởng Bộ Công nghiệp ban hành Quyết định số 37/2004/QĐ-BCN tái cơ cấu lại Tổng Công ty theo mô hình công ty mẹ - công ty con. Hoạt động của Tổng Công ty được cấp phép theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 4106000286 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 1 tháng 9 năm 2006.

Tổng Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 1862/QĐ-TTg ngày 28 tháng 12 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ và được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 4103010027 vào ngày 17 tháng 4 năm 2008. Tại ngày này, Tổng Công ty dưới hình thức là công ty cổ phần mới thành lập đã nhận bàn giao toàn bộ tài sản và nợ phải trả từ Tổng Công ty Nhà nước.

Cổ phiếu của Tổng Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán SAB theo Quyết định Niêm yết số 470/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25 tháng 11 năm 2016.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 bao gồm Tổng Công ty và các công ty con (được gọi chung là “Tập đoàn”) và lợi ích của Tập đoàn trong các công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

#### (b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Tập đoàn là sản xuất và kinh doanh bia, rượu, nước giải khát và các sản phẩm liên quan, bao gồm vật liệu và bao bì; cung cấp dịch vụ vận tải, hậu cần và kho bãi; sản xuất sản phẩm cơ khí, xây dựng kết cấu thép, và cung cấp dịch vụ cơ khí lắp đặt; và xây dựng và cung cấp dịch vụ bất động sản.

#### (c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn nằm trong phạm vi 12 tháng.

#### (d) Cấu trúc Tập đoàn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Tập đoàn có 26 công ty con và 18 công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát (1/1/2021: 26 công ty con và 18 công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát), chi tiết như sau:

| STT                  | Tên công ty   | 31/12/2021     |                    | 1/1/2021       |                    |
|----------------------|---|----------------|--------------------|----------------|--------------------|
|                      |   | % quyền sở hữu | % quyền biểu quyết | % quyền sở hữu | % quyền biểu quyết |
| <b>I CÔNG TY CON</b> |   |                |                    |                |                    |
| 1                    | Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây              | 51,00%         | 51,00%             | 51,00%         | 51,00%             |
| 2                    | Công ty Cổ phần Nước Giải Khát Chương Dương         | 62,06%         | 62,06%             | 62,06%         | 62,06%             |
| 3                    | Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi            | 66,56%         | 66,56%             | 66,56%         | 66,56%             |
| 4                    | Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây                       | 93,32%         | 93,47%             | 93,32%         | 93,47%             |
| 5                    | Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân       | 55,90%         | 56,24%             | 55,90%         | 56,24%             |
| 6                    | Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh             | 54,73%         | 54,73%             | 54,73%         | 54,73%             |
| 7                    | Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam              | 68,78%         | 68,78%             | 68,78%         | 68,78%             |
| 8                    | Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội                | 52,11%         | 52,11%             | 52,11%         | 52,11%             |
| 9                    | Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại Bia Sài Gòn  | 100%           | 100%               | 100%           | 100%               |
| 10                   | Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Bắc     | 90,00%         | 90,00%             | 90,00%         | 90,00%             |
| 11                   | Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Bắc Trung Bộ | 95,07%         | 95,07%             | 95,07%         | 95,07%             |
| 12                   | Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Trung tâm    | 94,45%         | 94,45%             | 94,45%         | 94,45%             |
| 13                   | Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Trung   | 91,24%         | 91,24%             | 91,24%         | 91,24%             |
| 14                   | Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Tây Nguyên   | 90,00%         | 90,00%             | 90,00%         | 90,00%             |
| 15                   | Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Nam Trung Bộ | 90,14%         | 90,14%             | 90,14%         | 90,14%             |

Hoạt động chính

Sản xuất và kinh doanh bia  
Sản xuất, kinh doanh nước giải khát, đồ hộp và phụ liệu  
Sản xuất và kinh doanh bia  
Sản xuất và kinh doanh rượu  
Sản xuất và kinh doanh bia và nước giải khát có ga  
Sản xuất và kinh doanh bia, rượu và nước giải khát  
Sản xuất và kinh doanh bia và nước giải khát; xuất nhập khẩu các nguyên vật liệu liên quan  
Sản xuất và kinh doanh bia và nước giải khát; xuất nhập khẩu các nguyên vật liệu liên quan  
Kinh doanh bia, rượu và nước giải khát  
Kinh doanh bia, rượu và nước giải khát; cung cấp dịch vụ vận chuyển hàng hóa và cho thuê kho bãi  
Kinh doanh bia, rượu và nước giải khát; cung cấp dịch vụ vận chuyển hàng hóa và cho thuê kho bãi  
Bán buôn, đồ uống có cồn; bán buôn đồ uống không có cồn; bán buôn hóa chất khác, cồn; mua bán bao bì; kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô  
Kinh doanh bia, rượu và nước giải khát; kinh doanh kho bãi và dịch vụ vận tải hàng hóa bằng ô tô  
Kinh doanh bia, rượu và nước giải khát; cung cấp dịch vụ kho bãi và dịch vụ vận chuyển  
Kinh doanh bia, rượu và nước giải khát; cung cấp dịch vụ kho bãi và dịch vụ vận chuyển

31/12/2021

1/1/2021

| STT                                       | Tên công ty                                       | Hoạt động chính  | 31/12/2021     |                    | 1/1/2021       |                    |
|---|---|--|----------------|--------------------|----------------|--------------------|
|   |   |  | % quyền sở hữu | % quyền biểu quyết | % quyền sở hữu | % quyền biểu quyết |
| 16  | Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Đông  | Kinh doanh bia, rượu, nước giải khát; cung cấp dịch vụ vận chuyển hàng hóa bằng đường bộ và đường thủy               | 90,68%         | 90,68%             | 90,68%         | 90,68%             |
| 17  | Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Tiền  | Kinh doanh bia, rượu, nước giải khát; cung cấp dịch vụ cho thuê kho bãi và dịch vụ vận chuyển hàng hóa bằng đường bộ | 90,00%         | 90,00%             | 90,00%         | 90,00%             |
| 18  | Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Hậu   | Kinh doanh bia, rượu, nước giải khát; cung cấp dịch vụ vận chuyển hàng hóa bằng đường bộ và đường thủy               | 90,00%         | 90,00%             | 90,00%         | 90,00%             |
| 19  | Công ty TNHH Một Thành viên Cơ khí Sa Be Co       | Chế tạo máy móc dùng cho sản xuất thực phẩm; lắp đặt và bảo trì hệ thống máy móc thiết bị                            | 100%           | 100%               | 100%           | 100%               |
| 20  | Công ty TNHH Một Thành viên Bia Sài Gòn Sóc Trăng | Sản xuất và kinh doanh bia, mạch nha ủ lên men, nước khoáng, nước tinh khiết đóng chai                               | 51,00%         | 100%               | 51,00%         | 100%               |
| 21  | Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Đồng Bắc   | Kinh doanh bia, rượu, nước giải khát; cung cấp dịch vụ kho bãi và dịch vụ vận chuyển hàng hóa                        | 90,45%         | 90,45%             | 90,45%         | 90,45%             |
| 22  | Công ty TNHH Một Thành viên Bia Sài Gòn - Hà Tĩnh | Sản xuất và kinh doanh bia, mạch nha ủ lên men, nước khoáng, nước tinh khiết đóng chai                               | 100%           | 100%               | 100%           | 100%               |
| 23  | Công ty Cổ phần Bao bì Bia Sài Gòn                | Sản xuất và kinh doanh nắp khoén thiếc và bao bì kim loại, bao bì phục vụ ngành đồ uống thực phẩm                    | 76,81%         | 76,81%             | 76,81%         | 76,81%             |
| 24  | Công ty TNHH Một Thành viên Bia Sài Gòn           | Bán buôn bia, rượu và nước giải khát   | 100%           | 100%               | 100%           | 100%               |
| 25  | Công ty TNHH Một Thành viên Tập đoàn Bia Sài Gòn  | Bán buôn bia, rượu và nước giải khát   | 100%           | 100%               | 100%           | 100%               |
| 26  | Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Lâm Đồng            | Sản xuất và kinh doanh bia, rượu và nước giải khát   | 52,91%         | 52,91%             | 52,91%         | 52,91%             |
| <b>II CƠ SỞ KINH DOANH ĐỒNG KIỂM SOÁT</b> |   |  |                |                    |                |                    |
| 1   | Công ty TNHH Trung Tâm Mê Linh (*)                | Cho thuê và quản lý cao ốc văn phòng   | 25,00%         | 25,00%             | 25,00%         | 25,00%             |
| 2   | Công ty Liên doanh TNHH Crown Sài Gòn             | Sản xuất lon nhôm  | 30,00%         | 30,00%             | 30,00%         | 30,00%             |
| 3   | Công ty TNHH Thủy Tinh Malaya Việt Nam            | Sản xuất các sản phẩm thủy tinh  | 30,00%         | 30,00%             | 30,00%         | 30,00%             |
| 4   | Công ty TNHH Bao bì San Miguel Yamamura Phú Thọ   | Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bao bì đóng gói bằng kim loại  | 35,00%         | 35,00%             | 35,00%         | 35,00%             |
| 5   | Công ty TNHH Sản xuất Rượu và Cồn Việt Nam        | Sản xuất và kinh doanh rượu và các sản phẩm nước uống có cồn   | 45,00%         | 45,00%             | 45,00%         | 45,00%             |

31/12/2021

1/1/2021

| STT                         | Tên công ty   | Hoạt động chính   | 31/12/2021     |                    | 1/1/2021       |                    |
|-----------------------------|---|---|----------------|--------------------|----------------|--------------------|
|                             |   |   | % quyền sở hữu | % quyền biểu quyết | % quyền sở hữu | % quyền biểu quyết |
| <b>III CÔNG TY LIÊN KẾT</b> |   |   |                |                    |                |                    |
| 6                           | Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư - Thiết kế và Chuyển giao Công nghệ Thành Nam | Tư vấn xây dựng và thiết kế   | 28,57%         | 28,57%             | 28,57%         | 28,57%             |
| 7                           | Công ty Cổ phần Kinh doanh Lương thực - Thực phẩm Trường Sa                 | Sản xuất sản phẩm nông nghiệp và thực phẩm  | 38,62%         | 38,98%             | 38,62%         | 38,98%             |
| 8                           | Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ                                       | Sản xuất và kinh doanh bia, rượu và nước giải khát                                  | 30,84%         | 33,85%             | 30,84%         | 33,85%             |
| 9                           | Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung                                    | Sản xuất và kinh doanh bia, rượu, cồn, nước giải khát và phụ tùng thay thế          | 32,40%         | 32,41%             | 32,40%         | 32,41%             |
| 10                          | Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Tân Thành                                    | Xây dựng và kinh doanh bất động sản   | 29,00%         | 29,00%             | 29,00%         | 29,00%             |
| 11                          | Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp                               | Sản xuất, lắp đặt các sản phẩm máy móc cầu đường và xây dựng công nghiệp            | 26,00%         | 26,00%             | 26,00%         | 26,00%             |
| 12                          | Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long                                     | Sản xuất và kinh doanh bia, rượu và nước giải khát                                  | 20,00%         | 20,00%             | 20,00%         | 20,00%             |
| 13                          | Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang                                    | Sản xuất và kinh doanh bia, rượu, cồn, nước giải khát và phụ tùng thay thế          | 20,00%         | 20,00%             | 20,00%         | 20,00%             |
| 14                          | Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Khánh Hòa                                     | Sản xuất và kinh doanh bia, rượu, cồn, nước giải khát và phụ tùng thay thế          | 26,00%         | 26,00%             | 26,00%         | 26,00%             |
| 15                          | Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bến Tre                                       | Sản xuất và kinh doanh bia, rượu và nước giải khát                                  | 20,00%         | 20,00%             | 20,00%         | 20,00%             |
| 16                          | Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây                               | Sản xuất, gia công và kinh doanh thực phẩm, nước giải khát, bia và nước uống có cồn | 21,80%         | 22,18%             | 21,80%         | 22,18%             |
| 17                          | Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô                       | Sản xuất và kinh doanh bia, rượu, nước giải khát, sữa đậu nành và nước ép trái cây  | 27,62%         | 34,92%             | 27,62%         | 34,92%             |
| 18                          | Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu                                      | Sản xuất và kinh doanh bia, rượu và nước giải khát                                  | 10,20%         | 20,00%             | 10,20%         | 20,00%             |

(\*) Quyền sở hữu của Tập đoàn trong liên doanh với Công ty TNHH Trung tâm Mê Linh được quy định tại Hợp đồng Liên doanh ngày 24 tháng 11 năm 1994 giữa Công ty Cổ phần Nước Giải Khát Chương Dương ("Chương Dương"), một công ty con của Tổng Công ty, và bên đối tác là Centrepoin Properties Ltd., một công ty được thành lập tại Singapore. Tại thời điểm cổ phần hóa Chương Dương vào năm 2014, quyền sở hữu của Hợp đồng Liên doanh này được chuyển giao từ Chương Dương sang Tổng Công ty theo phê duyệt của Bộ Công Nghiệp (nay là Bộ Công Thương). Theo quy định tại Hợp đồng Liên doanh, lợi nhuận được phân chia cho các bên theo lịch biểu quy định trong hợp đồng này. Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021, tỷ lệ lợi ích chia cho Tập đoàn và bên đối tác lần lượt là 40% và 60% (2020: 40% và 60%).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Tập đoàn có 8.135 nhân viên (1/1/2021: 8.388 nhân viên).

## Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

### 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

#### (a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

#### (b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

#### (c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

#### (d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

### 3. TÓM TẮT NHỮNG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

#### (a) Cơ sở hợp nhất

##### (i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

##### (ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát (“NCI”) được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Tập đoàn trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

##### (iii) Công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát (các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu)

Công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát là những cơ sở kinh doanh mà Tập đoàn có quyền đồng kiểm soát được thiết lập bằng thỏa thuận hợp đồng và đòi hỏi sự nhất trí của các bên liên doanh đối với các quyết định chiến lược về tài chính và hoạt động.

Công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu (gọi chung là các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu). Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, gồm cả chi phí giao dịch. Sau ghi nhận ban đầu, báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong lãi hoặc lỗ của các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể hoặc quyền đồng kiểm soát đối với các đơn vị này. Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu cũng được điều chỉnh cho những thay đổi về lợi ích của nhà đầu tư trong đơn vị nhận đầu tư phát sinh từ những thay đổi vốn chủ sở hữu của đơn vị nhận đầu tư mà không phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (như việc đánh giá lại tài sản cố định, hay chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính, v.v...).

Khi phần lỗ của đơn vị nhận đầu tư mà Tập đoàn phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho đơn vị nhận đầu tư.

##### (iv) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các giao dịch và số dư trong nội bộ tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại đơn vị nhận đầu tư.

##### (v) Hợp nhất kinh doanh

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát được chuyển giao cho Tập đoàn. Sự kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Việc đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

Giá phí hợp nhất kinh doanh (giá phí mua) gồm tổng của giá trị hợp lý, tại ngày trao đổi, của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận, các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày mua.

Bất kỳ khoản lợi thế thương mại nào phát sinh thể hiện khoản chênh lệch giữa giá phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua được ghi nhận vào bảng cân đối kế toán hợp nhất, sau đó được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khoản chênh lệch âm (lãi từ giao dịch mua giá rẻ) được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của năm phát sinh giao dịch mua sau khi đã tiến hành soát xét lại nhằm đảm bảo việc xác định giá trị của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được, nợ tiềm tàng và việc xác định giá phí hợp nhất kinh doanh đã phản ánh phù hợp việc cân nhắc tất cả thông tin có tại ngày mua.

**Mẫu B 09 – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(b) Ngoại tệ****(i) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**(ii) Quy đổi báo cáo tài chính của công ty liên kết từ đơn vị tiền tệ kế toán sang đơn vị tiền tệ báo cáo**

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả của công ty liên kết có đơn vị tiền tệ kế toán khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Thu nhập và chi phí của công ty liên kết được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh do quy đổi báo cáo tài chính bằng đơn vị tiền tệ khác VND của công ty liên kết được ghi nhận vào khoản mục “Chênh lệch tỷ giá quy đổi tiền tệ” thuộc vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

**(c) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

**(d) Các khoản đầu tư****(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Điều hành Tổng Công ty hoặc các công ty con định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu và các khoản phải thu về cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**Mẫu B 09 – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(ii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác**

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Tập đoàn có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(e) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(f) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**(g) Tài sản cố định hữu hình****(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

|                          |                   |
|--------------------------|-------------------|
| • Nhà cửa, vật kiến trúc | <b>5 – 45 năm</b> |
| • Máy móc và thiết bị    | <b>3 – 30 năm</b> |
| • Phương tiện vận chuyển | <b>3 – 10 năm</b> |
| • Thiết bị quản lý       | <b>2 – 15 năm</b> |
| • Tài sản khác           | <b>2 – 20 năm</b> |

**Mẫu B 09 – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(h) Tài sản cố định vô hình****(i) Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất không có thời hạn được thể hiện theo nguyên giá và không trích khấu hao. Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn sử dụng của quyền sử dụng đất là từ 13 đến 50 năm.

**(ii) Phần mềm máy vi tính**

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

**(i) Bất động sản đầu tư****(i) Bất động sản đầu tư đầu tư cho thuê**

*Nguyên giá*

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Tổng Giám đốc. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

*Khấu hao*

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- Quyền sử dụng đất **16 – 47 năm**
- Nhà cửa, vật kiến trúc **5 – 45 năm**

**(ii) Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá**

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được phản ánh theo giá gốc trừ đi các khoản giảm giá trị theo giá thị trường. Giá trị ghi sổ của bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá sẽ được ghi giảm nếu có bằng chứng cho thấy giá thị trường của bất động sản đầu tư giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của bất động sản này và giá trị khoản tổn thất có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Khoản ghi giảm giá trị của bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

**Mẫu B 09 – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(j) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

**(k) Chi phí trả trước dài hạn****(i) Bao bì luân chuyển**

Bao bì luân chuyển bao gồm chai, két sử dụng trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Bao bì luân chuyển được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

**(ii) Chi phí đất trả trước**

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tập đoàn đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo các quy định pháp luật hiện hành, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất là từ 32 đến 48 năm.

**(iii) Công cụ và dụng cụ**

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tập đoàn nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

**(l) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

**Mẫu B 09 – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(m) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

**Dự phòng trợ cấp thôi việc**

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Tập đoàn và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Tập đoàn chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

**(n) Vốn cổ phần****Cổ phiếu phổ thông**

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Phần thu từ phát hành cổ phiếu vượt trên mệnh giá được ghi vào thặng dư vốn cổ phần. Các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, sau khi trừ đi các ảnh hưởng của thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

**(o) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**Mẫu B 09 – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(p) Doanh thu và thu nhập khác****(i) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

**(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

**(iii) Doanh thu cho thuê**

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

**(iv) Thu nhập từ tiền lãi**

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**(v) Thu nhập từ cổ tức**

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

**Mẫu B 09 – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(q) Thuê tài sản****(i) Tài sản thuê**

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Tập đoàn, với tư cách là bên thuê, đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Tài sản cố định hữu hình dưới hình thức thuê tài chính được thể hiện bằng số thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cố định và giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu, tính tại thời điểm bắt đầu thuê, trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Khấu hao của tài sản thuê tài chính được hạch toán theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian ngắn hơn giữa thời hạn thuê và thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính trừ khi chắc chắn là Tập đoàn sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê. Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính nhất quán với tài sản cố định hữu hình được thuyết minh trong phần chính sách kế toán 3(g).

Các tài sản thuê theo các hợp đồng thuê khác được phân loại là thuê hoạt động và không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất của Tập đoàn.

**(ii) Các khoản thanh toán tiền thuê**

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê trong suốt thời hạn thuê.

Các khoản thanh toán tiền thuê tài sản thuê tài chính được chia thành chi phí tài chính và khoản trả nợ gốc. Chi phí tài chính phải được tính theo từng kỳ kế toán trong suốt thời hạn thuê để đạt tới một tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại.

**(r) Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

**(s) Lãi trên cổ phiếu**

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông (sau khi đã trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

Tập đoàn không có các cổ phiếu có tác động suy giảm tiềm năng và do đó không trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu.

**Mẫu B 09 – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(t) Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Tập đoàn là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

**(u) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tập đoàn và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

**(v) Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm trước.

**4. ẢNH HƯỞNG CỦA VI RÚT CORONA**

Sự bùng phát của đại dịch Vi rút Corona 2019 (“Covid-19”) tại Việt Nam và các biện pháp kiểm dịch và cách ly do Chính phủ Việt Nam ban hành đã có những ảnh hưởng đáng kể đến hoạt động sản xuất và kinh doanh của Tập đoàn. Ban Điều hành Tổng Công ty đã điều chỉnh chiến lược kinh doanh và áp dụng các biện pháp kiểm soát chi phí để giảm thiểu tác động tài chính của sự kiện này. Đại dịch Covid-19 vẫn tiếp tục có những ảnh hưởng đáng kể đến Việt Nam và Ban Điều hành Tổng Công ty vẫn tiếp tục theo dõi tình hình đại dịch Covid-19 để đưa ra các giải pháp kinh doanh phù hợp.

**Mẫu B 09 – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**5. BÁO CÁO BỘ PHẬN****(a) Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh**

Bộ phận kinh doanh của Tập đoàn được chia theo hoạt động kinh doanh chính như sau:

- Bán bia;
- Bán nguyên vật liệu; và
- Các hoạt động khác bao gồm bán rượu, nước giải khát và các sản phẩm khác; và cung cấp dịch vụ cho thuê và các dịch vụ khác.

Trong năm, hoạt động kinh doanh khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động kinh doanh của Tập đoàn và tài sản và nợ phải trả của Tập đoàn tại ngày báo cáo chủ yếu phục vụ cho hoạt động sản xuất và kinh doanh bia. Theo đó, thông tin tài chính được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 1 tháng 1 năm 2021 chủ yếu liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh bia của Tập đoàn. Thuyết minh 31 và Thuyết minh 32 trình bày chi tiết doanh thu và giá vốn của từng loại sản phẩm, vì vậy đã cung cấp đầy đủ thông tin về kết quả hoạt động của mỗi bộ phận kinh doanh như được phân loại ở trên.

**(b) Bộ phận chia theo khu vực địa lý**

Bộ phận chia theo khu vực địa lý của Tập đoàn dựa trên vị trí địa lý của khách hàng, bao gồm khách hàng trong nước và khách hàng nước ngoài, trong đó doanh thu xuất khẩu chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu của Tập đoàn và không phải là một bộ phận trọng yếu cần báo cáo riêng. Do đó, thông tin tài chính được báo cáo chủ yếu phản ánh hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn trong lãnh thổ Việt Nam.

**6. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

|                            | 31/12/2021 (VND)         | 1/1/2021 (VND)           |
|----------------------------|--------------------------|--------------------------|
| Tiền mặt                   | 1.186.793.254            | 8.109.556.005            |
| Tiền gửi ngân hàng         | 684.181.919.545          | 836.093.532.382          |
| Các khoản tương đương tiền | 2.921.085.690.410        | 1.881.934.000.000        |
|                            | <b>3.606.454.403.209</b> | <b>2.726.137.088.387</b> |

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với kỳ hạn gốc không quá ba tháng. Các khoản tương đương tiền được gửi bằng VND và hưởng lãi suất từ 3,20% đến 3,75% một năm (1/1/2021: 3,00% đến 4,80% một năm).

**Mẫu B 09 – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**7. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH****(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với thời gian đáo hạn trên 3 tháng kể từ ngày gửi nhưng dưới 12 tháng kể từ ngày báo cáo. Tiền gửi có kỳ hạn được gửi bằng VND và hưởng lãi suất từ 3,75% đến 6,75% một năm (1/1/2021: 3,50% đến 7,70% một năm).

**(b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn**

|                        | 31/12/2021 (VND)      | 1/1/2021 (VND)        |
|------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Tiền gửi có kỳ hạn (i) | 69.600.000.000        | 60.000.000.000        |
| Trái phiếu (ii)        | 20.868.879.905        | 20.868.879.905        |
|                        | <b>90.468.879.905</b> | <b>80.868.879.905</b> |

- (i) Tiền gửi có kỳ hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với thời gian đáo hạn trên 12 tháng kể từ ngày báo cáo. Tiền gửi có kỳ hạn được gửi bằng VND và hưởng lãi suất từ 5,20% đến 5,50% một năm (1/1/2021: 5,50% đến 6,10% một năm).
- (ii) Đây là khoản đầu tư của Tập đoàn vào trái phiếu của Tổng Công ty Công nghiệp Tàu thủy Việt Nam. Khoản đầu tư này đã được lập dự phòng toàn bộ.

**(c) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác**

|  | 31/12/2021               | 1/1/2021                 |                          |
|--|--------------------------|--------------------------|--------------------------|
| Hạch toán theo vốn chủ sở hữu/ Giá gốc (VND)                           | Dự phòng (VND)           | Giá trị ghi sổ (VND)     |                          |
| Đầu tư vào các công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát (i) | 2.010.071.605.619        | (75.707.513.102)         | 1.934.364.092.517        |
|  |                          |                          | 2.049.028.504.129        |
|  |                          |                          | (102.210.427.352)        |
| Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác (ii)                                | 434.314.271.916          | (333.984.369.922)        | 100.329.901.994          |
|  |                          |                          | 665.885.700.116          |
|  |                          |                          | (342.286.659.322)        |
|  | <b>2.444.385.877.535</b> | <b>(409.691.883.024)</b> | <b>2.034.693.994.511</b> |
|  |                          |                          | <b>2.714.914.204.245</b> |
|  |                          |                          | <b>(444.497.086.674)</b> |
|  |                          |                          | <b>2.270.417.117.571</b> |

**(i) Đầu tư vào các công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát**

| Tên công ty   | 31/12/2021                          |                      | 1/1/2021        |                                     |
|---|-------------------------------------|----------------------|-----------------|-------------------------------------|
|   | Hạch toán theo vốn chủ sở hữu (VND) | Giá trị hợp lý (VND) | Dự phòng (VND)  | Hạch toán theo vốn chủ sở hữu (VND) |
| Công ty Cổ phần Kinh doanh Lương thực - Thực phẩm Trường Sa                 | 4.877.957.381                       | (*)                  | (4.877.957.381) | 4.877.957.381                       |
| Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư - Thiết kế và Chuyển giao Công nghệ Thành Nam | 329.653.546                         | (*)                  | -               | 329.653.546                         |
| Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ                                       | 75.220.306.437                      | 78.288.300.000       | -               | -                                   |
| Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp                               | 6.863.792.917                       | (*)                  | -               | 6.634.611.156                       |
| Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải khát Sài Gòn - Tây Đô                       | 102.909.001.175                     | (*)                  | -               | 105.166.392.165                     |
| Công ty TNHH Trung Tâm Mê Linh  | 148.317.898.412                     | (*)                  | -               | 138.972.042.458                     |
|   |                                     |                      |                 | 76.988.553.528                      |
|   |                                     |                      |                 | 76.124.792.250                      |

Mẫu B 09 - DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

| Tên công ty                                     | 31/12/2021                          |                         | 1/1/2021                |                                     |
|---|-------------------------------------|-------------------------|-------------------------|-------------------------------------|
|   | Hạch toán theo vốn chủ sở hữu (VND) | Giá trị hợp lý (VND)    | Dự phòng (VND)          | Hạch toán theo vốn chủ sở hữu (VND) |
| Công ty Liên doanh TNHH Crown Sài Gòn           | 399.664.328.265                     | (*)                     | -                       | 421.373.260.968                     |
| Công ty TNHH Thủy tinh Malaya Việt Nam          | 298.120.109.369                     | (*)                     | -                       | 289.884.838.556                     |
| Công ty TNHH Bao bì San Miguel Yamamura Phú Thọ | 62.864.180.949                      | (*)                     | -                       | 62.363.920.103                      |
| Công ty TNHH Sản xuất Rượu và Cồn Việt Nam      | 29.620.590.750                      | (*)                     | -                       | 26.502.914.250                      |
| Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây   | 454.830.093.909                     | (*)                     | -                       | 497.424.046.356                     |
| Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung        | 179.682.165.759                     | 413.026.980.100         | -                       | 159.912.655.618                     |
| Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Tân Thành        | 70.829.555.721                      | (*)                     | (70.829.555.721)        | 70.829.555.721                      |
| Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu          | 37.721.306.901                      | 25.956.365.217          | -                       | 37.736.550.074                      |
| Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long         | 53.210.068.735                      | (*)                     | -                       | 54.828.489.105                      |
| Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang        | 11.524.000.597                      | (*)                     | -                       | 23.576.877.118                      |
| Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Khánh Hòa         | 47.835.118.934                      | (*)                     | -                       | 45.329.335.287                      |
| Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bến Tre           | 25.651.475.862                      | (*)                     | -                       | 26.296.850.739                      |
|   | <b>2.010.071.605.619</b>            | <b>(75.707.513.102)</b> | <b>(75.707.513.102)</b> | <b>2.049.028.504.129</b>            |
|   |                                     |                         |                         | <b>(102.210.427.352)</b>            |

Biến động của đầu tư vào các công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát trong năm như sau:

|                                   | 2021 (VND)               | 2020 (VND)               |
|-----------------------------------|--------------------------|--------------------------|
| Số dư đầu năm                     | 2.049.028.504.129        | 1.878.458.174.350        |
| Lợi nhuận được chia trong năm     | 172.939.963.562          | 267.405.919.991          |
| Cổ tức nhận được trong năm        | (212.370.821.059)        | (96.428.050.315)         |
| Chênh lệch tỷ giá quy đổi tiền tệ | 473.958.987              | (407.539.897)            |
| <b>SỐ DƯ CUỐI NĂM</b>             | <b>2.010.071.605.619</b> | <b>2.049.028.504.129</b> |

(ii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

| Tên công ty   | 31/12/2021      |                      |                   | 1/1/2021        |                      |                   |
|---|-----------------|----------------------|-------------------|-----------------|----------------------|-------------------|
|   | Giá gốc (VND)   | Giá trị hợp lý (VND) | Dự phòng (VND)    | Giá gốc (VND)   | Giá trị hợp lý (VND) | Dự phòng (VND)    |
| Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông            | -               | -                    | -                 | 216.579.320.000 | 375.218.868.800      | -                 |
| Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Á                 | 136.265.460.000 | (*)                  | (136.265.460.000) | 136.265.460.000 | (*)                  | (136.265.460.000) |
| Công ty Cổ phần Tập đoàn Bao Bì Sài Gòn             | 50.000.000.000  | (*)                  | -                 | 50.000.000.000  | (*)                  | -                 |
| Công ty Cổ phần PVI                                 | 51.475.140.000  | 23.741.634.600       | (27.733.505.400)  | 51.475.140.000  | 15.439.345.200       | (36.035.794.800)  |
| Công ty Cổ phần Đầu tư - Phát triển Không Gian Ngâm | 23.085.000.000  | (*)                  | (23.085.000.000)  | 23.085.000.000  | (*)                  | (23.085.000.000)  |

| Tên công ty                                      | 31/12/2021             |                      |                          | 1/1/2021               |                      |                          |
|--|------------------------|----------------------|--------------------------|------------------------|----------------------|--------------------------|
|  | Giá gốc (VND)          | Giá trị hợp lý (VND) | Dự phòng (VND)           | Giá gốc (VND)          | Giá trị hợp lý (VND) | Dự phòng (VND)           |
| Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông      | 30.700.950.000         | 10.584.000.000       | (30.700.950.000)         | 30.700.950.000         | 5.145.000.000        | (30.700.950.000)         |
| Quỹ đầu tư Chứng khoán Sài Gòn A2                | 35.757.720.722         | (*)                  | (35.757.720.722)         | 35.757.720.722         | (*)                  | (35.757.720.722)         |
| Công ty Cổ phần Vận tải và Giao nhận Bia Sài Gòn | 26.588.267.394         | (*)                  | -                        | 26.588.267.394         | (*)                  | -                        |
| Công ty Cổ phần Cồn, Rượu Bình Tây - Việt Nam    | 300.000.000            | (*)                  | (300.000.000)            | 300.000.000            | (*)                  | (300.000.000)            |
| Công ty Cổ phần Du lịch Thương mại Nha Trang     | 1.161.147.000          | (*)                  | (1.161.147.000)          | 1.161.147.000          | (*)                  | (1.161.147.000)          |
| Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Việt             | 45.000.000.000         | (*)                  | (45.000.000.000)         | 45.000.000.000         | (*)                  | (45.000.000.000)         |
| Công ty TNHH Đầu tư Sabeco HP                    | 24.426.586.800         | (*)                  | (24.426.586.800)         | 24.426.586.800         | (*)                  | (24.426.586.800)         |
| Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Đồng Nai           | 3.954.000.000          | (*)                  | (3.954.000.000)          | 3.954.000.000          | (*)                  | (3.954.000.000)          |
| Công ty Cổ phần Du lịch Sài Gòn - Đồng Hà        | 5.600.000.000          | (*)                  | (5.600.000.000)          | 5.600.000.000          | (*)                  | (5.600.000.000)          |
| Tổng Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng  | -                      | -                    | -                        | 14.992.108.200         | (*)                  | -                        |
|  | <b>434.314.271.916</b> |                      | <b>(333.984.369.922)</b> | <b>665.885.700.116</b> |                      | <b>(342.286.659.322)</b> |

(\*) Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

**Mẫu B 09 - DN/HN**(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Biến động của đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác trong năm như sau:

|                       | 2021 (VND)             | 2020 (VND)             |
|-----------------------|------------------------|------------------------|
| Số dư đầu năm         | 665.885.700.116        | 665.885.700.116        |
| Thanh lý trong năm    | (231.571.428.200)      | -                      |
| <b>SỐ DƯ CUỐI NĂM</b> | <b>434.314.271.916</b> | <b>665.885.700.116</b> |

**(iii) Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn**

Biến động của dự phòng đầu tư tài chính dài hạn trong năm như sau:

|                              | 2021 (VND)             | 2020 (VND)             |
|------------------------------|------------------------|------------------------|
| Số dư đầu năm                | 444.497.086.674        | 435.473.931.648        |
| Dự phòng trích lập trong năm | -                      | 9.828.266.586          |
| Dự phòng hoàn nhập trong năm | (34.805.203.650)       | (805.111.560)          |
| <b>SỐ DƯ CUỐI NĂM</b>        | <b>409.691.883.024</b> | <b>444.497.086.674</b> |

**Mẫu B 09 - DN/HN**(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)**8. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG****(a) Phải thu khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn**

|   | 31/12/2021 (VND)       | 1/1/2021 (VND)        |
|---|------------------------|-----------------------|
| Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây | 18.644.465.335         | 7.687.442.501         |
| Các khách hàng khác                           | 82.321.456.497         | 61.644.448.104        |
|   | <b>100.965.921.832</b> | <b>69.331.890.605</b> |

**(b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan**

|  | 31/12/2021 (VND) | 1/1/2021 (VND) |
|--|------------------|----------------|
| <b>Công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát</b> |                  |                |
| Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây              | 18.644.465.335   | 7.687.442.501  |
| Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô      | 7.577.154.805    | 1.890.142.790  |
| Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bến Tre                      | 7.242.299.241    | 869.066.325    |
| Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung                   | 3.699.895.975    | 1.362.991.088  |
| Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long                    | 3.434.688.316    | 7.623.484.602  |
| Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang                   | 1.985.236.782    | 2.771.522.337  |
| Công ty Liên doanh TNHH Crown Sài Gòn                      | 1.656.827.820    | 288.200        |
| Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ                      | 1.307.824.669    | 2.672.119.652  |
| Công ty TNHH Thủy tinh Malaya Việt Nam                     | 960.432.412      | 1.813.347.717  |
| Công ty TNHH Bao bì San Miguel Yamamura Phú Thọ            | 107.553.600      | 283.298.400    |
| Công ty TNHH Trung Tâm Mê Linh                             | 1.907.400        | -              |

## Mẫu B 09 - DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

## 9. PHẢI THU KHÁC

## (a) Phải thu ngắn hạn khác

|   | 31/12/2021 (VND)       | 1/1/2021 (VND)         |
|---|------------------------|------------------------|
| Phải thu do chênh lệch giữa giá trị của khoản đầu tư và phần vốn góp trong công ty liên kết | 277.230.733.543        | 277.230.733.543        |
| Phải thu lãi tiền gửi   | 315.540.611.807        | 329.185.963.259        |
| Phải thu về cổ tức  | 2.115.900.000          | 37.954.694.500         |
| Phải thu ngắn hạn khác  | 84.499.085.278         | 55.228.636.015         |
|   | <b>679.386.330.628</b> | <b>699.600.027.317</b> |

## Mẫu B 09 - DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

## Phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan

|  | 31/12/2021 (VND) | 1/1/2021 (VND)  |
|--|------------------|-----------------|
| <b>Công ty mẹ cấp cao nhất</b>                             |                  |                 |
| Thai Beverage Public Company Limited                       | 306.673.790      | -               |
| <b>Công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát</b> |                  |                 |
| Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Tân Thành                   | 277.230.733.543  | 277.230.733.543 |
| Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây              | 3.567.403.781    | 486.225.636     |
| Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ                      | 3.331.029.818    | 2.163.474.650   |
| Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang                   | 2.384.727.251    | 738.433.728     |
| Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long                    | 2.170.371.981    | 746.494.094     |
| Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bến Tre                      | 2.149.337.786    | 395.806.235     |
| Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung                   | 1.612.994.863    | 34.091.873.907  |
| Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Khánh Hòa                    | 743.181.047      | -               |
| Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô      | 641.811.615      | 89.004.219      |
| Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu                     | 551.717.303      | 47.736.076      |
| Công ty Liên doanh TNHH Crown Sài Gòn                      | 6.455.989        | -               |

## (b) Phải thu dài hạn khác

|                         | 31/12/2021 (VND)      | 1/1/2021 (VND)        |
|-------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Ký quỹ, ký cược dài hạn | 33.941.965.291        | 33.259.505.471        |
| Phải thu dài hạn khác   | 8.018.865.000         | 8.018.865.000         |
|                         | <b>41.960.830.291</b> | <b>41.278.370.471</b> |

## Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

## 10. DỰ PHÒNG PHẢI THU KHÓ ĐÒI

## (a) Ngắn hạn

|                                  | 31/12/2021      |                        |                          |                              | 1/1/2021        |                        |                          |                              |
|----------------------------------|-----------------|------------------------|--------------------------|------------------------------|-----------------|------------------------|--------------------------|------------------------------|
|                                  | Số ngày quá hạn | Giá gốc (VND)          | Dự phòng (VND)           | Giá trị có thể thu hồi (VND) | Số ngày quá hạn | Giá gốc (VND)          | Dự phòng (VND)           | Giá trị có thể thu hồi (VND) |
| Phải thu ngắn hạn khác           | Trên 2 năm      | 327.346.619.725        | (327.346.619.725)        | -                            | Trên 2 năm      | 327.346.619.725        | (327.346.619.725)        | -                            |
| Trả trước cho người bán ngắn hạn | Trên 2 năm      | 9.897.617.714          | (9.897.617.714)          | -                            | Trên 2 năm      | 9.985.832.259          | (9.985.832.259)          | -                            |
| Phải thu ngắn hạn của khách hàng | Trên 2 năm      | 5.011.146.453          | (5.011.146.453)          | -                            | Trên 2 năm      | 4.957.121.319          | (4.957.121.319)          | -                            |
|                                  |                 | <b>342.255.383.892</b> | <b>(342.255.383.892)</b> | <b>-</b>                     |                 | <b>342.289.573.303</b> | <b>(342.289.573.303)</b> | <b>-</b>                     |

## (b) Dài hạn

|   | 31/12/2021      |                       |                         |                              | 1/1/2021        |                       |                         |                              |
|---|-----------------|-----------------------|-------------------------|------------------------------|-----------------|-----------------------|-------------------------|------------------------------|
|   | Số ngày quá hạn | Giá gốc (VND)         | Dự phòng (VND)          | Giá trị có thể thu hồi (VND) | Số ngày quá hạn | Giá gốc (VND)         | Dự phòng (VND)          | Giá trị có thể thu hồi (VND) |
| Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn | Trên 2 năm      | 20.868.879.905        | (20.868.879.905)        | -                            | Trên 2 năm      | 20.868.879.905        | (20.868.879.905)        | -                            |
| Phải thu dài hạn của khách hàng           | Trên 2 năm      | 5.973.013.018         | (5.973.013.018)         | -                            | Trên 2 năm      | 5.988.013.018         | (5.988.013.018)         | -                            |
| Phải thu về cho vay dài hạn               | Trên 2 năm      | 4.000.000.000         | (4.000.000.000)         | -                            | Trên 2 năm      | 4.000.000.000         | (4.000.000.000)         | -                            |
| Phải thu dài hạn khác                     | Trên 2 năm      | 8.451.100.000         | (8.451.100.000)         | -                            | Trên 2 năm      | 8.451.100.000         | (8.451.100.000)         | -                            |
|   |                 | <b>39.292.992.923</b> | <b>(39.292.992.923)</b> | <b>-</b>                     |                 | <b>39.307.992.923</b> | <b>(39.307.992.923)</b> | <b>-</b>                     |

Biến động của dự phòng phải thu khó đòi, ngắn hạn và dài hạn, trong năm như sau:

|                              | 2021 (VND)             | 2020 (VND)             |
|------------------------------|------------------------|------------------------|
| Số dư đầu năm                | 381.597.566.226        | 385.703.081.108        |
| Dự phòng trích lập trong năm | 118.310.589            | 991.453.684            |
| Dự phòng hoàn nhập trong năm | (167.500.000)          | (1.123.305.444)        |
| Dự phòng sử dụng trong năm   | -                      | (3.973.663.122)        |
| <b>SỐ DƯ CUỐI NĂM</b>        | <b>381.548.376.815</b> | <b>381.597.566.226</b> |

## Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**Mẫu B 09 - DN/HN**(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)**11. HÀNG TỒN KHO****(a) Hàng tồn kho**

|                                     | 31/12/2021               |                         | 1/1/2021                 |                         |
|-------------------------------------|--------------------------|-------------------------|--------------------------|-------------------------|
|                                     | Giá gốc (VND)            | Dự phòng (VND)          | Giá gốc (VND)            | Dự phòng (VND)          |
| Hàng mua đang đi trên đường         | 87.329.388.606           | -                       | 139.641.084.955          | -                       |
| Nguyên vật liệu                     | 377.717.585.270          | (26.761.759.614)        | 401.351.146.325          | (27.018.634.459)        |
| Công cụ và dụng cụ                  | 209.343.056.203          | (52.437.520.781)        | 147.061.665.076          | (43.918.674.860)        |
| Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang | 183.105.942.939          | -                       | 214.176.027.541          | -                       |
| Thành phẩm                          | 893.573.424.979          | (7.758.339.742)         | 617.075.790.253          | (6.522.583.446)         |
| Hàng hóa                            | 4.642.418.420            | (752.462.071)           | 5.733.206.528            | (746.032.980)           |
|                                     | <b>1.755.711.816.417</b> | <b>(87.710.082.208)</b> | <b>1.525.038.920.678</b> | <b>(78.205.925.745)</b> |

Trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 có 87.710 triệu VND (1/1/2021: 78.206 triệu VND) hàng tồn kho lỗi thời, hoặc chậm luân chuyển khó tiêu thụ được.

Biến động của dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

|   | 2021 (VND)            | 2020 (VND)            |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Số dư đầu năm   | 78.205.925.745        | 202.403.033.801       |
| Dự phòng trích lập trong năm  | 20.124.444.747        | 22.752.405.970        |
| Dự phòng hoàn nhập trong năm  | (8.799.249.774)       | (82.788.727.822)      |
| Dự phòng sử dụng trong năm  | (101.771.108)         | (53.647.174.632)      |
| Chuyển sang dự phòng giảm giá thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn | (1.719.267.402)       | (10.513.611.572)      |
| <b>SỐ DƯ CUỐI NĂM</b>   | <b>87.710.082.208</b> | <b>78.205.925.745</b> |

**Mẫu B 09 - DN/HN**(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)**(b) Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn**

|   | 31/12/2021     |                  | 1/1/2021       |                  |
|---|----------------|------------------|----------------|------------------|
|   | Giá gốc (VND)  | Dự phòng (VND)   | Giá gốc (VND)  | Dự phòng (VND)   |
| Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn | 71.400.141.872 | (51.727.289.968) | 78.217.769.003 | (49.096.070.107) |

Biến động của dự phòng giảm giá thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn trong năm như sau:

|  | 2021 (VND)            | 2020 (VND)            |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Số dư đầu năm                            | 49.096.070.107        | 29.145.767.294        |
| Dự phòng trích lập trong năm             | 8.983.920.977         | 17.166.775.116        |
| Dự phòng hoàn nhập trong năm             | (8.071.968.518)       | (7.730.083.875)       |
| Chuyển từ dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 1.719.267.402         | 10.513.611.572        |
| <b>SỐ DƯ CUỐI NĂM</b>                    | <b>51.727.289.968</b> | <b>49.096.070.107</b> |

**Mẫu B 09 - DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC****(a) Chi phí trả trước ngắn hạn**

|                        | 31/12/2021 (VND)      | 1/1/2021 (VND)         |
|------------------------|-----------------------|------------------------|
| Chi phí quảng cáo      | 63.044.208.196        | 95.481.128.569         |
| Chi phí thuê           | 14.442.801.559        | 14.409.108.940         |
| Công cụ và dụng cụ     | 2.290.321.806         | 4.319.656.098          |
| Chi phí trả trước khác | 9.164.579.876         | 29.611.875.229         |
|                        | <b>88.941.911.437</b> | <b>143.821.768.836</b> |

**(b) Chi phí trả trước dài hạn**

|                                | 31/12/2021 (VND)       | 1/1/2021 (VND)         |
|--------------------------------|------------------------|------------------------|
| Bao bì luân chuyển             | 72.543.423.150         | 138.198.807.564        |
| Chi phí đất trả trước          | 83.773.064.149         | 64.212.617.641         |
| Tài sản chờ góp vốn đầu tư (*) | 51.602.316.000         | 51.602.316.000         |
| Công cụ và dụng cụ             | 27.038.423.849         | 41.793.677.975         |
| Chi phí trả trước khác         | 28.174.256.836         | 34.832.049.538         |
|                                | <b>263.131.483.984</b> | <b>330.639.468.718</b> |

(\*) Tài sản chờ góp vốn đầu tư phản ánh giá trị quyền sử dụng đất chờ bàn giao (Thuyết minh 22(b)).

Biến động của chi phí trả trước dài hạn trong năm như sau:

|   | 2021 (VND)             | 2020 (VND)             |
|---|------------------------|------------------------|
| Số dư đầu năm                               | 330.639.468.718        | 328.604.633.780        |
| Tăng trong năm                              | 58.348.663.542         | 160.165.991.884        |
| Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang           | 1.610.962.880          | 3.326.643.517          |
| Phân bổ trong năm                           | (148.912.584.744)      | (161.454.452.643)      |
| Chuyển từ tài sản cố định hữu hình          | -                      | 71.700.000             |
| Chuyển từ bất động sản đầu tư               | 21.400.510.680         | -                      |
| Chuyển từ/(sang) chi phí trả trước ngắn hạn | 44.462.908             | (75.047.820)           |
| <b>SỐ DƯ CUỐI NĂM</b>                       | <b>263.131.483.984</b> | <b>330.639.468.718</b> |

**13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

|                                   | Nhà cửa, vật kiến trúc (VND) | Máy móc và thiết bị (VND) | Phương tiện vận chuyển (VND) | Thiết bị quản lý (VND) | Tài sản khác (VND)   | Tổng (VND)                |
|-----------------------------------|------------------------------|---------------------------|------------------------------|------------------------|----------------------|---------------------------|
| <b>Nguyên giá</b>                 |                              |                           |                              |                        |                      |                           |
| Số dư đầu năm                     | 2.115.980.817.406            | 8.232.148.288.565         | 252.733.707.252              | 164.844.129.295        | 9.249.846.674        | 10.774.956.789.192        |
| Tăng trong năm                    | 7.279.069.981                | 23.732.438.249            | 4.688.000.000                | 2.080.122.546          | -                    | 37.779.630.776            |
| Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang | 5.014.246.530                | 43.558.964.913            | 2.826.702.715                | 663.636.364            | 182.430.784          | 52.245.981.306            |
| Chuyển từ bất động sản đầu tư     | 3.201.696.632                | -                         | -                            | -                      | -                    | 3.201.696.632             |
| Phân loại lại                     | 3.769.522.279                | (769.989.543)             | -                            | (3.540.036.919)        | 540.504.183          | -                         |
| Thanh lý                          | (951.133.325)                | (7.106.276.632)           | (11.226.762.052)             | (859.759.060)          | -                    | (20.143.931.069)          |
| Điều chỉnh khác                   | -                            | -                         | -                            | (1.017.145.320)        | -                    | (1.017.145.320)           |
| <b>SỐ DƯ CUỐI NĂM</b>             | <b>2.134.294.219.503</b>     | <b>8.291.563.425.552</b>  | <b>249.021.647.915</b>       | <b>162.170.946.906</b> | <b>9.972.781.641</b> | <b>10.847.023.021.517</b> |
| <b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>     |                              |                           |                              |                        |                      |                           |
| Số dư đầu năm                     | 1.075.752.830.510            | 5.604.489.684.149         | 204.083.392.117              | 130.578.998.258        | 6.662.860.414        | 7.021.567.765.448         |
| Khấu hao trong năm                | 96.774.469.066               | 416.472.347.591           | 14.118.827.590               | 13.090.426.639         | 966.980.792          | 541.423.051.678           |
| Chuyển từ bất động sản đầu tư     | 2.943.771.712                | -                         | -                            | -                      | -                    | 2.943.771.712             |
| Phân loại lại                     | 3.647.876.053                | (493.372.223)             | -                            | (3.663.319.707)        | 508.815.877          | -                         |
| Thanh lý                          | (951.133.325)                | (7.001.368.500)           | (11.226.762.052)             | (859.759.060)          | -                    | (20.039.022.937)          |
| <b>SỐ DƯ CUỐI NĂM</b>             | <b>1.178.167.814.016</b>     | <b>6.013.467.291.017</b>  | <b>206.975.457.655</b>       | <b>139.146.346.130</b> | <b>8.138.657.083</b> | <b>7.545.895.565.901</b>  |
| <b>Giá trị còn lại</b>            |                              |                           |                              |                        |                      |                           |
| Số dư đầu năm                     | 1.040.227.986.896            | 2.627.658.604.416         | 48.650.315.135               | 34.265.131.037         | 2.586.986.260        | 3.753.389.023.744         |
| <b>SỐ DƯ CUỐI NĂM</b>             | <b>956.126.405.487</b>       | <b>2.278.096.134.535</b>  | <b>42.046.190.260</b>        | <b>23.024.600.776</b>  | <b>1.834.124.558</b> | <b>3.301.127.455.616</b>  |

**Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 có các tài sản cố nguyên giá 3.615.821 triệu VND (1/1/2021: 3.177.789 triệu VND) đã khấu hao hết, nhưng vẫn đang được sử dụng.

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình không còn sử dụng và chờ thanh lý tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 66.622 triệu VND (1/1/2021: 62.578 triệu VND).

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình Tập đoàn cho các công ty liên kết thuê có thu phí tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 61.027 triệu VND (1/1/2021: 61.027 triệu VND).

**14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH THUÊ TÀI CHÍNH****Nhà cửa, vật kiến trúc (VND)**

| <b>Nguyên giá</b>             |                        |
|-------------------------------|------------------------|
| Số dư đầu năm                 | 179.020.927.499        |
| Điều chỉnh trong năm          | (5.438.201.434)        |
| <b>SỐ DƯ CUỐI NĂM</b>         | <b>173.582.726.065</b> |
| <b>Giá trị hao mòn lũy kế</b> |                        |
| Số dư đầu năm                 | 886.754.367            |
| Khấu hao trong năm            | 5.203.616.193          |
| <b>SỐ DƯ CUỐI NĂM</b>         | <b>6.090.370.560</b>   |
| <b>Giá trị còn lại</b>        |                        |
| Số dư đầu năm                 | 178.134.173.132        |
| <b>SỐ DƯ CUỐI NĂM</b>         | <b>167.492.355.505</b> |

**Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***15. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

|                                   | <b>Quyền sử dụng đất (*) (VND)</b> | <b>Phần mềm máy vi tính (VND)</b> | <b>Tài sản vô hình khác (VND)</b> | <b>Tổng (VND)</b>        |
|-----------------------------------|------------------------------------|-----------------------------------|-----------------------------------|--------------------------|
| <b>Nguyên giá</b>                 |                                    |                                   |                                   |                          |
| Số dư đầu năm                     | 1.024.181.907.580                  | 77.910.746.456                    | 104.000.000                       | 1.102.196.654.036        |
| Tăng trong năm                    | -                                  | 773.636.000                       | -                                 | 773.636.000              |
| Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang | -                                  | 2.620.945                         | -                                 | 2.620.945                |
| <b>SỐ DƯ CUỐI NĂM</b>             | <b>1.024.181.907.580</b>           | <b>78.687.003.401</b>             | <b>104.000.000</b>                | <b>1.102.972.910.981</b> |
| <b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>     |                                    |                                   |                                   |                          |
| Số dư đầu năm                     | 90.430.621.437                     | 68.683.873.954                    | 101.706.000                       | 159.216.201.391          |
| Khấu hao trong năm                | 6.814.635.334                      | 3.759.773.291                     | 2.294.000                         | 10.576.702.625           |
| <b>SỐ DƯ CUỐI NĂM</b>             | <b>97.245.256.771</b>              | <b>72.443.647.245</b>             | <b>104.000.000</b>                | <b>169.792.904.016</b>   |
| <b>Giá trị còn lại</b>            |                                    |                                   |                                   |                          |
| Số dư đầu năm                     | 933.751.286.143                    | 9.226.872.502                     | 2.294.000                         | 942.980.452.645          |
| <b>SỐ DƯ CUỐI NĂM</b>             | <b>926.936.650.809</b>             | <b>6.243.356.156</b>              | <b>-</b>                          | <b>933.180.006.965</b>   |

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 có các tài sản cố nguyên giá 66.690 triệu VND (1/1/2021: 66.192 triệu VND) đã khấu hao hết, nhưng vẫn đang được sử dụng.

Giá trị còn lại của tài sản cố định vô hình không còn sử dụng và chờ thanh lý tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 304 triệu VND (1/1/2021: 304 triệu VND).

(\*) Trong quyền sử dụng đất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 có các quyền sử dụng đất với giá trị là 735.380 triệu VND được Tập đoàn ghi nhận theo giá tạm tính tăng thêm vào giá trị doanh nghiệp khi cổ phần hóa theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 và Biên bản Quyết toán Cổ phần hóa do Ban Quyết toán Cổ phần hóa gồm các đại diện từ Bộ Công thương và Bộ Tài chính thực hiện tại ngày 30 tháng 4 năm 2008, lập vào ngày 6 tháng 3 năm 2010. Tập đoàn đã ghi nhận tăng giá trị quyền sử dụng đất này vào tài khoản “Tài sản cố định vô hình”, đồng thời ghi tăng tương ứng một khoản phải trả Nhà nước trên tài khoản “Phải trả ngắn hạn khác” (Thuyết minh 22(a)).

Các khu đất này đã được Bộ Công thương giao cho Tập đoàn quản lý và sử dụng theo quy hoạch của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tập đoàn đang trong quá trình làm việc với Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh để lập hợp đồng thuê đất. Hiện tại, Tập đoàn đang sử dụng các quyền sử dụng đất này cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Các quyền sử dụng đất này chỉ có tính tạm thời, Tập đoàn không được tự ý chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê lại hay thế chấp các quyền sử dụng đất này.

## Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Chi tiết giá trị quyền sử dụng đất theo giá trị tạm tính được xác định tại ngày 6 tháng 3 năm 2010 như sau:

| STT | Địa chỉ   | Diện tích m <sup>2</sup> | Giá trị định giá khi xác định giá trị doanh nghiệp (VND) |
|-----|---|--------------------------|--|
| 1   | 46 Bến Vân Đồn. Phường 12. Quận 4. TP. Hồ Chí Minh. Việt Nam            | 3.872,5                  | 55.241.212.500   |
| 2   | 187 Nguyễn Chí Thanh. Phường 12. Quận 5. TP. Hồ Chí Minh. Việt Nam      | 17.406,1                 | 418.634.111.100  |
| 3   | 474 Nguyễn Chí Thanh. Phường 6. Quận 10. TP. Hồ Chí Minh. Việt Nam      | 7.729,0                  | 247.637.160.000  |
| 4   | 18/3B Phan Huy Ích. Phường 15. Quận Tân Bình. TP. Hồ Chí Minh. Việt Nam | 2.216,3                  | 13.867.389.100   |
|     |   |                          | <b>735.379.872.700</b>                                   |

Tập đoàn chưa trích khấu hao giá trị của các quyền sử dụng đất này do thời gian sử dụng chưa được xác định một cách đáng tin cậy tại ngày lập báo cáo tài chính. Trong năm, Tập đoàn cũng đã hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất chi phí thuê đất và thuế sử dụng đất là 30.518 triệu VND (2020: 43.276 triệu VND) theo thông báo nộp thuế sử dụng đất của các chi cục thuế địa phương.

## 16. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

|  | 31/12/2021 (VND)      | 1/1/2021 (VND)        |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Bất động sản đầu tư cho thuê (a)             | 30.909.849.865        | 33.412.839.013        |
| Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá (b) | 10.360.398.977        | 31.760.909.657        |
|  | <b>41.270.248.842</b> | <b>65.173.748.670</b> |

## Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

## (a) Bất động sản đầu tư cho thuê

|                                      | Quyền sử dụng đất (VND) | Nhà cửa, vật kiến trúc (VND) | Tổng (VND)            |
|--------------------------------------|-------------------------|------------------------------|-----------------------|
| <b>Nguyên giá</b>                    |                         |                              |                       |
| Số dư đầu năm                        | 27.812.438.744          | 29.944.361.628               | 57.756.800.372        |
| Chuyển sang tài sản cố định hữu hình | -                       | (3.201.696.632)              | (3.201.696.632)       |
| Thanh lý                             | -                       | (388.429.394)                | (388.429.394)         |
| <b>SỐ DƯ CUỐI NĂM</b>                | <b>27.812.438.744</b>   | <b>26.354.235.602</b>        | <b>54.166.674.346</b> |
| <b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>        |                         |                              |                       |
| Số dư đầu năm                        | 8.510.892.550           | 15.833.068.809               | 24.343.961.359        |
| Khấu hao trong năm                   | 604.618.236             | 1.640.445.992                | 2.245.064.228         |
| Chuyển sang tài sản cố định hữu hình | -                       | (2.943.771.712)              | (2.943.771.712)       |
| Thanh lý                             | -                       | (388.429.394)                | (388.429.394)         |
| <b>SỐ DƯ CUỐI NĂM</b>                | <b>9.115.510.786</b>    | <b>14.141.313.695</b>        | <b>23.256.824.481</b> |
| <b>Giá trị còn lại</b>               |                         |                              |                       |
| Số dư đầu năm                        | 19.301.546.194          | 14.111.292.819               | 33.412.839.013        |
| <b>SỐ DƯ CUỐI NĂM</b>                | <b>18.696.927.958</b>   | <b>12.212.921.907</b>        | <b>30.909.849.865</b> |

## (b) Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá

|   | Quyền sử dụng đất (VND) |
|---|-------------------------|
| <b>Nguyên giá</b>                         |                         |
| Số dư đầu năm                             | 34.911.821.575          |
| Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn (*) | (21.400.510.680)        |
| <b>SỐ DƯ CUỐI NĂM</b>                     | <b>13.511.310.895</b>   |
| <b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>             |                         |
| Số dư đầu năm và cuối năm                 | 3.150.911.918           |
| <b>Giá trị còn lại</b>                    |                         |
| Số dư đầu năm                             | 31.760.909.657          |
| <b>SỐ DƯ CUỐI NĂM</b>                     | <b>10.360.398.977</b>   |

(\*) Trong năm, Tập đoàn đã quyết định thay đổi mục đích sử dụng một trong các lô đất của Tập đoàn ở Khu Công Nghiệp Mỹ Phước 3, Thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, từ mục đích nắm giữ chờ tăng giá sang xây dựng nhà xưởng. Do đó, Tập đoàn đã chuyển chi phí đất trả trước liên quan đến lô đất này từ bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá sang chi phí trả trước dài hạn (Thuyết minh 12(b)).

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư không được xác định bởi vì Tập đoàn không thực hiện việc xác định giá trị hợp lý.

**Mẫu B 09 - DN/HN**(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)**17. XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG**

|  | 2021 (VND)             | 2020 (VND)            |
|--|------------------------|-----------------------|
| Số dư đầu năm                          | 28.138.829.026         | 307.773.703.264       |
| Tăng trong năm                         | 576.174.484.629        | 300.190.623.200       |
| Chuyển sang tài sản cố định hữu hình   | (52.245.981.306)       | (573.716.652.077)     |
| Chuyển sang tài sản cố định vô hình    | (2.620.945)            | (1.061.941.589)       |
| Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn  | (1.610.962.880)        | (3.326.643.517)       |
| Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn | -                      | (906.348.209)         |
| Chuyển sang hàng tồn kho               | -                      | (813.912.046)         |
| Điều chỉnh khác                        | 1.017.145.320          | -                     |
| <b>SỐ DƯ CUỐI NĂM</b>                  | <b>551.470.893.844</b> | <b>28.138.829.026</b> |

Trong năm, chi phí lãi vay được vốn hóa vào xây dựng cơ bản dở dang là 3.766 triệu VND (2020: Không).

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

|                        | 31/12/2021 (VND)       | 1/1/2021 (VND)        |
|------------------------|------------------------|-----------------------|
| Dự án mở rộng sản xuất | 454.205.653.793        | -                     |
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 55.809.123.448         | -                     |
| Các công trình khác    | 41.456.116.603         | 28.138.829.026        |
|                        | <b>551.470.893.844</b> | <b>28.138.829.026</b> |

**Mẫu B 09 - DN/HN**(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)**18. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOÃN LẠI VÀ THUẾ THU NHẬP HOÃN LẠI PHẢI TRẢ**

|   | Thuế suất | 31/12/2021 (VND)       | 1/1/2021 (VND)         |
|---|-----------|------------------------|------------------------|
| <b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại ghi nhận trên:</b>                            |           |                        |                        |
| • Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn   | 20%       | 61.118.473.962         | 65.243.864.533         |
| • Chi phí phải trả và các khoản dự phòng  | 20%       | 59.220.758.752         | 42.316.471.671         |
| • Lãi chưa thực hiện  | 20%       | 47.008.025.218         | 39.444.313.110         |
| • Dự phòng giảm giá hàng tồn kho, thiết bị, vật tư và phụ tùng thay thế dài hạn | 20%       | 23.888.046.052         | 20.900.876.816         |
| • Dự phòng phải thu khó đòi   | 20%       | 2.399.303.451          | 2.323.811.667          |
| • Các khoản khác  | 20%       | 1.207.421.264          | 540.202.248            |
| <b>Tổng tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>                                      |           | <b>194.842.028.699</b> | <b>170.769.540.045</b> |
| <b>Thuế thu nhập hoãn lại phải trả ghi nhận trên:</b>                           |           |                        |                        |
| • Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn   | 20%       | 29.998.637.331         | 31.945.415.048         |
| • Công cụ và dụng cụ  | 20%       | 2.894.887.862          | 5.150.600.909          |
| • Chi phí phải trả và các khoản khác  | 20%       | 409.800.014            | (489.633.313)          |
| <b>Tổng thuế thu nhập hoãn lại phải trả</b>                                     |           | <b>33.303.325.207</b>  | <b>36.606.382.644</b>  |

## Mẫu B 09 - DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

## 19. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

## (a) Phải trả người bán ngắn hạn

## (i) Phải trả người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn

|   | Giá gốc/Số có khả năng trả nợ |                          |
|---|-------------------------------|--------------------------|
|   | 31/12/2021 (VND)              | 1/1/2021 (VND)           |
| Công ty Liên doanh TNHH Crown Sài Gòn           | 564.615.342.170               | 223.084.440.143          |
| Công ty TNHH Asia Packaging Industries Việt Nam | 236.090.797.317               | 136.845.628.247          |
| Các nhà cung cấp khác                           | 1.599.541.528.964             | 1.292.976.546.458        |
|   | <b>2.400.247.668.451</b>      | <b>1.652.906.614.848</b> |

## (ii) Phải trả người bán là các bên liên quan

|  | Giá gốc/Số có khả năng trả nợ |                 |
|--|-------------------------------|-----------------|
|  | 31/12/2021 (VND)              | 1/1/2021 (VND)  |
| <b>Công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát</b> |                               |                 |
| Công ty Liên doanh TNHH Crown Sài Gòn                      | 564.615.342.170               | 223.084.440.143 |
| Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây              | 44.420.956.582                | 19.812.398.470  |
| Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung                   | 25.307.805.043                | 44.976.587.953  |
| Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Khánh Hòa                    | 10.309.697.221                | 18.108.761.000  |
| Công ty TNHH Thủy tinh Malaya Việt Nam                     | 8.625.799.432                 | 5.611.672.105   |
| Công ty TNHH Bao bì San Miguel Yamamura Phú Thọ            | 5.998.902.800                 | 12.707.200.000  |
| Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ                      | 4.910.444.105                 | 11.483.668.900  |
| Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang                   | 2.624.513.007                 | 3.218.569.970   |
| Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bến Tre                      | 1.656.446.388                 | 9.454.426.850   |
| Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải khát Sài Gòn - Tây Đô      | 1.319.957.122                 | 6.011.317.950   |
| Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu                     | 1.293.737.720                 | 2.149.649.700   |
| Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long                    | 428.183.725                   | 4.825.865.000   |
| Công ty TNHH Trung Tâm Mê Linh                             | -                             | 319.000.000     |
| <b>Các bên liên quan khác</b>                              |                               |                 |
| Công ty TNHH Lon Nước Giải Khát TBC-Ball Việt Nam          | 156.715.090.594               | 96.115.396.624  |
| Công ty TNHH MM Mega Market (Việt Nam)                     | 307.209.113                   | -               |

## Mẫu B 09 - DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

## (b) Phải trả người bán dài hạn

## Phải trả người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn

|                       | Giá gốc/Số có khả năng trả nợ |                        |
|-----------------------|-------------------------------|------------------------|
|                       | 31/12/2021 (VND)              | 1/1/2021 (VND)         |
| Krones AG (*)         | 123.420.604.800               | 167.127.272.000        |
| Các nhà cung cấp khác | 100.000.000                   | 100.000.000            |
|                       | <b>123.520.604.800</b>        | <b>167.227.272.000</b> |

(\*) Phải trả dài hạn cho Krones AG được đảm bảo bằng các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và bằng tài sản cố định hữu hình. Phải trả người bán dài hạn sẽ được thanh toán vào năm 2024.

**Mẫu B 09 - DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***20. THUẾ PHẢI NỘP/PHẢI THU NHÀ NƯỚC****(a) Thuế phải nộp Nhà nước**

|                            | 1/1/2021 (VND)           | Số phát sinh trong năm (VND) | Số đã nộp trong năm (VND)  | Số đã căn trừ trong năm (VND) | Phân loại sang thuế phải thu (VND) | 31/12/2021 (VND)         |
|----------------------------|--------------------------|------------------------------|----------------------------|-------------------------------|------------------------------------|--------------------------|
| Thuế tiêu thụ đặc biệt     | 763.546.141.686          | 6.942.901.451.012            | (6.818.994.323.120)        | -                             | -                                  | 887.453.269.578          |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 319.508.840.202          | 954.964.248.596              | (919.005.428.188)          | (190.735.228)                 | 912.508.591                        | 356.189.433.973          |
| Thuế giá trị gia tăng      | 147.404.543.736          | 12.634.139.080.899           | (1.458.504.293.832)        | (11.183.713.822.935)          | -                                  | 139.325.507.868          |
| Thuế thu nhập cá nhân      | 21.420.232.919           | 96.526.406.996               | (87.431.714.011)           | (2.936.377.977)               | 88.859.551                         | 27.667.407.478           |
| Thuế xuất nhập khẩu        | -                        | 10.840.462.760               | (10.840.462.760)           | -                             | -                                  | -                        |
| Các loại thuế khác         | 5.418.573.490            | 62.191.655.009               | (56.365.784.911)           | (5.041.118.177)               | 135.617.819                        | 6.338.943.230            |
|                            | <b>1.257.298.332.033</b> | <b>20.701.563.305.272</b>    | <b>(9.351.142.006.822)</b> | <b>(11.191.882.054.317)</b>   | <b>1.136.985.961</b>               | <b>1.416.974.562.127</b> |

**(b) Thuế phải thu Nhà nước**

|                            | 1/1/2021 (VND)        | Số đã căn trừ trong năm (VND) | Phân loại từ thuế phải nộp (VND) | 31/12/2021 (VND)      |
|----------------------------|-----------------------|-------------------------------|----------------------------------|-----------------------|
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 2.245.145.731         | (190.735.228)                 | 912.508.591                      | 2.966.919.094         |
| Thuế thu nhập cá nhân      | 3.717.307.576         | (2.936.377.977)               | 88.859.551                       | 869.789.150           |
| Các loại thuế khác         | 30.169.262.744        | (5.041.118.177)               | 135.617.819                      | 25.263.762.386        |
|                            | <b>36.131.716.051</b> | <b>(8.168.231.382)</b>        | <b>1.136.985.961</b>             | <b>29.100.470.630</b> |

**Mẫu B 09 - DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

## Mẫu B 09 - DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

## CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

|                                 | 31/12/2021 (VND)       | 1/1/2021 (VND)         |
|---------------------------------|------------------------|------------------------|
| Chi phí quảng cáo và khuyến mãi | 297.522.986.129        | 159.236.197.134        |
| Chi phí lãi vay                 | 13.198.804.841         | 13.139.719.501         |
| Chi phí phải trả khác           | 59.970.043.560         | 64.945.549.844         |
|                                 | <b>370.691.834.530</b> | <b>237.321.466.479</b> |

## 22. PHẢI TRẢ KHÁC

## (a) Phải trả ngắn hạn khác

|  | 31/12/2021 (VND)         | 1/1/2021 (VND)         |
|--|--------------------------|------------------------|
| Phải trả Nhà nước cho phần đánh giá lại quyền sử dụng đất khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa (*) | 735.379.872.700          | 735.379.872.700        |
| Nhận ký quỹ ngắn hạn   | 112.619.187.330          | 134.765.892.226        |
| Cổ tức phải trả  | 1.318.815.197.765        | 32.410.792.586         |
| Phải trả ngắn hạn khác   | 61.026.227.981           | 64.363.267.655         |
|  | <b>2.227.840.485.776</b> | <b>966.919.825.167</b> |

(\*) Phải trả Nhà nước cho phần đánh giá lại quyền sử dụng đất khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa được ghi nhận theo Biên bản Quyết toán Cổ phần hóa do Ban Quyết toán Cổ phần hóa, đại diện của Bộ Công thương và Bộ Tài chính, lập ngày 6 tháng 3 năm 2010 (Thuyết minh 15).

## Mẫu B 09 - DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

## Phải trả ngắn hạn khác cho các bên liên quan

|   | 31/12/2021 (VND) | 1/1/2021 (VND) |
|---|------------------|----------------|
| <b>Công ty mẹ cấp cao nhất</b>  |                  |                |
| Thai Beverage Public Company Limited  | 448.149.450      | 1.878.375.715  |
| <b>Công ty mẹ cấp trung gian</b>  |                  |                |
| BeerCo Limited  | 1.727.126.808    | -              |
| <b>Công ty mẹ</b>   |                  |                |
| Công ty TNHH Vietnam Beverage   | 687.285.174.000  | -              |
| <b>Công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát</b>                  |                  |                |
| Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư - Thiết kế và Chuyển giao Công nghệ Thành Nam | 340.000.000      | 340.000.000    |
| Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây                               | 287.780.949      | 287.780.949    |
| Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu                                      | 56.487.760       | 719.210        |
| Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung                                    | -                | 215.350.400    |
| Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Khánh Hòa                                     | -                | 10.937.943     |
| <b>Các bên liên quan khác</b>   |                  |                |
| Super Brands Company Pte. Ltd   | 2.477.547.727    | 2.464.069.317  |
| Chang International Co., Ltd  | 750.049.954      | 667.563.948    |
| Chang Beer Co., Ltd   | 743.116.593      | -              |
| Fraser and Neave, Limited   | 626.614.560      | 481.446.018    |
| Fraser & Neave (Singapore) Pte. Limited                                     | -                | 2.000.000      |

## (b) Phải trả dài hạn khác

|   | 31/12/2021 (VND)      | 1/1/2021 (VND)        |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Tiền thuê đất phải trả Nhà nước (Thuyết minh 12(b)) | 51.602.316.000        | 51.602.316.000        |
| Nhận ký quỹ dài hạn                                 | 3.207.748.986         | 2.951.200.000         |
|   | <b>54.810.064.986</b> | <b>54.553.516.000</b> |

**23. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**  
**(a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

|   | Biến động trong năm                         |                          |                            | 31/12/2021                                  |
|---|---|--------------------------|----------------------------|---|
|   | Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ (VND) | Increase (VND)           | Decrease (VND)             | Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ (VND) |
| Vay ngắn hạn  | 439.214.639.859                             | 2.984.178.514.935        | (3.110.316.316.020)        | 313.076.838.774                             |
| Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 23(b))               | 9.577.320.000                               | 7.597.790.000            | (9.577.320.000)            | 7.597.790.000                               |
| Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 23(b)) | -   | 1.071.743.198            | -                          | 1.071.743.198                               |
|   | <b>448.791.959.859</b>                      | <b>2.992.848.048.133</b> | <b>(3.119.893.636.020)</b> | <b>321.746.371.972</b>                      |

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

|  | Loại tiền | 31/12/2021 (VND)       | 1/1/2021 (VND)         |
|--|-----------|------------------------|------------------------|
| Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Quảng Ngãi       | VND       | 194.291.999.211        | 50.500.000.000         |
| Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất Nhập khẩu Việt Nam – Chi nhánh Quảng Ngãi    | VND       | 99.522.236.155         | 69.985.955.236         |
| Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Quang Minh       | VND       | 11.000.000.000         | 50.000.000.000         |
| Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội                         | VND       | 8.262.603.408          | -                      |
| Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Quảng Ngãi       | USD       | -                      | 60.193.452.000         |
| Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Mỹ Đình | VND       | -                      | 55.805.010.701         |
| Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh 4                | VND       | -                      | 50.000.000.000         |
| Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh 4                | VND       | -                      | 37.230.221.922         |
| Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Quảng Ngãi      | VND       | -                      | 35.500.000.000         |
| Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Vinh                 | VND       | -                      | 30.000.000.000         |
|  |           | <b>313.076.838.774</b> | <b>439.214.639.859</b> |

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các khoản vay ngắn hạn bằng VND chịu lãi suất từ 3,10% đến 4,50% một năm (1/1/2021: từ 3,30% đến 5,00% một năm) và các khoản vay ngắn hạn bằng USD chịu lãi suất là 2,50% một năm (1/1/2021: từ 3,00% đến 5,00% một năm). Các khoản vay ngắn hạn được đảm bảo bằng hàng tồn kho, phải thu ngắn hạn của khách hàng, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, tài sản cố định hữu hình và bất động sản đầu tư.

**(b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**

|   | 31/12/2021 (VND)       | 1/1/2021 (VND)         |
|---|------------------------|------------------------|
| Vay dài hạn (i)   | 175.597.790.000        | 367.175.110.000        |
| Nợ thuê tài chính dài hạn (ii)                            | 174.297.753.621        | 168.666.168.457        |
|   | 349.895.543.621        | 535.841.278.457        |
| Vay dài hạn đến hạn trả trong vòng 12 tháng               | (7.597.790.000)        | (9.577.320.000)        |
| Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả trong vòng 12 tháng | (1.071.743.198)        | -                      |
|   | (8.669.533.198)        | (9.577.320.000)        |
| <b>Khoản đến hạn trả sau 12 tháng</b>                     | <b>341.226.010.423</b> | <b>526.263.958.457</b> |

**(i) Vay dài hạn**

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

|   | Loại tiền | Năm đáo hạn | 31/12/2021 (VND)       | 1/1/2021 (VND)         |
|---|-----------|-------------|------------------------|------------------------|
| Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh 4                   | VND       | 2027        | 168.000.000.000        | 350.000.000.000        |
| Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Quang Minh | VND       | 2022        | 5.938.590.000          | 13.856.710.000         |
| Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội                            | VND       | 2022        | 1.659.200.000          | 3.318.400.000          |
|   |           |             | <b>175.597.790.000</b> | <b>367.175.110.000</b> |

Các khoản vay dài hạn chịu lãi suất từ 6,58% đến 8,20% một năm (1/1/2021: 7,80% đến 8,60% một năm) và được đảm bảo bằng một số tài sản cố định hữu hình, tài sản hình thành trong tương lai và bất động sản đầu tư.

(ii) Nợ thuế tài chính

Các khoản tiền thuế tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuế tài chính không được hủy ngang như sau:

|                    | 31/12/2021                                      |                        | 1/1/2021               |                        |
|--------------------|---|------------------------|------------------------|------------------------|
|                    | Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính (VND) | Nợ gốc (VND)           | Tiền lãi thuế (VND)    | Nợ gốc (VND)           |
| Trong vòng một năm | 16.101.530.820                                  | 1.071.743.198          | 5.947.689.088          | -                      |
| Từ hai đến năm năm | 64.406.123.280                                  | 5.290.122.308          | 65.736.670.272         | -                      |
| Sau năm năm        | 434.741.332.140                                 | 167.935.888.115        | 458.787.177.940        | 168.666.168.457        |
|                    | <b>515.248.986.240</b>                          | <b>174.297.753.621</b> | <b>530.471.537.300</b> | <b>168.666.168.457</b> |

## 24. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Tập đoàn theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tập đoàn.

Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

|   | 2021 (VND)             | 2020 (VND)             |
|---|------------------------|------------------------|
| Số dư đầu năm   | 183.520.779.759        | 294.925.203.277        |
| Trích lập trong năm (Thuyết minh 26)                  | 170.371.174.012        | 170.112.525.933        |
| Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 26) | (8.696.312.008)        | (57.485.195.218)       |
| Sử dụng trong năm                                     | (106.944.193.685)      | (224.031.754.233)      |
| <b>SỐ DƯ CUỐI NĂM</b>                                 | <b>238.251.448.078</b> | <b>183.520.779.759</b> |

## 25. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

Dự phòng phải trả dài hạn phản ánh dự phòng trợ cấp thôi việc. Biến động của dự phòng trợ cấp thôi việc trong năm như sau:

|   | 2021 (VND)            | 2020 (VND)             |
|---|-----------------------|------------------------|
| Số dư đầu năm                               | 126.213.421.774       | 135.416.747.716        |
| Dự phòng trích lập trong năm                | 1.198.503.536         | 5.332.112.060          |
| Chuyển (sang)/từ dự phòng phải trả ngắn hạn | (31.990.000)          | 172.000.000            |
| Dự phòng hoàn nhập trong năm                | (41.518.366.385)      | (1.593.618.751)        |
| Dự phòng sử dụng trong năm                  | (4.503.440.230)       | (13.113.819.251)       |
| <b>SỐ DƯ CUỐI NĂM</b>                       | <b>81.358.128.695</b> | <b>126.213.421.774</b> |

**Mẫu B 09 - DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

## 26. THAY ĐỔI VỐN CHỦ SỞ HỮU

|   | Vốn cổ phần<br>(VND)     | Vốn khác của<br>chủ sở hữu<br>(VND) | Chênh lệch tỷ giá<br>quy đổi tiền tệ<br>(VND) | Quỹ đầu tư<br>phát triển<br>(VND) | Lợi nhuận sau thuế<br>chưa phân phối<br>(VND) | Lợi ích của chủ sở hữu<br>Tổng Công ty<br>(VND) | Lợi ích cổ đông<br>không kiểm soát<br>(VND) | Tổng<br>(VND)             |
|---|--------------------------|-------------------------------------|---|-----------------------------------|---|---|---|---------------------------|
| <b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2020</b>              | 6.412.811.860.000        | 3.208.666.226                       | 27.272.873.771                                | 1.130.372.829.157                 | 11.231.596.467.620                            | 18.805.262.696.774                              | 1.270.984.359.590                           | 20.076.247.056.364        |
| Lợi nhuận thuần trong năm                             | -                        | -                                   | -   | -                                 | 4.723.496.860.190                             | 4.723.496.860.190                               | 213.349.110.064                             | 4.936.845.970.254         |
| Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 24)      | -                        | -                                   | -   | -                                 | (149.318.980.876)                             | (149.318.980.876)                               | (20.793.545.057)                            | (170.112.525.933)         |
| Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 24) | -                        | -                                   | -   | -                                 | 51.522.281.739                                | 51.522.281.739                                  | 5.962.913.479                               | 57.485.195.218            |
| Điều chỉnh quỹ đầu tư phát triển                      | -                        | -                                   | -   | (7.538.772.810)                   | 7.538.772.810                                 | -   | -   | -                         |
| Cổ tức (Thuyết minh 29)                               | -                        | -                                   | -   | -                                 | (3.527.046.523.000)                           | (3.527.046.523.000)                             | (193.710.724.921)                           | (3.720.757.247.921)       |
| Chênh lệch tỷ giá quy đổi tiền tệ                     | -                        | -                                   | (407.539.897)                                 | -                                 | -   | (407.539.897)                                   | -   | (407.539.897)             |
| Trích quỹ công tác xã hội                             | -                        | -                                   | -   | -                                 | (5.160.121.829)                               | (5.160.121.829)                                 | (879.933.576)                               | (6.040.055.405)           |
| Điều chỉnh quỹ công tác xã hội                        | -                        | -                                   | -   | -                                 | 40.235.334.870                                | 40.235.334.870                                  | (187.026.621)                               | 40.048.308.249            |
| Điều chỉnh khác                                       | -                        | -                                   | -   | 12.114.283                        | 1.634.714.209                                 | 1.646.828.492                                   | 320.401.507                                 | 1.967.229.999             |
| <b>Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2020</b>            | <b>6.412.811.860.000</b> | <b>3.208.666.226</b>                | <b>26.865.333.874</b>                         | <b>1.122.846.170.630</b>          | <b>12.374.498.805.733</b>                     | <b>19.940.230.836.463</b>                       | <b>1.275.045.554.465</b>                    | <b>21.215.276.390.928</b> |

**Mẫu B 09 - DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

## Mẫu B 09 - DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

## Mẫu B 09 - DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

|  | Vốn cổ phần<br>(VND)     | Vốn khác của<br>chủ sở hữu<br>(VND) | Chênh lệch tỷ giá<br>quy đổi tiền tệ<br>(VND) | Quỹ đầu tư<br>phát triển<br>(VND) | Lợi nhuận sau thuế<br>chưa phân phối<br>(VND) | Lợi ích của chủ sở hữu<br>Tổng Công ty<br>(VND) | Lợi ích cổ đông không<br>kiểm soát<br>(VND) | Tổng<br>(VND)             |
|--|--------------------------|-------------------------------------|---|-----------------------------------|---|---|---|---------------------------|
| <b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2021</b>                 | <b>6.412.811.860.000</b> | <b>3.208.666.226</b>                | <b>26.865.333.874</b>                         | <b>1.122.846.170.630</b>          | <b>12.374.498.805.733</b>                     | <b>19.940.230.836.463</b>                       | <b>1.275.045.554.465</b>                    | <b>21.215.276.390.928</b> |
| Lợi nhuận thuần trong năm                                | -                        | -                                   | -   | -                                 | 3.677.252.341.304                             | 3.677.252.341.304                               | 252.053.205.934                             | 3.929.305.547.238         |
| Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi<br>(Thuyết minh 24)      | -                        | -                                   | -   | -                                 | (148.992.864.643)                             | (148.992.864.643)                               | (21.378.309.369)                            | (170.371.174.012)         |
| Điều chỉnh quỹ khen thưởng,<br>phúc lợi (Thuyết minh 24) | -                        | -                                   | -   | -                                 | 8.087.366.226                                 | 8.087.366.226                                   | 608.945.782                                 | 8.696.312.008             |
| Cổ tức (Thuyết minh 29)                                  | -                        | -                                   | -   | -                                 | (2.244.484.151.000)                           | (2.244.484.151.000)                             | (138.226.824.350)                           | (2.382.710.975.350)       |
| Chênh lệch tỷ giá quy đổi tiền tệ                        | -                        | -                                   | 473.958.987                                   | -                                 | -   | 473.958.987                                     | -   | 473.958.987               |
| Trích quỹ công tác xã hội                                | -                        | -                                   | -   | -                                 | (5.058.422.702)                               | (5.058.422.702)                                 | (937.933.937)                               | (5.996.356.639)           |
| Điều chỉnh quỹ công tác xã hội                           | -                        | -                                   | -   | -                                 | 111.684.257                                   | 111.684.257                                     | 315.745                                     | 112.000.002               |
| Điều chỉnh khác  | -                        | -                                   | -   | (604.797.503)                     | (5.543.616.912)                               | (6.148.414.415)                                 | 6.148.414.414                               | (1)                       |
| <b>Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2021</b>               | <b>6.412.811.860.000</b> | <b>3.208.666.226</b>                | <b>27.339.292.861</b>                         | <b>1.122.241.373.127</b>          | <b>13.655.871.142.263</b>                     | <b>21.221.472.334.477</b>                       | <b>1.373.313.368.684</b>                    | <b>22.594.785.703.161</b> |

**Mẫu B 09 - DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**27. VỐN CỔ PHẦN**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tổng Công ty là:

|   | 31/12/2021 and 1/1/2021 |                   |
|---|-------------------------|-------------------|
|   | Số cổ phiếu             | VND               |
| <b>Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành</b> |                         |                   |
| Cổ phiếu phổ thông                            | 641.281.186             | 6.412.811.860.000 |
| <b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b>              |                         |                   |
| Cổ phiếu phổ thông                            | 641.281.186             | 6.412.811.860.000 |

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tập đoàn. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tập đoàn, các quyền lợi của các cổ phiếu đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Không có biến động vốn cổ phần trong giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2020.

**28. QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN**

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

**29. CỔ TỨC**

Nghị quyết của Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty ngày 26 tháng 1 năm 2021 và ngày 20 tháng 12 năm 2021 đã quyết định phân phối khoản cổ tức cho các cổ đông lần lượt là 961.922 triệu VND (tương đương 1.500 VND/cổ phiếu) và 1.282.562 triệu VND (tương đương 2.000 VND/cổ phiếu) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2020 (2020: 3.527.047 triệu VND, tương đương 5.500 VND/cổ phiếu).

**Mẫu B 09 - DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**30. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****(a) Cam kết thuê**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

|                    | 31/12/2021 (VND)         | 1/1/2021 (VND)           |
|--------------------|--------------------------|--------------------------|
| Trong vòng một năm | 255.812.162.338          | 246.064.601.593          |
| Từ hai đến năm năm | 479.765.985.921          | 674.713.367.337          |
| Sau năm năm        | 463.262.312.599          | 556.310.437.539          |
|                    | <b>1.198.840.460.858</b> | <b>1.477.088.406.469</b> |

**(b) Tài sản, nguyên vật liệu và hàng hóa nhận giữ hộ bên thứ ba**

|                | Unit      | 31/12/2021 | 1/1/2021  |
|----------------|-----------|------------|-----------|
| Bia            | thùng/két | 2.591.718  | 3.668.219 |
| Nước giải khát | thùng/két | 176.538    | 72.637    |
| Két nhựa       | cái       | 14.950     | 142.727   |

**(c) Ngoại tệ các loại**

|     | 31/12/2021 |                       | 1/1/2021  |                      |
|-----|------------|-----------------------|-----------|----------------------|
|     | Nguyên tệ  | Tương đương VND       | Nguyên tệ | Tương đương VND      |
| USD | 541.227    | 12.270.976.966        | 348.970   | 8.025.226.712        |
| AUD | 17.871     | 285.465.703           | -         | -                    |
| EUR | 3.165      | 80.316.825            | 5.921     | 165.702.273          |
|     |            | <b>12.636.759.494</b> |           | <b>8.190.928.985</b> |

**(d) Cam kết chi tiêu vốn**

Tại ngày báo cáo, Tập đoàn có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán hợp nhất:

|                                     | 31/12/2021 (VND) | 1/1/2021 (VND)  |
|-------------------------------------|------------------|-----------------|
| Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng | 86.977.828.511   | 416.256.572.434 |

**Mẫu B 09 - DN/HN**(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)**31. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng đã bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt.

Doanh thu thuần bao gồm:

|  | 2021 (VND)                | 2020 (VND)                |
|--|---------------------------|---------------------------|
| <b>Tổng doanh thu</b>                      |                           |                           |
| Doanh thu bán bia                          | 23.238.177.342.527        | 24.825.638.007.449        |
| Doanh thu bán nguyên vật liệu              | 3.045.469.574.053         | 2.960.705.983.070         |
| Doanh thu bán nước giải khát               | 137.129.233.756           | 171.263.021.494           |
| Doanh thu bán cồn và rượu                  | 47.411.234.586            | 71.736.427.084            |
| Doanh thu khác                             | 109.820.008.591           | 106.279.185.202           |
|  | 26.578.007.393.513        | 28.135.622.624.299        |
| <b>Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu</b> |                           |                           |
| Chiết khấu thương mại                      | 190.197.799.804           | 171.883.259.341           |
| Hàng bán bị trả lại                        | 14.063.299.851            | 2.415.527.947             |
|  | 204.261.099.655           | 174.298.787.288           |
| <b>Doanh thu thuần</b>                     | <b>26.373.746.293.858</b> | <b>27.961.323.837.011</b> |

**32. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

|  | 2021 (VND)                | 2020 (VND)                |
|--|---------------------------|---------------------------|
| <b>Tổng giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp</b> |                           |                           |
| Giá vốn bia đã bán                               | 15.558.536.969.969        | 16.418.911.045.685        |
| Giá vốn nguyên vật liệu đã bán                   | 3.028.411.625.842         | 2.845.343.798.543         |
| Giá vốn nước giải khát đã bán                    | 111.802.339.869           | 120.956.970.990           |
| Giá vốn cồn và rượu đã bán                       | 43.750.632.477            | 59.231.832.046            |
| Giá vốn khác                                     | 22.679.914.208            | 15.785.405.298            |
|  | <b>18.765.181.482.365</b> | <b>19.460.229.052.562</b> |

**Mẫu B 09 - DN/HN**(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)**33. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

|  | 2021 (VND)               | 2020 (VND)             |
|--|--------------------------|------------------------|
| Thu nhập từ lãi tiền gửi ngân hàng                     | 848.327.266.035          | 929.227.793.354        |
| Lãi từ thanh lý các đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác | 219.311.557.533          | -                      |
| Lãi chênh lệch tỷ giá                                  | 49.947.987.367           | 42.079.317.739         |
| Thu nhập từ cổ tức                                     | 1.383.714.900            | 3.092.406.500          |
| Doanh thu hoạt động tài chính khác                     | 626.596.022              | 2.117.277              |
|  | <b>1.119.597.121.857</b> | <b>974.401.634.870</b> |

**34. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

|  | 2021 (VND)            | 2020 (VND)             |
|--|-----------------------|------------------------|
| Chi phí lãi vay  | 48.739.800.374        | 63.681.326.473         |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá   | 7.376.309.203         | 32.531.682.398         |
| (Hoàn nhập)/trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn | (34.805.203.650)      | 9.023.155.026          |
| Chi phí tài chính khác   | 1.473.261.680         | 213.213.669            |
|  | <b>22.784.167.607</b> | <b>105.449.377.566</b> |

**35. CHI PHÍ BÁN HÀNG**

|                                 | 2021 (VND)               | 2020 (VND)               |
|---------------------------------|--------------------------|--------------------------|
| Chi phí quảng cáo và khuyến mãi | 2.191.864.691.196        | 1.563.612.031.993        |
| Chi phí nhân viên               | 793.247.695.388          | 727.197.975.815          |
| Chi phí thuê                    | 135.188.763.304          | 138.836.925.600          |
| Chi phí bao bì luân chuyển      | 78.767.238.494           | 97.507.110.762           |
| Chi phí vận chuyển              | 32.324.955.041           | 41.332.560.798           |
| Chi phí khấu hao và phân bổ     | 25.105.571.201           | 23.129.282.780           |
| Chi phí bán hàng khác           | 243.869.714.745          | 267.420.893.335          |
|                                 | <b>3.500.368.629.369</b> | <b>2.859.036.781.083</b> |

## Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

## 36. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

|                             | 2021 (VND)             | 2020 (VND)             |
|-----------------------------|------------------------|------------------------|
| Chi phí nhân viên           | 375.830.783.614        | 415.940.713.863        |
| Chi phí thuê                | 58.024.994.916         | 75.269.818.546         |
| Chi phí khấu hao và phân bổ | 26.666.626.632         | 29.952.163.870         |
| Chi phí quản lý khác        | 137.193.850.250        | 180.842.648.236        |
|                             | <b>597.716.255.412</b> | <b>702.005.344.515</b> |

## 37. CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

|  | 2021 (VND)        | 2020 (VND)        |
|--|-------------------|-------------------|
| Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất | 5.271.608.295.836 | 5.367.647.284.900 |
| Chi phí nhân công và nhân viên                 | 1.587.526.811.957 | 1.507.607.536.510 |
| Chi phí khấu hao và phân bổ                    | 557.477.760.126   | 593.451.595.931   |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài                      | 3.376.124.303.125 | 2.876.725.251.113 |
| Chi phí khác                                   | 403.345.950.249   | 542.196.698.775   |

## Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

## 38. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

## (a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

|   | 2021 (VND)             | 2020 (VND)               |
|---|------------------------|--------------------------|
| <b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b> |                        |                          |
| Năm hiện hành                                       | 954.011.763.892        | 1.123.217.746.589        |
| Dự phòng thiếu trong những năm trước                | 952.484.704            | 1.725.075.881            |
|   | 954.964.248.596        | 1.124.942.822.470        |
| <b>(Lợi ích)/chi phí thuế thu nhập hoãn lại</b>     |                        |                          |
| Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời      | (27.375.546.091)       | 50.029.533.241           |
| <b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp</b>           | <b>927.588.702.505</b> | <b>1.174.972.355.711</b> |

## (b) Đối chiếu thuế suất thực tế

|  | 2021 (VND)             | 2020 (VND)               |
|--|------------------------|--------------------------|
| Lợi nhuận kế toán trước thuế   | 4.856.894.249.743      | 6.111.818.325.965        |
| Thuế tính theo thuế suất của Tổng Công ty                            | 971.378.849.949        | 1.222.363.665.193        |
| Ảnh hưởng của các mức thuế suất khác áp dụng đối với các công ty con | (17.181.519.843)       | (13.238.380.543)         |
| Ưu đãi thuế  | (18.021.034.836)       | (15.746.768.043)         |
| Thu nhập không bị tính thuế  | (34.864.739.694)       | (54.099.665.298)         |
| Chi phí không được khấu trừ thuế                                     | 23.429.988.289         | 13.224.601.912           |
| Thay đổi trong tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận    | 139.884.457            | 20.984.159.491           |
| Lỗi tính thuế được sử dụng   | (994.142)              | (296.462.626)            |
| Dự phòng thiếu trong những năm trước                                 | 952.484.704            | 1.725.075.881            |
| Các khoản khác   | 1.755.783.621          | 56.129.744               |
|  | <b>927.588.702.505</b> | <b>1.174.972.355.711</b> |

## (c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Luật Thuế Thu nhập Doanh nghiệp, Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo thuế suất là 20% trên lợi nhuận tính thuế. Các công ty con có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo thuế suất từ 10% đến 20% trên lợi nhuận tính thuế.

**Mẫu B 09 - DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**39. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2020 dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm báo cáo và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

**(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông**

|   | 2021 (VND)               | 2020 (VND)<br>(Điêu chỉnh lại) |
|---|--------------------------|--------------------------------|
| Lợi nhuận thuần trong năm                         | 3.677.252.341.304        | 4.723.496.860.190              |
| Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi                   | (148.992.864.643)        | (141.231.614.650)              |
| <b>Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông</b> | <b>3.528.259.476.661</b> | <b>4.582.265.245.540</b>       |

Số trích vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 được ước tính dựa vào số kế hoạch được phê duyệt bởi các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Số trích vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được điều chỉnh lại theo số thực trích theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Theo đó, lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được điều chỉnh lại thành 7.145 VND/cổ phiếu do điều chỉnh số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (theo báo cáo trước đây: 7.133 VND/cổ phiếu).

**(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền**

Không có biến động về số lượng cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2020. Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho hai năm báo cáo là 641.281.186 cổ phiếu.

**Mẫu B 09 - DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**40. CÁC GIAO DỊCH CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Ngoài số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất này, trong năm, Tập đoàn có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

|  | Giá trị giao dịch |                   |
|--|-------------------|-------------------|
|  | 2021 (VND)        | 2020 (VND)        |
| <b>Công ty mẹ cấp cao nhất</b>                             |                   |                   |
| <b>Thai Beverage Public Company Limited</b>                |                   |                   |
| Chi hộ Tập đoàn  | 6.155.192.544     | 7.606.756.051     |
| <b>Công ty mẹ cấp trung gian</b>                           |                   |                   |
| <b>BeerCo Limited</b>                                      |                   |                   |
| Chi hộ Tập đoàn  | 10.185.243.890    | -                 |
| <b>Công ty mẹ</b>  |                   |                   |
| <b>Công ty TNHH Vietnam Beverage</b>                       |                   |                   |
| Cổ tức   | 1.202.749.054.500 | 1.890.034.228.500 |
| <b>Công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát</b> |                   |                   |
| <b>Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Khánh Hòa</b>             |                   |                   |
| Bán nguyên vật liệu  | 221.117.524.072   | 196.805.131.646   |
| Cung cấp dịch vụ   | -                 | 100.000.000       |
| Bán thành phẩm   | 102.931.600       | -                 |
| Mua hàng hóa   | 652.161.376.737   | 597.503.580.844   |
| Giao dịch khác   | -                 | 993.519.451       |
| Cổ tức đã nhận   | -                 | 2.600.000.000     |
| <b>Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang</b>            |                   |                   |
| Bán nguyên vật liệu  | 254.845.958.852   | 258.289.840.556   |
| Cung cấp dịch vụ   | 219.121.318       | 1.535.147.177     |
| Bán dụng cụ và vật tư                                      | 7.600.000         | -                 |
| Mua hàng hóa   | 775.724.723.429   | 872.774.105.609   |
| Giao dịch khác   | 28.156.800        | 1.583.294.711     |
| Cổ tức đã nhận   | -                 | 2.300.000.000     |

## Mẫu B 09 - DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

## Giá trị giao dịch

|   | Giá trị giao dịch |                   |
|---|-------------------|-------------------|
|   | 2021 (VND)        | 2020 (VND)        |
| <b>Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ</b>    |                   |                   |
| Bán nguyên vật liệu                             | 212.467.158.527   | 192.019.007.038   |
| Cung cấp dịch vụ                                | -                 | 120.000.000       |
| Mua hàng hóa                                    | 645.412.261.719   | 557.922.051.140   |
| Giao dịch khác                                  | -                 | 516.984.000       |
| Cổ tức đã nhận                                  | 6.347.700.000     | 6.347.700.000     |
| <b>Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung</b> |                   |                   |
| Bán nguyên vật liệu                             | 379.890.505.349   | 377.561.114.090   |
| Cung cấp dịch vụ                                | 563.788.528       | 4.193.958.670     |
| Bán dụng cụ và vật tư                           | 88.482.000        | -                 |
| Bán hàng hóa khác                               | 318.100.000       | -                 |
| Mua hàng hóa                                    | 1.278.755.571.382 | 1.334.315.992.270 |
| Mua nguyên vật liệu                             | 1.965.336.008     | -                 |
| Chi phí thuê kho                                | 873.059.168       | 905.274.906       |
| Giao dịch khác                                  | 483.091.565       | 1.270.671.636     |
| Cổ tức đã nhận                                  | 24.375.807.500    | 33.660.770.500    |
| <b>Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long</b>  |                   |                   |
| Bán nguyên vật liệu                             | 261.415.069.467   | 267.513.653.769   |
| Cung cấp dịch vụ                                | 5.093.716.092     | 4.210.699.000     |
| Bán thành phẩm                                  | 3.027.400         | 38.442.800        |
| Bán dụng cụ và vật tư                           | 3.260.746         | -                 |
| Mua hàng hóa                                    | 802.519.930.925   | 884.009.075.535   |
| Mua nguyên vật liệu                             | 1.844.906.000     | -                 |
| Cổ tức đã nhận                                  | 5.100.000.000     | 1.500.000.000     |
| Giao dịch khác                                  | 446.600.000       | -                 |

## Mẫu B 09 - DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

## Giá trị giao dịch

|  | Giá trị giao dịch |                   |
|--|-------------------|-------------------|
|  | 2021 (VND)        | 2020 (VND)        |
| <b>Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây</b>         |                   |                   |
| Bán nguyên vật liệu  | 420.320.668.438   | 508.210.659.792   |
| Cung cấp dịch vụ   | 4.216.020.541     | 4.732.609.337     |
| Mua hàng hóa   | 1.266.494.775.070 | 1.555.408.213.021 |
| Giao dịch khác   | -                 | 69.288.720        |
| Cổ tức đã trả  | 3.100.027.500     | 5.216.685.900     |
| <b>Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu</b>                |                   |                   |
| Bán nguyên vật liệu  | 48.874.437.035    | 71.138.672.280    |
| Cung cấp dịch vụ   | 1.839.010.602     | 2.286.970.184     |
| Mua hàng hóa   | 318.756.899.800   | 385.105.659.990   |
| Mua nguyên vật liệu  | 146.021.200       | -                 |
| Giao dịch khác   | -                 | 1.495.701.920     |
| Cổ tức đã nhận   | -                 | 2.402.400.000     |
| <b>Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô</b> |                   |                   |
| Bán nguyên vật liệu  | 185.133.506.431   | 191.131.544.834   |
| Bán thành phẩm   | 109.710.150       | 88.010.730        |
| Bán dụng cụ và vật tư  | 15.675.000        | -                 |
| Cung cấp dịch vụ   | 511.856.064       | 960.158.600       |
| Mua hàng hóa   | 555.853.075.362   | 649.926.506.740   |
| Mua nguyên vật liệu  | 212.961.000       | -                 |
| Giao dịch khác   | -                 | 1.915.323.823     |
| Cổ tức đã nhận   | 6.983.307.000     | 11.756.614.000    |
| <b>Công ty TNHH Thủy tinh Malaya Việt Nam</b>                |                   |                   |
| Bán hàng hóa khác  | -                 | 6.261.779.366     |
| Cung cấp dịch vụ   | 238.000.000       | -                 |

## Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

|  | Giá trị giao dịch |                   |
|--|-------------------|-------------------|
|  | 2021 (VND)        | 2020 (VND)        |
| Bán phế liệu   | 1.851.153.399     | -                 |
| Mua vật liệu bao bì                                    | 53.216.890.506    | 43.155.318.816    |
| <b>Công ty TNHH Trung Tâm Mê Linh</b>                  |                   |                   |
| Cổ tức đã nhận   | 32.650.829.635    | 29.987.776.415    |
| Bán thành phẩm   | 23.583.500        | -                 |
| Mua dịch vụ  | 7.935.167.159     | 2.942.120.109     |
| <b>Công ty TNHH Bao bì San Miguel Yamamura Phú Thọ</b> |                   |                   |
| Bán thành phẩm   | -                 | 1.778.112.000     |
| Bán nguyên vật liệu                                    | 1.253.280.000     | -                 |
| Mua vật liệu bao bì                                    | 69.044.749.000    | 99.383.947.300    |
| Giao dịch khác   | -                 | 236.645.638       |
| <b>Công ty Liên doanh TNHH Crown Sài Gòn</b>           |                   |                   |
| Bán nguyên vật liệu và hàng hóa khác                   | -                 | 1.860.158.464     |
| Cung cấp dịch vụ                                       | 1.531.920.100     | -                 |
| Mua hàng hóa   | -                 | 3.616.558.447     |
| Mua vật liệu bao bì                                    | 1.814.231.591.609 | 1.541.129.091.401 |
| Cổ tức đã nhận   | 136.091.200.930   | -                 |
| <b>Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bến Tre</b>           |                   |                   |
| Bán nguyên vật liệu                                    | 326.526.514.717   | 289.630.370.143   |
| Bán dụng cụ và vật tư                                  | 228.408.600       | -                 |
| Cung cấp dịch vụ                                       | 251.625.528       | 1.572.178.328     |
| Bán thành phẩm   | 63.620.000        | -                 |
| Mua hàng hóa   | 944.920.801.547   | 954.540.383.059   |
| Mua nguyên vật liệu                                    | 49.801.500        | -                 |
| Cổ tức đã nhận   | 1.000.000.000     | 4.000.000.000     |

## Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

|  | Giá trị giao dịch |                 |
|--|-------------------|-----------------|
|  | 2021 (VND)        | 2020 (VND)      |
| <b>Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp</b>     |                   |                 |
| Bán thành phẩm   | 75.663.900        | -               |
| <b>Các bên liên quan khác</b>                            |                   |                 |
| <b>Công ty TNHH Lon Nước Giải Khát TBC-Ball Việt Nam</b> |                   |                 |
| Mua vật liệu bao bì                                      | 900.534.430.105   | 792.456.083.542 |
| Giao dịch khác   | 169.800.000       | -               |
| <b>S.A.S. CTAMAD Co., Ltd</b>                            |                   |                 |
| Giao dịch khác   | 9.090.908         | -               |
| <b>Công ty TNHH MM Mega Market (Việt Nam)</b>            |                   |                 |
| Mua hàng hóa   | 5.307.015.205     | -               |
| <b>Super Brands Company Pte. Ltd.</b>                    |                   |                 |
| Chi hệ Tập đoàn  | 4.820.212.005     | 5.386.560.273   |
| <b>Fraser and Neave, Limited</b>                         |                   |                 |
| Chi hệ Tập đoàn  | 1.718.509.256     | 4.797.551.923   |
| <b>Fraser &amp; Neave (Singapore) Pte. Limited</b>       |                   |                 |
| Chi hệ Tập đoàn  | -                 | 2.000.000       |
| <b>InterBev (Singapore) Limited</b>                      |                   |                 |
| Bán thành phẩm   | -                 | 214.472.290     |
| Bán hàng hóa   | 274.522.020       | 708.326.810     |
| <b>Chang International Co., Ltd</b>                      |                   |                 |
| Chi hệ Tập đoàn  | 4.764.149.269     | 5.655.431.923   |
| <b>Chang Beer Co., Ltd.</b>                              |                   |                 |
| Chi hệ Tập đoàn  | 743.116.593       | -               |

**Mẫu B 09 - DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**Giá trị giao dịch**

|                                       | 2021 (VND)     | 2020 (VND)     |
|---------------------------------------|----------------|----------------|
| <b>Thành viên Hội đồng Quản trị</b>   |                |                |
| <b>Lương, thưởng và thù lao</b>       |                |                |
| Ông Koh Poh Tiong – Chủ tịch          | -              | -              |
| Ông Pramoad Phornprapha – Thành viên  | 676.000.000    | 215.150.000    |
| Ông Nguyễn Tiến Vy – Thành viên       | 988.000.000    | 735.150.000    |
| Ông Michael Chye Hin Fah – Thành viên | 676.000.000    | 215.150.000    |
| Bà Trần Kim Nga – Thành viên          | 676.000.000    | 215.150.000    |
| Ông Lê Thanh Tuấn – Thành viên        | 468.000.000    | -              |
| Bà Ngô Minh Châu – Thành viên         | 468.000.000    | -              |
| Ông Nguyễn Tiến Dũng – Thành viên     | 869.400.000    | 1.581.200.000  |
| Ông Lương Thanh Hải – Thành viên      | 943.000.000    | 1.553.150.000  |
| <b>Ban Tổng Giám đốc</b>              |                |                |
| Lương và thưởng                       | 25.242.132.835 | 26.166.749.443 |
| <b>Ủy ban Kiểm toán</b>               |                |                |
| Thù lao                               | 1.014.000.000  | 1.690.000.000  |

**Mẫu B 09 - DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**41. CÁC GIAO DỊCH PHI TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ**

|  | 2021 (VND)      | 2020 (VND)     |
|--|-----------------|----------------|
| Mua tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang nhưng chưa thanh toán | 336.958.302.839 | 87.431.451.342 |

**42. SỰ KIẾN SAU NGÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****Cổ tức công bố sau khi kết thúc kỳ kế toán năm**

Sau khi kết thúc kỳ kế toán năm, Tổng Công ty đã công bố khoản cổ tức cho các cổ đông là 961.922 triệu VND (tương đương 1.500 VND/cổ phiếu) theo Nghị quyết ngày 14 tháng 2 năm 2022. Số cổ tức phải trả chưa được ghi nhận trong báo cáo tài chính hợp nhất này.

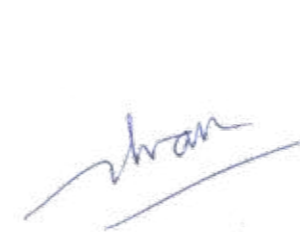
**43. THÔNG TIN SO SÁNH**

Ngoại trừ lỗi cơ bản trên cổ phiếu đã được điều chỉnh lại như được trình bày ở Thuyết minh 39, các thông tin so sánh khác tại ngày 1 tháng 1 năm 2021 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày và cho năm kết thúc 31 tháng 12 năm 2020.

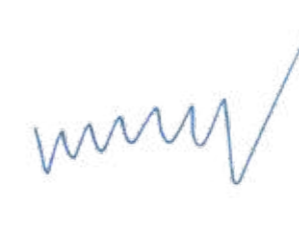
Ngày 25 tháng 3 năm 2022

Người lập:

Người duyệt:



**Hoàng Thanh Vân**  
Kế toán



**Trần Nguyên Trung**  
Kế toán trưởng



**Koo Liang Kwee**  
Phó Tổng Giám đốc



**Neo Gim Siong Bennett**  
Tổng Giám đốc





**SABECO**

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN  
BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN**

---

**Trụ sở đăng ký**

187 Nguyễn Chí Thanh, Phường 12, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

---

**Trụ sở chính**

Tầng 5, Tòa nhà Vincom Center, 72 Lê Thánh Tôn,  
Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

(+84) 28 3829 4083 - (+84) 28 3829 6856

[www.sabeco.com.vn](http://www.sabeco.com.vn)